

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **S827**/BKHT-ĐTNN

Hà Nội, ngày **24** tháng **7** năm 2023

V/v xin ý kiến thẩm định về đề nghị
xây dựng Nghị quyết áp dụng thí điểm
chính sách hỗ trợ đầu tư

Kính gửi: Bộ Tư pháp



Căn cứ Thông báo số 58/TB-VPCP ngày 21 tháng 4 năm 2023 và số 122/TB-VPCP ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Thường trực Chính phủ tại cuộc họp về việc áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu và cơ chế, chính sách hỗ trợ nhà đầu tư ngoài thuế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã lập đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội áp dụng thí điểm chính sách hỗ trợ đầu tư theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trong đó đã chuẩn bị các Hồ sơ tài liệu: (i) dự thảo Tờ trình Chính phủ; (ii) dự thảo Nghị quyết; (iii) Báo cáo đánh giá tác động; (iv) công văn gửi xin ý kiến các Bộ, ngành và cơ quan liên quan.

Để kịp trình Chính phủ tại Phiên họp chuyên đề pháp luật ngày 26 tháng 7 năm 2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Bộ Tư pháp sớm có ý kiến thẩm định về Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội áp dụng thí điểm chính sách hỗ trợ đầu tư (gửi kèm).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của Quý Bộ ./.*v*

Nơi nhận: *h*

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó TTgCP Lê Minh Khái (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Lưu: VT, ĐTNN_{ĐA}*+*



Nguyễn Thị Bích Ngọc

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /TTr-BKHĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH

Về đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về việc áp dụng thí điểm chính sách hỗ trợ đầu tư

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Thông báo số 122/TB-VPCP ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Thường trực Chính phủ tại cuộc họp về việc áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu và cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư ngoài thuế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin trình Chính phủ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về việc áp dụng thí điểm chính sách hỗ trợ đầu tư theo trình tự, thủ tục rút gọn như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN ÁP DỤNG THÍ ĐIỂM CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

1. Quá trình hình thành thuế suất tối thiểu toàn cầu

Từ cuối năm 2019, thế giới đã và đang chứng kiến những thay đổi nhanh chóng, phức tạp, khó lường và khó dự báo. Đại dịch Covid-19, khủng hoảng năng lượng, đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, căng thẳng địa chính trị, xung đột quân sự, thiên tai, biến đổi khí hậu, lạm phát diện rộng ở nhiều nền kinh tế lớn,... đang làm thay đổi cục diện thương mại và kinh tế thế giới. Các tác nhân này đã khiến triển vọng phát triển kinh tế và thu ngân sách của hầu hết các nước giảm mạnh.

Trong khi đó, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin và các mô hình kinh tế mới (kinh tế chia sẻ, kinh tế số...) đã và đang thay đổi kết cấu và bản chất của nền kinh tế toàn cầu. Các công ty đa quốc gia, thông qua các công cụ như các tài sản vô hình (bản quyền, bằng sáng chế, thương hiệu,...) hay các hoạt động kinh doanh qua nền tảng số xuyên quốc gia (mà không có sự hiện diện vật lý ở quốc gia đó) đã tận dụng cơ hội để tránh nghĩa vụ thuế thông qua chuyển lợi nhuận từ quốc gia có thuế suất cao sang quốc gia có thuế suất thấp, thực hiện các hoạt động chuyển giá... Các hoạt động trên đã gây xói mòn nghiêm trọng nguồn thu ngân sách của các quốc gia¹, dẫn đến việc nhiều nước trên thế giới đơn phương áp dụng các loại thuế khác nhau, phát sinh bất đồng giữa các nước.

Việc hình thành các mức thuế suất khác biệt để tận dụng lợi thế toàn cầu hóa được nhiều nước thực hiện theo nhiều cách: (i) một số nước hạ thuế thu nhập doanh nghiệp xuống mức rất thấp (*Barbados 5,5%, Uzbekistan 7,5%, Hungary*

¹ Liên Hợp Quốc ước tính thất thu thuế toàn cầu lên tới 500 - 600 tỷ USD/năm.

9%, Macedonia 10%, Ireland 12,5%...); (ii) các thiên đường thuế đưa ra mức thuế suất 0% (Cayman Islands, Bermuda, Bahamas...); (iii) Nhiều quốc gia, khu vực cũng chịu áp lực từ việc doanh nghiệp đe dọa rút vốn, chuyển trụ sở đăng ký kinh doanh dẫn đến buộc phải giảm thuế (Hoa Kỳ giảm từ 35% năm 2017 xuống còn 21% năm 2021, khu vực sử dụng đồng Euro - Eurozone giảm từ 36,8% năm 1995 xuống còn 22,7% năm 2020),... khiến thuế suất trung bình của doanh nghiệp trên toàn cầu giảm từ 27% năm 2001 xuống còn 20,2% và năm 2021.

Hạ thuế suất đã trở thành công cụ của các quốc gia trong cuộc cạnh tranh thu hút và giữ chân doanh nghiệp. Nhiều quốc gia tham gia vào “cuộc đua xuống đáy” nhằm giảm thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) về mức thấp nhất để thu hút đầu tư nước ngoài. Đối tượng hưởng lợi là các Tập đoàn đa quốc gia, mặc dù có lợi nhuận cao, nhưng phải nộp thuế TNDN rất thấp, thậm chí không bị đánh thuế; bên cạnh đó, vấn đề chuyển lợi nhuận (chuyển giá) của các công ty đa quốc gia cũng ngày càng trở nên phức tạp, với các công cụ và biện pháp tinh vi.

Theo đó, OECD đã xác định ra 02 nhóm vấn đề quan trọng cần được giải quyết:

Thứ nhất, các quy tắc quản lý thuế hiện hữu chỉ cho phép lợi nhuận của một công ty nước ngoài bị đánh thuế ở nơi mà công ty đó có sự hiện diện vật lý. Tuy nhiên, trong thế giới số hiện nay, các doanh nghiệp có thể thực hiện hoạt động kinh doanh quy mô lớn ở các quốc gia mà không có hoặc có rất ít sự hiện diện vật lý tại những quốc gia này.

Thứ hai, hầu hết các quốc gia chỉ đánh thuế đối với thu nhập trong nước của các tập đoàn đa quốc gia của họ, theo đó không đánh thuế đối với các khoản thu nhập ở nước ngoài. Tuy nhiên, hiện nay, các tài sản vô hình, như là thương hiệu, bản quyền và bằng sáng chế cũng như việc các công ty có thể chuyển lợi nhuận sang các quốc gia đánh thuế thấp hoặc không đánh thuế, dẫn đến lợi nhuận nước ngoài của các tập đoàn đa quốc gia đều không bị đánh thuế hoặc đánh thuế thấp.

Ngày 08 tháng 10 năm 2021, OECD đưa ra tuyên bố Khung giải pháp Hai trụ cột, trong đó Trụ cột thứ hai đặt ra mức thuế tối thiểu toàn cầu 15% đối với các công ty đa quốc gia nhằm ngăn các công ty này chuyển lợi nhuận sang quốc gia có thuế suất thấp để tránh thuế. Đến nay, Khung giải pháp Hai trụ cột đã nhận được sự đồng thuận của 142/142 nước thành viên.

2. Tác động của thuế tối thiểu toàn cầu với môi trường đầu tư Việt Nam

2.1. Giảm tính cạnh tranh trong thu hút đầu tư nước ngoài

Với vị trí là quốc gia nhận vốn và là nước đang phát triển, nếu không sớm có các giải pháp ứng phó, Việt Nam đứng trước nguy cơ giảm khả năng cạnh tranh trong thu hút đầu tư nước ngoài do các nước phát triển sẽ tiến hành thu thuế tối thiểu đối với công ty mẹ. Trong khi đó, Việt Nam vẫn thiếu hụt những lợi thế về chất lượng môi trường đầu tư, hạ tầng công nghệ, số lượng và chất lượng nguồn lao động, ngành công nghiệp hỗ trợ,..., qua đó hạn chế lợi thế thu hút ĐTNN so với các nước trong khu vực.

Như đã nêu trên, hiện nay, hầu hết các đối tác đầu tư lớn của Việt Nam (Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore,...) đã có động thái rõ ràng về kế hoạch triển khai quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu. Đồng thời, các quốc gia cạnh tranh thu hút ĐTNN với Việt Nam trong

khu vực đã và đang nghiên cứu, ban hành những hình thức ưu đãi đầu tư mới, vượt trội nhằm đảm bảo lợi thế cạnh tranh, duy trì sức hấp dẫn đối với các nhà ĐTNN.

2.2. Ảnh hưởng đến mục tiêu thu hút vốn đầu tư nước ngoài

Bên cạnh khả năng cải thiện các nguồn thu thuế từ các công ty công nghệ đa quốc gia có doanh thu lớn (các BigTech như: Netflix, Facebook, Google và các nền tảng thương mại điện tử khác), việc tham gia thỏa thuận thuế tối thiểu toàn cầu khi được áp dụng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến dòng vốn FDI toàn cầu, trong đó các nước thu hút FDI thông qua các ưu đãi thuế như Việt Nam sẽ gặp nhiều khó khăn hơn. Mục tiêu thu hút vốn đầu tư nước ngoài đầy tham vọng sẽ gặp thách thức rất lớn (giai đoạn 2021-2025 khoảng 150 - 200 tỉ USD, 30 - 40 tỉ USD/năm; giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 200 - 300 tỉ USD, 40 - 50 tỉ USD/năm)².

Đặc biệt, nền kinh tế toàn cầu đang đứng trước nhiều thách thức nhanh chóng, khó lường. Năm 2023, World Bank dự báo triển vọng tăng trưởng GDP toàn cầu đạt 1,7%, thấp nhất trong gần 3 thập kỷ qua; IMF đưa ra dự báo lạc quan hơn ở mức 2,9%, tuy nhiên, vẫn thấp hơn đáng kể so với mức 3,4% ước tính của năm 2022. Bên cạnh đó, UNCTAD cho biết dòng vốn ĐTNN đã có dấu hiệu bão hòa và chững lại kể từ giữa năm 2022 và có thể giảm hoặc đi ngang trong năm 2023 so với mức phục hồi tích cực của năm 2021.

2.3. Tác động đến kế hoạch mở rộng đầu tư của các dự án hiện hữu

Việc mở rộng đầu tư của các dự án hiện hữu cũng có nguy cơ giảm sút (trong khi Việt Nam đặt mục tiêu vốn thực hiện 20 - 30 tỉ USD/năm cho giai đoạn 2021 - 2025; 30 - 40 tỉ USD/năm cho giai đoạn 2026 - 2030). Nguyên nhân do rất nhiều dự án quy mô lớn đang thuộc ngành công nghệ cao, ngành ưu đãi đầu tư với mức thuế suất thấp hơn 15%. Nếu áp dụng mức thuế tối thiểu toàn cầu là 15%, thì những lợi ích mang lại từ chính sách ưu đãi thuế mà các công ty này được hưởng tại Việt Nam sẽ không còn nữa, từ đó ảnh hưởng đến tính hấp dẫn của thị trường Việt Nam trong thu hút đầu tư nước ngoài.

2.4. Khả năng xung đột với nguyên tắc bất hồi tố với ưu đãi đầu tư

Luật Đầu tư nước ngoài trước đây và Luật Đầu tư hiện hành của Việt Nam luôn nhất quán nguyên tắc bất hồi tố đối với các ưu đãi đầu tư đã được cấp, hoặc đã cam kết với nhà đầu tư khi bắt đầu triển khai dự án tại Việt Nam. Theo đó, “trường hợp văn bản pháp luật mới được ban hành quy định ưu đãi đầu tư thấp hơn ưu đãi đầu tư mà nhà đầu tư được hưởng trước đó thì nhà đầu tư được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư theo quy định trước đó cho thời gian hưởng ưu đãi còn lại của dự án đầu tư”³.

Trong trường hợp Việt Nam điều chỉnh mức thuế suất ưu đãi lên mức tối thiểu 15% mà không có các giải pháp, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư mới thì sẽ xung đột với nguyên tắc bất hồi tố đối với ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư.

² Mục 3 Phần II Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.

³ Khoản 2 Điều 13 Luật Đầu tư năm 2020.

2.5. Niềm tin của các nhà đầu tư giảm sút

Việc giữ nguyên ưu đãi cho các dự án đã cấp trước đó⁴, về nguyên tắc sẽ không ảnh hưởng đến cam kết của Việt Nam với nhà đầu tư; nhưng *nếu không có giải pháp, thì mức ưu đãi này sẽ là vô nghĩa* với họ (vì vẫn phải nộp mức chênh lệch tại quốc gia đặt trụ sở). Qua đó, ảnh hưởng đến mức độ “thiện chí đồng hành” của Việt Nam với cộng đồng nhà đầu tư, dễ bị gắn với hình ảnh “đem con bỏ chợ”.

2.6. Gia tăng áp lực đối với công tác quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài

Công tác quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài, đặc biệt trong công tác thu thuế đối với các công ty đa quốc gia trước mắt sẽ có những khó khăn do: *(i)* yêu cầu phải có hệ thống hành lang pháp lý hoàn chỉnh, nguồn nhân lực và hạ tầng công nghệ phát triển để có thể rà soát, bóc tách từng giao dịch, xác định chính xác, đầy đủ từng loại doanh thu, lợi nhuận của các công ty đa quốc gia; *(ii)* việc kết nối hệ thống cơ sở dữ liệu, thu thập, trao đổi thông tin giữa các cơ quan chức năng trong và ngoài nước phục vụ công tác quản lý thuế các công ty đa quốc gia còn hạn chế; *(iii)* mức độ hoàn thiện các quy trình quản lý chưa được đồng bộ, mức độ liên kết và tích hợp giữa các quy trình nghiệp vụ chưa cao do chưa có mô hình tổng thể tái thiết kế các quy trình nghiệp vụ theo luồng công việc gắn kết với ứng dụng công nghệ thông tin; *(iv)* chất lượng nguồn nhân lực, các phương pháp, kỹ năng thanh tra, kiểm tra chưa theo kịp với sự phát triển nhanh chóng của các công ty đa quốc gia và các mô hình kinh doanh mới⁵.

3. Nhận xét

3.1. Quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu có vai trò quan trọng trong việc cân bằng sự chênh lệch về quy tắc thuế giữa các nước, và là một sáng kiến có khả năng tái thiết lập các hoạt động hợp tác đa phương. Việc các nước thống nhất ban hành Thoả thuận thuế tối thiểu toàn cầu là xu hướng tất yếu nhưng mục tiêu triển khai các quy định mới sẽ còn phụ thuộc vào các nước thành viên (nhóm tích cực và nhóm bị tác động mạnh, như đã nêu ở trên).

Hiện nay, để thúc đẩy tiến trình nội luật hóa Quy tắc, ngày 02 tháng 02/2023, OECD cũng đã công bố chi tiết bản hướng dẫn cuối cùng đối với chính phủ các nước về cách thức đưa thuế tối thiểu toàn cầu vào các văn bản luật⁶, theo đó tiến gần hơn tới việc thực hiện cải cách này vào năm 2024⁷.

3.2. Đến nay, Việt Nam đã thu hút đầu tư nước ngoài từ 142 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Trong đó, các đối tác ĐTNN lớn nhất của Việt Nam chủ yếu đến từ khu vực Đông Á, cụ thể trong nhiều năm qua Hàn Quốc, Nhật Bản

⁴ Trụ cột 2 không quy định các nước phải nâng mức thuế TNDN lên 15% mà chỉ đưa ra cơ chế để thu thuế trong trường hợp các tập đoàn đa quốc gia có công ty con nộp thuế dưới mức 15% tại một quốc gia này sẽ bị đánh thuế bổ sung lên mức 15% ở quốc gia có công ty mẹ để đảm bảo đạt mức thuế suất tối thiểu toàn cầu.

⁵ Ví dụ như trong trường hợp Amazon, có vốn hóa thị trường hơn 1.000 tỷ USD, doanh thu ròng năm 2020 đạt hơn 380 tỷ USD nhưng tỷ suất lợi nhuận chỉ đạt 6,3%. Mặc dù vậy, mảng kinh doanh dịch vụ điện toán đám mây của công ty này với doanh thu 45 tỷ USD trong năm 2020 vẫn đạt tỷ suất lợi nhuận trên 30%.

⁶ Đường dẫn: <https://www.oecd.org/tax/beps/international-tax-reform-oecd-releases-technical-guidance-for-implementation-of-the-global-minimum-tax.htm>

⁷ Đường dẫn: <https://www.oecd.org/tax/beps/agreed-administrative-guidance-for-the-pillar-two-globe-rules.pdf>

và Singapore luôn dẫn đầu danh sách các nguồn ĐTNN vào Việt Nam⁸. Trong tương quan chung, Việt Nam vẫn là quốc gia nhập khẩu vốn ĐTNN.

Việt Nam đã tham gia xây dựng, ủng hộ sáng kiến thuế tối thiểu toàn cầu. Do đó, những động thái phản đối, hoặc không tiếp tục tham gia quy tắc sẽ tiềm ẩn rủi ro ảnh hưởng đến vai trò, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Các quốc gia của công ty mẹ có quyền thu phần thuế tối thiểu đối với thu nhập của công ty con tại Việt Nam mà không cần phải đàm phán lại các điều khoản của Hiệp định với Việt Nam, trừ trường hợp Việt Nam và các quốc gia đó đạt được thỏa thuận song phương nhằm không thực thi các điều khoản của quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu.

3.3. Việt Nam đã và đang hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, tham gia nhiều tổ chức quốc tế và khu vực, ký kết các hiệp định song phương và đa phương, do vậy, việc thực hiện chính sách cải cách thuế toàn cầu như Trụ cột 2 thuế tối thiểu toàn cầu là không tránh khỏi. Đồng thời, ngay cả khi việc thực thi quy tắc sẽ dẫn đến nhiều khó khăn, thách thức, Việt Nam không thể yêu cầu các quốc gia khác, đặc biệt là các đối tác đầu tư lớn của mình không tham gia quy tắc; mà trái lại, đây là cơ hội Việt Nam xem xét, đánh giá, nghiên cứu và hoàn thiện chính sách ưu đãi đầu tư nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động đầu tư nước ngoài.

Trong bối cảnh trên, việc nghiên cứu điều chỉnh, sửa đổi khung pháp lý về thuế, ưu đãi đầu tư phù hợp với điều kiện thực tế là hết sức quan trọng và cấp bách, trong khi vẫn đảm bảo được các lợi thế của Việt Nam trong thu hút đầu tư; đồng thời đối với các dự án đang được hưởng ưu đãi về thuế TNDN mà có mức thuế suất hiệu quả thấp hơn 15% cần phải xem xét biện pháp bảo đảm đầu tư cho doanh nghiệp khi không còn được hưởng ưu đãi.

3.4. Các nhà đầu tư, đặc biệt là các công ty đa quốc gia đầu tư dự án mới cũng như mở rộng tại Việt Nam một phần chủ yếu là do sự ổn định của môi trường đầu tư cũng như cam kết về chính sách bảo đảm đầu tư kinh doanh trong trường hợp thay đổi luật pháp chính sách. Việc Việt Nam không có các giải pháp kịp thời đồng hành cùng doanh nghiệp sẽ ảnh hưởng đến quyết định đầu tư mở rộng hoặc duy trì đầu tư của các công ty đa quốc gia đang hoạt động tại Việt Nam và kéo theo sự sụt giảm việc thu hút các công ty vệ tinh khác; đồng thời giảm động lực đầu tư của các nhà đầu tư mới đang có kế hoạch đầu tư vào Việt Nam.

3.5. Trong trường hợp Việt Nam không có động thái điều chỉnh chính sách ưu đãi đầu tư và cơ chế thực hiện phù hợp thì việc áp dụng chính sách thuế suất tối thiểu toàn cầu sẽ làm giảm hiệu quả của chính sách ưu đãi thuế TNDN của Việt Nam; không còn hấp dẫn để giữ chân hoặc thu hút thêm vốn đầu tư mới từ các tập đoàn đa quốc gia tại Việt Nam; từ đó, ảnh hưởng đến vị thế cạnh tranh của Việt Nam so với các nước trong khu vực, cũng như ảnh hưởng đến việc thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài có chọn lọc, chất lượng cao.

Đồng thời, nếu không sớm nội luật hóa để điều chỉnh mức ưu đãi thuế TNDN lên tương đương với mức thuế tối thiểu toàn cầu (15%), Việt Nam sẽ không thu

⁸ Lũy kế đến ngày 20/12/2022, số vốn đầu tư đăng ký của ba nước này chiếm tới hơn 50% tổng vốn đầu tư FDI vào Việt Nam, trong đó Hàn Quốc dẫn đầu với 9.534 dự án còn hiệu lực và tổng vốn đăng ký hơn 80 tỷ USD.

được phân thuế chênh lệch, các công ty đầu tư tại Việt Nam cũng không được hưởng các ưu đãi này vì sẽ bị các quốc gia của công ty mẹ thu.

3.6. Ngoài ra, nếu chính sách ưu đãi thuế hiện tại bị thay đổi bởi cơ chế thuế suất tối thiểu toàn cầu thì một mặt, Chính phủ phải đối diện với các cam kết về bảo hộ đầu tư cho các nhà đầu tư hiện đang sản xuất kinh doanh tại Việt Nam vẫn còn đang trong thời kỳ ưu đãi đầu tư; mặt khác là phải sửa đổi, ban hành các cơ chế ưu đãi để tiếp tục cạnh tranh với các nước trong khu vực để duy trì và thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Do đó, quyết định đầu tư của các doanh nghiệp, nhà đầu tư nước ngoài sẽ phụ thuộc vào các yếu tố phi-thuế (Non-taxation) trong thời gian tới.

Việc thay đổi cách tiếp cận, bổ sung các hình thức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư mới trong bối cảnh thực thi thuế tối thiểu toàn cầu là cần thiết nhằm đảm bảo khả năng cạnh tranh và tính hấp dẫn của môi trường đầu tư tại Việt Nam trong thời gian tới.

II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI VỀ VIỆC ÁP DỤNG THÍ ĐIỂM CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

1. Mục tiêu xây dựng chính sách

- a) Đảm bảo sức cạnh tranh và hấp dẫn của môi trường đầu tư Việt Nam;
- b) Cần có tính chọn lọc, phù hợp với định hướng thu hút đầu tư và phát triển ngành, lĩnh vực, trong đó tập trung ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu;
- c) Tác động tối thiểu đến ngân sách nhà nước;
- d) Ứng xử bình đẳng giữa các doanh nghiệp, hài hòa cho các đối tượng áp dụng, bao gồm doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu, nhà đầu tư mới (bao gồm cả nhà đầu tư trong nước và nước ngoài);
- đ) Phù hợp với quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu thuộc Trụ cột 2 và hướng dẫn của OECD; không vi phạm các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;
- e)- Đảm bảo tính khả thi, dễ thực hiện.

2. Quan điểm xây dựng chính sách

- Phù hợp với Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 và Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021 - 2030.

- Đảm bảo lợi ích hài hòa giữa nhà đầu tư và nhà nước trên cơ sở: (i) phù hợp với các quy tắc của OECD; (ii) không vi phạm các cam kết quốc tế; và (iii) phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

1. Phạm vi áp dụng

Văn bản quy định việc áp dụng thí điểm các hình thức hỗ trợ đầu tư đối với các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao có quy mô vốn đầu tư lớn hoặc doanh thu cao, doanh nghiệp đầu tư dự án có quy

mô vốn lớn hoặc doanh thu cao sản xuất sản phẩm công nghệ cao và doanh nghiệp đầu tư dự án trung tâm nghiên cứu và phát triển.

2. Đối tượng áp dụng

a) Doanh nghiệp có dự án đầu tư có quy mô vốn trên 12.000 tỷ đồng hoặc đạt doanh thu trên 20.000 tỷ đồng/năm trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm công nghệ cao.

b) Doanh nghiệp công nghệ cao có dự án đầu tư có quy mô vốn trên 12.000 tỷ đồng hoặc đạt doanh thu trên 20.000 tỷ đồng/năm.

c) Doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao có quy mô vốn trên 12.000 tỷ đồng hoặc đạt doanh thu trên 20.000 tỷ đồng/năm.

d) Doanh nghiệp đầu tư dự án trung tâm nghiên cứu và phát triển có quy mô vốn trên 3.000 tỷ đồng.

3. Mục tiêu, nội dung chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết

3.1. Khuyến nghị của OECD trong việc xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư khi áp dụng thuế suất thuế tối thiểu toàn cầu

(1) OECD đưa ra báo cáo⁹ phân tích các biện pháp ưu đãi như Trợ cấp bằng tiền mặt (cash grant) và Giảm trừ thuế có thể được hoàn lại đạt chuẩn (Qualified Refundable Tax Credit) sẽ không bị ảnh hưởng bởi các quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu. Tuy nhiên, OECD cũng lưu ý các quốc gia cần cân nhắc ảnh hưởng về ngân sách nếu sử dụng các biện pháp hỗ trợ này.

(2) Việc xây dựng chính sách ưu đãi đầu tư mới trong bối cảnh thực thi thuế tối thiểu toàn cầu phải tuân thủ nguyên tắc tách biệt giữa việc **thu** thuế bổ sung và **chi** ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, đảm bảo không có sự liên quan giữa đối tượng nộp thuế bổ sung theo cơ chế thuế tối thiểu toàn cầu với đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư mới.

Theo đó, OECD không ngăn cấm các quốc gia thực hiện các cải cách về ưu đãi thuế, tuy nhiên các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư phải đảm bảo các yếu tố sau: (i) Được áp dụng không chỉ cho doanh nghiệp là đối tượng bị ảnh hưởng bởi thuế tối thiểu toàn cầu; (ii) Việc thiết lập các tiêu chí cũng cần rõ ràng để xác định việc hưởng trợ cấp không nhằm mục đích đền bù, đối trừ nghĩa vụ do thực hiện thuế tối thiểu toàn cầu; (iii) Tận dụng các chính sách đã được ban hành trước khi thuế tối thiểu toàn cầu có hiệu lực cũng có thể được xem xét là biện pháp hạn chế các rủi ro vi phạm quy tắc của OECD.

3.2. Thực trạng chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư tại Việt Nam

(1) Chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư của Việt Nam được quy định tại Chương III Luật Đầu tư 2020 và Chương III Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. Mức ưu đãi cụ thể đối với từng loại ưu đãi đầu tư áp dụng theo quy định của pháp luật về thuế, kế toán và đất đai.

⁹ OECD ban hành vào tháng 10/2022: (https://www.oecd-ilibrary.org/taxation/tax-incentives-and-the-global-minimum-corporate-tax_25d30b96-en)

(2) Hình thức ưu đãi đầu tư là miễn, giảm thuế, áp dụng theo tiêu chí lĩnh vực, địa bàn và các đối tượng mà Nhà nước khuyến khích phát triển. Các ưu đãi này đang được đánh giá là có tính cạnh tranh trong khu vực.

(3) So với các nước trong khu vực và trên thế giới, các hình thức hỗ trợ đầu tư tại Việt Nam được quy định tương đối đầy đủ tại Luật Đầu tư¹⁰. Tuy nhiên, thực tế hiện nay, việc triển khai áp dụng hỗ trợ đầu tư còn nhiều khó khăn và chưa khả thi, do chưa có sự thống nhất giữa các quy định pháp luật. Cụ thể, pháp luật về ngân sách chưa có quy định cụ thể về việc chi ngân sách cho các hỗ trợ đầu tư quy định tại Điều 18 Luật Đầu tư¹¹.

Bên cạnh đó, như phân tích tại Mục III văn bản này, để đem lại lợi thế cạnh tranh, một số quốc gia trên thế giới hiện đang áp dụng hình thức hỗ trợ đầu tư mới được các nhà đầu tư quan tâm và đánh giá cao (cụ thể: hỗ trợ dựa trên chi phí đầu tư, hỗ trợ về chi phí sản xuất sản phẩm ưu tiên và hỗ trợ về chi phí nghiên cứu và phát triển¹²). Tuy nhiên, các hình thức hỗ trợ đầu tư dựa trên chi phí đầu tư và chi phí sản xuất sản phẩm ưu tiên này chưa được pháp luật Việt Nam quy định.

Về cách thức hỗ trợ, các khoản hỗ trợ đầu tư có thể được cán trừ vào nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp hoặc sẽ được chi trả trực tiếp bằng tiền trích từ ngân sách nhà nước. Nội dung này cũng chưa được quy định cụ thể trong pháp luật về ngân sách nhà nước tại Việt Nam.

3.3. Căn cứ các nội dung nêu trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất nội dung dự thảo Nghị quyết của Quốc hội ban hành thí điểm áp dụng chính sách hỗ trợ đầu tư có các nội dung chính như sau:

3.3.1. Về đối tượng áp dụng hỗ trợ đầu tư¹³

- Doanh nghiệp có dự án đầu tư trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm công nghệ cao có quy mô vốn trên 12.000 tỷ đồng hoặc đạt doanh thu trên 20.000 tỷ đồng/năm.

- Doanh nghiệp công nghệ cao có dự án đầu tư có quy mô vốn trên 12.000 tỷ đồng hoặc đạt doanh thu trên 20.000 tỷ đồng/năm.

¹⁰ Khoản 1 Điều 18 Luật Đầu tư quy định các hình thức hỗ trợ đầu tư: (i) Hỗ trợ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào dự án đầu tư; (ii) Hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; (iii) Hỗ trợ tín dụng; (iv) Hỗ trợ tiếp cận mặt bằng sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ cơ sở sản xuất, kinh doanh di dời theo quyết định của cơ quan nhà nước; (v) Hỗ trợ khoa học, kỹ thuật, chuyên gia công nghệ; (vi) Hỗ trợ phát triển thị trường, cung cấp thông tin; (vii) Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển.

¹¹ Khoản 2 Điều 18 Luật Đầu tư quy định: “Căn cứ định hướng phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ, Chính phủ quy định chi tiết các hình thức hỗ trợ đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này¹¹ đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp đầu tư vào giáo dục, phổ biến pháp luật và các đối tượng khác.”

¹² Nội dung hỗ trợ về chi phí nghiên cứu và phát triển đã được quy định tại Khoản 1 Điều 18 Luật Đầu tư.

¹³ Theo rà soát, dự kiến có khoảng 22 doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng, bao gồm: (1) Công ty TNHH Samsung Display Bắc Ninh; (2) Công ty TNHH LG Display Việt Nam Hải Phòng; (3) Công ty TNHH Intel Products Việt Nam; (4) Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên; (5) Công ty TNHH Điện tử Samsung HCMC CE COMPLEX; (6) Công ty TNHH Samsung Electro-Mechanics Việt Nam; (7) Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam; (8) LUXSHARE - ICT (VIETNAM) LIMITED; (9) Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng; (10) Công ty TNHH WINTEK Việt Nam; (11) Công ty TNHH Sản xuất FIRST SOLAR Việt Nam; (12) Công ty TNHH LG INNOTEK Việt Nam Hải Phòng; (13) Công ty TNHH Pegatron Việt Nam; (14) Công ty TNHH FULLAN; (15) Công ty TNHH HANA MICRON VINA; (16) Công ty TNHH Fukang Technology; (17) Công ty Amkor Technology Việt Nam; (18) Công ty TNHH Samsung SDI Việt Nam; (19) Công ty TNHH JABIL Việt Nam (JABIL). (20) Công ty TNHH COMPAL Việt Nam; (21) Công ty TNHH VINA SOLAR TECHNOLOGY; (22) Công ty TNHH Fuhong Precision Component (Bắc Giang).

- Doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao có quy mô vốn trên 12.000 tỷ đồng hoặc đạt doanh thu trên 20.000 tỷ đồng/năm.

- Doanh nghiệp đầu tư dự án trung tâm nghiên cứu và phát triển có quy mô vốn trên 3.000 tỷ đồng.

Việc lựa chọn doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao và xây dựng trung tâm nghiên cứu và phát triển là vì: **(i)** tiêu chí xác định doanh nghiệp cao và doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao đã được quy định tại pháp luật công nghệ cao¹⁴; **(ii)** phù hợp với định hướng thu hút đầu tư nước ngoài của Việt Nam¹⁵ trong thời gian tới.

Quy mô vốn đầu tư hiện nay được quy định tại văn bản pháp luật về đầu tư và thuế, theo đó sẽ có 03 mức 6.000 tỷ đồng¹⁶, 12.000 tỷ đồng¹⁷ và 30.000 tỷ đồng¹⁸. Việc lựa chọn quy mô vốn đầu tư trên 12.000 tỷ đồng nhằm mục đích: **(i)** thu hẹp được đối tượng áp dụng để bảo đảm không bội chi ngân sách cho hỗ trợ đầu tư; **(ii)** khuyến khích các tập đoàn đa quốc gia có các công ty thành viên tăng vốn đầu tư. Riêng quy mô vốn đầu tư đối với trung tâm nghiên cứu và phát triển cũng đã được quy định tại Điều 20 Luật đầu tư¹⁹ (vốn tối thiểu 3.000 tỷ đồng).

Quy định về ưu đãi đầu tư đối với các dự án đầu tư đạt doanh thu trên 20.000 tỷ đồng đã được quy định tại pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp²⁰. Đồng thời, với việc áp dụng tiêu chí doanh thu 20.000 tỷ đồng sẽ khuyến khích doanh nghiệp công nghệ cao kinh doanh hiệu quả, sản xuất sản phẩm có giá trị lớn, qua đó thúc đẩy phát triển ngành công nghệ cao tại Việt Nam.

Như vậy, đối tượng áp dụng đã được quy định tại các văn bản pháp luật liên quan, không phải là nội dung mới được quy định sau khi thuế tối thiểu toàn cầu được ban hành. Điều này đảm bảo sự phù hợp với các quy định của OECD.

3.3.2. Về hình thức hỗ trợ đầu tư:

(1) 04 loại hình thức hỗ trợ đầu tư: **(i)** hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; **(ii)** hỗ trợ nghiên cứu và phát triển; **(iii)** hỗ trợ chi phí đầu tư tài sản cố định; **(iv)** hỗ trợ chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao.

(2) Lý do đề xuất:

¹⁴ Quyết định số 10/2021/QĐ-TTg ngày 16/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao; Thông tư 32/2011/TT-BKHHCN ngày 11/5/2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2020/TT-BKHHCN ngày 28/9/2020)

¹⁵ (i) Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030; (ii) Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 02/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021-2030.

¹⁶ Điều 15 Luật Đầu tư 2020.

¹⁷ Khoản 1 Điều 13 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 (sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế năm 2014)

¹⁸ Điều 20 Luật Đầu tư 2020.

¹⁹ Điểm a Khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư

²⁰ Khoản 5 Điều 13 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 (sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế năm 2014) quy định việc kéo dài thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi với các dự án có mức doanh thu trên 20.000 tỷ đồng.

- Theo Ngân hàng thế giới²¹, các loại hình đầu tư của nhiều nhà đầu tư được thúc đẩy bởi nhiều yếu tố khác nhau và được đặc trưng bởi những lợi ích, cơ hội và thách thức riêng biệt đối với nền kinh tế của từng quốc gia thu hút. Tuy nhiên, các quốc gia khi xem xét xây dựng chính sách tư có thể xác định bốn loại hình đầu tư dựa trên động cơ của nhà đầu tư bao gồm: (i) Đầu tư tìm kiếm tài nguyên thiên nhiên²²; (ii) Đầu tư tìm kiếm thị trường trong nước²³; (iii) Đầu tư tìm kiếm tài sản chiến lược²⁴; và (iv) Đầu tư tìm kiếm hiệu quả²⁵.

Đồng thời, các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn địa điểm đầu tư chỉ ra rằng 3 yếu tố được nhà đầu tư xem là quan trọng nhất bao gồm: (i) An ninh và sự ổn định chính trị, (ii) Ưu đãi đầu tư và (iii) Khả năng dự báo chính sách kinh doanh.

- Đối với trường hợp của Việt Nam, Việt Nam đang có các thế mạnh về an ninh và sự ổn định chính trị, vị trí địa lý thuận lợi cho việc giao thương và cung ứng, độ mở của nền kinh tế với 15 FTAs có hiệu lực. Các đặc điểm này cho phép Việt Nam có thể theo đuổi các chính sách để thu hút nhóm tập đoàn đa quốc gia tìm kiếm hiệu quả với điển hình là các tập đoàn sản xuất quy mô lớn và có năng lực liên kết chặt chẽ với chuỗi giá trị toàn cầu.

Do đó, với mục tiêu tổng thể của chính sách hỗ trợ đầu tư được quy định trong Nghị quyết là nhằm giữ chân và thu hút các nhà đầu tư lớn, các khoản hỗ trợ đầu tư cũng cần đủ hấp dẫn và tương xứng với các kỳ vọng lợi ích mà nhà đầu tư, trong đó tập trung vào các chi phí phát sinh lớn như chi phí đào tạo nhân lực, chi phí sản xuất, chi phí đầu tư tài sản cố định, chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao và chi phí nghiên cứu và phát triển. Việc không hỗ trợ dàn trải nhiều chi phí cho doanh nghiệp thuộc đối tượng vừa đảm bảo tính mục tiêu của chính sách, đồng thời hạn chế dư luận trái chiều khi cho rằng các đối tượng của Nghị quyết, trên hình thức, được cung cấp quá nhiều hỗ trợ vì chính sách thuế tối thiểu toàn cầu chỉ làm mất hoặc hạn chế tác dụng của các chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp với các nhà đầu tư quy mô lớn trong khi vẫn phát huy hiệu quả với các nhóm nhà đầu tư khác.

²¹ Tại các báo cáo: (i) Why does efficiency-seeking FDI matter (2/2016): <https://blogs.worldbank.org/psd/why-does-efficiency-seeking-fdi-matter>; (ii) What Investors want (3/2018): <https://documents1.worldbank.org/curated/en/168711522241146651/pdf/WPS8386.pdf>; (iii) Investment Motivation Survey (5/2016): <https://documents1.worldbank.org/curated/en/727941530222301892/pdf/Investment-Motivation-Survey.pdf>

²² Loại hình đầu tư này xảy ra khi nhà đầu tư tìm cách tiếp cận tài nguyên cụ thể theo địa điểm (ví dụ: kim cương, dầu mỏ, khí đốt tự nhiên, than đá và các tài nguyên khoáng sản và khai thác khác, cũng như các nguồn năng lượng tái tạo). Mặc dù loại hình đầu tư này có thể tạo ra doanh thu xuất khẩu và tài chính đáng kể, nhưng nước sở tại sẽ được hưởng nhiều lợi ích hơn nếu quá trình xử lý giá trị gia tăng diễn ra trong nước và nếu một hệ sinh thái cạnh tranh của các nhà cung cấp địa phương về hàng hóa và dịch vụ khác nhau được sử dụng trong khai thác có thể được tạo ra một cách bền vững.

²³ Loại hình đầu tư này được thúc đẩy bởi tiềm năng cung cấp hàng hóa và dịch vụ cho khách hàng trong nước sở tại hoặc thị trường khu vực. Loại hình này gần như hoàn toàn phụ thuộc vào quy mô và đặc điểm của thị trường. Loại hình FDI này là một phương tiện quan trọng để công nghiệp hóa một quốc gia, vì có tiềm năng phát triển mối liên kết với nền kinh tế địa phương, nâng cao chất lượng của các nhà cung cấp địa phương, tạo ra sự cạnh tranh, tăng năng suất và hạ giá cho người tiêu dùng.

²⁴ Loại hình đầu tư này được sử dụng để mua tài sản chiến lược bất động, thông tin kinh doanh, công nghệ độc quyền và thương hiệu. Loại hình này đòi hỏi nhà đầu tư phải mua lại các công ty sở hữu tài sản chiến lược và sở hữu mạng lưới các chi nhánh của công ty.

²⁵ Loại hình đầu tư này được thúc đẩy khi các nhà đầu tư tìm cách tăng hiệu quả chi phí sản xuất bằng cách tận dụng các yếu tố cải thiện khả năng cạnh tranh ở cấp độ doanh nghiệp. Ví dụ như khả năng tận dụng chi phí lao động thấp hơn hoặc năng suất lao động cao hơn, tiếp cận mặt bằng sản xuất dễ dàng hơn hoặc rẻ hơn, tiếp cận thị trường xuất khẩu dễ dàng hơn hoặc thậm chí ưu đãi hơn, tiếp cận các nguyên vật liệu đầu vào và linh kiện chính thuận lợi hơn, hay các mô hình sản xuất và cung ứng quốc tế hiệu quả hơn. So với 3 nhóm trên, đây là nhóm đóng vai trò quan trọng cho các quốc gia đang tìm kiếm cơ hội hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu và tiến lên trong chuỗi giá trị.

(3) Thông báo số 122/TB-VPCP ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu *đề xuất các loại hình hỗ trợ khác như: chuyển giao công nghệ, nhà ở xã hội, hợp tác xã cho công nhân và tiếp cận tăng trưởng năng lượng xanh*. Tuy nhiên các hình thức này về cơ bản sẽ chưa phù hợp đối với mục tiêu của Nghị quyết, cụ thể:

(i) *Hình thức hỗ trợ chuyển giao công nghệ*: chuyển giao công nghệ đã được hỗ trợ theo quy định của pháp luật về công nghệ, được bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ riêng từ các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia, các quỹ phát triển khoa học và công nghệ²⁶. Theo đó đối với chính sách hỗ trợ đầu tư thí điểm theo Nghị quyết lần này để xuất không đưa đối tượng hỗ trợ chuyển giao công nghệ vào để tránh trùng lặp, tập trung ngân sách để khuyến khích các hình thức ưu đãi đầu tư mới (chi phí nghiên cứu và phát triển, chi phí sản xuất, chi phí đầu tư tài sản cố định, chi phí hỗ trợ đào tạo và phát triển nhân lực) là các khoản chi trọng yếu, có tác dụng hỗ trợ thiết thực cho doanh nghiệp, có tác dụng thu hút các dự án chiến lược.

(ii) *Hình thức hỗ trợ nhà ở xã hội, hợp tác xã cho công nhân*: mặc dù đây là hình thức hỗ trợ mang nhiều giá trị nhân văn và bền vững cho doanh nghiệp; tuy nhiên, đây là hình thức đã được Nhà nước hỗ trợ bằng nhiều chính sách khác thông qua Luật Đất đai, Luật Nhà ở, hỗ trợ tín dụng,... Mặt khác, trong bối cảnh xây dựng các chính sách hỗ trợ đầu tư có tác dụng thay thế chính sách ưu đãi đầu tư bị giảm hiệu quả bởi Thuế tối thiểu toàn cầu thì hình thức hỗ trợ này chưa đủ mức độ hấp dẫn với các nhà đầu tư. Do đó, không nên lồng ghép vào chính sách hỗ trợ đầu tư đặc thù này mà có thể nghiên cứu cân nhắc đưa vào các kế hoạch cải thiện môi trường đầu tư tại các văn bản quy định khác.

(iii) *Tiếp cận tăng trưởng năng lượng xanh*: mặc dù là hình thức hỗ trợ mang tính chất bền vững và đi theo xu hướng chung của thế giới. Tuy nhiên, căn cứ trên tình hình thực tiễn triển khai năng lượng xanh của Việt Nam, chúng ta vẫn cần thêm thời gian để phát triển thêm về năng lực cơ sở. Việc đưa ra hình thức hỗ trợ không tương xứng với năng lực hiện có sẽ làm chính sách không đạt được hiệu quả kỳ vọng. Đồng thời, hiện nay, tại Bộ Công Thương cũng đang được Chính phủ giao nghiên cứu, đề xuất áp dụng các công cụ tài chính, cơ chế khuyến khích, nâng cao khả năng tiếp cận tài chính đối với các dự án đầu tư vào sử dụng hiệu quả năng lượng²⁷.

3.3.3. Về phương thức hỗ trợ đầu tư:

(1) Phương thức: các khoản hỗ trợ đầu tư được cân trừ vào nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp **hoặc** được chi trả trực tiếp bằng tiền trích từ ngân sách nhà nước.

(2) Lý do đề xuất:

- Phù hợp với các khuyến nghị của OECD trong quá trình xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư khi thuế tối thiểu toàn cầu được áp dụng.

²⁶ Chính sách hỗ trợ chuyển giao công nghệ hiện hành được quy định tại Điều 8 Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

²⁷ Mục IV.1.d Điều 1 Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050.

- Đây là các hình thức hỗ trợ đầu tư mà các quốc gia trong khu vực đang áp dụng, trong khi đó tại Việt Nam thì chưa được cụ thể tại các văn bản pháp luật.

3.3.4. Về mức hỗ trợ đầu tư:

(1) *Giải pháp 1*: quy định mức hỗ trợ trần trên tổng mức đầu tư

a) Ưu điểm: (i) Dễ dàng xác định được số tiền tối đa cần chi hỗ trợ cho từng doanh nghiệp; (ii) Phù hợp với các kêu gọi các dự án đầu tư mới hỗ trợ bằng tiền ngay một lần để xây dựng nhà máy sản xuất.

b) Nhược điểm: (i) Vốn đầu tư là một chỉ tiêu cố định không có mối liên hệ chặt chẽ với kết quả kinh doanh của doanh nghiệp và số thu thuế bổ sung vào ngân sách nên việc đưa ra mức trần trên vốn đầu tư không gắn việc kiểm soát ngân sách với các chính sách khuyến khích đầu tư theo hướng hiệu quả; (ii) Không chế ưu đãi hỗ trợ dựa trên tổng mức đầu tư có thể gây bất lợi cho các công ty công nghệ cao lớn như Samsung có quy mô doanh thu lớn, khả năng sinh lời trên vốn đầu tư cao (khả năng sinh lời nhờ vào công nghệ cao), nộp thuế nhiều. Trong khi đó các công ty có vốn đầu tư lớn nhưng hoạt động không hiệu quả, doanh thu thấp, tỷ suất sinh lời trên vốn đầu tư thấp thậm chí lỗ thì sẽ nhận được nhiều hỗ trợ. Dẫn đến đi ngược lại với mục tiêu thu hút các doanh nghiệp công nghệ cao, quy mô lớn và có ảnh hưởng kinh tế xã hội²⁸. (iii) Không chế dẫn đến không công bằng giữa các nhà đầu tư: Vì vốn đầu tư không có mối liên hệ chặt chẽ đến kết quả kinh doanh nên sẽ có sự không công bằng giữa các nhà đầu tư²⁹.

(2) *Giải pháp 2*: Quy định mức hỗ trợ trần trên doanh thu

a) Ưu điểm: (i) Dễ xác định; (ii) Doanh thu là chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm của doanh nghiệp, có mối liên hệ tương đối với số thuế nộp bổ sung, phản ánh được đóng góp về việc làm, chuỗi cung ứng, kim ngạch xuất nhập khẩu, tác động kinh tế xã hội. Do đó, quy định mức trần trên doanh thu vừa có tác dụng kiểm soát ngân sách tốt hơn mức trần trên vốn đầu tư vừa tạo sự công bằng giữa các đối tượng được hỗ trợ.

b) Nhược điểm: (i) Chỉ tiêu doanh thu có liên quan đến xác định lợi nhuận, mà lợi nhuận là chỉ số dùng để tính thuế nên có thể có khả năng OECD sẽ chất vấn là hỗ trợ có liên quan đến nghĩa vụ thuế nộp bổ sung; (ii) Không có nhiều tác dụng trong việc kiểm soát ngân sách.

(3) *Giải pháp đề xuất của Bộ Kế hoạch và Đầu tư*: Căn cứ các phân tích nêu trên, có thể nhận thấy việc đưa ra mức chi hỗ trợ đầu tư tối đa theo tổng vốn đầu tư hay doanh thu không có nhiều tác dụng trong việc kiểm soát ngân sách mà còn có thể hạn chế thu hút đầu tư hoặc không hỗ trợ đến đúng đối tượng cần khuyến khích làm giảm hiệu quả của chính sách thu hút đầu tư.

Do đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất phương án không quy định chi hỗ trợ đầu tư tối đa theo tổng vốn đầu tư hay doanh thu, mà thay vào đó kiến nghị phương án: “*Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm để*

²⁸ như Samsung, LG, Intel,...

²⁹ Ví dụ, Nhà đầu tư A và B cùng có mức vốn đầu tư là 12,000 tỷ. Nhà đầu tư A có tỷ suất lợi nhuận cao, phải nộp thuế bổ sung cao trong khi Nhà đầu tư B có tỷ suất lợi nhuận thấp phải nộp thuế thấp hơn. Nếu đưa ra mức không chế hỗ trợ theo % số vốn đầu tư thì cả 2 nhà đầu tư A và B cùng chịu chung một mức không chế ưu đãi. Như vậy không công bằng đối với nhà đầu tư có tỷ suất lợi nhuận cao.

thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư tại Nghị quyết". Đồng thời, giao Chính phủ quy định chi tiết mức hỗ trợ, trình tự, thủ tục áp dụng các hình thức hỗ trợ đầu tư quy định tại Nghị quyết.

(xin gửi kèm theo dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm áp dụng cơ chế hỗ trợ đầu tư)

IV. CÁC GIẢI PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI VỀ VIỆC ÁP DỤNG THÍ ĐIỂM CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Từ những nội dung của dự án Nghị quyết của Quốc hội nêu trên, để triển khai tốt Nghị quyết của Quốc hội này cần phải:

1. Có sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng từ Trung ương xuống cơ sở, các cấp chính quyền; sự phối kết hợp chặt chẽ của các cơ quan, đoàn thể.
2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, giải thích quy định của Nghị quyết của Quốc hội nhằm nâng cao ý thức của tổ chức, cá nhân; tăng sự đồng thuận, ủng hộ của nhân dân.
3. Cần có sự phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành có liên quan để hoàn thiện các văn bản hướng dẫn, đảm bảo công bằng về việc áp dụng các cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư theo đúng đối tượng.

VII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực cho việc thi hành văn bản

- Từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương;
- Từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản

Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Tuyên truyền, phổ biến văn bản: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến nội dung văn bản và các quy định liên quan; Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của văn bản kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện:

- + Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng văn bản hướng dẫn của Chính phủ tổ chức triển khai thực hiện văn bản.

- + Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong văn bản, ngoài nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị và địa phương, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện văn bản.

- Kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thực hiện: Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thi hành văn bản.

VIII. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI, QUỐC HỘI

1. Để duy trì sự cạnh tranh của môi trường đầu tư Việt Nam trong bối cảnh áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu, kiến nghị xem xét việc trình Quốc hội ban hành Nghị quyết thí điểm áp dụng chính sách hỗ trợ đầu tư theo trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15, khoản 1 Điều 147 và Điều 148 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật vì các lý do sau:

- Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư hiện hành có liên quan đến Luật Đầu tư, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý thuế... Việc rà soát, sửa đổi các Luật nêu trên để có thể áp dụng ngay từ năm 2024 là không khả thi do cần thời gian nghiên cứu, đánh giá tác động.

- Các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư dự kiến ban hành là đề xuất mới, nội dung khác với các quy định hiện hành của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Thuế thu nhập Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan nên cần thử nghiệm trong một thời gian trước khi Luật hoá.

Tại Điều 146 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về các trường hợp xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn, trong đó có trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp; trường hợp đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

Do đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội bổ sung Nghị quyết về việc áp dụng thí điểm chính sách hỗ trợ đầu tư vào Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2023 và cho phép xây dựng dự thảo Nghị quyết theo trình tự, thủ tục rút gọn, trình Quốc hội thông qua theo quy trình một kỳ họp Quốc hội (Kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV).

2. Dự thảo Nghị quyết đã được gửi lấy ý kiến Bộ, ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp³⁰; Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia và hoàn thiện dự án Nghị quyết (báo cáo tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý về dự án Nghị quyết trình kèm).

3. Bộ Tư pháp đã có báo cáo thẩm định về dự án Nghị quyết. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp trình kèm).

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ dự kiến tiến độ của dự án xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về việc áp dụng thí điểm cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư như sau:

- Chính phủ lập đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về việc áp dụng thí điểm chính sách hỗ trợ đầu tư, trình Ủy ban thường vụ Quốc hội để bổ sung vào Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2023 vào kỳ họp tháng 8 năm 2023.

- Chính phủ trình Quốc hội thông qua Nghị quyết của Quốc hội về việc áp dụng thí điểm chính sách hỗ trợ đầu tư tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV (tháng 10 năm 2023) để triển khai thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 cho đến khi

³⁰ Công văn số 5742/BKHĐT-ĐTNN ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Luật Đầu tư, Luật Ngân sách Nhà nước và các pháp luật liên quan khác được ban hành, thay thế cho Nghị quyết này.

Trên đây là nội dung đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về việc áp dụng thí điểm chính sách hỗ trợ đầu tư. Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Xin gửi kèm theo:

1. Dự thảo Nghị quyết về việc áp dụng thí điểm chính sách hỗ trợ đầu tư;
2. Đề án xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư trong bối cảnh thực thi thuế tối thiểu toàn cầu tại Việt Nam
3. Báo cáo đánh giá tác động

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Lê Minh Khái (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, ĐTNND_A

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

QUỐC HỘI

Nghị quyết số: /2023/QH15

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ QUYẾT

Về việc áp dụng thí điểm chính sách hỗ trợ đầu tư

DỰ THẢO

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số .../TTr-CP ngày ... tháng ... năm 2023 của Chính phủ, Báo cáo thẩm tra số .../BC-UB... ngày ... tháng ... năm 2023 của Ủy ban ..., Báo cáo số .../BC-UBTVQH15 ngày ... tháng ... năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiếp thu, chỉnh lý, giải trình về dự thảo Nghị quyết về việc áp dụng thí điểm chính sách hỗ trợ đầu tư, các tài liệu liên quan và ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Nghị quyết này quy định việc áp dụng thí điểm các hình thức hỗ trợ đầu tư đối với các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao có quy mô vốn đầu tư lớn hoặc doanh thu cao, doanh nghiệp đầu tư dự án có quy mô vốn lớn hoặc doanh thu cao sản xuất sản phẩm công nghệ cao và doanh nghiệp đầu tư dự án trung tâm nghiên cứu và phát triển.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Doanh nghiệp có dự án đầu tư có quy mô vốn trên 12.000 tỷ đồng hoặc đạt doanh thu trên 20.000 tỷ đồng/năm trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm công nghệ cao.
- Doanh nghiệp công nghệ cao có dự án đầu tư có quy mô vốn trên 12.000 tỷ đồng hoặc đạt doanh thu trên 20.000 tỷ đồng/năm.
- Doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao có quy mô vốn trên 12.000 tỷ đồng hoặc đạt doanh thu trên 20.000 tỷ đồng/năm.
- Doanh nghiệp đầu tư dự án trung tâm nghiên cứu và phát triển có quy mô vốn trên 3.000 tỷ đồng.

Điều 3. Hình thức, phương thức hỗ trợ đầu tư

- Hình thức hỗ trợ đầu tư:
 - Hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực;

- b) Hỗ trợ chi phí đầu tư tạo tài sản cố định;
- c) Hỗ trợ chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao;
- d) Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển.

2. Phương thức hỗ trợ đầu tư: các khoản hỗ trợ đầu tư được cân trừ vào nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp hoặc được chi trả trực tiếp bằng tiền trích từ ngân sách nhà nước.

3. Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm để thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư tại Nghị quyết.

4. Chính phủ quy định chi tiết mức hỗ trợ, trình tự, thủ tục áp dụng các hình thức hỗ trợ đầu tư quy định tại Điều này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết này; tổng kết thực hiện Nghị quyết, báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp cuối năm 2028.

b) Rà soát, tổng kết, đánh giá, đề xuất sửa đổi bổ sung pháp luật có liên quan để thực hiện đồng bộ, thống nhất với các quy định tại Nghị quyết này.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024 đến khi Luật Đầu tư, Luật Ngân sách Nhà nước và các pháp luật liên quan khác được ban hành, thay thế cho Nghị quyết này.

2. Trong trường hợp có các điều khoản khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này và các luật hoặc nghị quyết khác của Quốc hội, các điều khoản của Nghị quyết này sẽ được ưu tiên áp dụng. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành sau ngày hiệu lực của Nghị quyết này có quy định các cơ chế và chính sách thuận lợi hơn so với Nghị quyết này thì việc áp dụng sẽ do Chính phủ quyết định.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa, kỳ họp thứ thông qua ngày....

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Vương Đình Huệ

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH
TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT
CỦA QUỐC HỘI VỀ VIỆC ÁP DỤNG THÍ ĐIỂM
CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BKHĐT ngày tháng năm 2023
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Hà Nội, tháng 7 năm 2023

MỤC LỤC

PHẦN I. XÁC ĐỊNH BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH	1
I. BỐI CẢNH XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH	1
1. Việc hình thành thuế suất tối thiểu toàn cầu	1
2. Một số nội dung chính của Trụ cột 2	3
2.1. Ba nguyên tắc cốt lõi của Trụ cột 2.....	3
2.2. Về đối tượng áp dụng.....	3
3. Nhận xét	4
II. MỤC TIÊU XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH	5
1. Quan điểm xây dựng chính sách	5
2. Mục tiêu, yêu cầu xây dựng chính sách	5
PHẦN II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ	6
1. Các căn cứ	6
2. Xác định vấn đề bất cập.....	6
3. Các giải pháp giải quyết vấn đề	11
4. Đánh giá tác động của các giải pháp	11
4.2.1. Sự phù hợp với các quy tắc OECD	11
4.2.2. Sự phù hợp với cam kết WTO.....	23
4.2.3. Sự phù hợp với các Hiệp định thương mại tự do (FTA).....	26
4.2.4. Đánh giá tác động đến ngân sách nhà nước	26
4.2.5. Đánh giá tác động về thủ tục hành chính	27
4.2.6. Đánh giá tác động về vấn đề giới: không có.....	27
5. Kiến nghị giải pháp	27

PHẦN I

XÁC ĐỊNH BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH

I. Bối cảnh xây dựng cơ chế, chính sách

1. Việc hình thành thuế suất tối thiểu toàn cầu

Từ cuối năm 2019, thế giới đã và đang chứng kiến những thay đổi nhanh chóng, phức tạp, khó lường và khó dự báo. Đại dịch Covid-19, khủng hoảng năng lượng, đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, căng thẳng địa chính trị, xung đột quân sự, thiên tai, biến đổi khí hậu, lạm phát diện rộng ở nhiều nền kinh tế lớn,... đang làm thay đổi cục diện thương mại và kinh tế thế giới. Các tác nhân này đã khiến triển vọng phát triển kinh tế và thu ngân sách của hầu hết các nước giảm mạnh.

Trong khi đó, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin và các mô hình kinh tế mới (kinh tế chia sẻ, kinh tế số...) đã và đang thay đổi kết cấu và bản chất của nền kinh tế toàn cầu. Các công ty đa quốc gia, thông qua các công cụ như các tài sản vô hình (bản quyền, bằng sáng chế, thương hiệu,...) hay các hoạt động kinh doanh qua nền tảng số xuyên quốc gia (mà không có sự hiện diện vật lý ở quốc gia đó) đã tận dụng cơ hội để tránh nghĩa vụ thuế thông qua chuyển lợi nhuận từ quốc gia có thuế suất cao sang quốc gia có thuế suất thấp, thực hiện các hoạt động chuyển giá... Các hoạt động trên đã gây xói mòn nghiêm trọng nguồn thu ngân sách của các quốc gia¹, dẫn đến việc nhiều nước trên thế giới đơn phương áp dụng các loại thuế khác nhau, phát sinh bất đồng giữa các nước.

Việc hình thành các mức thuế suất khác biệt để tận dụng lợi thế toàn cầu hóa được nhiều nước thực hiện theo nhiều cách: **(i)** một số nước hạ thuế thu nhập doanh nghiệp xuống mức rất thấp (*Barbados 5,5%, Uzbekistan 7,5%, Hungary 9%, Macedonia 10%, Ireland 12,5%...*); **(ii)** các thiên đường thuế đưa ra mức thuế suất 0% (*Cayman Islands, Bermuda, Bahamas...*); **(iii)** Nhiều quốc gia, khu vực cũng chịu áp lực từ việc doanh nghiệp đe dọa rút vốn, chuyển trụ sở đăng ký kinh doanh dẫn đến buộc phải giảm thuế (*Hoa Kỳ giảm từ 35% năm 2017 xuống còn 21% năm 2021, khu vực sử dụng đồng Euro - Eurozone giảm từ 36,8% năm 1995 xuống còn 22,7% năm 2020*),... khiến thuế suất trung bình của doanh nghiệp trên toàn cầu giảm từ 27% năm 2001 xuống còn 20,2% và năm 2021.

Hạ thuế suất đã trở thành công cụ của các quốc gia trong cuộc cạnh tranh thu hút và giữ chân doanh nghiệp. Nhiều quốc gia tham gia vào “cuộc đua xuống đáy” nhằm giảm thuế suất thu nhập doanh nghiệp (TNDN) về mức thấp nhất để thu hút đầu tư nước ngoài (ĐTNN). Đối tượng hưởng lợi là các Tập đoàn đa quốc gia, mặc dù có lợi nhuận cao, nhưng phải nộp thuế TNDN rất thấp, thậm chí không bị

¹ Liên Hợp Quốc ước tính thất thu thuế toàn cầu lên tới 500 - 600 tỷ USD/năm.

đánh thuế; bên cạnh đó, vấn đề chuyển lợi nhuận (chuyển giá) của các công ty đa quốc gia cũng ngày càng trở nên phức tạp, với các công cụ và biện pháp tinh vi.

Theo đó, OECD đã xác định ra 02 nhóm vấn đề quan trọng cần được giải quyết:

Thứ nhất, các quy tắc quản lý thuế hiện hữu chỉ cho phép lợi nhuận của một công ty nước ngoài bị đánh thuế ở nơi mà công ty đó có sự hiện diện vật lý. Tuy nhiên, trong thế giới số hiện nay, các doanh nghiệp có thể thực hiện hoạt động kinh doanh quy mô lớn ở các quốc gia mà không có hoặc có rất ít sự hiện diện vật lý tại những quốc gia này.

Thứ hai, hầu hết các quốc gia chỉ đánh thuế đối với thu nhập trong nước của các tập đoàn đa quốc gia của họ, theo đó không đánh thuế đối với các khoản thu nhập ở nước ngoài. Tuy nhiên, hiện nay, các tài sản vô hình, như là thương hiệu, bản quyền và bằng sáng chế cũng như việc các công ty có thể chuyển lợi nhuận sang các quốc gia đánh thuế thấp hoặc không đánh thuế, dẫn đến lợi nhuận nước ngoài của các tập đoàn đa quốc gia đều không bị đánh thuế hoặc đánh thuế thấp.

Trước hiện trạng trên, Diễn đàn “Hợp tác chung thực hiện các giải pháp chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận”² (Diễn đàn IF) đã tổ chức quá trình đàm phán giữa 139 nước thành viên về biện pháp đảm bảo các công ty đa quốc gia tuân thủ nghĩa vụ thuế, giảm bớt căng thẳng giữa các nước, củng cố sự ổn định của hệ thống thuế toàn cầu.

Ngày 05/6/2021, các Bộ trưởng Tài chính của Nhóm các nền kinh tế phát triển (G7) đã đạt thỏa thuận về thuế doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu, được ấn định là “ít nhất 15%”.

Ngày 09/07/2021, Bộ trưởng Tài chính và Thống đốc Ngân hàng trung ương của Nhóm các nền kinh tế phát triển và mới nổi hàng đầu thế giới (G20) đã thống nhất về nguyên tắc *Giải pháp Hai trụ cột nhằm giải quyết các thách thức thuế quan phát sinh trong quá trình số hóa nền kinh tế* (gọi tắt là Thỏa thuận thuế tối thiểu toàn cầu)³, bao gồm: (1) Trụ cột thứ nhất là phân bổ thuế đối với hoạt động kỹ thuật số (phân bổ lại quyền đánh thuế đối với các công ty đa quốc gia giữa nơi đặt trụ sở chính và nơi hoạt động kinh doanh)⁴; (2) Trụ cột thứ hai đặt ra mức thuế doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu 15% đối với các công ty đa quốc gia nhằm ngăn các công ty này chuyển lợi nhuận sang quốc gia có thuế suất thấp để tránh thuế.

Ngày 08/10/2021, Diễn đàn “Hợp tác toàn cầu về xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận” đã ban hành tuyên bố về Khung giải pháp Hai trụ cột để giải quyết các thách thức phát sinh từ nền kinh tế kỹ thuật số với sự đồng thuận của 136 nước thành viên (bao gồm Việt Nam).

² Do OECD và G20 kêu gọi thành lập vào tháng 01/2016, Việt Nam là thành viên thứ 100 của Diễn đàn vào tháng 7/2017.

³ Trước đó, Thỏa thuận Thuế tối thiểu toàn cầu đã nhận được sự ủng hộ của Nhóm các nền kinh tế phát triển (G7), Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) và 133/139 quốc gia tham gia Diễn đàn Hợp tác chung thực hiện Các giải pháp Chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận.

⁴ Cụ thể: cho phép các quốc gia (nơi các công ty đa quốc gia tạo ra doanh thu) đánh thuế một phần lợi nhuận (20 - 30% đối với phần lợi nhuận vượt trên biên độ 10%)

Ngày 31/10/2021 tại Rome (Ý), các nước G20 đã tán thành thỏa thuận được nêu trong Tuyên bố về giải pháp hai trụ cột để giải quyết những thách thức về thuế phát sinh từ nền kinh tế số do Diễn đàn IF công bố và kêu gọi Diễn đàn nhanh chóng xây dựng các quy tắc mẫu và hiệp định đa phương như đã thống nhất, nhằm đảm bảo các quy tắc mới sẽ có hiệu lực ở cấp độ toàn cầu vào năm 2023.

2. Một số nội dung chính của Trụ cột 2

2.1. Ba nguyên tắc cốt lõi của Trụ cột 2

Một là, nguyên tắc gộp thu nhập (Income Inclusion Rule – IIR)⁵: Cho phép các nước áp dụng mức thuế bổ sung với các công ty mẹ nếu thuế suất áp dụng trên lợi nhuận của các công ty con ở nước ngoài thấp hơn 15%.

Hai là, nguyên tắc đối với các khoản thanh toán chịu thuế dưới mức thuế suất tối thiểu toàn cầu (Undertaxed payment rule – UTPR)⁶: Đây là nguyên tắc hỗ trợ (*backstop*) cho nguyên tắc gộp thu nhập IIR nêu trên. Cụ thể, cho phép một quốc gia từ chối khấu trừ thuế đối với các khoản thanh toán xuyên biên giới giữa công ty mẹ với các công ty con nếu các khoản thanh toán đó không chịu thuế ở mức thuế suất 15%.

Ba là, nguyên tắc quyền đánh thuế của nước nguồn (Subject to tax rule – STTR)⁷: cho phép nước nguồn phát sinh thu nhập được quyền đánh thuế ở mức thuế suất tối thiểu 9% đối với một số khoản thanh toán nhất định cho bên liên kết chịu thuế ở dưới mức thuế suất tối thiểu 9% này. Các khoản thanh toán này dự kiến bao gồm: lãi tiền vay, tiền bản quyền và một số khoản thanh toán khác.

Ba nguyên tắc cốt lõi nêu trên được phối hợp áp dụng chặt chẽ, nhằm đảm bảo thu nhập của các công ty đa quốc gia phải chịu mức thuế suất tối thiểu 15% cũng như cho phép nước có nguồn phát sinh thu nhập (thường là các nước đang phát triển) được quyền đánh thuế ở mức thuế suất tối thiểu 9% đối với một số khoản thanh toán nhất định cho bên liên kết.

2.2. Về đối tượng áp dụng

Trụ cột 2 áp dụng với các công ty đa quốc gia có doanh thu hợp nhất toàn cầu hàng năm từ 750 triệu EUR (tương đương khoảng 870 triệu USD) trong ít nhất 2 năm trong giai đoạn 4 năm liền kề trước năm soát xét và dự kiến có hiệu lực từ năm 2024 tại một số quốc gia.

⁵ Ví dụ: Một công ty của Hàn Quốc có công ty con hoạt động tại Việt Nam, Công ty con được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và có thuế suất hiệu quả là 7%. Như vậy, mức thuế ở Việt Nam thấp hơn mức thuế tối thiểu là 8%. Do đó, Hàn Quốc sẽ yêu cầu công ty mẹ tại Hàn Quốc nộp phần 8% còn lại đối với phần thu nhập dưới mức thuế suất tối thiểu của công ty con tại Việt Nam.

⁶ Ví dụ: Công ty mẹ của Hàn Quốc chỉ trả cho công ty con tại Việt Nam một khoản thanh toán, nhưng công ty con tại Việt Nam chịu thuế (7%), dưới mức tối thiểu thì công ty mẹ thực hiện các khoản thanh toán cho công ty con nêu trên sẽ không được khấu trừ khoản thanh toán đó vào chi phí hoặc phải điều chỉnh tương ứng lên (15%) đối với phần thu nhập của công ty con tại Việt Nam chưa chịu mức thuế tối thiểu. Theo đó, Việt Nam được quyền thu thuế ở mức tối thiểu (15%) đối với khoản thanh toán nêu trên.

⁷ Ví dụ: Hiệp định thuế giữa Việt Nam và Hàn Quốc quy định mức thuế suất với tiền bản quyền là 5%. Trường hợp công ty Việt Nam thanh toán tiền bản quyền cho một công ty tại Hàn Quốc, tuy nhiên, mức thuế danh nghĩa đối với thu nhập từ tiền bản quyền tại Hàn Quốc thấp hơn mức thuế suất tối thiểu, thì Việt Nam có quyền đánh thuế bổ sung lên bằng mức tối thiểu (9%), mặc dù đã có quy định tại Hiệp định. Để thực hiện quy tắc này thì các nước phải tham gia Hiệp định đa phương.

3. Nhận xét

3.1. Quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu có vai trò quan trọng trong việc cân bằng sự chênh lệch về quy tắc thuế giữa các nước, và là một sáng kiến có khả năng tái thiết lập các hoạt động hợp tác đa phương. Việc các nước thống nhất ban hành Thỏa thuận thuế tối thiểu toàn cầu là xu hướng tất yếu nhưng mục tiêu triển khai các quy định mới sẽ còn phụ thuộc vào các nước thành viên (nhóm tích cực và nhóm bị tác động mạnh, như đã nêu ở trên).

Hiện nay, để thúc đẩy tiến trình nội luật hóa Quy tắc, ngày 02/2/2023, OECD cũng đã công bố chi tiết bản hướng dẫn cuối cùng đối với chính phủ các nước về cách thức đưa thuế tối thiểu toàn cầu vào các văn bản luật⁸, theo đó tiến gần hơn tới việc thực hiện cải cách này vào năm 2024⁹.

3.2. Đến nay, Việt Nam đã thu hút ĐTNN từ 142 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Trong đó, các đối tác ĐTNN lớn nhất của Việt Nam chủ yếu đến từ khu vực Đông Á, cụ thể trong nhiều năm qua Hàn Quốc, Nhật Bản và Singapore luôn dẫn đầu danh sách các nguồn ĐTNN vào Việt Nam¹⁰. Trong tương quan chung, Việt Nam vẫn là quốc gia nhập khẩu vốn ĐTNN.

Việt Nam đã tham gia xây dựng, ủng hộ sáng kiến thuế tối thiểu toàn cầu. Do đó, những động thái phản đối, hoặc không tiếp tục tham gia quy tắc sẽ tiềm ẩn rủi ro ảnh hưởng đến vai trò, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Các quốc gia của công ty mẹ có quyền thu phần thuế tối thiểu đối với thu nhập của công ty con tại Việt Nam mà không cần phải đàm phán lại các điều khoản của Hiệp định với Việt Nam, trừ trường hợp Việt Nam và các quốc gia đó đạt được thỏa thuận song phương nhằm không thực thi các điều khoản của quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu.

3.3. Việt Nam đã và đang hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, tham gia nhiều tổ chức quốc tế và khu vực, ký kết các hiệp định song phương và đa phương, do vậy, việc thực hiện chính sách cải cách thuế toàn cầu như Trụ cột 2 thuế tối thiểu toàn cầu là không tránh khỏi. Đồng thời, ngay cả khi việc thực thi quy tắc sẽ dẫn đến nhiều khó khăn, thách thức, Việt Nam không thể yêu cầu các quốc gia khác, đặc biệt là các đối tác đầu tư lớn của mình không tham gia quy tắc; mà trái lại, đây là cơ hội Việt Nam xem xét, đánh giá, nghiên cứu và hoàn thiện chính sách ưu đãi đầu tư nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động ĐTNN.

Trong bối cảnh trên, việc nghiên cứu điều chỉnh, sửa đổi khung pháp lý về thuế, ưu đãi đầu tư phù hợp với điều kiện thực tế là hết sức quan trọng và cấp bách, trong khi vẫn đảm bảo được các lợi thế của Việt Nam trong thu hút đầu tư; đồng thời đối với các dự án đang được hưởng ưu đãi về thuế TNDN mà có mức thuế suất hiệu quả thấp hơn 15% cần phải xem xét biện pháp bảo đảm đầu tư cho doanh nghiệp khi không còn được hưởng ưu đãi.

⁸ <https://www.oecd.org/tax/beps/international-tax-reform-oecd-releases-technical-guidance-for-implementation-of-the-global-minimum-tax.htm>

⁹ <https://www.oecd.org/tax/beps/agreed-administrative-guidance-for-the-pillar-two-globe-rules.pdf>

¹⁰ Lũy kế đến ngày 20/12/2022, số vốn đầu tư đăng ký của ba nước này chiếm tới hơn 50% tổng vốn đầu tư FDI vào Việt Nam, trong đó Hàn Quốc dẫn đầu với 9.534 dự án còn hiệu lực và tổng vốn đăng ký hơn 80 tỷ USD.

3.4. Các nhà đầu tư, đặc biệt là các công ty đa quốc gia đầu tư dự án mới cũng như mở rộng tại Việt Nam một phần chủ yếu là do sự ổn định của môi trường đầu tư cũng như cam kết về chính sách bảo đảm đầu tư kinh doanh trong trường hợp thay đổi luật pháp chính sách. Việc Việt Nam không có các giải pháp kịp thời đồng hành cùng doanh nghiệp sẽ ảnh hưởng đến quyết định đầu tư mở rộng hoặc duy trì đầu tư của các công ty đa quốc gia đang hoạt động tại Việt Nam và kéo theo sự sụt giảm việc thu hút các công ty vệ tinh khác; đồng thời giảm động lực đầu tư của các nhà đầu tư mới đang có kế hoạch đầu tư vào Việt Nam.

3.5. Trong trường hợp Việt Nam không có động thái điều chỉnh chính sách ưu đãi đầu tư và cơ chế thực hiện phù hợp thì việc áp dụng chính sách thuế suất tối thiểu toàn cầu sẽ làm giảm hiệu quả của chính sách ưu đãi thuế TNDN của Việt Nam; không còn hấp dẫn để giữ chân hoặc thu hút thêm vốn đầu tư mới từ các tập đoàn đa quốc gia tại Việt Nam; từ đó, ảnh hưởng đến vị thế cạnh tranh của Việt Nam so với các nước trong khu vực, cũng như ảnh hưởng đến việc thu hút nguồn vốn ĐTNN có chọn lọc, chất lượng cao.

Đồng thời, nếu không sớm nội luật hóa để điều chỉnh mức ưu đãi thuế TNDN lên tương đương với mức thuế tối thiểu toàn cầu (15%), Việt Nam sẽ không thu được phần thuế chênh lệch, các công ty đầu tư tại Việt Nam cũng không được hưởng các ưu đãi này vì sẽ bị các quốc gia của công ty mẹ thu.

3.6. Ngoài ra, nếu chính sách ưu đãi thuế hiện tại bị thay đổi bởi cơ chế thuế suất tối thiểu toàn cầu thì một mặt, Chính phủ phải đối diện với các cam kết về bảo hộ đầu tư cho các nhà đầu tư hiện đang sản xuất kinh doanh tại Việt Nam vẫn còn đang trong thời kỳ ưu đãi đầu tư; mặt khác là phải sửa đổi, ban hành các cơ chế ưu đãi để tiếp tục cạnh tranh với các nước trong khu vực để duy trì và thu hút vốn ĐTNN. Do đó, quyết định đầu tư của các doanh nghiệp, nhà ĐTNN sẽ phụ thuộc vào các yếu tố phi-thuế (Non-taxation) trong thời gian tới.

II. MỤC TIÊU XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH

1. Quan điểm xây dựng chính sách

a) Phù hợp với Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 và Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021 - 2030.

b) Đảm bảo lợi ích hài hòa giữa nhà đầu tư và nhà nước trên cơ sở: (i) phù hợp với các quy tắc của OECD; (ii) không vi phạm các cam kết quốc tế; và (iii) phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

2. Mục tiêu, yêu cầu xây dựng chính sách

a) Đảm bảo sức cạnh tranh và hấp dẫn của môi trường đầu tư Việt Nam;

b) Cần có tính chọn lọc, phù hợp với định hướng thu hút đầu tư và phát triển ngành, lĩnh vực, trong đó tập trung ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công

nghe mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu;

c) Tác động tối thiểu đến ngân sách nhà nước;

d) Ứng xử bình đẳng giữa các doanh nghiệp, hài hoà cho các đối tượng áp dụng, bao gồm doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu, nhà đầu tư mới (bao gồm cả nhà đầu tư trong nước và nước ngoài);

đ) Phù hợp với quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu thuộc Trụ cột 2 và hướng dẫn của OECD; không vi phạm các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

e) Đảm bảo tính khả thi, dễ thực hiện.

PHẦN II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

1. Các căn cứ

Tại Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 có đề ra các nhiệm vụ:

- Đổi mới cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư; xây dựng, bổ sung cơ chế khuyến khích đối với các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả, thực hiện tốt cam kết; phân biệt ưu đãi giữa các ngành, nghề đầu tư khác nhau. Có chính sách khuyến khích hợp tác, chuyển giao công nghệ dựa trên cơ sở thoả thuận, tự nguyện. Áp dụng nguyên tắc ưu đãi đầu tư gắn với việc đáp ứng các điều kiện, cam kết cụ thể và cơ chế hậu kiểm, yêu cầu bồi hoàn khi vi phạm các cam kết.

- Xây dựng thể chế, chính sách ưu đãi vượt trội, cạnh tranh quốc tế tạo điều kiện kinh doanh thuận lợi thu hút các dự án lớn, trọng điểm quốc gia, dự án công nghệ cao..., thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia đầu tư, đặt trụ sở và thành lập các trung tâm nghiên cứu - phát triển (R&D)

2. Xác định vấn đề bất cập:

2.1. Về pháp lý:

(1) Chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư của Việt Nam được quy định tại Chương III Luật Đầu tư 2020 và Chương III Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. Mức ưu đãi cụ thể đối với từng loại ưu đãi đầu tư áp dụng theo quy định của pháp luật về thuế, kế toán và đất đai.

(2) Hình thức ưu đãi đầu tư là miễn, giảm thuế, áp dụng theo tiêu chí lĩnh vực, địa bàn và các đối tượng mà Nhà nước khuyến khích phát triển. Các ưu đãi này đang được đánh giá là có tính cạnh tranh trong khu vực.

(Chi tiết tham khảo tại Phụ lục kèm theo)

(3) Các hình thức hỗ trợ đầu tư¹¹ bao gồm: (i) Hỗ trợ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào dự án đầu tư; (ii) Hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; (iii) Hỗ trợ tín dụng; (iv) Hỗ trợ tiếp cận mặt bằng sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ cơ sở sản xuất, kinh doanh di dời theo quyết định của cơ quan nhà nước; (v) Hỗ trợ khoa học, kỹ thuật, chuyển giao công nghệ; (vi) Hỗ trợ phát triển thị trường, cung cấp thông tin; (vii) Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển.

Khoản 2 Điều 18 Luật Đầu tư quy định: “*Căn cứ định hướng phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ, Chính phủ quy định chi tiết các hình thức hỗ trợ đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này¹² đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp đầu tư vào giáo dục, phổ biến pháp luật và các đối tượng khác.*”

So với các nước trong khu vực và trên thế giới, các hình thức hỗ trợ đầu tư tại Việt Nam được quy định tương đối đầy đủ tại Luật Đầu tư. Tuy nhiên, thực tế hiện nay, việc triển khai áp dụng hỗ trợ đầu tư còn nhiều khó khăn và chưa khả thi, do chưa có sự thống nhất giữa các quy định pháp luật. Cụ thể, pháp luật về ngân sách chưa có quy định cụ thể về việc chi ngân sách cho các hỗ trợ đầu tư quy định tại Điều 18 Luật Đầu tư.

Bên cạnh đó, để đem lại lợi thế cạnh tranh, một số quốc gia trên thế giới hiện đang áp dụng hình thức hỗ trợ đầu tư mới được các nhà đầu tư quan tâm và đánh giá cao (cụ thể: hỗ trợ dựa trên chi phí đầu tư, hỗ trợ về chi phí sản xuất sản phẩm ưu tiên và hỗ trợ về chi phí nghiên cứu và phát triển¹³). Tuy nhiên, các hình thức hỗ trợ đầu tư dựa trên chi phí đầu tư và chi phí sản xuất sản phẩm ưu tiên này chưa được pháp luật Việt Nam quy định.

Về cách thức hỗ trợ, các khoản hỗ trợ đầu tư có thể được cân trừ vào nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp hoặc sẽ được chi trả trực tiếp bằng tiền trích từ ngân sách nhà nước. Nội dung này cũng chưa được quy định cụ thể trong pháp luật về ngân sách nhà nước tại Việt Nam.

2.2. Về ảnh hưởng của thuế tối thiểu toàn cầu

(1) Thuế tối thiểu toàn cầu (Trụ cột 2) là sự thay đổi căn bản về cấu trúc thuế quốc tế, được thiết kế nhằm hạn chế việc giảm chuyển dịch lợi nhuận và cạnh tranh về thuế của các tập đoàn đa quốc gia và cạnh tranh “xuống đáy” về thuế của các quốc gia. Như đã báo cáo ở trên, trong khi các nước phát triển đang khản trương và chủ động áp dụng quy tắc này thì các nước đang phát triển đang cân nhắc kỹ lưỡng bài toán tăng nguồn thu (thông qua áp dụng cơ chế thuế tối thiểu nội địa bổ sung đạt chuẩn - QDMTT) nhưng vẫn phải đảm bảo tiếp tục cạnh tranh thu hút đầu tư (thông qua việc ban hành các hình thức ưu đãi mới phù hợp).

¹¹ Khoản 1 Điều 18 Luật Đầu tư.

¹² Quy định về hình thức hỗ trợ đầu tư.

¹³ Nội dung hỗ trợ về chi phí nghiên cứu và phát triển đã được quy định tại Khoản 1 Điều 18 Luật Đầu tư.

(2) Hiện nay, chính sách ưu đãi về tài chính của Việt Nam tập trung vào 03 lĩnh vực: (i) Ưu đãi về thuế TNDN, (ii) Ưu đãi về thuế xuất nhập khẩu và (iii) Ưu đãi về tài chính đất đai. Trong đó, ưu đãi về thuế TNDN sẽ chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các quy tắc tính thuế bổ sung thuế tối thiểu toàn cầu.

Chính sách ưu đãi thuế thu nhập gồm ưu đãi về thuế suất và ưu đãi về thời gian miễn, giảm thuế, trong đó gói ưu đãi thuế TNDN cao nổi bật đối với một dự án gồm: thuế suất 10% trong 15 năm, miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Về cơ bản, điều kiện để được hưởng ưu đãi thuế là phải đáp ứng tiêu chí về địa bàn ưu đãi, lĩnh vực ưu đãi, hoặc có quy mô lớn dựa trên vốn đầu tư kèm điều kiện về thời gian giải ngân, doanh thu hoặc lao động sử dụng.

Đặc biệt, năm 2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg quy định về ưu đãi đầu tư đặc biệt đối với các dự án đầu tư có tác động lớn đến phát triển kinh tế xã hội, trong đó bao gồm các dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 10.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm sẽ được hưởng mức ưu đãi thuế TNDN tối đa là miễn thuế 6 năm, giảm 50% số thuế trong 13 năm, và thuế suất ưu đãi 5% trong 37 năm, tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của dự án.

Khi Trụ cột 2 được áp dụng với mức thuế tối thiểu toàn cầu 15% (cho dù Việt Nam có lựa chọn áp dụng hay không), thì **ưu đãi** thuế TNDN đang áp dụng tại Việt Nam **sẽ không còn ý nghĩa**; dẫn đến Việt Nam sẽ không còn cạnh tranh trong thu hút, giữ chân các doanh nghiệp thuộc đối tượng này¹⁴.

(3) Bên cạnh phương án trợ cấp bằng tiền hoặc giảm trừ thuế có thể được hoàn lại đạt chuẩn, một số phương án khác có thể được cân nhắc như: áp dụng thuế suất ưu đãi với mức 15% suốt đời dự án; khấu trừ thêm chi phí, hoặc ưu đãi các loại thuế khác (giảm thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân...). Tuy nhiên, các phương án này sẽ không mang lại hiệu quả cao trong bối cảnh áp dụng Trụ cột 2 do việc áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu sẽ tác động trực tiếp đến phương án tài chính của doanh nghiệp đang hưởng ưu đãi theo thu nhập tại Việt Nam; đồng thời, số doanh nghiệp loại này tương đối nhiều, trong số đó nhiều doanh nghiệp có quy mô vốn đầu tư và lợi nhuận lớn (hàng tỷ đô la Mỹ). Trong khi đó, phương án ưu đãi các loại thuế khác là không đáng kể đối với tác động tài chính của thuế bổ sung theo cơ chế thuế tối thiểu toàn cầu.

Các hình thức như tăng mức chi phí được trừ khi tính thu nhập chịu thuế cũng sẽ không có tác dụng hỗ trợ thiết thực cho doanh nghiệp do về bản chất sẽ tác động vào thu nhập của doanh nghiệp và khi đó sẽ phát sinh thêm thuế phải nộp bổ sung theo công thức tính toán thuế suất hiệu quả (ETR) của thuế tối thiểu toàn cầu.

¹⁴ Tùy vào thời gian hoạt động của dự án hoạt động, các dự án này đang hưởng các mức thuế suất ưu đãi khác nhau, tuy nhiên phần nhiều sẽ thấp hơn nhiều so với mức thuế tối thiểu toàn cầu 15%. Theo đó, khi các quốc gia khác, đặc biệt là các quốc gia của Công ty mẹ của các doanh nghiệp này áp dụng quy tắc Thuế tối thiểu toàn cầu, các doanh nghiệp này sẽ chịu thiệt hại nặng nề do phần Thuế bổ sung nộp tại quốc gia của công ty mẹ đối với phần chênh lệch giữa mức thuế suất hiệu quả khi đang hưởng ưu đãi tại Việt Nam và thuế suất tối thiểu 15%.

(4) Ảnh hưởng đến mục tiêu thu hút vốn ĐTNN

Bên cạnh khả năng cải thiện các nguồn thu thuế từ các công ty công nghệ đa quốc gia có doanh thu lớn (các BigTech như: Netflix, Facebook, Google và các nền tảng thương mại điện tử khác), việc tham gia thỏa thuận thuế doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu khi được áp dụng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến dòng vốn FDI toàn cầu, trong đó các nước thu hút FDI thông qua các ưu đãi thuế như Việt Nam sẽ gặp nhiều khó khăn hơn. Mục tiêu thu hút vốn ĐTNN đầy tham vọng sẽ gặp thách thức rất lớn (giai đoạn 2021-2025 khoảng 150 - 200 tỉ USD, 30 - 40 tỉ USD/năm; giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 200 - 300 tỉ USD, 40 - 50 tỉ USD/năm)¹⁵.

Đặc biệt, nền kinh tế toàn cầu đang đứng trước nhiều thách thức nhanh chóng, khó lường. Năm 2023, World Bank dự báo triển vọng tăng trưởng GDP toàn cầu đạt 1,7%, thấp nhất trong gần 3 thập kỷ qua; IMF đưa ra dự báo lạc quan hơn ở mức 2,9%, tuy nhiên, vẫn thấp hơn đáng kể so với mức 3,4% ước tính của năm 2022. Bên cạnh đó, UNCTAD cho biết dòng vốn ĐTNN đã có dấu hiệu bão hòa và chững lại kể từ giữa năm 2022 và có thể giảm hoặc đi ngang trong năm 2023 so với mức phục hồi tích cực của năm 2021.

Thực tế tại Việt Nam, tình hình thu hút ĐTNN đã bắt đầu gặp nhiều khó khăn trong giai đoạn qua, với tổng vốn ĐTNN năm 2022 đạt 27,72 tỷ USD, chỉ bằng 89% so với năm 2021¹⁶ và bắt đầu thể hiện xu hướng giảm theo từng quý. Riêng tháng 1 năm 2023, vốn ĐTNN đăng ký đạt gần 1,69 tỷ USD, vốn thực hiện ước đạt 1,35 tỷ USD, giảm lần lượt 19,8% và 16,3% so với cùng kỳ năm 2022.

(5) Tác động đến kế hoạch mở rộng đầu tư của các dự án hiện hữu

Việc mở rộng đầu tư của các dự án hiện hữu cũng có nguy cơ giảm sút (trong khi Việt Nam đặt mục tiêu vốn thực hiện 20 - 30 tỉ USD/năm cho giai đoạn 2021 - 2025; 30 - 40 tỉ USD/năm cho giai đoạn 2026 - 2030). Nguyên nhân do rất nhiều dự án quy mô lớn đang thuộc ngành công nghệ cao, ngành ưu đãi đầu tư với mức thuế suất thấp hơn 15%. Nếu áp dụng mức thuế tối thiểu toàn cầu là 15%, thì những lợi ích mang lại từ chính sách ưu đãi thuế mà các công ty này được hưởng tại Việt Nam sẽ không còn nữa, từ đó ảnh hưởng đến tính hấp dẫn của thị trường Việt Nam trong thu hút ĐTNN.

Trên thực tế, trong thời gian qua, nhiều tín hiệu cho thấy rằng các tập đoàn, nhà đầu tư lớn đã bộc lộ quan điểm thận trọng đối với hoạt động đầu tư mới cũng như kế hoạch mở rộng đầu tư tại Việt Nam vì một số lý do khách quan và chủ quan, trong đó có việc Việt Nam vẫn chưa có động thái rõ ràng về việc triển khai quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu. Ví dụ: *(i)* tháng 12 năm 2022, Tập đoàn LG (Hàn Quốc) tạm dừng kế hoạch đầu tư mở rộng nhà máy trị giá 5 tỉ USD tại Việt Nam; *(ii)* quá trình đàm phán chính sách kéo dài đã ảnh hưởng đến tiến độ mở rộng đầu tư của Tập đoàn Intel (Hoa Kỳ); *(iii)* Tập đoàn GenX (Hoa Kỳ) tuyên bố tạm dừng hoạt động khảo sát và rút khỏi thị trường Việt Nam do gặp nhiều vướng mắc về chính sách. Ngoài ra, các nhà đầu tư Hàn Quốc như Samsung, SK, một số đối tác gia công sản xuất (OEM)

¹⁵ Mục 3 Phần II Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.

¹⁶ Thời điểm các nước G20 tán thành thỏa thuận thuế tối thiểu toàn cầu.

của Apple và các nhà đầu tư Nhật Bản, vốn đã cẩn thận trong quá trình đầu tư, cũng bày tỏ quan điểm quan ngại rằng về khả năng mất đi sự hấp dẫn của môi trường đầu tư dẫn đến việc mất lợi thế cạnh tranh trong thu hút đầu tư, đồng thời mất đi khoản thu thuế hợp lý đáng kể nếu Việt Nam không có những quyết sách phù hợp để triển khai và ứng phó với các tác động của quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu.

Qua thống kê, hiện nay có khoảng 335 dự án có số vốn đầu tư đăng ký trên 100 triệu USD¹⁷ hoạt động đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tại các khu kinh tế và khu công nghiệp và đang được hưởng ưu đãi thuế TNDN thấp hơn 15%, trong đó, thường là các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ cao (như Samsung, Intel, LG, Bosch, Sharp, Panasonic, Foxconn, Pegatron...). Theo đó, tuy chỉ chiếm khoảng 1% số dự án nhưng tổng vốn đầu tư đăng ký của các loại dự án này lại chiếm gần 30% tổng vốn FDI tại Việt Nam (đạt khoảng 131,3 tỷ USD). Với việc hưởng các ưu đãi thuế TNDN thấp hơn mức 15%, đây là các dự án có khả năng sẽ bị ảnh hưởng khi thuế tối thiểu toàn cầu được áp dụng. Do thuế tối thiểu toàn cầu sẽ chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có doanh thu hợp nhất toàn cầu trên 750 triệu EUR, trong thời gian tới, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ phối hợp cùng Bộ Tài chính để rà soát và có thống kê cụ thể về số lượng các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam bị ảnh hưởng khi thuế tối thiểu toàn cầu được áp dụng.

(6) Niềm tin của các nhà đầu tư giảm sút

Việc giữ nguyên ưu đãi cho các dự án đã cấp trước đó¹⁸, về nguyên tắc sẽ không ảnh hưởng đến cam kết của Việt Nam với nhà đầu tư; nhưng *nếu không có giải pháp, thì mức ưu đãi này sẽ là vô nghĩa* với họ (vì vẫn phải nộp mức chênh lệch tại quốc gia đặt trụ sở). Qua đó, ảnh hưởng đến mức độ “thiện chí đồng hành” của Việt Nam với cộng đồng nhà đầu tư, dễ bị gắn với hình ảnh “đem con bỏ chợ”.

(7) Gia tăng áp lực đối với công tác quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài

Công tác quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài, đặc biệt trong công tác thu thuế đối với các công ty đa quốc gia trước mắt sẽ có những khó khăn do: (i) yêu cầu phải có hệ thống hành lang pháp lý hoàn chỉnh, nguồn nhân lực và hạ tầng công nghệ phát triển để có thể rà soát, bóc tách từng giao dịch, xác định chính xác, đầy đủ từng loại doanh thu, lợi nhuận của các công ty đa quốc gia; (ii) việc kết nối hệ thống cơ sở dữ liệu, thu thập, trao đổi thông tin giữa các cơ quan chức năng trong và ngoài nước phục vụ công tác quản lý thuế các công ty đa quốc gia còn hạn chế; (iii) mức độ hoàn thiện các quy trình quản lý chưa được đồng bộ, mức độ liên kết và tích hợp giữa các quy trình nghiệp vụ chưa cao do chưa có mô hình tổng thể tái thiết kế các quy trình nghiệp vụ theo luồng công việc gắn kết với ứng dụng công nghệ thông tin; (iv) chất lượng nguồn nhân lực, các phương pháp, kỹ năng thanh tra, kiểm tra chưa theo kịp với sự phát triển nhanh chóng của các

¹⁷ (i) Từ 100 – 200 triệu USD: 184 dự án với tổng VĐTĐK đạt 24,3 tỷ USD; (ii) Từ 200 – 500 triệu USD: 108 dự án với tổng VĐTĐK đạt 30 tỷ USD; (iii) từ 500 triệu USD đến 1 tỷ USD: 18 dự án với tổng VĐTĐK đạt 11,16 tỷ USD; và (iv) trên 1 tỷ USD: 25 dự án với tổng VĐTĐK đạt 65,8 tỷ USD.

¹⁸ Trụ cột 2 không quy định các nước phải nâng mức thuế TNDN lên 15% mà chỉ đưa ra cơ chế để thu thuế trong trường hợp các tập đoàn đa quốc gia có công ty con nộp thuế dưới mức 15% tại một quốc gia này sẽ bị đánh thuế bổ sung lên mức 15% ở quốc gia có công ty mẹ để đảm bảo đạt mức thuế suất tối thiểu toàn cầu.

công ty đa quốc gia và các mô hình kinh doanh mới¹⁹.

3. Các giải pháp giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư mới

b) Giải pháp 2:

- Áp dụng các chính sách hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng: (i) Doanh nghiệp có dự án đầu tư có quy mô vốn trên 12.000 tỷ đồng hoặc đạt doanh thu trên 20.000 tỷ đồng/năm trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm công nghệ cao; (ii) Doanh nghiệp công nghệ cao có dự án đầu tư có quy mô vốn trên 12.000 tỷ đồng hoặc đạt doanh thu trên 20.000 tỷ đồng/năm; (iii) Doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao có quy mô vốn trên 12.000 tỷ đồng hoặc đạt doanh thu trên 20.000 tỷ đồng/năm; và (iv) Doanh nghiệp đầu tư dự án trung tâm nghiên cứu và phát triển có quy mô vốn trên 3.000 tỷ đồng.

- Các hình thức hỗ trợ đầu tư: (i) Hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; (ii) Hỗ trợ chi phí đầu tư tạo tài sản cố định; (iii) Hỗ trợ chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao; và (iv) Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển.

- Phương thức hỗ trợ đầu tư: được căn trừ vào nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp hoặc được chi trả trực tiếp bằng tiền trích từ ngân sách nhà nước.

- Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm để thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư tại Nghị quyết.

- Chính phủ quy định chi tiết mức hỗ trợ, trình tự, thủ tục áp dụng các hình thức hỗ trợ đầu tư quy định nêu trên.

4. Đánh giá tác động của các giải pháp

4.1. Giải pháp 1

Trong trường hợp Việt Nam không có động thái điều chỉnh chính sách ưu đãi đầu tư và cơ chế thực hiện phù hợp thì việc áp dụng chính sách thuế suất tối thiểu toàn cầu sẽ làm ảnh hưởng đến quá trình thu hút, quản lý đầu tư nước ngoài tại Việt Nam như đã phân tích tại phần I.3 và II.2.2 nêu trên.

4.2. Giải pháp 2

4.2.1. Lý do lựa chọn các giải pháp

4.2.1.1. Về đối tượng áp dụng hỗ trợ đầu tư

Việc lựa chọn doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao và xây dựng trung tâm nghiên cứu và phát triển là vì: **(i)** tiêu chí xác định doanh nghiệp cao và doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao đã được

¹⁹ Ví dụ như trong trường hợp Amazon, có vốn hóa thị trường hơn 1.000 tỷ USD, doanh thu ròng năm 2020 đạt hơn 380 tỷ USD nhưng tỷ suất lợi nhuận chỉ đạt 6,3%. Mặc dù vậy, mảng kinh doanh dịch vụ điện toán đám mây của công ty này với doanh thu 45 tỷ USD trong năm 2020 vẫn đạt tỷ suất lợi nhuận trên 30%.

quy định tại pháp luật công nghệ cao²⁰; (ii) phù hợp với định hướng thu hút đầu tư nước ngoài của Việt Nam²¹ trong thời gian tới.

Quy mô vốn đầu tư hiện nay được quy định tại văn bản pháp luật về đầu tư và thuế, theo đó sẽ có 03 mức 6.000 tỷ đồng²², 12.000 tỷ đồng²³ và 30.000 tỷ đồng²⁴. Việc lựa chọn quy mô vốn đầu tư trên 12.000 tỷ đồng nhằm mục đích: (i) thu hẹp được đối tượng áp dụng để bảo đảm không bội chi ngân sách cho hỗ trợ đầu tư; (ii) khuyến khích các tập đoàn đa quốc gia có các công ty thành viên tăng vốn đầu tư. Riêng quy mô vốn đầu tư đối với trung tâm nghiên cứu và phát triển cũng đã được quy định tại Điều 20 Luật đầu tư²⁵ (vốn tối thiểu 3.000 tỷ đồng).

Quy định về ưu đãi đầu tư đối với các dự án đầu tư đạt doanh thu trên 20.000 tỷ đồng đã được quy định tại pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp²⁶. Đồng thời, với việc áp dụng tiêu chí doanh thu 20.000 tỷ đồng sẽ khuyến khích doanh nghiệp công nghệ cao kinh doanh hiệu quả, sản xuất sản phẩm có giá trị lớn, qua đó thúc đẩy phát triển ngành công nghệ cao tại Việt Nam.

Như vậy, đối tượng áp dụng đã được quy định tại các văn bản pháp luật liên quan, không phải là nội dung mới được quy định sau khi thuế tối thiểu toàn cầu được ban hành. Điều này đảm bảo sự phù hợp với các quy định của OECD.

4.2.1.2. Về hình thức hỗ trợ đầu tư:

Theo Ngân hàng thế giới²⁷, các loại hình đầu tư của nhiều nhà đầu tư được thúc đẩy bởi nhiều yếu tố khác nhau và được đặc trưng bởi những lợi ích, cơ hội và thách thức riêng biệt đối với nền kinh tế của từng quốc gia thu hút. Tuy nhiên, các quốc gia khi xem xét xây dựng chính sách tư có thể xác định bốn loại hình đầu tư dựa trên động cơ của nhà đầu tư bao gồm: (i) Đầu tư tìm kiếm tài nguyên

²⁰ Quyết định số 10/2021/QĐ-TTg ngày 16/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao; Thông tư 32/2011/TT-BKHHCN ngày 11/5/2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2020/TT-BKHHCN ngày 28/9/2020)

²¹ (i) Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030; (ii) Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 02/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021-2030.

²² Điều 15 Luật Đầu tư 2020.

²³ Khoản 1 Điều 13 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 (sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế năm 2014)

²⁴ Điều 20 Luật Đầu tư 2020.

²⁵ Điểm a Khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư

²⁶ Khoản 5 Điều 13 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 (sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế năm 2014) quy định việc kéo dài thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi với các dự án có mức doanh thu trên 20.000 tỷ đồng.

²⁷ Tại các báo cáo: (i) Why does efficiency-seeking FDI matter (2/2016): <https://blogs.worldbank.org/psd/why-does-efficiency-seeking-fdi-matter>; (ii) What Investors want (3/2018): <https://documents1.worldbank.org/curated/en/168711522241146651/pdf/WPS8386.pdf>; (iii) Investment Motivation Survey (5/2016): <https://documents1.worldbank.org/curated/en/727941530222301892/pdf/Investment-Motivation-Survey.pdf>

thiên nhiên²⁸; (ii) Đầu tư tìm kiếm thị trường trong nước²⁹; (iii) Đầu tư tìm kiếm tài sản chiến lược³⁰; và (iv) Đầu tư tìm kiếm hiệu quả³¹.

Đồng thời, các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn địa điểm đầu tư chỉ ra rằng 3 yếu tố được nhà đầu tư xem là quan trọng nhất bao gồm: (i) An ninh và sự ổn định chính trị, (ii) Ưu đãi đầu tư và (iii) Khả năng dự báo chính sách kinh doanh.

- Đối với trường hợp của Việt Nam, Việt Nam đang có các thế mạnh về an ninh và sự ổn định chính trị, vị trí địa lý thuận lợi cho việc giao thương và cung ứng, độ mở của nền kinh tế với 15 FTAs có hiệu lực. Các đặc điểm này cho phép Việt Nam có thể theo đuổi các chính sách để thu hút nhóm tập đoàn đa quốc gia tìm kiếm hiệu quả với điển hình là các tập đoàn sản xuất quy mô lớn và có năng lực liên kết chặt chẽ với chuỗi giá trị toàn cầu.

Do đó, với mục tiêu tổng thể của chính sách hỗ trợ đầu tư được quy định trong Nghị quyết là nhằm giữ chân và thu hút các nhà đầu tư lớn, các khoản hỗ trợ đầu tư cũng cần đủ hấp dẫn và tương xứng với các kỳ vọng lợi ích mà nhà đầu tư, trong đó tập trung vào các chi phí phát sinh lớn như chi phí đào tạo nhân lực, chi phí sản xuất, chi phí đầu tư tài sản cố định, chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao và chi phí nghiên cứu và phát triển. Việc không hỗ trợ dàn trải nhiều chi phí cho doanh nghiệp thuộc đối tượng vừa đảm bảo tính mục tiêu của chính sách, đồng thời hạn chế dư luận trái chiều khi cho rằng các đối tượng của Nghị quyết, trên hình thức, được cung cấp quá nhiều hỗ trợ vì chính sách thuế tối thiểu toàn cầu chỉ làm mất hoặc hạn chế tác dụng của các chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp với các nhà đầu tư quy mô lớn trong khi vẫn phát huy hiệu quả với các nhóm nhà đầu tư khác.

(3) Thông báo số 122/TB-VPCP ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu *đề xuất các loại hình hỗ trợ khác như: chuyển giao công nghệ, nhà ở xã hội, hợp tác xã cho công nhân và tiếp cận tăng trưởng năng lượng xanh. Tuy nhiên các hình thức này về cơ bản sẽ chưa phù hợp đối với mục tiêu của Nghị quyết, cụ thể:*

²⁸ Loại hình đầu tư này xảy ra khi nhà đầu tư tìm cách tiếp cận tài nguyên cụ thể theo địa điểm (ví dụ: kim cương, dầu mỏ, khí đốt tự nhiên, than đá và các tài nguyên khoáng sản và khai thác khác, cũng như các nguồn năng lượng tái tạo). Mặc dù loại hình đầu tư này có thể tạo ra doanh thu xuất khẩu và tài chính đáng kể, nhưng nước sở tại sẽ được hưởng nhiều lợi ích hơn nếu quá trình xử lý giá trị gia tăng diễn ra trong nước và nếu một hệ sinh thái cạnh tranh của các nhà cung cấp địa phương về hàng hóa và dịch vụ khác nhau được sử dụng trong khai thác có thể được tạo ra một cách bền vững.

²⁹ Loại hình đầu tư này được thúc đẩy bởi tiềm năng cung cấp hàng hóa và dịch vụ cho khách hàng trong nước sở tại hoặc thị trường khu vực. Loại hình này gần như hoàn toàn phụ thuộc vào quy mô và đặc điểm của thị trường. Loại hình FDI này là một phương tiện quan trọng để công nghiệp hóa một quốc gia, vì có tiềm năng phát triển mối liên kết với nền kinh tế địa phương, nâng cao chất lượng của các nhà cung cấp địa phương, tạo ra sự cạnh tranh, tăng năng suất và hạ giá cho người tiêu dùng.

³⁰ Loại hình đầu tư này được sử dụng để mua tài sản chiến lược bất động, thông tin kinh doanh, công nghệ độc quyền và thương hiệu. Loại hình này đòi hỏi nhà đầu tư phải mua lại các công ty sở hữu tài sản chiến lược và sở hữu mạng lưới các chi nhánh của công ty.

³¹ Loại hình đầu tư này được thúc đẩy khi các nhà đầu tư tìm cách tăng hiệu quả chi phí sản xuất bằng cách tận dụng các yếu tố cải thiện khả năng cạnh tranh ở cấp độ doanh nghiệp. Ví dụ như khả năng tận dụng chi phí lao động thấp hơn hoặc năng suất lao động cao hơn, tiếp cận mặt bằng sản xuất dễ dàng hơn hoặc rẻ hơn, tiếp cận thị trường xuất khẩu dễ dàng hơn hoặc thậm chí ưu đãi hơn, tiếp cận các nguyên vật liệu đầu vào và linh kiện chính thuận lợi hơn, hay các mô hình sản xuất và cung ứng quốc tế hiệu quả hơn. So với 3 nhóm trên, đây là nhóm đóng vai trò quan trọng cho các quốc gia đang tìm kiếm cơ hội hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu và tiến lên trong chuỗi giá trị.

(i) *Hình thức hỗ trợ chuyển giao công nghệ*: chuyển giao công nghệ đã được hỗ trợ theo quy định của pháp luật về công nghệ, được bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ riêng từ các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia, các quỹ phát triển khoa học và công nghệ³². Theo đó đối với chính sách hỗ trợ đầu tư thí điểm theo Nghị quyết lần này đề xuất không đưa đối tượng hỗ trợ chuyển giao công nghệ vào để tránh trùng lặp, tập trung ngân sách để khuyến khích các hình thức ưu đãi đầu tư mới (chi phí nghiên cứu và phát triển, chi phí sản xuất, chi phí đầu tư tài sản cố định, chi phí hỗ trợ đào tạo và phát triển nhân lực) là các khoản chi trọng yếu, có tác dụng hỗ trợ thiết thực cho doanh nghiệp, có tác dụng thu hút các dự án chiến lược.

(ii) *Hình thức hỗ trợ nhà ở xã hội, hợp tác xã cho công nhân*: mặc dù đây là hình thức hỗ trợ mang nhiều giá trị nhân văn và bền vững cho doanh nghiệp; tuy nhiên, đây là hình thức đã được Nhà nước hỗ trợ bằng nhiều chính sách khác thông qua Luật Đất đai, Luật Nhà ở, hỗ trợ tín dụng,... Mặt khác, trong bối cảnh xây dựng các chính sách hỗ trợ đầu tư có tác dụng thay thế chính sách ưu đãi đầu tư bị giảm hiệu quả bởi Thuế tối thiểu toàn cầu thì hình thức hỗ trợ này chưa đủ mức độ hấp dẫn với các nhà đầu tư. Do đó, không nên lồng ghép vào chính sách hỗ trợ đầu tư đặc thù này mà có thể nghiên cứu cân nhắc đưa vào các kế hoạch cải thiện môi trường đầu tư tại các văn bản quy định khác.

(iii) *Tiếp cận tăng trưởng năng lượng xanh*: mặc dù là hình thức hỗ trợ mang tính chất bền vững và đi theo xu hướng chung của thế giới. Tuy nhiên, căn cứ trên tình hình thực tiễn triển khai năng lượng xanh của Việt Nam, chúng ta vẫn cần thêm thời gian để phát triển thêm về năng lực cơ sở. Việc đưa ra hình thức hỗ trợ không tương xứng với năng lực hiện có sẽ làm chính sách không đạt được hiệu quả kỳ vọng. Đồng thời, hiện nay, tại Bộ Công Thương cũng đang được Chính phủ giao nghiên cứu, đề xuất áp dụng các công cụ tài chính, cơ chế khuyến khích, nâng cao khả năng tiếp cận tài chính đối với các dự án đầu tư vào sử dụng hiệu quả năng lượng³³.

4.2.1.3. Về phương thức hỗ trợ đầu tư:

- Phù hợp với các khuyến nghị của OECD trong quá trình xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư khi thuế tối thiểu toàn cầu được áp dụng.

- Đây là các hình thức hỗ trợ đầu tư mà các quốc gia trong khu vực đang áp dụng, trong khi đó tại Việt Nam thì chưa được cụ thể tại các văn bản pháp luật.

4.2.1.4. Về mức hỗ trợ đầu tư:

(1) *Giải pháp 1*: quy định mức hỗ trợ trần trên tổng mức đầu tư

a) Ưu điểm: (i) Dễ dàng xác định được số tiền tối đa cần chi hỗ trợ cho từng doanh nghiệp; (ii) Phù hợp với các kêu gọi các dự án đầu tư mới hỗ trợ bằng tiền ngay một lần để xây dựng nhà máy sản xuất.

b) Nhược điểm: (i) Vốn đầu tư là một chỉ tiêu cố định không có mối liên hệ chặt chẽ với kết quả kinh doanh của doanh nghiệp và số thu thuế bổ sung vào

³² Chính sách hỗ trợ chuyển giao công nghệ hiện hành được quy định tại Điều 8 Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

³³ Mục IV.1.d Điều 1 Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050.

ngân sách nên việc đưa ra mức trần trên vốn đầu tư không gắn việc kiểm soát ngân sách với các chính sách khuyến khích đầu tư theo hướng hiệu quả; (ii) không chế ưu đãi hỗ trợ dựa trên tổng mức đầu tư có thể gây bất lợi cho các công ty công nghệ cao lớn như Samsung có quy mô doanh thu lớn, khả năng sinh lời trên vốn đầu tư cao (khả năng sinh lời nhờ vào công nghệ cao), nộp thuế nhiều. Trong khi đó các công ty có vốn đầu tư lớn nhưng hoạt động không hiệu quả, doanh thu thấp, tỷ suất sinh lời trên vốn đầu tư thấp thậm chí lỗ thì sẽ nhận được nhiều hỗ trợ. Dẫn đến đi ngược lại với mục tiêu thu hút các doanh nghiệp công nghệ cao, quy mô lớn và có ảnh hưởng kinh tế xã hội³⁴. (iii) Không chế dẫn đến không công bằng giữa các nhà đầu tư: Vì vốn đầu tư không có mối liên hệ chặt chẽ đến kết quả kinh doanh nên sẽ có sự không công bằng giữa các nhà đầu tư³⁵.

(2) *Giải pháp 2: Quy định mức hỗ trợ trần trên doanh thu*

a) Ưu điểm: (i) Dễ xác định; (ii) Doanh thu là chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm của doanh nghiệp, có mối liên hệ tương đối với số thuế nộp bổ sung, phản ánh được đóng góp về việc làm, chuỗi cung ứng, kim ngạch xuất nhập khẩu, tác động kinh tế xã hội. Do đó, quy định mức trần trên doanh thu vừa có tác dụng kiểm soát ngân sách tốt hơn mức trần trên vốn đầu tư vừa tạo sự công bằng giữa các đối tượng được hỗ trợ.

b) Nhược điểm: (i) Chỉ tiêu doanh thu có liên quan đến xác định lợi nhuận, mà lợi nhuận là chỉ số dùng để tính thuế nên có thể có khả năng OECD sẽ chất vấn là hỗ trợ có liên quan đến nghĩa vụ thuế nộp bổ sung; (ii) Không có nhiều tác dụng trong việc kiểm soát ngân sách.

(3) *Giải pháp đề xuất của Bộ Kế hoạch và Đầu tư*: Căn cứ các phân tích nêu trên, có thể nhận thấy việc đưa ra mức chi hỗ trợ đầu tư tối đa theo tổng vốn đầu tư hay doanh thu không có nhiều tác dụng trong việc kiểm soát ngân sách mà còn có thể hạn chế thu hút đầu tư hoặc không hỗ trợ đến đúng đối tượng cần khuyến khích làm giảm hiệu quả của chính sách thu hút đầu tư.

Do đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất phương án không quy định chi hỗ trợ đầu tư tối đa theo tổng vốn đầu tư hay doanh thu, mà thay vào đó kiến nghị phương án: “*Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm để thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư tại Nghị quyết*”. Đồng thời, giao Chính phủ quy định chi tiết mức hỗ trợ, trình tự, thủ tục áp dụng các hình thức hỗ trợ đầu tư quy định tại Nghị quyết.

4.2.2. Sự phù hợp với các quy tắc OECD

Nhằm đạt được mục tiêu của chính sách chống xói mòn cơ sở tính thuế và chuyển dịch lợi nhuận, OECD cũng có khuyến nghị một số nội dung nhằm tránh hiện tượng đảo ngược chính sách, cụ thể là cấm các quốc gia cung cấp các lợi ích có liên quan đến các quy tắc của Trụ cột II.

³⁴ như Samsung, LG, Intel,...

³⁵ Ví dụ, Nhà đầu tư A và B cùng có mức vốn đầu tư là 12,000 tỷ. Nhà đầu tư A có tỷ suất lợi nhuận cao, phải nộp thuế bổ sung cao trong khi Nhà đầu tư B có tỷ suất lợi nhuận thấp phải nộp thuế thấp hơn. Nếu đưa ra mức không chế hỗ trợ theo % số vốn đầu tư thì cả 2 nhà đầu tư A và B cùng chịu chung một mức không chế ưu đãi. Như vậy không công bằng đối với nhà đầu tư có tỷ suất lợi nhuận cao.

(1) Định nghĩa “lợi ích có liên quan” theo quy định của Trụ cột II

Theo Luận giải (Commentary) hướng dẫn chi tiết các Quy tắc mẫu³⁶, khái niệm “lợi ích” được diễn giải như sau:

Thuật ngữ “các lợi ích” là bao quát và toàn diện để điều chỉnh bất kỳ loại lợi thế nào được cung cấp bởi một khu vực pháp lý, bao gồm các ưu đãi về thuế và trợ cấp; và cụm từ “liên quan đến các quy tắc” được soạn thảo có chủ ý với phạm vi rộng để tính đến các cơ chế khác nhau mà qua đó lợi ích được cung cấp.

The word “benefits” is comprehensive enough to cover any kind of advantage provided by a jurisdiction, including tax incentives, grants, and subsidies and the phrase “related to such rules” is intentionally drafted with broad language to take into account different mechanisms through which the benefit is provided.

(2) Chủ thể cung cấp “lợi ích có liên quan”

Theo Điểm 126 trang 213 tại bản Luận giải của OECD, khi xem yếu tố “khu vực pháp lý” cung cấp các lợi ích có liên quan đến việc áp dụng các quy tắc của Trụ cột II, khái niệm “khu vực pháp lý” không chỉ là quốc gia hoặc chính quyền trung ương của khu vực pháp lý đó, mà còn bao gồm bất kỳ các phân khu chính trị, chính quyền địa phương, hoặc bất kỳ tổ chức công lập. Ví dụ, nếu một ngân hàng phát triển công lập cung cấp một lợi ích cụ thể liên quan đến việc áp dụng quy tắc thu nhập gộp IIR, thì quy tắc thu nhập gộp IIR áp dụng tại khu vực pháp lý đó không được coi là đạt chuẩn.

In this context, the term “jurisdiction” is not restricted to the national or central government of the jurisdiction. It includes any political subdivision, local authority, or any other public entity or arrangement. For example, if a public development bank provides a particular benefit that is related to the application of the IIR, then such rule is not a Qualified IIR.

(3) Mục đích cấm cung cấp các “lợi ích có liên quan”

Yêu cầu “các khu vực pháp lý không được cung cấp bất kỳ lợi ích liên quan đến các quy tắc” của Trụ cột II được quy định trong định nghĩa về IIR, UTPR, DMTT đạt chuẩn tại Quy tắc mẫu (Model Rules)³⁷ và diễn giải các định nghĩa này trong Bản luận giải (Commentary)³⁸.

Mục đích của các quy định cấm này là để tránh các nước áp dụng các biện pháp đối ứng mang tính chất tiêu cực hoặc đi ngược lại với mục tiêu chung của

³⁶ Điểm 123 trang 213 của Commentary

³⁷ Nội dung này quy định rả rác trong định nghĩa Thuế tối thiểu nội địa đạt chuẩn (Qualified Domestic Minimum Top-up Tax), Quy tắc gộp thu nhập chịu thuế đạt chuẩn (Qualified IIR), Quy tắc nộp thuế thặng dư (Qualified UTPR) tại trang 64, 65 của Quy tắc mẫu (OECD Model Rule).

³⁸ Ví dụ tại Điểm 141 trang 216 của Commentary khi diễn giải về UTPR đạt chuẩn có nêu “The definition **prohibits** a jurisdiction from providing benefits that are related to the IIR or the UTPR that it has implemented. See discussion on this in the Commentary to the definition of a Qualified IIR. – Định nghĩa này cấm các khu vực pháp lý cung cấp các lợi ích có liên quan đến việc thực hiện quy tắc IIR hoặc UTPR

Trụ cột II là chống xói mòn cơ sở tính thuế và chuyển lợi nhuận, đồng thời tạo cơ hội để các nước tái cấu trúc hệ thống ưu đãi theo hướng có hiệu quả hơn.

Mục đích này có thể được hiểu thông qua diễn giải về Thuế tối thiểu bổ sung nội địa đạt chuẩn (QDMTT) tại Điểm 116 trang 212 của Commentary như sau³⁹:

*Thuế bổ sung nội địa được coi là là đạt chuẩn nếu được áp cho phần Lợi nhuận thặng dư của các Công ty trong nước nhằm tăng nghĩa vụ thuế lên Mức tối thiểu chung toàn cầu. Việc đánh thuế bổ sung nội địa phải được thực hiện và quản lý để tạo ra kết quả tương đương như khi áp dụng Quy tắc GloBE và các Luận giải, bao gồm cả việc cấm các khu vực pháp lý cung cấp bất kỳ lợi ích có liên quan đến thuế nội địa đó. Giới hạn về “lợi ích” này **không nhằm mục đích hạn chế khả năng của một khu vực pháp lý tiến hành cải cách hệ thống thuế thu nhập** doanh nghiệp của mình theo hướng phù hợp với cấu trúc thuế quốc tế mới được quy định trong Quy tắc GloBE. Những cải cách sau khi áp dụng thuế tối thiểu nội địa này không nên được coi là một “lợi ích” với điều kiện là nghĩa vụ thuế sau cải cách của Tập đoàn đa quốc gia, về mặt tổng thể, **không đi ngược lại với mục đích, định hướng** của các quy định tại Quy tắc GloBE và các Luận giải tương ứng.*

Do đó, các chính sách trợ cấp trực tiếp (không thông qua hệ thống thuế) hoặc QRTC (cho phép cân trừ với các loại thuế khác) sẽ ít rủi ro bị coi là lợi ích trực tiếp liên quan đến QDMTT.

(4) Cơ sở đánh giá việc cung cấp các “lợi ích có liên quan”

Theo Commentary của OECD, để xem xét liệu một lợi ích có liên quan đến Quy tắc mẫu của Trụ cột II hay không cần phải xem xét toàn bộ các tình tiết, sự kiện và hoàn cảnh của từng vụ việc. Trong đó phải xem xét nguyên tắc cơ bản của Trụ cột II là tạo ra một sân chơi bình đẳng giữa tất cả các khu vực pháp lý và tránh các hành động đi ngược mục đích do có sự khác biệt trong việc triển khai và áp dụng các quy tắc GloBE.

OECD đã cung cấp một số yếu tố cần được tính đến khi đánh giá liệu có "lợi ích liên quan đến các quy tắc" tại điểm 126⁴⁰ trang 213 của Luận giải như sau:

³⁹ 116. Qualified Domestic Minimum Top-up Tax means a tax that applies to Excess Profits of the domestic Constituent Entities and operates to increase domestic tax liability with respect to those profits to the Minimum Rate. The tax must be implemented and administered in a way that is consistent with the outcomes provided for under the GloBE Rules and their Commentary, including the prohibition against the implementing jurisdiction providing any collateral or other benefits that are related to such domestic tax as discussed further in the Commentary to the definition of a Qualified IIR. This limitation on collateral benefits is not intended to restrict the ability of a jurisdiction to make changes to the design of its corporate tax system in light of the new international tax architecture under the GloBE Rules. Such changes to the domestic corporate tax rules consequent on the introduction of a domestic minimum tax should not be considered a benefit provided that they do not result in MNE Groups achieving overall tax outcomes that are inconsistent with the outcomes provided for under the GloBE Rules and their Commentary.

⁴⁰ A tax benefit or grant provided to all taxpayers is not related to the GloBE Rules. Facts that are relevant but not decisive include whether the tax benefit or grant benefits only taxpayers subject to the GloBE Rules, whether the benefit is marketed as part of the GloBE Rules and if the regime was introduced after the OECD/G20 Inclusive Framework started discussing the GloBE Rules.

- Liệu lợi ích chỉ được cấp cho các doanh nghiệp là đối tượng bị ảnh hưởng theo Quy tắc Mẫu Trụ cột Hai hay không;
- Liệu lợi ích có được giới thiệu như là một phần của việc thực hiện các Quy tắc mẫu của Trụ cột Hai hay không; Và
- Liệu lợi ích có được giới thiệu sau khi OECD bắt đầu thảo luận về Quy tắc mẫu của Trụ cột Hai hay không⁴¹.

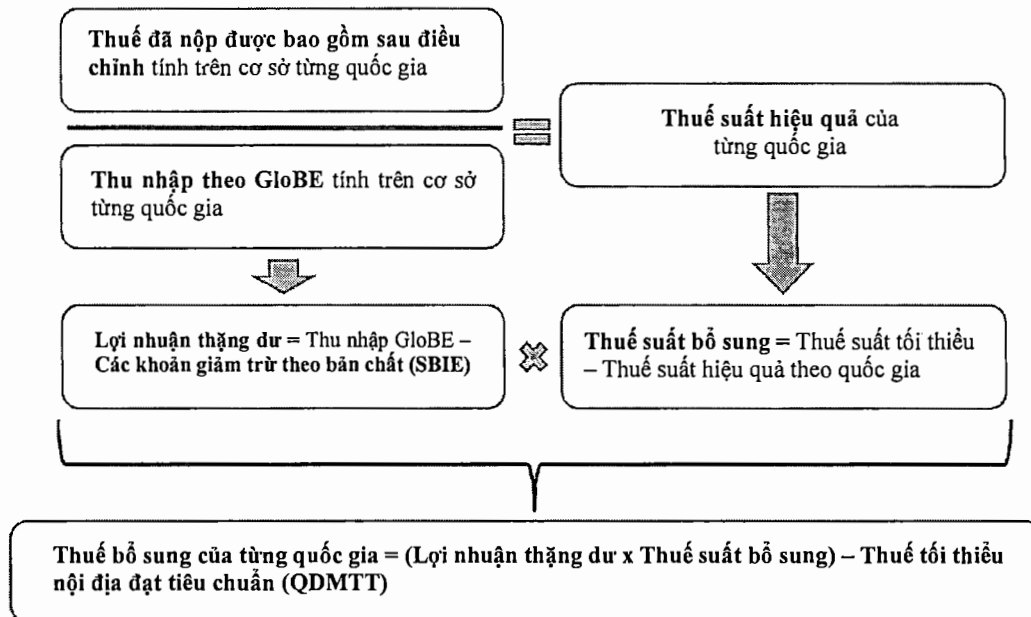
(Ghi chú: OECD chưa quy định toàn bộ các yếu tố đánh giá, các yếu tố này được xem là chỉ dẫn bước đầu khi đánh giá và lưu ý khi thiết kế chính sách ưu đãi để đảm bảo không vi phạm nguyên tắc này).

Đối với QDMTT nếu Chính phủ có cung cấp khoản lợi ích có liên quan thì chính sách thuế tối thiểu nội địa coi như không đạt tiêu chuẩn. Thuế tối thiểu nội địa bổ sung không đạt chuẩn thì số thuế tối thiểu nộp thêm tại Việt Nam sẽ không được trừ khỏi công thức tính thuế tối thiểu bổ sung toàn cầu. Việc thuế tối thiểu bổ sung nội địa không đạt chuẩn làm tăng thêm nghĩa vụ thuế cho doanh nghiệp do phải nộp thêm thuế bổ sung tại quốc gia khác và có khả năng dẫn đến đánh trùng thuế giữa các quốc gia cũng như phát sinh thêm các thủ tục hành chính trong việc kê khai tính toán và có nguy cơ phát sinh các tranh chấp do sự khác biệt về tính toán giữa các quốc gia.

(5) Thiết kế chính sách cần không làm giảm thuế suất hiệu quả để có thể mang lại lợi ích thực tế cho doanh nghiệp.

Công thức của Trụ Cột II:

Công thức tính số thuế nộp bổ sung theo quy tắc IIR



⁴¹ OECD/G20 Inclusive Framework lập cách tiếp cận 2 trụ cột vào tháng 1/2019

$$\text{Thuế suất hiệu quả (ETR) của từng quốc gia} = \frac{\text{Số thuế đã nộp của tất cả các Công ty thành viên tại quốc gia đó (với một số điều chỉnh)}}{\text{Thu nhập trước thuế của tất cả các Công ty thành viên tại quốc gia đó (với một số điều chỉnh)}}$$

Căn cứ công thức nêu trên thuế suất hiệu quả càng thấp thì số thuế nộp bổ sung càng lớn hay nói cách khác nếu các khoản ưu đãi hỗ trợ có tác dụng làm giảm ETR thì sẽ làm tăng số thuế phải nộp bổ sung. Do đó, các chính sách hỗ trợ đưa ra đều cần xem xét sẽ ảnh hưởng đến ETR như thế nào.

Với công thức tính ETR ở trên, các hình thức ưu đãi sẽ tác động vào ETR thông qua việc (i) giảm tử số - làm giảm số thuế bao gồm (Covered Taxes) hoặc (ii) tăng mẫu số - làm tăng thu nhập (GloBe income).

OECD trong tài liệu về Ưu đãi thuế và trụ cột 2 tháng 10/2022 đã đưa ra phân tích về các loại công cụ ưu đãi tác động như thế nào đến ETR như sau:

Bản chất khoản hỗ trợ	Loại công cụ		Lợi ích thuế bị ảnh hưởng bởi cách tính thuế suất hiệu quả (GloBE ETR)	Ảnh hưởng đến thuế suất hiệu quả (GloBE ETR)		Lựa chọn công cụ ưu đãi
				Tử số	Mẫu số	
Ưu đãi dựa trên thu nhập	Miễn hoàn toàn	Nhiều khả năng	↓		Không lựa chọn	
	Miễn một phần	Nhiều khả năng	↓		Không lựa chọn	
	Giảm thuế suất	Nhiều khả năng	↓		Không lựa chọn	
Ưu đãi dựa trên chi phí	Trợ cấp thuế ³	Nhiều khả năng	↓		Không lựa chọn	
	Giảm trừ thu nhập chịu thuế ¹	Chi phí hóa tức thì và khấu hao nhanh	Ít khả năng	Điều chỉnh phát sinh mang tính theo thời điểm	Không lựa chọn vì công cụ này chỉ đem lại lợi ích về mặt thời gian thông qua việc trì hoãn nộp thuế nhưng không mang lại lợi ích bù đắp cho các doanh nghiệp	
		Đối với tài sản hữu hình, máy móc thiết bị và nhà cửa	Không ảnh hưởng	Không ảnh hưởng công thức tính		

		Đối với các tài sản vô hình có thời hạn ngắn	Ít khả năng	Có thể ảnh hưởng tính vào công thức tính		
		Tài sản khác	Nhiều khả năng	Có thể ảnh hưởng tính vào công thức tính		Không lựa chọn
Giảm trừ thuế		Các khoản giảm trừ thuế được hoàn lại đáp ứng điều kiện (QRTC)	Ít khả năng	Ghi chú 2	↑	Nên lựa chọn vì khoản giảm trừ thuế đạt chuẩn được tính vào thu nhập chịu thuế nên không làm giảm GloBE ETR có thể mang lại hiệu quả cho nhà đầu tư
		Các khoản giảm trừ thuế khác	Nhiều khả năng		↓	Không lựa chọn vì khoản giảm trừ không đạt chuẩn sẽ làm giảm Adjusted Covered Tax nên sẽ làm giảm GloBE ETR

Theo phân tích nêu trên chỉ có các khoản giảm trừ thuế được hoàn lại đạt chuẩn (QRTC – Qualify Refundable Tax Credit) là công cụ ưu đãi dựa trên chi phí được cân trừ với nghĩa vụ thuế đạt tiêu chuẩn hoàn lại, khoản hỗ trợ này được hạch toán vào thu nhập kế toán và làm tăng mẫu số do đó ít ảnh hưởng đến ETR, ít khả năng làm tăng nghĩa vụ thuế bổ sung nên có thể mang lại hiệu quả cho nhà đầu tư.

Định nghĩa QRTC: (Điều 10.1.1 trang 65 Model rule)⁴²

Khấu Trừ Thuế Được Hoàn Lại Đạt Chuẩn (QRTC) là một khoản khấu trừ thuế có thể được hoàn lại với điều kiện khoản này phải được thanh toán bằng tiền mặt hoặc các khoản tương đương tiền mặt trong vòng bốn năm kể từ khi một Công ty thành viên đáp ứng các điều kiện để được khấu trừ theo luật của khu vực tài phán cho khoản khấu trừ. Khoản khấu trừ thuế có thể được hoàn lại một phần đạt chuẩn (Là QRTC) nếu Khoản khấu trừ thuế đó được thanh toán bằng tiền mặt hoặc các khoản tương đương tiền trong vòng

⁴² Qualified Refundable Tax Credit means a refundable tax credit designed in a way such that it must be paid as cash or available as cash equivalents within four years from when a Constituent Entity satisfies the conditions for receiving the credit under the laws of the jurisdiction granting the credit. A tax credit that is refundable in part is a Qualified Refundable Tax Credit to the extent it must be paid as cash or available as cash equivalents within four years from when a Constituent Entity satisfies the conditions for receiving the credit under the laws of the jurisdiction granting the credit. A Qualified Refundable Tax Credit does not include any amount of tax creditable or refundable pursuant to a Qualified Imputation Tax or a Disqualified +Refundable Imputation Tax.

bốn năm kể từ khi một Công ty thành viên đáp ứng các điều kiện để nhận các khoản khấu trừ theo luật của khu vực tài phán cho khấu trừ. Khoản khấu trừ thuế được Hoàn lại đạt chuẩn (QRTC) không bao gồm bất kỳ khoản tiền thuế nào có thể được khấu trừ hoặc được hoàn lại theo chính sách thuế quy cho bên thực hưởng (Qualified Imputation Tax).

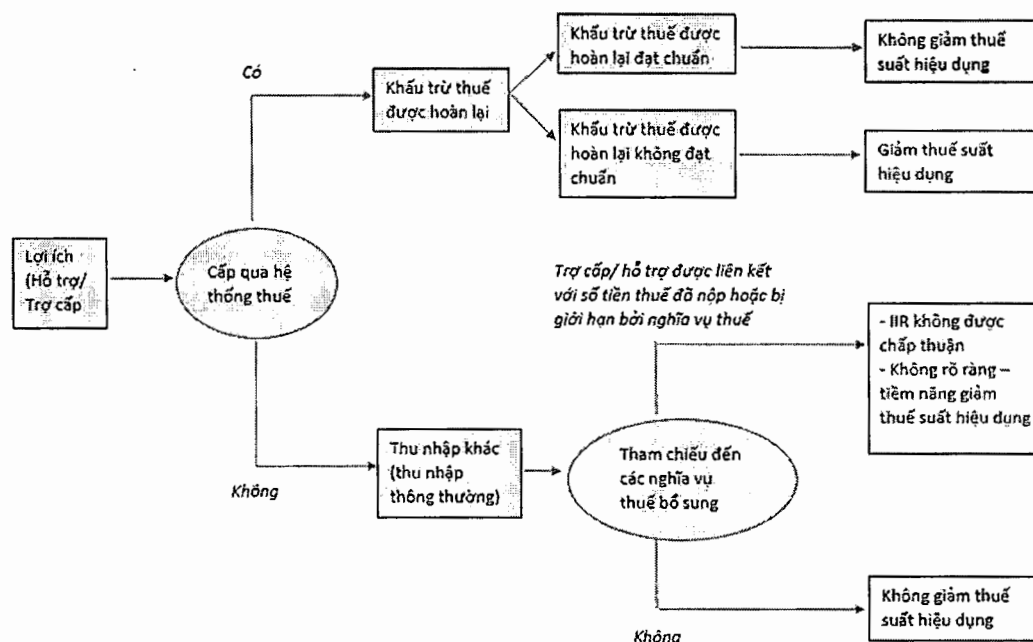
Tham khảo thêm nội dung QRTC tại điều 3.2.4 trong tài liệu luận giải về trụ cột 2 cho thấy bản chất QRTC là các khoản hỗ trợ của Chính phủ được chi trả qua hệ thống thuế bằng cách cân trừ với nghĩa vụ thuế hoặc chi bằng tiền mặt trong vòng 4 năm kể từ khi công ty thành viên đáp ứng điều kiện được hưởng khoản hỗ trợ. (Trường hợp không cân trừ hết Chính phủ sẽ chi trả bằng tiền mặt, khoản hỗ trợ không bị giới hạn hay liên quan đến nghĩa vụ thuế phải nộp.)

QRTC nếu được xây dựng trên nguyên tắc là Chính Phủ hỗ trợ cho doanh nghiệp đối với một số các hoạt động cụ thể mà các hỗ trợ đó sẽ được cấp bằng tiền hoặc tương đương tiền (lưu ý: bù trừ với các loại thuế khác cũng được hiểu là tương đương tiền) thì được coi là có bản chất tương tự như Trợ cấp Chính Phủ (Government Grant) do đó nên được xử lý tương tự như một khoản Trợ cấp Chính Phủ, tức là được coi là thu nhập, thay vì giảm trừ nghĩa vụ thuế, khi tính ETR.⁴³

Nhìn chung, các khoản hỗ trợ, trợ cấp đầu tư có thể được chi trả theo hai phương thức (i) chi trả qua hệ thống thuế, hoặc (ii) chi trực tiếp hoặc theo các hình thức khác không qua hệ thống thuế như minh họa dưới đây:

Trong đó, khoản hỗ trợ của Chính phủ được chi trả trực tiếp bằng tiền mặt (Cash grant) hoặc chi trả qua hệ thống thuế bằng cách cân trừ với nghĩa vụ thuế hoặc trả tiền mặt trong vòng 4 năm kể từ khi công ty đáp ứng điều kiện được hỗ trợ (QRTC) không làm giảm thuế suất hiệu quả nên có thể mang lại hiệu quả cho nhà đầu tư khi áp dụng Trụ cột 2.

⁴³ This reflects that these types of refundable tax credits share features of, and should be treated in the same way as, government grants that form part of income, given that they are in effect government support for a certain type of activity that can ultimately be received in cash or cash equivalent



Lưu ý với trường hợp chi trả qua hệ thống thuế (Khấu trừ chi phí vào thuế phải nộp).

Model rules và Commentary của OECD không đưa ra điều khoản cụ thể về việc xử lý các khoản hỗ trợ hoặc trợ cấp của chính phủ trong tất cả các trường hợp mà chỉ hướng dẫn cho các trường hợp hỗ trợ/trợ cấp được cung cấp dưới hình thức khấu trừ thuế (bù trừ với số thuế phải nộp).

Theo đó, trường hợp các hình thức ưu đãi được thiết kế dưới hình thức khấu trừ chi phí vào thuế phải nộp (Tax credits) nên được thiết kế theo hình thức Khấu trừ chi phí vào thuế được hoàn lại đạt chuẩn (Qualified Refundable Tax credits - QRTC), vì các khoản khấu trừ nếu không đạt tiêu chuẩn QRTC sẽ ảnh hưởng đến Thuế suất hiệu quả ETR⁴⁴ và không mang lại lợi ích thiết thực cho doanh nghiệp. (Xem Minh họa số 1)

Theo đó, nếu Chính phủ cho phép Công ty khấu trừ thẳng vào số thuế phải nộp đối với chi phí của một số hoạt động cụ thể, hoặc hoàn lại chi phí chưa khấu trừ hết nếu công ty không phát sinh nghĩa vụ thuế thì khoản khấu trừ đó phải có khả năng được hoàn lại trong vòng 4 năm từ khi đáp ứng các điều kiện theo quy định⁴⁵.

Lưu ý với trường hợp chi trả theo hình thức khác không qua hệ thống thuế

Khoản trợ cấp của Chính phủ nếu có liên kết hoặc giới hạn bởi các nghĩa vụ thuế sẽ không được coi là khoản giảm trừ thuế được hoàn lại đáp ứng điều kiện

⁴⁴ Theo Luận giải số 13 trang 89 của Commentary về Trụ cột II: Nếu vì mục đích tài chính kế toán, thì các khoản khấu trừ chi phí thuế được hoàn lại nếu không đạt chuẩn vẫn cho thể coi là thu nhập của Công ty. Tuy nhiên, với mục đích theo GloBE, thì khoản khấu trừ này sẽ bị loại trừ trong công thức tính toán thu nhập GloBE và được coi là khoản giảm chi phí thuế của Công ty. Để này ảnh hưởng đến tử số trong công thức tính ETR. Còn đối với trường hợp khoản khấu trừ đạt chuẩn – QRTC thì khoản khấu trừ này sẽ được coi là thu nhập trong Công thức tính ETR.

⁴⁵ Theo định nghĩa QRTC tại điều 10.1.1 của Model Rules trang 65

dẫn đến việc phải tính toán lại và làm giảm thuế suất hiệu quả GloBE ETR. Do đó, nếu đã chi trả không thông qua hệ thống thuế thì không nên có các quy định tham chiếu đến các nghĩa vụ thuế bổ sung.

(6) Kết luận

Các đề xuất giải pháp chính sách hỗ trợ đầu tư tại Dự thảo Nghị quyết sẽ không vi phạm các quy tắc của OECD vì:

(i) Khoản hỗ trợ không phải là cung cấp lợi ích có liên quan đến chính sách thuế tối thiểu nội địa bổ sung để chính sách này có thể đạt chuẩn theo quy định của OECD là QDMTT. Theo đó:

- Chính sách hỗ trợ áp dụng cho tất cả các đối tượng đáp ứng điều kiện hưởng trợ cấp, không chỉ áp dụng với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi trụ cột 2, không phân biệt dự án đầu tư cũ hay mới.

- Chính sách không được giới thiệu là một phần của chính sách thuế tối thiểu toàn cầu, số tiền hỗ trợ không thể hiện mối liên hệ đến số thuế nộp bổ sung.

- Chính sách cũng dựa trên các tiêu chí hoặc quy định đã có từ trước để giảm thiểu việc giới thiệu một chính sách mới sau khi áp dụng trụ cột 2.

(ii) Chính sách hỗ trợ có hình thức Cash grant hoặc QRTC để mang lại hiệu quả cho nhà đầu tư. Theo đó, khoản hỗ trợ sẽ là khoản ưu đãi hỗ trợ dựa trên chi phí, không liên quan đến hoặc giới hạn bởi nghĩa vụ thuế phải nộp (hay liên quan đến doanh thu, lợi nhuận).

4.2.3. Sự phù hợp với cam kết WTO

Điều XVI Hiệp định chung về thuế quan và mậu dịch GATT 1994 và Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng (Agreement on Subsidies and Countervailing Measures-Hiệp định SCM) đưa ra các quy định về các khoản trợ cấp của chính phủ.

(1) Định nghĩa của trợ cấp theo WTO:

Trợ cấp được định nghĩa là các khoản trợ giúp bằng tài chính của chính phủ hoặc cơ quan nhà nước, mang lại lợi ích cho đối tượng nhận trợ cấp. Trợ cấp có thể có một trong các hình thức sau hoặc kết hợp của các hình thức dưới đây, từ chính phủ hoặc thông qua các quỹ, các tổ chức tín thác, hoặc tư nhân:

- Trợ cấp trực tiếp bằng tiền (ví dụ: cấp vốn, cho vay hoặc góp vốn cổ phần);
- Các khoản tiền hoặc nợ có thể được chuyển trong tương lai (ví dụ: bảo lãnh khoản vay);
- Miễn hoặc bỏ qua các khoản lẽ ra phải đóng (ví dụ: ưu đãi thuế, tín dụng);
- Mua hàng, cung cấp các dịch vụ hoặc hàng hóa (trừ cơ sở hạ tầng chung).

Trợ cấp sẽ phải tuân theo các quy tắc trong Hiệp định SCM nếu thỏa mãn điều kiện về “tính riêng biệt”, tức là các khoản trợ cấp này được áp dụng riêng cho một doanh nghiệp, một ngành hoặc nhóm doanh nghiệp hoặc nhóm ngành. WTO yêu cầu các nước thành viên hạn chế các khoản trợ cấp làm sai lệch việc phân bổ nguồn lực trong nền kinh tế. Các chương trình trợ giúp của chính phủ được áp

dụng rộng rãi trong một nền kinh tế có thể không vi phạm nguyên tắc nêu trên. Theo quy định tại Hiệp định SCM, các trường hợp trợ cấp dưới đây có thể bị coi là có “tính riêng biệt”:

- Trợ cấp cho các doanh nghiệp cụ thể, hoặc ngành cụ thể.
- Trợ cấp cho một khu vực địa lý cụ thể.
- Các khoản trợ cấp bị cấm

(2) Các loại trợ cấp theo WTO

Về nguyên tắc, Chính phủ có thể trợ cấp cho các công ty với những hạn chế và điều kiện nhất định.

Hiệp định SCM xác định hai loại trợ cấp: trợ cấp bị cấm (trợ cấp đèn đỏ), trợ cấp không bị cấm nhưng có thể bị khiếu kiện (trợ cấp đèn vàng - tức là có thể bị thách thức trong WTO hoặc áp dụng các biện pháp đối kháng). Ban đầu, Hiệp định SCM có một danh mục thứ ba là Trợ cấp không bị khiếu kiện (trợ cấp đèn xanh). Danh mục này tồn tại trong năm năm, kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 1999 và không được gia hạn.

- Về trợ cấp bị cấm, theo điều 3 của Hiệp định SCM, các khoản trợ cấp sau đây bị cấm:

+ Trợ cấp xuất khẩu - nghĩa là bất kỳ khoản trợ cấp nào dựa trên một hoặc nhiều điều kiện khi xuất khẩu, kể cả trường hợp có quy định pháp luật hay được áp dụng trên thực tế. Ví dụ, trợ cấp được cấp theo giá trị hoặc tỷ lệ xuất khẩu, trợ cấp cho chi phí nguyên vật liệu để xuất khẩu, ưu đãi/ thuế hoàn lại được cấp nếu có hoạt động xuất khẩu.

+ Trợ cấp khuyến khích tiêu dùng sản phẩm trong nước: nghĩa là bất kỳ khoản trợ cấp nào phụ thuộc vào việc sử dụng hàng hóa trong nước thay vì hàng nhập khẩu, dù chỉ là một hoặc một trong một số điều kiện khác.

Ngoài ra, theo chú thích 4 trong Hiệp định SCM giải thích thêm cho lời văn về việc trợ cấp bị coi là tồn tại khi “có quy định pháp luật hay được áp dụng trên thực tế” đối với hoạt động xuất khẩu như sau: “Tiêu chí này có nghĩa là cho dù không có quy định pháp luật rằng chính phủ sẽ cấp trợ cấp nếu bên nhận trợ cấp đạt được kết quả xuất khẩu nhất định, nhưng trên thực tế trợ cấp vẫn được cấp gắn với tình hình xuất khẩu hoặc thu nhập từ xuất khẩu ở hiện tại hoặc trong tương lai. Việc cấp trợ cấp cho các doanh nghiệp xuất khẩu không vì thế mà lập tức bị coi là trợ cấp xuất khẩu hiểu theo nghĩa của Điều này.”

Như vậy, khoản trợ cấp dành cho doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm sẽ không thuộc khoản trợ cấp bị cấm, nếu khoản trợ cấp đó không ràng buộc hoặc phụ thuộc vào xuất khẩu hoặc thu nhập từ xuất khẩu, và thỏa mãn các điều kiện khác của Hiệp định SCM. Quan điểm này đã được thảo luận và lưu ý trong quá trình đàm phán WTO giữa Việt Nam và các thành viên khác về các ưu đãi dành cho các doanh nghiệp trong khu chế xuất mà Việt Nam khẳng định rằng các ưu đãi đó sẽ phù hợp với WTO, tức là các ưu đãi sẽ không phụ thuộc vào kết quả hoạt động xuất khẩu hoặc tỷ lệ nội địa hóa.

- Về trợ cấp có thể bị khiếu kiện, theo điều 5 của Hiệp định SCM, trợ cấp không bị cấm nhưng có thể bị khiếu kiện (trợ cấp đèn vàng) là việc một Thành viên thông qua việc sử dụng bất kỳ trợ cấp nào để gây ra tác động có hại đến quyền lợi của Thành viên khác, cụ thể:

+ Gây tổn hại cho một ngành sản xuất của một Thành viên khác;

+ Làm vô hiệu hay gây phương hại đến những quyền lợi mà Thành viên khác trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng từ Hiệp định GATT 1994, đặc biệt là những quyền lợi có được từ những cam kết theo Điều 2 của Hiệp định GATT 1994.

+ Gây tổn hại nghiêm trọng tới quyền lợi của một Thành viên khác. Trong trường hợp này, quốc gia khiếu nại phải chứng minh rằng trợ cấp do quốc gia thành viên khác cung cấp có ảnh hưởng xấu đến lợi ích của quốc gia đó.

Việc xác định thiệt hại có thể tại quốc gia nhập khẩu, hoặc các nhà xuất khẩu đối thủ từ một quốc gia khác khi cả hai cạnh tranh ở thị trường thứ ba, hoặc tại quốc gia cấp trợ cấp khiến các nhà xuất khẩu nước ngoài mất lợi thế cạnh tranh.

Thông thường, trợ cấp đèn vàng sẽ được đưa ra Cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO để phán quyết. Nếu Cơ quan giải quyết tranh chấp quy định rằng trợ cấp có tác động bất lợi, trợ cấp đó phải được thu hồi hoặc ảnh hưởng bất lợi của nó phải được loại bỏ. Hầu hết các khoản trợ cấp, chẳng hạn như trợ cấp sản xuất, thuộc loại "có thể đối kháng". Việc tạo ra một hệ thống các biện pháp khắc phục đa phương cho phép các Thành viên đặt câu hỏi cho các khoản trợ cấp làm phát sinh các tác động bất lợi thể hiện một bước tiến lớn so với cơ chế trước đây của WTO. Tuy nhiên, cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO hiện nay vẫn bị các nước thành viên chỉ trích là thiếu hiệu quả và vẫn tồn tại những khó khăn trong hầu hết các trường hợp đối với Thành viên khiếu nại để chứng minh các tác động thương mại bất lợi phát sinh từ trợ cấp.

- *Nghĩa vụ thông báo về trợ cấp:*

Điều 25 của Hiệp định SCM yêu cầu các Thành viên thông báo về mọi khoản trợ cấp cụ thể (ở tất cả các cấp chính quyền và bao gồm tất cả các lĩnh vực hàng hóa, bao gồm cả nông nghiệp) cho Ủy ban SCM, và thông báo các biện pháp đối kháng được triển khai, thường là định kỳ nửa năm hoặc hàng năm. Các thông báo này là chủ đề được Ủy ban SCM xem xét và thảo luận.

Theo báo cáo của Ủy ban trợ cấp và Các biện pháp đối kháng về Chương trình trợ cấp của Việt Nam ngày 27 tháng 2 năm 2020, Việt Nam đã đệ trình một thông báo mới và đầy đủ theo điều XVI của GATT 1994 và điều 25 của Hiệp định SCM. Trong báo cáo này, tất cả các khoản trợ cấp hiện có ở Việt Nam (bao gồm ưu đãi thuế suất TNDN, miễn thuế nhập khẩu, miễn tiền thuê đất, ... cho các dự án đầu tư vào các lĩnh vực/địa điểm ưu đãi, thuế suất ưu đãi cho các dự án năng lượng mặt trời/gió, v.v.) đều đã được báo cáo. Theo báo cáo này, không có trợ cấp nào có tác động đến thương mại tức là các khoản trợ cấp này được phép theo WTO.

Ngoài ra, một số yếu tố nên xem xét là hiện tại thực tế thủ tục giải quyết tranh chấp của WTO đang chưa có (chưa có tổ chức tài phán giải quyết), các nước xuất khẩu chính của VN đối với các sản phẩm sản xuất như Hoa Kỳ, EU... tuy

nhiên các quốc gia này không sản xuất nên rất khó để chứng minh bị thiệt hại, do đó cũng khó có căn cứ để đánh thuế đối kháng.

Tại Hoa Kỳ có áp dụng các ưu đãi hỗ trợ cho sản xuất đối với các dự án chiến lược như ưu đãi bằng tiền mặt cho sản xuất pin xe điện ... cũng không thuộc đối tượng phải áp thuế đối kháng.

(3) Kết luận

Trên cơ sở các thông tin và phân tích nêu trên, các cơ chế trợ cấp dựa trên chi phí không thuộc loại trợ cấp bị cấm, nếu trợ cấp này áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp (bao gồm cả doanh nghiệp trong nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài, các công ty xuất khẩu và các công ty bán hàng trong nước) và nó không phụ thuộc vào kết quả hoạt động xuất khẩu hoặc thu nhập từ xuất khẩu (không bị coi là có “tính riêng biệt” và không phải là trợ cấp xuất khẩu). Các nước thành viên WTO khác có thể xem xét lại các khoản trợ cấp mà một quốc gia đưa ra để xác định xem khoản trợ cấp đó có tạo ra bất kỳ ảnh hưởng xấu nào đến lợi ích của họ hay không. Tuy nhiên, khả năng cao một chương trình trợ cấp dựa trên chi phí nghiên cứu và phát triển hoặc vốn đầu tư không gây tổn hại nghiêm trọng cho các nước thành viên khác.

4.2.4. Sự phù hợp với các Hiệp định thương mại tự do (FTA)

(1) Các hình thức hỗ trợ như đề xuất không nêu đích danh doanh nghiệp được hưởng. Thay vào đó, chính sách chỉ đặt ra các tiêu chí, và trong trường hợp bất kỳ doanh nghiệp nào đạt được các tiêu chí này, thì doanh nghiệp đó cũng sẽ được hưởng hỗ trợ. Do đó, không vi phạm phân biệt đối xử trong phạm vi bảo hộ đầu tư theo thỏa thuận của các FTA.

(2) Yếu tố hỗ trợ theo ngành sản xuất cụ thể, hoặc loại sản phẩm cụ thể không làm phát sinh yếu tố phân biệt đối xử do không đặt ra bất kỳ rào cản tham gia thị trường nào đối với các doanh nghiệp muốn đáp ứng đủ tiêu chí để được hưởng hỗ trợ.

4.2.5. Đánh giá tác động đến ngân sách nhà nước

(1) Các giải pháp đề xuất chỉ liên quan đến xác định đối tượng, hình thức và cách thức hỗ trợ đầu tư. Vì vậy, các mức chi hỗ trợ đầu tư sẽ được quy định tại các văn bản hướng dẫn liên quan.

(2) Ngân sách Nhà nước trước hết sẽ thu thêm được khoản thuế bổ sung khi áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu. Nguồn thu bổ sung này dự kiến sẽ được sử dụng để thực hiện các hoạt động hỗ trợ đầu tư.

(3) Trong bối cảnh chính sách được xây dựng để hướng tới một nhóm nhỏ các doanh nghiệp, những nội dung chính sách được đề xuất sẽ không làm phát sinh thêm bộ máy tổ chức thực hiện. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ sử dụng nguồn lực, nhân lực hiện có thể tận dụng nguồn lực hiện tại để triển khai thi hành các nhiệm vụ được giao, không ảnh hưởng lớn đến khối lượng công việc thường xuyên vì vậy có thể cho rằng không phát sinh thêm nhiều chi phí thực hiện và không ảnh hưởng nhiều đến ngân sách.

4.2.6. Đánh giá tác động về thủ tục hành chính

(1) Đối tượng doanh nghiệp công nghệ cao, dự án quy mô lớn, dự án ứng dụng công nghệ cao là những đối tượng hiện nay đang được hưởng chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, nên việc đánh giá và chọn lọc đối tượng có thể tận dụng thủ tục hành chính hiện hành. Cụ thể, thủ tục xác nhận Doanh nghiệp công nghệ cao, dự án ứng dụng công nghệ cao là thủ tục đã có sẵn theo quy định hiện hành của Luật công nghệ cao. Doanh nghiệp có thể tự đánh giá việc đáp ứng các điều kiện về quy mô vốn, tiến độ giải ngân của dự án và các chi phí R&D, vì vậy không phát sinh các thủ tục xác nhận về đối tượng.

(2) Về thủ tục hỗ trợ, các điều kiện tương ứng với mức hỗ trợ sẽ được quy định sau tại các văn bản hướng dẫn có liên quan. Do đó, đối với các giải pháp đề xuất hiện nay sẽ không phát sinh các thủ tục hành chính tại thời điểm này.

4.2.7. Đánh giá tác động về vấn đề giới: không có

5. Kiến nghị giải pháp: kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là Quốc hội)

PHỤ LỤC

CƠ CHẾ ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CỦA VIỆT NAM

I. VỀ HÌNH THỨC VÀ ĐỐI TƯỢNG ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

Điều 15. Hình thức và đối tượng áp dụng ưu đãi đầu tư

1. Hình thức ưu đãi đầu tư bao gồm:

- a) Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường có thời hạn hoặc toàn bộ thời gian thực hiện dự án đầu tư; miễn thuế, giảm thuế và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp;
- b) Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định; nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;
- c) Miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất;
- d) Khấu hao nhanh, tăng mức chi phí được trừ khi tính thu nhập chịu thuế.

2. Đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư bao gồm:

- a) Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật này;
- b) Dự án đầu tư tại địa bàn ưu đãi đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật này;
- c) Dự án đầu tư có quy mô vốn từ 6.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 6.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời có một trong các tiêu chí sau: có tổng doanh thu tối thiểu đạt 10.000 tỷ đồng mỗi năm trong thời gian chậm nhất sau 03 năm kể từ năm có doanh thu hoặc sử dụng trên 3.000 lao động;
- d) Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội; dự án đầu tư tại vùng nông thôn sử dụng từ 500 lao động trở lên; dự án đầu tư sử dụng lao động là người khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật;
- đ) Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ; dự án có chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ; cơ sở ươm tạo công nghệ, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, pháp luật về khoa học và công nghệ; doanh nghiệp sản xuất, cung cấp công nghệ, thiết bị, sản phẩm và dịch vụ phục vụ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

e) Dự án đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển;

g) Đầu tư kinh doanh chuỗi phân phối sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa; đầu tư kinh doanh cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa; đầu tư kinh doanh khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Ưu đãi đầu tư được áp dụng đối với dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng.

4. Mức ưu đãi cụ thể đối với từng loại ưu đãi đầu tư được áp dụng theo quy định của pháp luật về thuế, kế toán và đất đai.

5. Ưu đãi đầu tư quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều này không áp dụng đối với các dự án đầu tư sau đây:

a) Dự án đầu tư khai thác khoáng sản;

b) Dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ dự án sản xuất ô tô, tàu bay, du thuyền;

c) Dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại theo quy định của pháp luật về nhà ở.

6. Ưu đãi đầu tư được áp dụng có thời hạn và trên cơ sở kết quả thực hiện dự án của nhà đầu tư. Nhà đầu tư phải đáp ứng điều kiện hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật trong thời gian hưởng ưu đãi đầu tư.

7. Dự án đầu tư đáp ứng điều kiện hưởng các mức ưu đãi đầu tư khác nhau, bao gồm cả ưu đãi đầu tư theo quy định tại Điều 20 của Luật này thì được áp dụng mức ưu đãi đầu tư cao nhất.

8. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

II. VỀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ ĐẶC BIỆT

Điều 20. Ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt

1. Chính phủ quyết định việc áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt nhằm khuyến khích phát triển một số dự án đầu tư có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội.

2. Đối tượng áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Dự án đầu tư thành lập mới (bao gồm cả việc mở rộng dự án thành lập mới đó) các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển có tổng vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư; trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

b) Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 10.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư.

3. Mức ưu đãi và thời hạn áp dụng ưu đãi đặc biệt thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và pháp luật về đất đai.

4. Hỗ trợ đầu tư đặc biệt được thực hiện theo các hình thức quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật này.

5. Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt quy định tại Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

a) Dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành;

b) Dự án đầu tư quy định tại khoản 5 Điều 15 của Luật này.

6. Chính phủ trình Quốc hội quyết định áp dụng các ưu đãi đầu tư khác với ưu đãi đầu tư được quy định tại Luật này và các luật khác trong trường hợp cần khuyến khích phát triển một dự án đầu tư đặc biệt quan trọng hoặc đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

ĐỀ ÁN

XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Hà Nội, tháng 7 năm 2023

MỤC LỤC

PHẦN I.....	1
QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ TRONG BỐI CẢNH THỰC THI THUẾ TỐI THIỂU TOÀN CẦU TẠI VIỆT NAM.....	1
PHẦN II.....	4
SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ TRONG BỐI CẢNH THỰC THI THUẾ TỐI THIỂU TOÀN CẦU	4
I. Tổng quan về thuế suất tối thiểu toàn cầu	4
1. Lý do hình thành thuế suất tối thiểu toàn cầu	4
2. Quá trình hình thành quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu	5
3. Một số nội dung chính của Trụ cột 2	6
II. VỀ QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN THUẾ SUẤT TỐI THIỂU TOÀN CẦU TẠI MỘT SỐ QUỐC GIA VÀ VÙNG LÃNH THỔ	8
1. Phản ứng chung của các nước	8
2. Phản ứng chính sách của một số quốc gia, vùng lãnh thổ	9
3. Nhận xét	10
PHẦN III	13
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THUẾ TỐI THIỂU TOÀN CẦU VỚI THU HÚT ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM.....	13
I. Về cơ chế ưu đãi thuế tại Việt Nam.....	13
II. Đánh giá tác động tới thu hút, quản lý đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	14
1. Giảm tính cạnh tranh trong thu hút đầu tư nước ngoài	14
2. Ảnh hưởng đến mục tiêu thu hút vốn đầu tư nước ngoài	14
3. Tác động đến kế hoạch mở rộng đầu tư của các dự án hiện hữu	15
4. Khả năng xung đột với nguyên tắc bất hồi tố với ưu đãi đầu tư	16
5. Niềm tin của các nhà đầu tư giảm sút.....	16
6. Gia tăng áp lực đối với công tác quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài.....	17
PHẦN IV.....	18
XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NHÀ ĐẦU TƯ TRONG BỐI CẢNH THỰC THI THUẾ TỐI THIỂU TOÀN CẦU TẠI VIỆT NAM	18
I. Một số khuyến nghị của OECD trong việc áp dụng thuế suất thuế tối thiểu toàn cầu (Trụ cột 2)	18
1. Thu thuế bổ sung.....	18
2. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư	19
II. Phản ứng chính sách của một số nước về áp dụng chính sách ưu đãi đầu tư, thuế tối thiểu toàn cầu (Trụ cột 2).....	19

III. Thực trạng chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư tại Việt Nam	22
IV. Tác động và một số vấn đề đặt ra đối với Việt Nam khi áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu (Trụ cột 2)	23
V. Quan điểm, mục tiêu, yêu cầu và kiến nghị trong việc xây dựng chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư tại Việt Nam khi áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu (Trụ cột 2).....	28
1. Quan điểm xây dựng chính sách	28
2. Mục tiêu, yêu cầu xây dựng chính sách	28
3. Kiến nghị	28
3.1. Về việc triển khai áp dụng Trụ cột 2	28
3.2. Về việc xây dựng chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư mới	30
VI. Đánh giá tác động các giải pháp đề xuất	35
1. Sự phù hợp với các quy tắc OECD	35
2. Sự phù hợp với cam kết WTO	43
3. Sự phù hợp với các Hiệp định thương mại tự do (FTA)	46
4. Đánh giá tác động đến ngân sách nhà nước	47
VII. Tổ chức thực hiện	47
VIII. Lộ trình thực hiện	48

PHẦN I

XÁC ĐỊNH BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH

I. Bối cảnh xây dựng cơ chế, chính sách

1. Việc hình thành thuế suất tối thiểu toàn cầu

Từ cuối năm 2019, thế giới đã và đang chứng kiến những thay đổi nhanh chóng, phức tạp, khó lường và khó dự báo. Đại dịch Covid-19, khủng hoảng năng lượng, đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, căng thẳng địa chính trị, xung đột quân sự, thiên tai, biến đổi khí hậu, lạm phát diện rộng ở nhiều nền kinh tế lớn,... đang làm thay đổi cục diện thương mại và kinh tế thế giới. Các tác nhân này đã khiến triển vọng phát triển kinh tế và thu ngân sách của hầu hết các nước giảm mạnh.

Trong khi đó, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin và các mô hình kinh tế mới (kinh tế chia sẻ, kinh tế số...) đã và đang thay đổi kết cấu và bản chất của nền kinh tế toàn cầu. Các công ty đa quốc gia, thông qua các công cụ như các tài sản vô hình (bản quyền, bằng sáng chế, thương hiệu,...) hay các hoạt động kinh doanh qua nền tảng số xuyên quốc gia (mà không có sự hiện diện vật lý ở quốc gia đó) đã tận dụng cơ hội để tránh nghĩa vụ thuế thông qua chuyển lợi nhuận từ quốc gia có thuế suất cao sang quốc gia có thuế suất thấp, thực hiện các hoạt động chuyển giá... Các hoạt động trên đã gây xói mòn nghiêm trọng nguồn thu ngân sách của các quốc gia¹, dẫn đến việc nhiều nước trên thế giới đơn phương áp dụng các loại thuế khác nhau, phát sinh bất đồng giữa các nước.

Việc hình thành các mức thuế suất khác biệt để tận dụng lợi thế toàn cầu hóa được nhiều nước thực hiện theo nhiều cách: (i) một số nước hạ thuế thu nhập doanh nghiệp xuống mức rất thấp (*Barbados 5,5%, Uzbekistan 7,5%, Hungary 9%, Macedonia 10%, Ireland 12,5%...*); (ii) các thiên đường thuế đưa ra mức thuế suất 0% (*Cayman Islands, Bermuda, Bahamas...*); (iii) Nhiều quốc gia, khu vực cũng chịu áp lực từ việc doanh nghiệp đe dọa rút vốn, chuyển trụ sở đăng ký kinh doanh dẫn đến buộc phải giảm thuế (*Hoa Kỳ giảm từ 35% năm 2017 xuống còn 21% năm 2021, khu vực sử dụng đồng Euro - Eurozone giảm từ 36,8% năm 1995 xuống còn 22,7% năm 2020*),... khiến thuế suất trung bình của doanh nghiệp trên toàn cầu giảm từ 27% năm 2001 xuống còn 20,2% và năm 2021.

Hạ thuế suất đã trở thành công cụ của các quốc gia trong cuộc cạnh tranh thu hút và giữ chân doanh nghiệp. Nhiều quốc gia tham gia vào “cuộc đua xuống đáy” nhằm giảm thuế suất thu nhập doanh nghiệp (TNDN) về mức thấp nhất để thu hút đầu tư nước ngoài (ĐTNN). Đối tượng hưởng lợi là các Tập đoàn đa quốc gia, mặc dù có lợi nhuận cao, nhưng phải nộp thuế TNDN rất thấp, thậm chí không bị

¹ Liên Hợp Quốc ước tính thất thu thuế toàn cầu lên tới 500 - 600 tỷ USD/năm.

đánh thuế; bên cạnh đó, vấn đề chuyển lợi nhuận (chuyển giá) của các công ty đa quốc gia cũng ngày càng trở nên phức tạp, với các công cụ và biện pháp tinh vi.

Theo đó, OECD đã xác định ra 02 nhóm vấn đề quan trọng cần được giải quyết:

Thứ nhất, các quy tắc quản lý thuế hiện hữu chỉ cho phép lợi nhuận của một công ty nước ngoài bị đánh thuế ở nơi mà công ty đó có sự hiện diện vật lý. Tuy nhiên, trong thế giới số hiện nay, các doanh nghiệp có thể thực hiện hoạt động kinh doanh quy mô lớn ở các quốc gia mà không có hoặc có rất ít sự hiện diện vật lý tại những quốc gia này.

Thứ hai, hầu hết các quốc gia chỉ đánh thuế đối với thu nhập trong nước của các tập đoàn đa quốc gia của họ, theo đó không đánh thuế đối với các khoản thu nhập ở nước ngoài. Tuy nhiên, hiện nay, các tài sản vô hình, như là thương hiệu, bản quyền và bằng sáng chế cũng như việc các công ty có thể chuyển lợi nhuận sang các quốc gia đánh thuế thấp hoặc không đánh thuế, dẫn đến lợi nhuận nước ngoài của các tập đoàn đa quốc gia đều không bị đánh thuế hoặc đánh thuế thấp.

Trước hiện trạng trên, Diễn đàn “Hợp tác chung thực hiện các giải pháp chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận”² (Diễn đàn IF) đã tổ chức quá trình đàm phán giữa 139 nước thành viên về biện pháp đảm bảo các công ty đa quốc gia tuân thủ nghĩa vụ thuế, giảm bớt căng thẳng giữa các nước, củng cố sự ổn định của hệ thống thuế toàn cầu.

Ngày 05/6/2021, các Bộ trưởng Tài chính của Nhóm các nền kinh tế phát triển (G7) đã đạt thỏa thuận về thuế doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu, được ấn định là “ít nhất 15%”.

Ngày 09/07/2021, Bộ trưởng Tài chính và Thống đốc Ngân hàng trung ương của Nhóm các nền kinh tế phát triển và mới nổi hàng đầu thế giới (G20) đã thống nhất về nguyên tắc *Giải pháp Hai trụ cột nhằm giải quyết các thách thức thuế quan phát sinh trong quá trình số hóa nền kinh tế* (gọi tắt là Thỏa thuận thuế tối thiểu toàn cầu)³, bao gồm: (1) Trụ cột thứ nhất là phân bổ thuế đối với hoạt động kỹ thuật số (phân bổ lại quyền đánh thuế đối với các công ty đa quốc gia giữa nơi đặt trụ sở chính và nơi hoạt động kinh doanh)⁴; (2) Trụ cột thứ hai đặt ra mức thuế doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu 15% đối với các công ty đa quốc gia nhằm ngăn các công ty này chuyển lợi nhuận sang quốc gia có thuế suất thấp để tránh thuế.

Ngày 08/10/2021, Diễn đàn “Hợp tác toàn cầu về xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận” đã ban hành tuyên bố về Khung giải pháp Hai trụ cột để giải quyết các thách thức phát sinh từ nền kinh tế kỹ thuật số với sự đồng thuận của 136 nước thành viên (bao gồm Việt Nam).

² Do OECD và G20 kêu gọi thành lập vào tháng 01/2016, Việt Nam là thành viên thứ 100 của Diễn đàn vào tháng 7/2017.

³ Trước đó, Thỏa thuận Thuế tối thiểu toàn cầu đã nhận được sự ủng hộ của Nhóm các nền kinh tế phát triển (G7), Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) và 133/139 quốc gia tham gia Diễn đàn Hợp tác chung thực hiện Các giải pháp Chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận.

⁴ Cụ thể: cho phép các quốc gia (nơi các công ty đa quốc gia tạo ra doanh thu) đánh thuế một phần lợi nhuận (20 - 30% đối với phần lợi nhuận vượt trên biên độ 10%)

Ngày 31/10/2021 tại Rome (Ý), các nước G20 đã tán thành thỏa thuận được nêu trong Tuyên bố về giải pháp hai trụ cột để giải quyết những thách thức về thuế phát sinh từ nền kinh tế số do Diễn đàn IF công bố và kêu gọi Diễn đàn nhanh chóng xây dựng các quy tắc mẫu và hiệp định đa phương như đã thống nhất, nhằm đảm bảo các quy tắc mới sẽ có hiệu lực ở cấp độ toàn cầu vào năm 2023.

2. Một số nội dung chính của Trụ cột 2

2.1. Ba nguyên tắc cốt lõi của Trụ cột 2

Một là, nguyên tắc gộp thu nhập (Income Inclusion Rule – IIR)⁵: Cho phép các nước áp dụng mức thuế bổ sung với các công ty mẹ nếu thuế suất áp dụng trên lợi nhuận của các công ty con ở nước ngoài thấp hơn 15%.

Hai là, nguyên tắc đối với các khoản thanh toán chịu thuế dưới mức thuế suất tối thiểu toàn cầu (Undertaxed payment rule – UTPR)⁶: Đây là nguyên tắc hỗ trợ (*backstop*) cho nguyên tắc gộp thu nhập IIR nêu trên. Cụ thể, cho phép một quốc gia từ chối khấu trừ thuế đối với các khoản thanh toán xuyên biên giới giữa công ty mẹ với các công ty con nếu các khoản thanh toán đó không chịu thuế ở mức thuế suất 15%.

Ba là, nguyên tắc quyền đánh thuế của nước nguồn (Subject to tax rule – STTR)⁷: cho phép nước nguồn phát sinh thu nhập được quyền đánh thuế ở mức thuế suất tối thiểu 9% đối với một số khoản thanh toán nhất định cho bên liên kết chịu thuế ở dưới mức thuế suất tối thiểu 9% này. Các khoản thanh toán này dự kiến bao gồm: lãi tiền vay, tiền bản quyền và một số khoản thanh toán khác.

Ba nguyên tắc cốt lõi nêu trên được phối hợp áp dụng chặt chẽ, nhằm đảm bảo thu nhập của các công ty đa quốc gia phải chịu mức thuế suất tối thiểu 15% cũng như cho phép nước có nguồn phát sinh thu nhập (thường là các nước đang phát triển) được quyền đánh thuế ở mức thuế suất tối thiểu 9% đối với một số khoản thanh toán nhất định cho bên liên kết.

2.2. Về đối tượng áp dụng

Trụ cột 2 áp dụng với các công ty đa quốc gia có doanh thu hợp nhất toàn cầu hàng năm từ 750 triệu EUR (tương đương khoảng 870 triệu USD) trong ít nhất 2 năm trong giai đoạn 4 năm liền kề trước năm soát xét và dự kiến có hiệu lực từ năm 2024 tại một số quốc gia.

⁵ Ví dụ: Một công ty của Hàn Quốc có công ty con hoạt động tại Việt Nam, Công ty con được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và có thuế suất hiệu quả là 7%. Như vậy, mức thuế ở Việt Nam thấp hơn mức thuế tối thiểu là 8%. Do đó, Hàn Quốc sẽ yêu cầu công ty mẹ tại Hàn Quốc nộp phần 8% còn lại đối với phần thu nhập dưới mức thuế suất tối thiểu của công ty con tại Việt Nam.

⁶ Ví dụ: Công ty mẹ của Hàn Quốc chi trả cho công ty con tại Việt Nam một khoản thanh toán, nhưng công ty con tại Việt Nam chịu thuế (7%), dưới mức tối thiểu thì công ty mẹ thực hiện các khoản thanh toán cho công ty con nêu trên sẽ không được khấu trừ khoản thanh toán đó vào chi phí hoặc phải điều chỉnh tương ứng lên (15%) đối với phần thu nhập của công ty con tại Việt Nam chưa chịu mức thuế tối thiểu. Theo đó, Việt Nam được quyền thu thuế ở mức tối thiểu (15%) đối với khoản thanh toán nêu trên.

⁷ Ví dụ: Hiệp định thuế giữa Việt Nam và Hàn Quốc quy định mức thuế suất với tiền bản quyền là 5%. Trường hợp công ty Việt Nam thanh toán tiền bản quyền cho một công ty tại Hàn Quốc, tuy nhiên, mức thuế danh nghĩa đối với thu nhập từ tiền bản quyền tại Hàn Quốc thấp hơn mức thuế suất tối thiểu, thì Việt Nam có quyền đánh thuế bổ sung lên bằng mức tối thiểu (9%), mặc dù đã có quy định tại Hiệp định. Để thực hiện quy tắc này thì các nước phải tham gia Hiệp định đa phương.

3. Nhận xét

3.1. Quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu có vai trò quan trọng trong việc cân bằng sự chênh lệch về quy tắc thuế giữa các nước, và là một sáng kiến có khả năng tái thiết lập các hoạt động hợp tác đa phương. Việc các nước thống nhất ban hành Thoả thuận thuế tối thiểu toàn cầu là xu hướng tất yếu nhưng mục tiêu triển khai các quy định mới sẽ còn phụ thuộc vào các nước thành viên (nhóm tích cực và nhóm bị tác động mạnh, như đã nêu ở trên).

Hiện nay, để thúc đẩy tiến trình nội luật hóa Quy tắc, ngày 02/2/2023, OECD cũng đã công bố chi tiết bản hướng dẫn cuối cùng đối với chính phủ các nước về cách thức đưa thuế tối thiểu toàn cầu vào các văn bản luật⁸, theo đó tiến gần hơn tới việc thực hiện cải cách này vào năm 2024⁹.

3.2. Đến nay, Việt Nam đã thu hút ĐTNN từ 142 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Trong đó, các đối tác ĐTNN lớn nhất của Việt Nam chủ yếu đến từ khu vực Đông Á, cụ thể trong nhiều năm qua Hàn Quốc, Nhật Bản và Singapore luôn dẫn đầu danh sách các nguồn ĐTNN vào Việt Nam¹⁰. Trong tương quan chung, Việt Nam vẫn là quốc gia nhập khẩu vốn ĐTNN.

Việt Nam đã tham gia xây dựng, ủng hộ sáng kiến thuế tối thiểu toàn cầu. Do đó, những động thái phản đối, hoặc không tiếp tục tham gia quy tắc sẽ tiềm ẩn rủi ro ảnh hưởng đến vai trò, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Các quốc gia của công ty mẹ có quyền thu phần thuế tối thiểu đối với thu nhập của công ty con tại Việt Nam mà không cần phải đàm phán lại các điều khoản của Hiệp định với Việt Nam, trừ trường hợp Việt Nam và các quốc gia đó đạt được thỏa thuận song phương nhằm không thực thi các điều khoản của quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu.

3.3. Việt Nam đã và đang hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, tham gia nhiều tổ chức quốc tế và khu vực, ký kết các hiệp định song phương và đa phương, do vậy, việc thực hiện chính sách cải cách thuế toàn cầu như Trụ cột 2 thuế tối thiểu toàn cầu là không tránh khỏi. Đồng thời, ngay cả khi việc thực thi quy tắc sẽ dẫn đến nhiều khó khăn, thách thức, Việt Nam không thể yêu cầu các quốc gia khác, đặc biệt là các đối tác đầu tư lớn của mình không tham gia quy tắc; mà trái lại, đây là cơ hội Việt Nam xem xét, đánh giá, nghiên cứu và hoàn thiện chính sách ưu đãi đầu tư nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động ĐTNN.

Trong bối cảnh trên, việc nghiên cứu điều chỉnh, sửa đổi khung pháp lý về thuế, ưu đãi đầu tư phù hợp với điều kiện thực tế là hết sức quan trọng và cấp bách, trong khi vẫn đảm bảo được các lợi thế của Việt Nam trong thu hút đầu tư; đồng thời đối với các dự án đang được hưởng ưu đãi về thuế TNDN mà có mức thuế suất hiệu quả thấp hơn 15% cần phải xem xét biện pháp bảo đảm đầu tư cho doanh nghiệp khi không còn được hưởng ưu đãi.

⁸ <https://www.oecd.org/tax/beps/international-tax-reform-oecd-releases-technical-guidance-for-implementation-of-the-global-minimum-tax.htm>

⁹ <https://www.oecd.org/tax/beps/agreed-administrative-guidance-for-the-pillar-two-globe-rules.pdf>

¹⁰ Lũy kế đến ngày 20/12/2022, số vốn đầu tư đăng ký của ba nước này chiếm tới hơn 50% tổng vốn đầu tư FDI vào Việt Nam, trong đó Hàn Quốc dẫn đầu với 9.534 dự án còn hiệu lực và tổng vốn đăng ký hơn 80 tỷ USD.

3.4. Các nhà đầu tư, đặc biệt là các công ty đa quốc gia đầu tư dự án mới cũng như mở rộng tại Việt Nam một phần chủ yếu là do sự ổn định của môi trường đầu tư cũng như cam kết về chính sách bảo đảm đầu tư kinh doanh trong trường hợp thay đổi luật pháp chính sách. Việc Việt Nam không có các giải pháp kịp thời đồng hành cùng doanh nghiệp sẽ ảnh hưởng đến quyết định đầu tư mở rộng hoặc duy trì đầu tư của các công ty đa quốc gia đang hoạt động tại Việt Nam và kéo theo sự sụt giảm việc thu hút các công ty vệ tinh khác; đồng thời giảm động lực đầu tư của các nhà đầu tư mới đang có kế hoạch đầu tư vào Việt Nam.

3.5. Trong trường hợp Việt Nam không có động thái điều chỉnh chính sách ưu đãi đầu tư và cơ chế thực hiện phù hợp thì việc áp dụng chính sách thuế suất tối thiểu toàn cầu sẽ làm giảm hiệu quả của chính sách ưu đãi thuế TNDN của Việt Nam; không còn hấp dẫn để giữ chân hoặc thu hút thêm vốn đầu tư mới từ các tập đoàn đa quốc gia tại Việt Nam; từ đó, ảnh hưởng đến vị thế cạnh tranh của Việt Nam so với các nước trong khu vực, cũng như ảnh hưởng đến việc thu hút nguồn vốn ĐTNN có chọn lọc, chất lượng cao.

Đồng thời, nếu không sớm nội luật hóa để điều chỉnh mức ưu đãi thuế TNDN lên tương đương với mức thuế tối thiểu toàn cầu (15%), Việt Nam sẽ không thu được phần thuế chênh lệch, các công ty đầu tư tại Việt Nam cũng không được hưởng các ưu đãi này vì sẽ bị các quốc gia của công ty mẹ thu.

3.6. Ngoài ra, nếu chính sách ưu đãi thuế hiện tại bị thay đổi bởi cơ chế thuế suất tối thiểu toàn cầu thì một mặt, Chính phủ phải đối diện với các cam kết về bảo hộ đầu tư cho các nhà đầu tư hiện đang sản xuất kinh doanh tại Việt Nam vẫn còn đang trong thời kỳ ưu đãi đầu tư; mặt khác là phải sửa đổi, ban hành các cơ chế ưu đãi để tiếp tục cạnh tranh với các nước trong khu vực để duy trì và thu hút vốn ĐTNN. Do đó, quyết định đầu tư của các doanh nghiệp, nhà ĐTNN sẽ phụ thuộc vào các yếu tố phi-thuế (Non-taxation) trong thời gian tới.

II. MỤC TIÊU XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH

1. Quan điểm xây dựng chính sách

a) Phù hợp với Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 và Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021 - 2030.

b) Đảm bảo lợi ích hài hòa giữa nhà đầu tư và nhà nước trên cơ sở: (i) phù hợp với các quy tắc của OECD; (ii) không vi phạm các cam kết quốc tế; và (iii) phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

2. Mục tiêu, yêu cầu xây dựng chính sách

a) Đảm bảo sức cạnh tranh và hấp dẫn của môi trường đầu tư Việt Nam;

b) Cần có tính chọn lọc, phù hợp với định hướng thu hút đầu tư và phát triển ngành, lĩnh vực, trong đó tập trung ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công

nghe mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu;

c) Tác động tối thiểu đến ngân sách nhà nước;

d) Ứng xử bình đẳng giữa các doanh nghiệp, hài hoà cho các đối tượng áp dụng, bao gồm doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu, nhà đầu tư mới (bao gồm cả nhà đầu tư trong nước và nước ngoài);

đ) Phù hợp với quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu thuộc Trụ cột 2 và hướng dẫn của OECD; không vi phạm các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

e) Đảm bảo tính khả thi, dễ thực hiện.

PHẦN II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

1. Các căn cứ

Tại Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 có đề ra các nhiệm vụ:

- Đổi mới cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư; xây dựng, bổ sung cơ chế khuyến khích đối với các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả, thực hiện tốt cam kết; phân biệt ưu đãi giữa các ngành, nghề đầu tư khác nhau. Có chính sách khuyến khích hợp tác, chuyên giao công nghệ dựa trên cơ sở thoả thuận, tự nguyện. Áp dụng nguyên tắc ưu đãi đầu tư gắn với việc đáp ứng các điều kiện, cam kết cụ thể và cơ chế hậu kiểm, yêu cầu bồi hoàn khi vi phạm các cam kết.

- Xây dựng thể chế, chính sách ưu đãi vượt trội, cạnh tranh quốc tế tạo điều kiện kinh doanh thuận lợi thu hút các dự án lớn, trọng điểm quốc gia, dự án công nghệ cao..., thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia đầu tư, đặt trụ sở và thành lập các trung tâm nghiên cứu - phát triển (R&D)

2. Xác định vấn đề bất cập:

2.1. Về pháp lý:

(1) Chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư của Việt Nam được quy định tại Chương III Luật Đầu tư 2020 và Chương III Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. Mức ưu đãi cụ thể đối với từng loại ưu đãi đầu tư áp dụng theo quy định của pháp luật về thuế, kế toán và đất đai.

(2) Hình thức ưu đãi đầu tư là miễn, giảm thuế, áp dụng theo tiêu chí lĩnh vực, địa bàn và các đối tượng mà Nhà nước khuyến khích phát triển. Các ưu đãi này đang được đánh giá là có tính cạnh tranh trong khu vực.

(Chi tiết tham khảo tại Phụ lục kèm theo)

(3) Các hình thức hỗ trợ đầu tư¹¹ bao gồm: (i) Hỗ trợ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào dự án đầu tư; (ii) Hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; (iii) Hỗ trợ tín dụng; (iv) Hỗ trợ tiếp cận mặt bằng sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ cơ sở sản xuất, kinh doanh di dời theo quyết định của cơ quan nhà nước; (v) Hỗ trợ khoa học, kỹ thuật, chuyển giao công nghệ; (vi) Hỗ trợ phát triển thị trường, cung cấp thông tin; (vii) Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển.

Khoản 2 Điều 18 Luật Đầu tư quy định: “*Căn cứ định hướng phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ, Chính phủ quy định chi tiết các hình thức hỗ trợ đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này¹² đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp đầu tư vào giáo dục, phổ biến pháp luật và các đối tượng khác.*”

So với các nước trong khu vực và trên thế giới, các hình thức hỗ trợ đầu tư tại Việt Nam được quy định tương đối đầy đủ tại Luật Đầu tư. Tuy nhiên, thực tế hiện nay, việc triển khai áp dụng hỗ trợ đầu tư còn nhiều khó khăn và chưa khả thi, do chưa có sự thống nhất giữa các quy định pháp luật. Cụ thể, pháp luật về ngân sách chưa có quy định cụ thể về việc chi ngân sách cho các hỗ trợ đầu tư quy định tại Điều 18 Luật Đầu tư.

Bên cạnh đó, để đem lại lợi thế cạnh tranh, một số quốc gia trên thế giới hiện đang áp dụng hình thức hỗ trợ đầu tư mới được các nhà đầu tư quan tâm và đánh giá cao (cụ thể: hỗ trợ dựa trên chi phí đầu tư, hỗ trợ về chi phí sản xuất sản phẩm ưu tiên và hỗ trợ về chi phí nghiên cứu và phát triển¹³). Tuy nhiên, các hình thức hỗ trợ đầu tư dựa trên chi phí đầu tư và chi phí sản xuất sản phẩm ưu tiên này chưa được pháp luật Việt Nam quy định.

Về cách thức hỗ trợ, các khoản hỗ trợ đầu tư có thể được cân trừ vào nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp hoặc sẽ được chi trả trực tiếp bằng tiền trích từ ngân sách nhà nước. Nội dung này cũng chưa được quy định cụ thể trong pháp luật về ngân sách nhà nước tại Việt Nam.

2.2. Về ảnh hưởng của thuế tối thiểu toàn cầu

(1) Thuế tối thiểu toàn cầu (Trụ cột 2) là sự thay đổi căn bản về cấu trúc thuế quốc tế, được thiết kế nhằm hạn chế việc giảm chuyển dịch lợi nhuận và cạnh tranh về thuế của các tập đoàn đa quốc gia và cạnh tranh “xuống đáy” về thuế của các quốc gia. Như đã báo cáo ở trên, trong khi các nước phát triển đang khấn trương và chủ động áp dụng quy tắc này thì các nước đang phát triển đang cân nhắc kỹ lưỡng bài toán tăng nguồn thu (thông qua áp dụng cơ chế thuế tối thiểu nội địa bổ sung đạt chuẩn - QDMTT) nhưng vẫn phải đảm bảo tiếp tục cạnh tranh thu hút đầu tư (thông qua việc ban hành các hình thức ưu đãi mới phù hợp).

¹¹ Khoản 1 Điều 18 Luật Đầu tư.

¹² Quy định về hình thức hỗ trợ đầu tư.

¹³ Nội dung hỗ trợ về chi phí nghiên cứu và phát triển đã được quy định tại Khoản 1 Điều 18 Luật Đầu tư.

(2) Hiện nay, chính sách ưu đãi về tài chính của Việt Nam tập trung vào 03 lĩnh vực: **(i)** Ưu đãi về thuế TNDN, **(ii)** Ưu đãi về thuế xuất nhập khẩu và **(iii)** Ưu đãi về tài chính đất đai. Trong đó, ưu đãi về thuế TNDN sẽ chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các quy tắc tính thuế bổ sung thuế tối thiểu toàn cầu.

Chính sách ưu đãi thuế thu nhập gồm ưu đãi về thuế suất và ưu đãi về thời gian miễn, giảm thuế, trong đó gói ưu đãi thuế TNDN cao nổi bật đối với một dự án gồm: thuế suất 10% trong 15 năm, miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Về cơ bản, điều kiện để được hưởng ưu đãi thuế là phải đáp ứng tiêu chí về địa bàn ưu đãi, lĩnh vực ưu đãi, hoặc có quy mô lớn dựa trên vốn đầu tư kèm điều kiện về thời gian giải ngân, doanh thu hoặc lao động sử dụng.

Đặc biệt, năm 2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg quy định về ưu đãi đầu tư đặc biệt đối với các dự án đầu tư có tác động lớn đến phát triển kinh tế xã hội, trong đó bao gồm các dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 10.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm sẽ được hưởng mức ưu đãi thuế TNDN tối đa là miễn thuế 6 năm, giảm 50% số thuế trong 13 năm, và thuế suất ưu đãi 5% trong 37 năm, tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của dự án.

Khi Trụ cột 2 được áp dụng với mức thuế tối thiểu toàn cầu 15% (cho dù Việt Nam có lựa chọn áp dụng hay không), thì **ưu đãi thuế TNDN đang áp dụng tại Việt Nam sẽ không còn ý nghĩa**; dẫn đến Việt Nam sẽ không còn cạnh tranh trong thu hút, giữ chân các doanh nghiệp thuộc đối tượng này¹⁴.

(3) Bên cạnh phương án trợ cấp bằng tiền hoặc giảm trừ thuế có thể được hoàn lại đạt chuẩn, một số phương án khác có thể được cân nhắc như: áp dụng thuế suất thuế ưu đãi với mức 15% suốt đời dự án; khấu trừ thêm chi phí, hoặc ưu đãi các loại thuế khác (giảm thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân...). Tuy nhiên, các phương án này sẽ không mang lại hiệu quả cao trong bối cảnh áp dụng Trụ cột 2 do việc áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu sẽ tác động trực tiếp đến phương án tài chính của doanh nghiệp đang hưởng ưu đãi theo thu nhập tại Việt Nam; đồng thời, số doanh nghiệp loại này tương đối nhiều, trong số đó nhiều doanh nghiệp có quy mô vốn đầu tư và lợi nhuận lớn (hàng tỷ đô la Mỹ). Trong khi đó, phương án ưu đãi các loại thuế khác là không đáng kể đối với tác động tài chính của thuế bổ sung theo cơ chế thuế tối thiểu toàn cầu.

Các hình thức như tăng mức chi phí được trừ khi tính thu nhập chịu thuế cũng sẽ không có tác dụng hỗ trợ thiết thực cho doanh nghiệp do về bản chất sẽ tác động vào thu nhập của doanh nghiệp và khi đó sẽ phát sinh thêm thuế phải nộp bổ sung theo công thức tính toán thuế suất hiệu quả (ETR) của thuế tối thiểu toàn cầu.

¹⁴ Tùy vào thời gian hoạt động của dự án hoạt động, các dự án này đang hưởng các mức thuế suất ưu đãi khác nhau, tuy nhiên phần nhiều sẽ thấp hơn nhiều so với mức thuế tối thiểu toàn cầu 15%. Theo đó, khi các quốc gia khác, đặc biệt là các quốc gia của Công ty mẹ của các doanh nghiệp này áp dụng quy tắc Thuế tối thiểu toàn cầu, các doanh nghiệp này sẽ chịu thiệt hại nặng nề do phần Thuế bổ sung nộp tại quốc gia của công ty mẹ đối với phần chênh lệch giữa mức thuế suất hiệu quả khi đang hưởng ưu đãi tại Việt Nam và thuế suất tối thiểu 15%.

(4) Ảnh hưởng đến mục tiêu thu hút vốn ĐTNN

Bên cạnh khả năng cải thiện các nguồn thu thuế từ các công ty công nghệ đa quốc gia có doanh thu lớn (các BigTech như: Netflix, Facebook, Google và các nền tảng thương mại điện tử khác), việc tham gia thỏa thuận thuế doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu khi được áp dụng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến dòng vốn FDI toàn cầu, trong đó các nước thu hút FDI thông qua các ưu đãi thuế như Việt Nam sẽ gặp nhiều khó khăn hơn. Mục tiêu thu hút vốn ĐTNN đầy tham vọng sẽ gặp thách thức rất lớn (giai đoạn 2021-2025 khoảng 150 - 200 tỉ USD, 30 - 40 tỉ USD/năm; giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 200 - 300 tỉ USD, 40 - 50 tỉ USD/năm)¹⁵.

Đặc biệt, nền kinh tế toàn cầu đang đứng trước nhiều thách thức nhanh chóng, khó lường. Năm 2023, World Bank dự báo triển vọng tăng trưởng GDP toàn cầu đạt 1,7%, thấp nhất trong gần 3 thập kỷ qua; IMF đưa ra dự báo lạc quan hơn ở mức 2,9%, tuy nhiên, vẫn thấp hơn đáng kể so với mức 3,4% ước tính của năm 2022. Bên cạnh đó, UNCTAD cho biết dòng vốn ĐTNN đã có dấu hiệu bão hòa và chững lại kể từ giữa năm 2022 và có thể giảm hoặc đi ngang trong năm 2023 so với mức phục hồi tích cực của năm 2021.

Thực tế tại Việt Nam, tình hình thu hút ĐTNN đã bắt đầu gặp nhiều khó khăn trong giai đoạn qua, với tổng vốn ĐTNN năm 2022 đạt 27,72 tỷ USD, chỉ bằng 89% so với năm 2021¹⁶ và bắt đầu thể hiện xu hướng giảm theo từng quý. Riêng tháng 1 năm 2023, vốn ĐTNN đăng ký đạt gần 1,69 tỷ USD, vốn thực hiện ước đạt 1,35 tỷ USD, giảm lần lượt 19,8% và 16,3% so với cùng kỳ năm 2022.

(5) Tác động đến kế hoạch mở rộng đầu tư của các dự án hiện hữu

Việc mở rộng đầu tư của các dự án hiện hữu cũng có nguy cơ giảm sút (trong khi Việt Nam đặt mục tiêu vốn thực hiện 20 - 30 tỉ USD/năm cho giai đoạn 2021 - 2025; 30 - 40 tỉ USD/năm cho giai đoạn 2026 - 2030). Nguyên nhân do rất nhiều dự án quy mô lớn đang thuộc ngành công nghệ cao, ngành ưu đãi đầu tư với mức thuế suất thấp hơn 15%. Nếu áp dụng mức thuế tối thiểu toàn cầu là 15%, thì những lợi ích mang lại từ chính sách ưu đãi thuế mà các công ty này được hưởng tại Việt Nam sẽ không còn nữa, từ đó ảnh hưởng đến tính hấp dẫn của thị trường Việt Nam trong thu hút ĐTNN.

Trên thực tế, trong thời gian qua, nhiều tín hiệu cho thấy rằng các tập đoàn, nhà đầu tư lớn đã bộc lộ quan điểm thận trọng đối với hoạt động đầu tư mới cũng như kế hoạch mở rộng đầu tư tại Việt Nam vì một số lý do khách quan và chủ quan, trong đó có việc Việt Nam vẫn chưa có động thái rõ ràng về việc triển khai quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu. Ví dụ: (i) tháng 12 năm 2022, Tập đoàn LG (Hàn Quốc) tạm dừng kế hoạch đầu tư mở rộng nhà máy trị giá 5 tỉ USD tại Việt Nam; (ii) quá trình đàm phán chính sách kéo dài đã ảnh hưởng đến tiến độ mở rộng đầu tư của Tập đoàn Intel (Hoa Kỳ); (iii) Tập đoàn GenX (Hoa Kỳ) tuyên bố tạm dừng hoạt động khảo sát và rút khỏi thị trường Việt Nam do gặp nhiều vướng mắc về chính sách. Ngoài ra, các nhà đầu tư Hàn Quốc như Samsung, SK, một số đối tác gia công sản xuất (OEM)

¹⁵ Mục 3 Phần II Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.

¹⁶ Thời điểm các nước G20 tán thành thỏa thuận thuế tối thiểu toàn cầu.

của Apple và các nhà đầu tư Nhật Bản, vốn đã cẩn thận trong quá trình đầu tư, cũng bày tỏ quan điểm quan ngại rằng về khả năng mất đi sự hấp dẫn của môi trường đầu tư dẫn đến việc mất lợi thế cạnh tranh trong thu hút đầu tư, đồng thời mất đi khoản thu thuế hợp lý đáng kể nếu Việt Nam không có những quyết sách phù hợp để triển khai và ứng phó với các tác động của quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu.

Qua thống kê, hiện nay có khoảng 335 dự án có số vốn đầu tư đăng ký trên 100 triệu USD¹⁷ hoạt động đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tại các khu kinh tế và khu công nghiệp và đang được hưởng ưu đãi thuế TNDN thấp hơn 15%, trong đó, thường là các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ cao (như Samsung, Intel, LG, Bosch, Sharp, Panasonic, Foxconn, Pegatron...). Theo đó, tuy chỉ chiếm khoảng 1% số dự án nhưng tổng vốn đầu tư đăng ký của các loại dự án này lại chiếm gần 30% tổng vốn FDI tại Việt Nam (đạt khoảng 131,3 tỷ USD). Với việc hưởng các ưu đãi thuế TNDN thấp hơn mức 15%, đây là các dự án có khả năng sẽ bị ảnh hưởng khi thuế tối thiểu toàn cầu được áp dụng. Do thuế tối thiểu toàn cầu sẽ chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có doanh thu hợp nhất toàn cầu trên 750 triệu EUR, trong thời gian tới, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ phối hợp cùng Bộ Tài chính để rà soát và có thống kê cụ thể về số lượng các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam bị ảnh hưởng khi thuế tối thiểu toàn cầu được áp dụng.

(6) Niềm tin của các nhà đầu tư giảm sút

Việc giữ nguyên ưu đãi cho các dự án đã cấp trước đó¹⁸, về nguyên tắc sẽ không ảnh hưởng đến cam kết của Việt Nam với nhà đầu tư; nhưng *nếu không có giải pháp, thì mức ưu đãi này sẽ là vô nghĩa* với họ (vì vẫn phải nộp mức chênh lệch tại quốc gia đặt trụ sở). Qua đó, ảnh hưởng đến mức độ “thiện chí đồng hành” của Việt Nam với cộng đồng nhà đầu tư, dễ bị gắn với hình ảnh “đem con bỏ chợ”.

(7) Gia tăng áp lực đối với công tác quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài

Công tác quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài, đặc biệt trong công tác thu thuế đối với các công ty đa quốc gia trước mắt sẽ có những khó khăn do: *(i)* yêu cầu phải có hệ thống hành lang pháp lý hoàn chỉnh, nguồn nhân lực và hạ tầng công nghệ phát triển để có thể rà soát, bóc tách từng giao dịch, xác định chính xác, đầy đủ từng loại doanh thu, lợi nhuận của các công ty đa quốc gia; *(ii)* việc kết nối hệ thống cơ sở dữ liệu, thu thập, trao đổi thông tin giữa các cơ quan chức năng trong và ngoài nước phục vụ công tác quản lý thuế các công ty đa quốc gia còn hạn chế; *(iii)* mức độ hoàn thiện các quy trình quản lý chưa được đồng bộ, mức độ liên kết và tích hợp giữa các quy trình nghiệp vụ chưa cao do chưa có mô hình tổng thể tái thiết kế các quy trình nghiệp vụ theo luồng công việc gắn kết với ứng dụng công nghệ thông tin; *(iv)* chất lượng nguồn nhân lực, các phương pháp, kỹ năng thanh tra, kiểm tra chưa theo kịp với sự phát triển nhanh chóng của các

¹⁷ (i) Từ 100 – 200 triệu USD: 184 dự án với tổng VĐTĐK đạt 24,3 tỷ USD; (ii) Từ 200 – 500 triệu USD: 108 dự án với tổng VĐTĐK đạt 30 tỷ USD; (iii) từ 500 triệu USD đến 1 tỷ USD: 18 dự án với tổng VĐTĐK đạt 11,16 tỷ USD; và (iv) trên 1 tỷ USD: 25 dự án với tổng VĐTĐK đạt 65,8 tỷ USD.

¹⁸ Trụ cột 2 không quy định các nước phải nâng mức thuế TNDN lên 15% mà chỉ đưa ra cơ chế để thu thuế trong trường hợp các tập đoàn đa quốc gia có công ty con nộp thuế dưới mức 15% tại một quốc gia này sẽ bị đánh thuế bổ sung lên mức 15% ở quốc gia có công ty mẹ để đảm bảo đạt mức thuế suất tối thiểu toàn cầu.

công ty đa quốc gia và các mô hình kinh doanh mới¹⁹.

3. Các giải pháp giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư mới

b) Giải pháp 2:

- Áp dụng các chính sách hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng: (i) Doanh nghiệp có dự án đầu tư có quy mô vốn trên 12.000 tỷ đồng hoặc đạt doanh thu trên 20.000 tỷ đồng/năm trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm công nghệ cao; (ii) Doanh nghiệp công nghệ cao có dự án đầu tư có quy mô vốn trên 12.000 tỷ đồng hoặc đạt doanh thu trên 20.000 tỷ đồng/năm; (iii) Doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao có quy mô vốn trên 12.000 tỷ đồng hoặc đạt doanh thu trên 20.000 tỷ đồng/năm; và (iv) Doanh nghiệp đầu tư dự án trung tâm nghiên cứu và phát triển có quy mô vốn trên 3.000 tỷ đồng.

- Các hình thức hỗ trợ đầu tư: (i) Hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; (ii) Hỗ trợ chi phí đầu tư tạo tài sản cố định; (iii) Hỗ trợ chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao; và (iv) Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển.

- Phương thức hỗ trợ đầu tư: được cân trừ vào nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp hoặc được chi trả trực tiếp bằng tiền trích từ ngân sách nhà nước.

- Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm để thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư tại Nghị quyết.

- Chính phủ quy định chi tiết mức hỗ trợ, trình tự, thủ tục áp dụng các hình thức hỗ trợ đầu tư quy định nêu trên.

4. Đánh giá tác động của các giải pháp

4.1. Giải pháp 1

Trong trường hợp Việt Nam không có động thái điều chỉnh chính sách ưu đãi đầu tư và cơ chế thực hiện phù hợp thì việc áp dụng chính sách thuế suất tối thiểu toàn cầu sẽ làm ảnh hưởng đến quá trình thu hút, quản lý đầu tư nước ngoài tại Việt Nam như đã phân tích tại phần I.3 và II.2.2 nêu trên.

4.2. Giải pháp 2

4.2.1. Lý do lựa chọn các giải pháp

4.2.1.1. Về đối tượng áp dụng hỗ trợ đầu tư

Việc lựa chọn doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao và xây dựng trung tâm nghiên cứu và phát triển là vì: (i) tiêu chí xác định doanh nghiệp cao và doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao đã được

¹⁹ Ví dụ như trong trường hợp Amazon, có vốn hóa thị trường hơn 1.000 tỷ USD, doanh thu ròng năm 2020 đạt hơn 380 tỷ USD nhưng tỷ suất lợi nhuận chỉ đạt 6,3%. Mặc dù vậy, mảng kinh doanh dịch vụ điện toán đám mây của công ty này với doanh thu 45 tỷ USD trong năm 2020 vẫn đạt tỷ suất lợi nhuận trên 30%.

quy định tại pháp luật công nghệ cao²⁰; (ii) phù hợp với định hướng thu hút đầu tư nước ngoài của Việt Nam²¹ trong thời gian tới.

Quy mô vốn đầu tư hiện nay được quy định tại văn bản pháp luật về đầu tư và thuế, theo đó sẽ có 03 mức 6.000 tỷ đồng²², 12.000 tỷ đồng²³ và 30.000 tỷ đồng²⁴. Việc lựa chọn quy mô vốn đầu tư trên 12.000 tỷ đồng nhằm mục đích: (i) thu hẹp được đối tượng áp dụng để bảo đảm không bội chi ngân sách cho hỗ trợ đầu tư; (ii) khuyến khích các tập đoàn đa quốc gia có các công ty thành viên tăng vốn đầu tư. Riêng quy mô vốn đầu tư đối với trung tâm nghiên cứu và phát triển cũng đã được quy định tại Điều 20 Luật đầu tư²⁵ (vốn tối thiểu 3.000 tỷ đồng).

Quy định về ưu đãi đầu tư đối với các dự án đầu tư đạt doanh thu trên 20.000 tỷ đồng đã được quy định tại pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp²⁶. Đồng thời, với việc áp dụng tiêu chí doanh thu 20.000 tỷ đồng sẽ khuyến khích doanh nghiệp công nghệ cao kinh doanh hiệu quả, sản xuất sản phẩm có giá trị lớn, qua đó thúc đẩy phát triển ngành công nghệ cao tại Việt Nam.

Như vậy, đối tượng áp dụng đã được quy định tại các văn bản pháp luật liên quan, không phải là nội dung mới được quy định sau khi thuế tối thiểu toàn cầu được ban hành. Điều này đảm bảo sự phù hợp với các quy định của OECD.

4.2.1.2. Về hình thức hỗ trợ đầu tư:

Theo Ngân hàng thế giới²⁷, các loại hình đầu tư của nhiều nhà đầu tư được thúc đẩy bởi nhiều yếu tố khác nhau và được đặc trưng bởi những lợi ích, cơ hội và thách thức riêng biệt đối với nền kinh tế của từng quốc gia thu hút. Tuy nhiên, các quốc gia khi xem xét xây dựng chính sách tư có thể xác định bốn loại hình đầu tư dựa trên động cơ của nhà đầu tư bao gồm: (i) Đầu tư tìm kiếm tài nguyên

²⁰ Quyết định số 10/2021/QĐ-TTg ngày 16/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao; Thông tư 32/2011/TT-BKHCN ngày 11/5/2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2020/TT-BKHCN ngày 28/9/2020)

²¹ (i) Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030; (ii) Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 02/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021-2030.

²² Điều 15 Luật Đầu tư 2020.

²³ Khoản 1 Điều 13 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 (sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế năm 2014)

²⁴ Điều 20 Luật Đầu tư 2020.

²⁵ Điểm a Khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư

²⁶ Khoản 5 Điều 13 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 (sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế năm 2014) quy định việc kéo dài thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi với các dự án có mức doanh thu trên 20.000 tỷ đồng.

²⁷ Tại các báo cáo: (i) Why does efficiency-seeking FDI matter (2/2016): <https://blogs.worldbank.org/psd/why-does-efficiency-seeking-fdi-matter>; (ii) What Investors want (3/2018): <https://documents1.worldbank.org/curated/en/168711522241146651/pdf/WPS8386.pdf>; (iii) Investment Motivation Survey (5/2016): <https://documents1.worldbank.org/curated/en/727941530222301892/pdf/Investment-Motivation-Survey.pdf>

thiên nhiên²⁸; (ii) Đầu tư tìm kiếm thị trường trong nước²⁹; (iii) Đầu tư tìm kiếm tài sản chiến lược³⁰; và (iv) Đầu tư tìm kiếm hiệu quả³¹.

Đồng thời, các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn địa điểm đầu tư chỉ ra rằng 3 yếu tố được nhà đầu tư xem là quan trọng nhất bao gồm: (i) An ninh và sự ổn định chính trị, (ii) Ưu đãi đầu tư và (iii) Khả năng dự báo chính sách kinh doanh.

- Đối với trường hợp của Việt Nam, Việt Nam đang có các thế mạnh về an ninh và sự ổn định chính trị, vị trí địa lý thuận lợi cho việc giao thương và cung ứng, độ mở của nền kinh tế với 15 FTAs có hiệu lực. Các đặc điểm này cho phép Việt Nam có thể theo đuổi các chính sách để thu hút nhóm tập đoàn đa quốc gia tìm kiếm hiệu quả với điển hình là các tập đoàn sản xuất quy mô lớn và có năng lực liên kết chặt chẽ với chuỗi giá trị toàn cầu.

Do đó, với mục tiêu tổng thể của chính sách hỗ trợ đầu tư được quy định trong Nghị quyết là nhằm giữ chân và thu hút các nhà đầu tư lớn, các khoản hỗ trợ đầu tư cũng cần đủ hấp dẫn và tương xứng với các kỳ vọng lợi ích mà nhà đầu tư, trong đó tập trung vào các chi phí phát sinh lớn như chi phí đào tạo nhân lực, chi phí sản xuất, chi phí đầu tư tài sản cố định, chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao và chi phí nghiên cứu và phát triển. Việc không hỗ trợ dàn trải nhiều chi phí cho doanh nghiệp thuộc đối tượng vừa đảm bảo tính mục tiêu của chính sách, đồng thời hạn chế dư luận trái chiều khi cho rằng các đối tượng của Nghị quyết, trên hình thức, được cung cấp quá nhiều hỗ trợ vì chính sách thuế tối thiểu toàn cầu chỉ làm mất hoặc hạn chế tác dụng của các chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp với các nhà đầu tư quy mô lớn trong khi vẫn phát huy hiệu quả với các nhóm nhà đầu tư khác.

(3) Thông báo số 122/TB-VPCP ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu *đề xuất các loại hình hỗ trợ khác như: chuyển giao công nghệ, nhà ở xã hội, hợp tác xã cho công nhân và tiếp cận tăng trưởng năng lượng xanh. Tuy nhiên các hình thức này về cơ bản sẽ chưa phù hợp đối với mục tiêu của Nghị quyết, cụ thể:*

²⁸ Loại hình đầu tư này xảy ra khi nhà đầu tư tìm cách tiếp cận tài nguyên cụ thể theo địa điểm (ví dụ: kim cương, dầu mỏ, khí đốt tự nhiên, than đá và các tài nguyên khoáng sản và khai thác khác, cũng như các nguồn năng lượng tái tạo). Mặc dù loại hình đầu tư này có thể tạo ra doanh thu xuất khẩu và tài chính đáng kể, nhưng nước sở tại sẽ được hưởng nhiều lợi ích hơn nếu quá trình xử lý giá trị gia tăng diễn ra trong nước và nếu một hệ sinh thái cạnh tranh của các nhà cung cấp địa phương về hàng hóa và dịch vụ khác nhau được sử dụng trong khai thác có thể được tạo ra một cách bền vững.

²⁹ Loại hình đầu tư này được thúc đẩy bởi tiềm năng cung cấp hàng hóa và dịch vụ cho khách hàng trong nước sở tại hoặc thị trường khu vực. Loại hình này gần như hoàn toàn phụ thuộc vào quy mô và đặc điểm của thị trường. Loại hình FDI này là một phương tiện quan trọng để công nghiệp hóa một quốc gia, vì có tiềm năng phát triển mối liên kết với nền kinh tế địa phương, nâng cao chất lượng của các nhà cung cấp địa phương, tạo ra sự cạnh tranh, tăng năng suất và hạ giá cho người tiêu dùng.

³⁰ Loại hình đầu tư này được sử dụng để mua tài sản chiến lược bất động, thông tin kinh doanh, công nghệ độc quyền và thương hiệu. Loại hình này đòi hỏi nhà đầu tư phải mua lại các công ty sở hữu tài sản chiến lược và sở hữu mạng lưới các chi nhánh của công ty.

³¹ Loại hình đầu tư này được thúc đẩy khi các nhà đầu tư tìm cách tăng hiệu quả chi phí sản xuất bằng cách tận dụng các yếu tố cải thiện khả năng cạnh tranh ở cấp độ doanh nghiệp. Ví dụ như khả năng tận dụng chi phí lao động thấp hơn hoặc năng suất lao động cao hơn, tiếp cận mặt bằng sản xuất dễ dàng hơn hoặc rẻ hơn, tiếp cận thị trường xuất khẩu dễ dàng hơn hoặc thậm chí ưu đãi hơn, tiếp cận các nguyên vật liệu đầu vào và linh kiện chính thuận lợi hơn, hay các mô hình sản xuất và cung ứng quốc tế hiệu quả hơn. So với 3 nhóm trên, đây là nhóm đóng vai trò quan trọng cho các quốc gia đang tìm kiếm cơ hội hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu và tiến lên trong chuỗi giá trị.

(i) *Hình thức hỗ trợ chuyển giao công nghệ*: chuyển giao công nghệ đã được hỗ trợ theo quy định của pháp luật về công nghệ, được bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ riêng từ các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia, các quỹ phát triển khoa học và công nghệ³². Theo đó đối với chính sách hỗ trợ đầu tư thí điểm theo Nghị quyết lần này đề xuất không đưa đối tượng hỗ trợ chuyển giao công nghệ vào để tránh trùng lặp, tập trung ngân sách để khuyến khích các hình thức ưu đãi đầu tư mới (chi phí nghiên cứu và phát triển, chi phí sản xuất, chi phí đầu tư tài sản cố định, chi phí hỗ trợ đào tạo và phát triển nhân lực) là các khoản chi trọng yếu, có tác dụng hỗ trợ thiết thực cho doanh nghiệp, có tác dụng thu hút các dự án chiến lược.

(ii) *Hình thức hỗ trợ nhà ở xã hội, hợp tác xã cho công nhân*: mặc dù đây là hình thức hỗ trợ mang nhiều giá trị nhân văn và bền vững cho doanh nghiệp; tuy nhiên, đây là hình thức đã được Nhà nước hỗ trợ bằng nhiều chính sách khác thông qua Luật Đất đai, Luật Nhà ở, hỗ trợ tín dụng,... Mặt khác, trong bối cảnh xây dựng các chính sách hỗ trợ đầu tư có tác dụng thay thế chính sách ưu đãi đầu tư bị giảm hiệu quả bởi Thuế tối thiểu toàn cầu thì hình thức hỗ trợ này chưa đủ mức độ hấp dẫn với các nhà đầu tư. Do đó, không nên lồng ghép vào chính sách hỗ trợ đầu tư đặc thù này mà có thể nghiên cứu cân nhắc đưa vào các kế hoạch cải thiện môi trường đầu tư tại các văn bản quy định khác.

(iii) *Tiếp cận tăng trưởng năng lượng xanh*: mặc dù là hình thức hỗ trợ mang tính chất bền vững và đi theo xu hướng chung của thế giới. Tuy nhiên, căn cứ trên tình hình thực tiễn triển khai năng lượng xanh của Việt Nam, chúng ta vẫn cần thêm thời gian để phát triển thêm về năng lực cơ sở. Việc đưa ra hình thức hỗ trợ không tương xứng với năng lực hiện có sẽ làm chính sách không đạt được hiệu quả kỳ vọng. Đồng thời, hiện nay, tại Bộ Công Thương cũng đang được Chính phủ giao nghiên cứu, đề xuất áp dụng các công cụ tài chính, cơ chế khuyến khích, nâng cao khả năng tiếp cận tài chính đối với các dự án đầu tư vào sử dụng hiệu quả năng lượng³³.

4.2.1.3. Về phương thức hỗ trợ đầu tư:

- Phù hợp với các khuyến nghị của OECD trong quá trình xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư khi thuế tối thiểu toàn cầu được áp dụng.

- Đây là các hình thức hỗ trợ đầu tư mà các quốc gia trong khu vực đang áp dụng, trong khi đó tại Việt Nam thì chưa được cụ thể tại các văn bản pháp luật.

4.2.1.4. Về mức hỗ trợ đầu tư:

(1) *Giải pháp 1*: quy định mức hỗ trợ trần trên tổng mức đầu tư

a) Ưu điểm: (i) Dễ dàng xác định được số tiền tối đa cần chi hỗ trợ cho từng doanh nghiệp; (ii) Phù hợp với các kêu gọi các dự án đầu tư mới hỗ trợ bằng tiền ngay một lần để xây dựng nhà máy sản xuất.

b) Nhược điểm: (i) Vốn đầu tư là một chỉ tiêu cố định không có mối liên hệ chặt chẽ với kết quả kinh doanh của doanh nghiệp và số thu thuế bổ sung vào

³² Chính sách hỗ trợ chuyển giao công nghệ hiện hành được quy định tại Điều 8 Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

³³ Mục IV.1.d Điều 1 Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050.

ngân sách nên việc đưa ra mức trần trên vốn đầu tư không gắn việc kiểm soát ngân sách với các chính sách khuyến khích đầu tư theo hướng hiệu quả; (ii) không chế ưu đãi hỗ trợ dựa trên tổng mức đầu tư có thể gây bất lợi cho các công ty công nghệ cao lớn như Samsung có quy mô doanh thu lớn, khả năng sinh lời trên vốn đầu tư cao (khả năng sinh lời nhờ vào công nghệ cao), nộp thuế nhiều. Trong khi đó các công ty có vốn đầu tư lớn nhưng hoạt động không hiệu quả, doanh thu thấp, tỷ suất sinh lời trên vốn đầu tư thấp thậm chí lỗ thì sẽ nhận được nhiều hỗ trợ. Dẫn đến đi ngược lại với mục tiêu thu hút các doanh nghiệp công nghệ cao, quy mô lớn và có ảnh hưởng kinh tế xã hội³⁴. (iii) Không chế dẫn đến không công bằng giữa các nhà đầu tư: Vì vốn đầu tư không có mối liên hệ chặt chẽ đến kết quả kinh doanh nên sẽ có sự không công bằng giữa các nhà đầu tư³⁵.

(2) Giải pháp 2: Quy định mức hỗ trợ trần trên doanh thu

a) Ưu điểm: (i) Dễ xác định; (ii) Doanh thu là chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm của doanh nghiệp, có mối liên hệ tương đối với số thuế nộp bổ sung, phản ánh được đóng góp về việc làm, chuỗi cung ứng, kim ngạch xuất nhập khẩu, tác động kinh tế xã hội. Do đó, quy định mức trần trên doanh thu vừa có tác dụng kiểm soát ngân sách tốt hơn mức trần trên vốn đầu tư vừa tạo sự công bằng giữa các đối tượng được hỗ trợ.

b) Nhược điểm: (i) Chỉ tiêu doanh thu có liên quan đến xác định lợi nhuận, mà lợi nhuận là chỉ số dùng để tính thuế nên có thể có khả năng OECD sẽ chất vấn là hỗ trợ có liên quan đến nghĩa vụ thuế nộp bổ sung; (ii) Không có nhiều tác dụng trong việc kiểm soát ngân sách.

(3) Giải pháp đề xuất của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Căn cứ các phân tích nêu trên, có thể nhận thấy việc đưa ra mức chi hỗ trợ đầu tư tối đa theo tổng vốn đầu tư hay doanh thu không có nhiều tác dụng trong việc kiểm soát ngân sách mà còn có thể hạn chế thu hút đầu tư hoặc không hỗ trợ đến đúng đối tượng cần khuyến khích làm giảm hiệu quả của chính sách thu hút đầu tư.

Do đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất phương án không quy định chi hỗ trợ đầu tư tối đa theo tổng vốn đầu tư hay doanh thu, mà thay vào đó kiến nghị phương án: “*Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm để thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư tại Nghị quyết*”. Đồng thời, giao Chính phủ quy định chi tiết mức hỗ trợ, trình tự, thủ tục áp dụng các hình thức hỗ trợ đầu tư quy định tại Nghị quyết.

4.2.2. Sự phù hợp với các quy tắc OECD

Nhằm đạt được mục tiêu của chính sách chống xói mòn cơ sở tính thuế và chuyển dịch lợi nhuận, OECD cũng có khuyến nghị một số nội dung nhằm tránh hiện tượng đảo ngược chính sách, cụ thể là cấm các quốc gia cung cấp các lợi ích có liên quan đến các quy tắc của Trụ cột II.

³⁴ như Samsung, LG, Intel,...

³⁵ Ví dụ, Nhà đầu tư A và B cùng có mức vốn đầu tư là 12,000 tỷ. Nhà đầu tư A có tỷ suất lợi nhuận cao, phải nộp thuế bổ sung cao trong khi Nhà đầu tư B có tỷ suất lợi nhuận thấp phải nộp thuế thấp hơn. Nếu đưa ra mức không chế hỗ trợ theo % số vốn đầu tư thì cả 2 nhà đầu tư A và B cùng chịu chung một mức không chế ưu đãi. Như vậy không công bằng đối với nhà đầu tư có tỷ suất lợi nhuận cao.

(1) Định nghĩa “lợi ích có liên quan” theo quy định của Trụ cột II

Theo Luận giải (Commentary) hướng dẫn chi tiết các Quy tắc mẫu³⁶, khái niệm “lợi ích” được diễn giải như sau:

Thuật ngữ “các lợi ích” là bao quát và toàn diện để điều chỉnh bất kỳ loại lợi thế nào được cung cấp bởi một khu vực pháp lý, bao gồm các ưu đãi về thuế và trợ cấp; và cụm từ “liên quan đến các quy tắc” được soạn thảo có chủ ý với phạm vi rộng để tính đến các cơ chế khác nhau mà qua đó lợi ích được cung cấp.

The word “benefits” is comprehensive enough to cover any kind of advantage provided by a jurisdiction, including tax incentives, grants, and subsidies and the phrase “related to such rules” is intentionally drafted with broad language to take into account different mechanisms through which the benefit is provided.

(2) Chủ thể cung cấp “lợi ích có liên quan”

Theo Điểm 126 trang 213 tại bản Luận giải của OECD, khi xem yếu tố “khu vực pháp lý” cung cấp các lợi ích có liên quan đến việc áp dụng các quy tắc của Trụ cột II, khái niệm “khu vực pháp lý” không chỉ là quốc gia hoặc chính quyền trung ương của khu vực pháp lý đó, mà còn bao gồm bất kỳ các phân khu chính trị, chính quyền địa phương, hoặc bất kỳ tổ chức công lập. Ví dụ, nếu một ngân hàng phát triển công lập cung cấp một lợi ích cụ thể liên quan đến việc áp dụng quy tắc thu nhập gộp IIR, thì quy tắc thu nhập gộp IIR áp dụng tại khu vực pháp lý đó không được coi là đạt chuẩn.

In this context, the term “jurisdiction” is not restricted to the national or central government of the jurisdiction. It includes any political subdivision, local authority, or any other public entity or arrangement. For example, if a public development bank provides a particular benefit that is related to the application of the IIR, then such rule is not a Qualified IIR.

(3) Mục đích cấm cung cấp các “lợi ích có liên quan”

Yêu cầu “các khu vực pháp lý không được cung cấp bất kỳ lợi ích liên quan đến các quy tắc” của Trụ cột II được quy định trong định nghĩa về IIR, UTPR, DMTT đạt chuẩn tại Quy tắc mẫu (Model Rules)³⁷ và diễn giải các định nghĩa này trong Bản luận giải (Commentary)³⁸.

Mục đích của các quy định cấm này là để tránh các nước áp dụng các biện pháp đối ứng mang tính chất tiêu cực hoặc đi ngược lại với mục tiêu chung của

³⁶ Điểm 123 trang 213 của Commentary

³⁷ Nội dung này quy định rải rác trong định nghĩa Thuế tối thiểu nội địa đạt chuẩn (Qualified Domestic Minimum Top-up Tax), Quy tắc gộp thu nhập chịu thuế đạt chuẩn (Qualified IIR), Quy tắc nộp thuế thặng dư (Qualified UTPR) tại trang 64, 65 của Quy tắc mẫu (OECD Model Rule).

³⁸ Ví dụ tại Điểm 141 trang 216 của Commentary khi diễn giải về UTPR đạt chuẩn có nêu “The definition **prohibits** a jurisdiction from providing benefits that are related to the IIR or the UTPR that it has implemented. See discussion on this in the Commentary to the definition of a Qualified IIR. – Định nghĩa này cấm các khu vực pháp lý cung cấp các lợi ích có liên quan đến việc thực hiện quy tắc IIR hoặc UTPR

Trụ cột II là chống xói mòn cơ sở tính thuế và chuyển lợi nhuận, đồng thời tạo cơ hội để các nước tái cấu trúc hệ thống ưu đãi theo hướng có hiệu quả hơn.

Mục đích này có thể được hiểu thông qua diễn giải về Thuế tối thiểu bổ sung nội địa đạt chuẩn (QDMTT) tại Điểm 116 trang 212 của Commentary như sau³⁹:

*Thuế bổ sung nội địa được coi là là đạt chuẩn nếu được áp cho phần Lợi nhuận thặng dư của các Công ty trong nước nhằm tăng nghĩa vụ thuế lên Mức tối thiểu chung toàn cầu. Việc đánh thuế bổ sung nội địa phải được thực hiện và quản lý để tạo ra kết quả tương đương như khi áp dụng Quy tắc GloBE và các Luận giải, bao gồm cả việc cấm các khu vực pháp lý cung cấp bất kỳ lợi ích có liên quan đến thuế nội địa đó. Giới hạn về “lợi ích” này **không nhằm mục đích hạn chế khả năng của một khu vực pháp lý tiến hành cải cách hệ thống thuế thu nhập** doanh nghiệp của mình theo hướng phù hợp với cấu trúc thuế quốc tế mới được quy định trong Quy tắc GloBE. Những cải cách sau khi áp dụng thuế tối thiểu nội địa này không nên được coi là một “lợi ích” với điều kiện là nghĩa vụ thuế sau cải cách của Tập đoàn đa quốc gia, về mặt tổng thể, **không đi ngược lại với mục đích, định hướng** của các quy định tại Quy tắc GloBE và các Luận giải tương ứng.*

Do đó, các chính sách trợ cấp trực tiếp (không thông qua hệ thống thuế) hoặc QRTC (cho phép cản trở với các loại thuế khác) sẽ ít rủi ro bị coi là lợi ích trực tiếp liên quan đến QDMTT.

(4) Cơ sở đánh giá việc cung cấp các “lợi ích có liên quan”

Theo Commentary của OECD, để xem xét liệu một lợi ích có liên quan đến Quy tắc mẫu của Trụ cột II hay không cần phải xem xét toàn bộ các tình tiết, sự kiện và hoàn cảnh của từng vụ việc. Trong đó phải xem xét nguyên tắc cơ bản của Trụ cột II là tạo ra một sân chơi bình đẳng giữa tất cả các khu vực pháp lý và tránh các hành động đi ngược mục đích do có sự khác biệt trong việc triển khai và áp dụng các quy tắc GloBE.

OECD đã cung cấp một số yếu tố cần được tính đến khi đánh giá liệu có "lợi ích liên quan đến các quy tắc" tại điểm 126⁴⁰ trang 213 của Luận giải như sau:

³⁹ 116. Qualified Domestic Minimum Top-up Tax means a tax that applies to Excess Profits of the domestic Constituent Entities and operates to increase domestic tax liability with respect to those profits to the Minimum Rate. The tax must be implemented and administered in a way that is consistent with the outcomes provided for under the GloBE Rules and their Commentary, including the prohibition against the implementing jurisdiction providing any collateral or other benefits that are related to such domestic tax as discussed further in the Commentary to the definition of a Qualified IIR. This limitation on collateral benefits is not intended to restrict the ability of a jurisdiction to make changes to the design of its corporate tax system in light of the new international tax architecture under the GloBE Rules. Such changes to the domestic corporate tax rules consequent on the introduction of a domestic minimum tax should not be considered a benefit provided that they do not result in MNE Groups achieving overall tax outcomes that are inconsistent with the outcomes provided for under the GloBE Rules and their Commentary.

⁴⁰ A tax benefit or grant provided to all taxpayers is not related to the GloBE Rules. Facts that are relevant but not decisive include whether the tax benefit or grant benefits only taxpayers subject to the GloBE Rules, whether the benefit is marketed as part of the GloBE Rules and if the regime was introduced after the OECD/G20 Inclusive Framework started discussing the GloBE Rules.

- Liệu lợi ích chỉ được cấp cho các doanh nghiệp là đối tượng bị ảnh hưởng theo Quy tắc Mẫu Trụ cột Hai hay không;
- Liệu lợi ích có được giới thiệu như là một phần của việc thực hiện các Quy tắc mẫu của Trụ cột Hai hay không; Và
- Liệu lợi ích có được giới thiệu sau khi OECD bắt đầu thảo luận về Quy tắc mẫu của Trụ cột Hai hay không⁴¹.

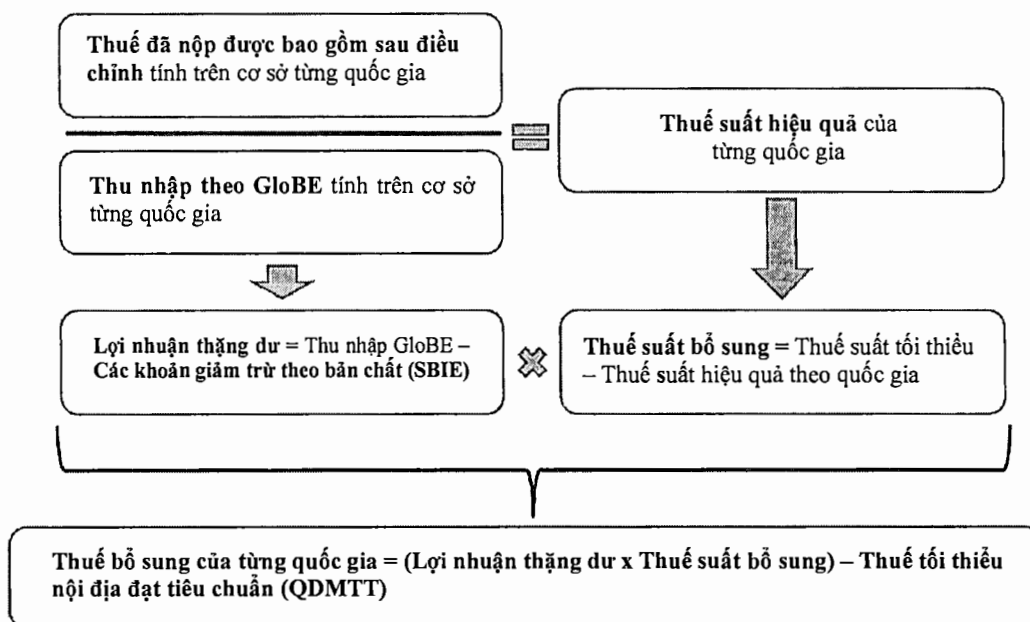
(Ghi chú: OECD chưa quy định toàn bộ các yếu tố đánh giá, các yếu tố này được xem là chỉ dẫn bước đầu khi đánh giá và lưu ý khi thiết kế chính sách ưu đãi để đảm bảo không vi phạm nguyên tắc này).

Đối với QDMTT nếu Chính phủ có cung cấp khoản lợi ích có liên quan thì chính sách thuế tối thiểu nội địa coi như không đạt tiêu chuẩn. Thuế tối thiểu nội địa bổ sung không đạt chuẩn thì số thuế tối thiểu nộp thêm tại Việt Nam sẽ không được trừ khỏi công thức tính thuế tối thiểu bổ sung toàn cầu. Việc thuế tối thiểu bổ sung nội địa không đạt chuẩn làm tăng thêm nghĩa vụ thuế cho doanh nghiệp do phải nộp thêm thuế bổ sung tại quốc gia khác và có khả năng dẫn đến đánh trùng thuế giữa các quốc gia cũng như phát sinh thêm các thủ tục hành chính trong việc kê khai tính toán và có nguy cơ phát sinh các tranh chấp do sự khác biệt về tính toán giữa các quốc gia.

(5) Thiết kế chính sách cần không làm giảm thuế suất hiệu quả để có thể mang lại lợi ích thực tế cho doanh nghiệp.

Công thức của Trụ Cột II:

Công thức tính số thuế nộp bổ sung theo quy tắc IIR



⁴¹ OECD/G20 Inclusive Framework lập cách tiếp cận 2 trụ cột vào tháng 1/2019

$$\text{Thuế suất hiệu quả (ETR) của từng quốc gia} = \frac{\text{Số thuế đã nộp của tất cả các Công ty thành viên tại quốc gia đó (với một số điều chỉnh)}}{\text{Thu nhập trước thuế của tất cả các Công ty thành viên tại quốc gia đó (với một số điều chỉnh)}}$$

Căn cứ công thức nêu trên thuế suất hiệu quả càng thấp thì số thuế nộp bổ sung càng lớn hay nói cách khác nếu các khoản ưu đãi hỗ trợ có tác dụng làm giảm ETR thì sẽ làm tăng số thuế phải nộp bổ sung. Do đó, các chính sách hỗ trợ đưa ra đều cần xem xét sẽ ảnh hưởng đến ETR như thế nào.

Với công thức tính ETR ở trên, các hình thức ưu đãi sẽ tác động vào ETR thông qua việc (i) giảm tử số - làm giảm số thuế bao gồm (Covered Taxes) hoặc (ii) tăng mẫu số - làm tăng thu nhập (GloBe income).

OECD trong tài liệu về Ưu đãi thuế và trụ cột 2 tháng 10/2022 đã đưa ra phân tích về các loại công cụ ưu đãi tác động như thế nào đến ETR như sau:

Bản chất khoản hỗ trợ	Loại công cụ		Lợi ích thuế bị ảnh hưởng bởi cách tính thuế suất hiệu quả (GloBE ETR)	Ảnh hưởng đến thuế suất hiệu quả (GloBE ETR)		Lựa chọn công cụ ưu đãi
				Tử số	Mẫu số	
Ưu đãi dựa trên thu nhập	Miễn hoàn toàn	Nhiều khả năng	↓		Không lựa chọn	
	Miễn một phần	Nhiều khả năng	↓		Không lựa chọn	
	Giảm thuế suất	Nhiều khả năng	↓		Không lựa chọn	
Ưu đãi dựa trên chi phí	Trợ cấp thuế ³	Nhiều khả năng	↓		Không lựa chọn	
	Chi phí hóa tức thì và khấu hao nhanh	Ít khả năng	Điều chỉnh phát sinh mang tính theo thời điểm		Không lựa chọn vì công cụ này chỉ đem lại lợi ích về mặt thời gian thông qua việc trì hoãn nộp thuế nhưng không mang lại lợi ích bù đắp cho các doanh nghiệp	
	Đối với tài sản hữu hình, máy móc thiết bị và nhà cửa	Không ảnh hưởng	Không ảnh hưởng công thức tính			

		Đối với các tài sản vô hình có thời hạn ngắn	Ít khả năng	Có thể ảnh hưởng tính vào công thức tính		
		Tài sản khác	Nhiều khả năng	Có thể ảnh hưởng tính vào công thức tính		Không lựa chọn
Giảm trừ thuế		Các khoản giảm trừ thuế được hoàn lại đáp ứng điều kiện (QRTC)	Ít khả năng	Ghi chú 2	↑	Nên lựa chọn vì khoản giảm trừ thuế đạt chuẩn được tính vào thu nhập chịu thuế nên không làm giảm GloBE ETR có thể mang lại hiệu quả cho nhà đầu tư
		Các khoản giảm trừ thuế khác	Nhiều khả năng	↓		Không lựa chọn vì khoản giảm trừ không đạt chuẩn sẽ làm giảm Adjusted Covered Tax nên sẽ làm giảm GloBE ETR

Theo phân tích nêu trên chỉ có các khoản giảm trừ thuế được hoàn lại đạt chuẩn (QRTC – Qualify Refundable Tax Credit) là công cụ ưu đãi dựa trên chi phí được cân trừ với nghĩa vụ thuế đạt tiêu chuẩn hoàn lại, khoản hỗ trợ này được hạch toán vào thu nhập kế toán và làm tăng mẫu số do đó ít ảnh hưởng đến ETR, ít khả năng làm tăng nghĩa vụ thuế bổ sung nên có thể mang lại hiệu quả cho nhà đầu tư.

Định nghĩa QRTC: (Điều 10.1.1 trang 65 Model rule)⁴²

Khấu Trừ Thuế Được Hoàn Lại Đạt Chuẩn (QRTC) là một khoản khấu trừ thuế có thể được hoàn lại với điều kiện khoản này phải được thanh toán bằng tiền mặt hoặc các khoản tương đương tiền mặt trong vòng bốn năm kể từ khi một Công ty thành viên đáp ứng các điều kiện để được khấu trừ theo luật của khu vực tài phán cho khoản khấu trừ. Khoản khấu trừ thuế có thể được hoàn lại một phần đạt chuẩn (Là QRTC) nếu Khoản khấu trừ thuế đó được thanh toán bằng tiền mặt hoặc các khoản tương đương tiền trong vòng

⁴² Qualified Refundable Tax Credit means a refundable tax credit designed in a way such that it must be paid as cash or available as cash equivalents within four years from when a Constituent Entity satisfies the conditions for receiving the credit under the laws of the jurisdiction granting the credit. A tax credit that is refundable in part is a Qualified Refundable Tax Credit to the extent it must be paid as cash or available as cash equivalents within four years from when a Constituent Entity satisfies the conditions for receiving the credit under the laws of the jurisdiction granting the credit. A Qualified Refundable Tax Credit does not include any amount of tax creditable or refundable pursuant to a Qualified Imputation Tax or a Disqualified +Refundable Imputation Tax.

bốn năm kể từ khi một Công ty thành viên đáp ứng các điều kiện để nhận các khoản khấu trừ theo luật của khu vực tài phán cho khấu trừ. Khoản khấu trừ thuế được Hoàn lại đạt chuẩn (QRTC) không bao gồm bất kỳ khoản tiền thuế nào có thể được khấu trừ hoặc được hoàn lại theo chính sách thuế quy cho bên thực hưởng (Qualified Imputation Tax).

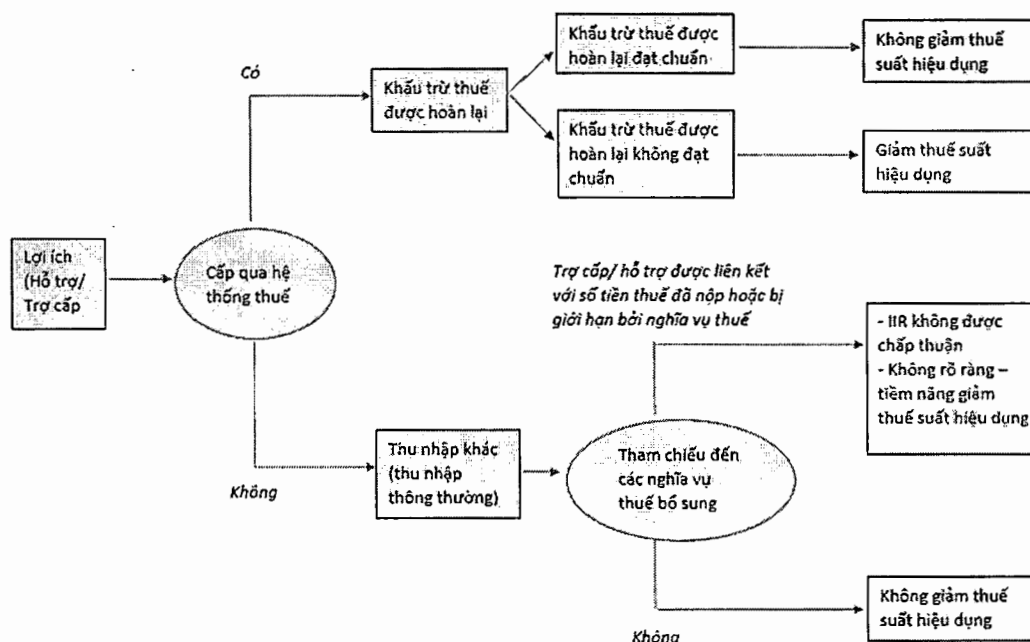
Tham khảo thêm nội dung QRTC tại điều 3.2.4 trong tài liệu luận giải về trụ cột 2 cho thấy bản chất QRTC là các khoản hỗ trợ của Chính phủ được chi trả qua hệ thống thuế bằng cách cản trừ với nghĩa vụ thuế hoặc chi bằng tiền mặt trong vòng 4 năm kể từ khi công ty thành viên đáp ứng điều kiện được hưởng khoản hỗ trợ. (Trường hợp không cản trừ hết Chính phủ sẽ chi trả bằng tiền mặt, khoản hỗ trợ không bị giới hạn hay liên quan đến nghĩa vụ thuế phải nộp.)

QRTC nếu được xây dựng trên nguyên tắc là Chính Phủ hỗ trợ cho doanh nghiệp đối với một số các hoạt động cụ thể mà các hỗ trợ đó sẽ được cấp bằng tiền hoặc tương đương tiền (lưu ý: bù trừ với các loại thuế khác cũng được hiểu là tương đương tiền) thì được coi là có bản chất tương tự như Trợ cấp Chính Phủ (Government Grant) do đó nên được xử lý tương tự như một khoản Trợ cấp Chính Phủ, tức là được coi là thu nhập, thay vì giảm trừ nghĩa vụ thuế, khi tính ETR.⁴³

Nhìn chung, các khoản hỗ trợ, trợ cấp đầu tư có thể được chi trả theo hai phương thức (i) chi trả qua hệ thống thuế, hoặc (ii) chi trực tiếp hoặc theo các hình thức khác không qua hệ thống thuế như minh họa dưới đây:

Trong đó, khoản hỗ trợ của Chính phủ được chi trả trực tiếp bằng tiền mặt (Cash grant) hoặc chi trả qua hệ thống thuế bằng cách cản trừ với nghĩa vụ thuế hoặc trả tiền mặt trong vòng 4 năm kể từ khi công ty đáp ứng điều kiện được hỗ trợ (QRTC) không làm giảm thuế suất hiệu quả nên có thể mang lại hiệu quả cho nhà đầu tư khi áp dụng Trụ cột 2.

⁴³ This reflects that these types of refundable tax credits share features of, and should be treated in the same way as, government grants that form part of income, given that they are in effect government support for a certain type of activity that can ultimately be received in cash or cash equivalent



Lưu ý với trường hợp chi trả qua hệ thống thuế (Khấu trừ chi phí vào thuế phải nộp).

Model rules và Commentary của OECD không đưa ra điều khoản cụ thể về việc xử lý các khoản hỗ trợ hoặc trợ cấp của chính phủ trong tất cả các trường hợp mà chỉ hướng dẫn cho các trường hợp hỗ trợ/trợ cấp được cung cấp dưới hình thức khấu trừ thuế (bù trừ với số thuế phải nộp).

Theo đó, trường hợp các hình thức ưu đãi được thiết kế dưới hình thức khấu trừ chi phí vào thuế phải nộp (Tax credits) nên được thiết kế theo hình thức Khấu trừ chi phí vào thuế được hoàn lại đạt chuẩn (Qualified Refundable Tax credits - QRTC), vì các khoản khấu trừ nếu không đạt tiêu chuẩn QRTC sẽ ảnh hưởng đến Thuế suất hiệu quả ETR⁴⁴ và không mang lại lợi ích thiết thực cho doanh nghiệp. (Xem Minh họa số 1)

Theo đó, nếu Chính phủ cho phép Công ty khấu trừ thẳng vào số thuế phải nộp đối với chi phí của một số hoạt động cụ thể, hoặc hoàn lại chi phí chưa khấu trừ hết nếu công ty không phát sinh nghĩa vụ thuế thì khoản khấu trừ đó phải có khả năng được hoàn lại trong vòng 4 năm từ khi đáp ứng các điều kiện theo quy định⁴⁵.

Lưu ý với trường hợp chi trả theo hình thức khác không qua hệ thống thuế

Khoản trợ cấp của Chính phủ nếu có liên kết hoặc giới hạn bởi các nghĩa vụ thuế sẽ không được coi là khoản giảm trừ thuế được hoàn lại đáp ứng điều kiện

⁴⁴ Theo Luận giải số 13 trang 89 của Commentary về Trụ cột II: Nếu vì mục đích tài chính kế toán, thì các khoản khấu trừ chi phí thuế được hoàn lại nếu không đạt chuẩn vẫn cho thể coi là thu nhập của Công ty. Tuy nhiên, với mục đích theo GloBE, thì khoản khấu trừ này sẽ bị loại trừ trong công thức tính toán thu nhập GloBE và được coi là khoản giảm chi phí thuế của Công ty. Để này ảnh hưởng đến từ số trong công thức tính ETR. Còn đối với trường hợp khoản khấu trừ đạt chuẩn – QRTC thì khoản khấu trừ này sẽ được coi là thu nhập trong Công thức tính ETR.

⁴⁵ Theo định nghĩa QRTC tại điều 10.1.1 của Model Rules trang 65

dẫn đến việc phải tính toán lại và làm giảm thuế suất hiệu quả GloBE ETR. Do đó, nếu đã chi trả không thông qua hệ thống thuế thì không nên có các quy định tham chiếu đến các nghĩa vụ thuế bổ sung.

(6) Kết luận

Các đề xuất giải pháp chính sách hỗ trợ đầu tư tại Dự thảo Nghị quyết sẽ không vi phạm các quy tắc của OECD vì:

(i) Khoản hỗ trợ không phải là cung cấp lợi ích có liên quan đến chính sách thuế tối thiểu nội địa bổ sung để chính sách này có thể đạt chuẩn theo quy định của OECD là QDMTT. Theo đó:

- Chính sách hỗ trợ áp dụng cho tất cả các đối tượng đáp ứng điều kiện hưởng trợ cấp, không chỉ áp dụng với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi trụ cột 2, không phân biệt dự án đầu tư cũ hay mới.

- Chính sách không được giới thiệu là một phần của chính sách thuế tối thiểu toàn cầu, số tiền hỗ trợ không thể hiện mối liên hệ đến số thuế nộp bổ sung.

- Chính sách cũng dựa trên các tiêu chí hoặc quy định đã có từ trước để giảm thiểu việc giới thiệu một chính sách mới sau khi áp dụng trụ cột 2.

(ii) Chính sách hỗ trợ có hình thức Cash grant hoặc QRTC để mang lại hiệu quả cho nhà đầu tư. Theo đó, khoản hỗ trợ sẽ là khoản ưu đãi hỗ trợ dựa trên chi phí, không liên quan đến hoặc giới hạn bởi nghĩa vụ thuế phải nộp (hay liên quan đến doanh thu, lợi nhuận).

4.2.3. Sự phù hợp với cam kết WTO

Điều XVI Hiệp định chung về thuế quan và mậu dịch GATT 1994 và Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng (Agreement on Subsidies and Countervailing Measures-Hiệp định SCM) đưa ra các quy định về các khoản trợ cấp của chính phủ.

(1) Định nghĩa của trợ cấp theo WTO:

Trợ cấp được định nghĩa là các khoản trợ giúp bằng tài chính của chính phủ hoặc cơ quan nhà nước, mang lại lợi ích cho đối tượng nhận trợ cấp. Trợ cấp có thể có một trong các hình thức sau hoặc kết hợp của các hình thức dưới đây, từ chính phủ hoặc thông qua các quỹ, các tổ chức tín thác, hoặc tư nhân:

- Trợ cấp trực tiếp bằng tiền (ví dụ: cấp vốn, cho vay hoặc góp vốn cổ phần);
 - Các khoản tiền hoặc nợ có thể được chuyển trong tương lai (ví dụ: bảo lãnh khoản vay);
 - Miễn hoặc bỏ qua các khoản lẽ ra phải đóng (ví dụ: ưu đãi thuế, tín dụng);
 - Mua hàng, cung cấp các dịch vụ hoặc hàng hóa (trừ cơ sở hạ tầng chung).
- Trợ cấp sẽ phải tuân theo các quy tắc trong Hiệp định SCM nếu thỏa mãn điều kiện về “tính riêng biệt”, tức là các khoản trợ cấp này được áp dụng riêng cho một doanh nghiệp, một ngành hoặc nhóm doanh nghiệp hoặc nhóm ngành. WTO yêu cầu các nước thành viên hạn chế các khoản trợ cấp làm sai lệch việc phân bổ nguồn lực trong nền kinh tế. Các chương trình trợ giúp của chính phủ được áp

dụng rộng rãi trong một nền kinh tế có thể không vi phạm nguyên tắc nêu trên. Theo quy định tại Hiệp định SCM, các trường hợp trợ cấp dưới đây có thể bị coi là có “tính riêng biệt”:

- Trợ cấp cho các doanh nghiệp cụ thể, hoặc ngành cụ thể.
- Trợ cấp cho một khu vực địa lý cụ thể.
- Các khoản trợ cấp bị cấm

(2) Các loại trợ cấp theo WTO

Về nguyên tắc, Chính phủ có thể trợ cấp cho các công ty với những hạn chế và điều kiện nhất định.

Hiệp định SCM xác định hai loại trợ cấp: trợ cấp bị cấm (trợ cấp đèn đỏ), trợ cấp không bị cấm nhưng có thể bị khiếu kiện (trợ cấp đèn vàng - tức là có thể bị thách thức trong WTO hoặc áp dụng các biện pháp đối kháng). Ban đầu, Hiệp định SCM có một danh mục thứ ba là Trợ cấp không bị khiếu kiện (trợ cấp đèn xanh). Danh mục này tồn tại trong năm năm, kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 1999 và không được gia hạn.

- Về trợ cấp bị cấm, theo điều 3 của Hiệp định SCM, các khoản trợ cấp sau đây bị cấm:

+ Trợ cấp xuất khẩu - nghĩa là bất kỳ khoản trợ cấp nào dựa trên một hoặc nhiều điều kiện khi xuất khẩu, kể cả trường hợp có quy định pháp luật hay được áp dụng trên thực tế. Ví dụ, trợ cấp được cấp theo giá trị hoặc tỷ lệ xuất khẩu, trợ cấp cho chi phí nguyên vật liệu để xuất khẩu, ưu đãi/ thuế hoàn lại được cấp nếu có hoạt động xuất khẩu.

+ Trợ cấp khuyến khích tiêu dùng sản phẩm trong nước: nghĩa là bất kỳ khoản trợ cấp nào phụ thuộc vào việc sử dụng hàng hóa trong nước thay vì hàng nhập khẩu, dù chỉ là một hoặc một trong một số điều kiện khác.

Ngoài ra, theo chú thích 4 trong Hiệp định SCM giải thích thêm cho lời văn về việc trợ cấp bị coi là tồn tại khi “có quy định pháp luật hay được áp dụng trên thực tế” đối với hoạt động xuất khẩu như sau: “Tiêu chí này có nghĩa là cho dù không có quy định pháp luật rằng chính phủ sẽ cấp trợ cấp nếu bên nhận trợ cấp đạt được kết quả xuất khẩu nhất định, nhưng trên thực tế trợ cấp vẫn được cấp gắn với tình hình xuất khẩu hoặc thu nhập từ xuất khẩu ở hiện tại hoặc trong tương lai. Việc cấp trợ cấp cho các doanh nghiệp xuất khẩu không vì thế mà lập tức bị coi là trợ cấp xuất khẩu hiểu theo nghĩa của Điều này.”

Như vậy, khoản trợ cấp dành cho doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm sẽ không thuộc khoản trợ cấp bị cấm, nếu khoản trợ cấp đó không ràng buộc hoặc phụ thuộc vào xuất khẩu hoặc thu nhập từ xuất khẩu, và thỏa mãn các điều kiện khác của Hiệp định SCM. Quan điểm này đã được thảo luận và lưu ý trong quá trình đàm phán WTO giữa Việt Nam và các thành viên khác về các ưu đãi dành cho các doanh nghiệp trong khu chế xuất mà Việt Nam khẳng định rằng các ưu đãi đó sẽ phù hợp với WTO, tức là các ưu đãi sẽ không phụ thuộc vào kết quả hoạt động xuất khẩu hoặc tỷ lệ nội địa hóa.

- Về trợ cấp có thể bị khiếu kiện, theo điều 5 của Hiệp định SCM, trợ cấp không bị cấm nhưng có thể bị khiếu kiện (trợ cấp đèn vàng) là việc một Thành viên thông qua việc sử dụng bất kỳ trợ cấp nào để gây ra tác động có hại đến quyền lợi của Thành viên khác, cụ thể:

+ Gây tổn hại cho một ngành sản xuất của một Thành viên khác;

+ Làm vô hiệu hay gây phương hại đến những quyền lợi mà Thành viên khác trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng từ Hiệp định GATT 1994, đặc biệt là những quyền lợi có được từ những cam kết theo Điều 2 của Hiệp định GATT 1994.

+ Gây tổn hại nghiêm trọng tới quyền lợi của một Thành viên khác. Trong trường hợp này, quốc gia khiếu nại phải chứng minh rằng trợ cấp do quốc gia thành viên khác cung cấp có ảnh hưởng xấu đến lợi ích của quốc gia đó.

Việc xác định thiệt hại có thể tại quốc gia nhập khẩu, hoặc các nhà xuất khẩu đối thủ từ một quốc gia khác khi cả hai cạnh tranh ở thị trường thứ ba, hoặc tại quốc gia cấp trợ cấp khiến các nhà xuất khẩu nước ngoài mất lợi thế cạnh tranh.

Thông thường, trợ cấp đèn vàng sẽ được đưa ra Cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO để phán quyết. Nếu Cơ quan giải quyết tranh chấp quy định rằng trợ cấp có tác động bất lợi, trợ cấp đó phải được thu hồi hoặc ảnh hưởng bất lợi của nó phải được loại bỏ. Hầu hết các khoản trợ cấp, chẳng hạn như trợ cấp sản xuất, thuộc loại "có thể đối kháng". Việc tạo ra một hệ thống các biện pháp khắc phục đa phương cho phép các Thành viên đặt câu hỏi cho các khoản trợ cấp làm phát sinh các tác động bất lợi thể hiện một bước tiến lớn so với cơ chế trước đây của WTO. Tuy nhiên, cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO hiện nay vẫn bị các nước thành viên chỉ trích là thiếu hiệu quả và vẫn tồn tại những khó khăn trong hầu hết các trường hợp đối với Thành viên khiếu nại để chứng minh các tác động thương mại bất lợi phát sinh từ trợ cấp.

- *Nghĩa vụ thông báo về trợ cấp:*

Điều 25 của Hiệp định SCM yêu cầu các Thành viên thông báo về mọi khoản trợ cấp cụ thể (ở tất cả các cấp chính quyền và bao gồm tất cả các lĩnh vực hàng hóa, bao gồm cả nông nghiệp) cho Ủy ban SCM, và thông báo các biện pháp đối kháng được triển khai, thường là định kỳ nửa năm hoặc hàng năm. Các thông báo này là chủ đề được Ủy ban SCM xem xét và thảo luận.

Theo báo cáo của Ủy ban trợ cấp và Các biện pháp đối kháng về Chương trình trợ cấp của Việt Nam ngày 27 tháng 2 năm 2020, Việt Nam đã đệ trình một thông báo mới và đầy đủ theo điều XVI của GATT 1994 và điều 25 của Hiệp định SCM. Trong báo cáo này, tất cả các khoản trợ cấp hiện có ở Việt Nam (bao gồm ưu đãi thuế suất TNDN, miễn thuế nhập khẩu, miễn tiền thuê đất, ... cho các dự án đầu tư vào các lĩnh vực/địa điểm ưu đãi, thuế suất ưu đãi cho các dự án năng lượng mặt trời/gió, v.v.) đều đã được báo cáo. Theo báo cáo này, không có trợ cấp nào có tác động đến thương mại tức là các khoản trợ cấp này được phép theo WTO.

Ngoài ra, một số yếu tố nên xem xét là hiện tại thực tế thủ tục giải quyết tranh chấp của WTO đang chưa có (chưa có tổ chức tài phán giải quyết), các nước xuất khẩu chính của VN đối với các sản phẩm sản xuất như Hoa Kỳ, EU... tuy

nhiên các quốc gia này không sản xuất nên rất khó để chứng minh bị thiệt hại, do đó cũng khó có căn cứ để đánh thuế đối kháng.

Tại Hoa Kỳ có áp dụng các ưu đãi hỗ trợ cho sản xuất đối với các dự án chiến lược như ưu đãi bằng tiền mặt cho sản xuất pin xe điện ... cũng không thuộc đối tượng phải áp thuế đối kháng.

(3) Kết luận

Trên cơ sở các thông tin và phân tích nêu trên, các cơ chế trợ cấp dựa trên chi phí không thuộc loại trợ cấp bị cấm, nếu trợ cấp này áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp (bao gồm cả doanh nghiệp trong nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài, các công ty xuất khẩu và các công ty bán hàng trong nước) và nó không phụ thuộc vào kết quả hoạt động xuất khẩu hoặc thu nhập từ xuất khẩu (không bị coi là có “tính riêng biệt” và không phải là trợ cấp xuất khẩu). Các nước thành viên WTO khác có thể xem xét lại các khoản trợ cấp mà một quốc gia đưa ra để xác định xem khoản trợ cấp đó có tạo ra bất kỳ ảnh hưởng xấu nào đến lợi ích của họ hay không. Tuy nhiên, khả năng cao một chương trình trợ cấp dựa trên chi phí nghiên cứu và phát triển hoặc vốn đầu tư không gây tổn hại nghiêm trọng cho các nước thành viên khác.

4.2.4. Sự phù hợp với các Hiệp định thương mại tự do (FTA)

(1) Các hình thức hỗ trợ như đề xuất không nêu đích danh doanh nghiệp được hưởng. Thay vào đó, chính sách chỉ đặt ra các tiêu chí, và trong trường hợp bất kỳ doanh nghiệp nào đạt được các tiêu chí này, thì doanh nghiệp đó cũng sẽ được hưởng hỗ trợ. Do đó, không vi phạm phân biệt đối xử trong phạm vi bảo hộ đầu tư theo thỏa thuận của các FTA.

(2) Yếu tố hỗ trợ theo ngành sản xuất cụ thể, hoặc loại sản phẩm cụ thể không làm phát sinh yếu tố phân biệt đối xử do không đặt ra bất kỳ rào cản tham gia thị trường nào đối với các doanh nghiệp muốn đáp ứng đủ tiêu chí để được hưởng hỗ trợ.

4.2.5. Đánh giá tác động đến ngân sách nhà nước

(1) Các giải pháp đề xuất chỉ liên quan đến xác định đối tượng, hình thức và cách thức hỗ trợ đầu tư. Vì vậy, các mức chi hỗ trợ đầu tư sẽ được quy định tại các văn bản hướng dẫn liên quan.

(2) Ngân sách Nhà nước trước hết sẽ thu thêm được khoản thuế bổ sung khi áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu. Nguồn thu bổ sung này dự kiến sẽ được sử dụng để thực hiện các hoạt động hỗ trợ đầu tư.

(3) Trong bối cảnh chính sách được xây dựng để hướng tới một nhóm nhỏ các doanh nghiệp, những nội dung chính sách được đề xuất sẽ không làm phát sinh thêm bộ máy tổ chức thực hiện. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ sử dụng nguồn lực, nhân lực hiện có thể tận dụng nguồn lực hiện tại để triển khai thi hành các nhiệm vụ được giao, không ảnh hưởng lớn đến khối lượng công việc thường xuyên vì vậy có thể cho rằng không phát sinh thêm nhiều chi phí thực hiện và không ảnh hưởng nhiều đến ngân sách.

4.2.6. Đánh giá tác động về thủ tục hành chính

(1) Đối tượng doanh nghiệp công nghệ cao, dự án quy mô lớn, dự án ứng dụng công nghệ cao là những đối tượng hiện nay đang được hưởng chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, nên việc đánh giá và chọn lọc đối tượng có thể tận dụng thủ tục hành chính hiện hành. Cụ thể, thủ tục xác nhận Doanh nghiệp công nghệ cao, dự án ứng dụng công nghệ cao là thủ tục đã có sẵn theo quy định hiện hành của Luật công nghệ cao. Doanh nghiệp có thể tự đánh giá việc đáp ứng các điều kiện về quy mô vốn, tiến độ giải ngân của dự án và các chi phí R&D, vì vậy không phát sinh các thủ tục xác nhận về đối tượng.

(2) Về thủ tục hỗ trợ, các điều kiện tương ứng với mức hỗ trợ sẽ được quy định sau tại các văn bản hướng dẫn có liên quan. Do đó, đối với các giải pháp đề xuất hiện nay sẽ không phát sinh các thủ tục hành chính tại thời điểm này.

4.2.7. Đánh giá tác động về vấn đề giới: không có

5. Kiến nghị giải pháp: kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là Quốc hội)

PHỤ LỤC

CƠ CHẾ ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CỦA VIỆT NAM

I. VỀ HÌNH THỨC VÀ ĐỐI TƯỢNG ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

Điều 15. Hình thức và đối tượng áp dụng ưu đãi đầu tư

1. Hình thức ưu đãi đầu tư bao gồm:

- a) Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường có thời hạn hoặc toàn bộ thời gian thực hiện dự án đầu tư; miễn thuế, giảm thuế và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp;
- b) Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định; nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;
- c) Miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất;
- d) Khấu hao nhanh, tăng mức chi phí được trừ khi tính thu nhập chịu thuế.

2. Đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư bao gồm:

- a) Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật này;
- b) Dự án đầu tư tại địa bàn ưu đãi đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật này;
- c) Dự án đầu tư có quy mô vốn từ 6.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 6.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời có một trong các tiêu chí sau: có tổng doanh thu tối thiểu đạt 10.000 tỷ đồng mỗi năm trong thời gian chậm nhất sau 03 năm kể từ năm có doanh thu hoặc sử dụng trên 3.000 lao động;
- d) Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội; dự án đầu tư tại vùng nông thôn sử dụng từ 500 lao động trở lên; dự án đầu tư sử dụng lao động là người khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật;
- đ) Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ; dự án có chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ; cơ sở ươm tạo công nghệ, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, pháp luật về khoa học và công nghệ; doanh nghiệp sản xuất, cung cấp công nghệ, thiết bị, sản phẩm và dịch vụ phục vụ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

e) Dự án đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển;

g) Đầu tư kinh doanh chuỗi phân phối sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa; đầu tư kinh doanh cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa; đầu tư kinh doanh khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Ưu đãi đầu tư được áp dụng đối với dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng.

4. Mức ưu đãi cụ thể đối với từng loại ưu đãi đầu tư được áp dụng theo quy định của pháp luật về thuế, kế toán và đất đai.

5. Ưu đãi đầu tư quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều này không áp dụng đối với các dự án đầu tư sau đây:

a) Dự án đầu tư khai thác khoáng sản;

b) Dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ dự án sản xuất ô tô, tàu bay, du thuyền;

c) Dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại theo quy định của pháp luật về nhà ở.

6. Ưu đãi đầu tư được áp dụng có thời hạn và trên cơ sở kết quả thực hiện dự án của nhà đầu tư. Nhà đầu tư phải đáp ứng điều kiện hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật trong thời gian hưởng ưu đãi đầu tư.

7. Dự án đầu tư đáp ứng điều kiện hưởng các mức ưu đãi đầu tư khác nhau, bao gồm cả ưu đãi đầu tư theo quy định tại Điều 20 của Luật này thì được áp dụng mức ưu đãi đầu tư cao nhất.

8. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

II. VỀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ ĐẶC BIỆT

Điều 20. Ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt

1. Chính phủ quyết định việc áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt nhằm khuyến khích phát triển một số dự án đầu tư có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội.

2. Đối tượng áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Dự án đầu tư thành lập mới (bao gồm cả việc mở rộng dự án thành lập mới đó) các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển có tổng vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư; trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

b) Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 10.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư.

3. Mức ưu đãi và thời hạn áp dụng ưu đãi đặc biệt thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và pháp luật về đất đai.

4. Hỗ trợ đầu tư đặc biệt được thực hiện theo các hình thức quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật này.

5. Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt quy định tại Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

a) Dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành;

b) Dự án đầu tư quy định tại khoản 5 Điều 15 của Luật này.

6. Chính phủ trình Quốc hội quyết định áp dụng các ưu đãi đầu tư khác với ưu đãi đầu tư được quy định tại Luật này và các luật khác trong trường hợp cần khuyến khích phát triển một dự án đầu tư đặc biệt quan trọng hoặc đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

ĐỀ ÁN

XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Hà Nội, tháng 7 năm 2023

MỤC LỤC

PHẦN I.....	1
QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ TRONG BỐI CẢNH THỰC THI THUẾ TỐI THIỂU TOÀN CẦU TẠI VIỆT NAM.....	1
PHẦN II.....	4
SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ TRONG BỐI CẢNH THỰC THI THUẾ TỐI THIỂU TOÀN CẦU	4
I. Tổng quan về thuế suất tối thiểu toàn cầu	4
1. Lý do hình thành thuế suất tối thiểu toàn cầu	4
2. Quá trình hình thành quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu	5
3. Một số nội dung chính của Trụ cột 2	6
II. VỀ QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN THUẾ SUẤT TỐI THIỂU TOÀN CẦU TẠI MỘT SỐ QUỐC GIA VÀ VÙNG LÃNH THỔ	8
1. Phản ứng chung của các nước.....	8
2. Phản ứng chính sách của một số quốc gia, vùng lãnh thổ	9
3. Nhận xét	10
PHẦN III	13
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THUẾ TỐI THIỂU TOÀN CẦU VỚI THU HÚT ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM.....	13
I. Về cơ chế ưu đãi thuế tại Việt Nam.....	13
II. Đánh giá tác động tới thu hút, quản lý đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	14
1. Giảm tính cạnh tranh trong thu hút đầu tư nước ngoài	14
2. Ảnh hưởng đến mục tiêu thu hút vốn đầu tư nước ngoài.....	14
3. Tác động đến kế hoạch mở rộng đầu tư của các dự án hiện hữu.....	15
4. Khả năng xung đột với nguyên tắc bất hồi tố với ưu đãi đầu tư.....	16
5. Niềm tin của các nhà đầu tư giám sát.....	16
6. Gia tăng áp lực đối với công tác quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài.....	17
PHẦN IV.....	18
XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NHÀ ĐẦU TƯ TRONG BỐI CẢNH THỰC THI THUẾ TỐI THIỂU TOÀN CẦU TẠI VIỆT NAM	18
I. Một số khuyến nghị của OECD trong việc áp dụng thuế suất thuế tối thiểu toàn cầu (Trụ cột 2)	18
1. Thu thuế bổ sung.....	18
2. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư	19
II. Phản ứng chính sách của một số nước về áp dụng chính sách ưu đãi đầu tư, thuế tối thiểu toàn cầu (Trụ cột 2).....	19

III. Thực trạng chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư tại Việt Nam	22
IV. Tác động và một số vấn đề đặt ra đối với Việt Nam khi áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu (Trụ cột 2)	23
V. Quan điểm, mục tiêu, yêu cầu và kiến nghị trong việc xây dựng chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư tại Việt Nam khi áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu (Trụ cột 2).....	28
1. Quan điểm xây dựng chính sách	28
2. Mục tiêu, yêu cầu xây dựng chính sách	28
3. Kiến nghị	28
3.1. Về việc triển khai áp dụng Trụ cột 2	28
3.2. Về việc xây dựng chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư mới	30
VI. Đánh giá tác động các giải pháp đề xuất	35
1. Sự phù hợp với các quy tắc OECD	35
2. Sự phù hợp với cam kết WTO	43
3. Sự phù hợp với các Hiệp định thương mại tự do (FTA)	46
4. Đánh giá tác động đến ngân sách nhà nước	47
VII. Tổ chức thực hiện	47
VIII. Lộ trình thực hiện	48

ĐỀ ÁN

XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ TRONG BỐI
CẢNH THỰC THI THUẾ TỐI THUỂ TOÀN CẦU TẠI VIỆT NAM

PHẦN I

QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ
TRỢ ĐẦU TƯ TRONG BỐI CẢNH THỰC THI THUẾ TỐI THUỂ TOÀN
CẦU TẠI VIỆT NAM

1. Tháng 10/2021, tại Rome (Italia), các nước G20 đã tán thành thỏa thuận được nêu trong Tuyên bố về Giải pháp Hai trụ cột để giải quyết những thách thức về thuế phát sinh từ nền kinh tế số và kêu gọi Diễn đàn IF nhanh chóng xây dựng các quy tắc mẫu và hiệp định đa phương như đã thống nhất, nhằm đảm bảo các quy tắc mới sẽ có hiệu lực ở cấp độ toàn cầu vào năm 2023.

Ngày 4/8/2022, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 55/QĐ-TTg thành lập Tổ công tác đặc biệt về nghiên cứu và đề xuất các giải pháp liên quan đến thuế suất tối thiểu toàn cầu của OECD (*sau đây gọi là Tổ công tác đặc biệt*) do Phó Thủ tướng Lê Minh Khái làm Tổ trưởng, Bộ trưởng Bộ Tài chính là Tổ phó Thường trực và Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư là Tổ phó Tổ công tác đặc biệt.

Trên cơ sở nhiệm vụ của Tổ công tác¹, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ động nghiên cứu, tổ chức hội thảo², nhiều cuộc trao đổi và làm việc với các Bộ, ngành, Hiệp hội doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, công ty tư vấn, công ty luật, 04 đơn vị kiểm toán lớn trên thế giới³, một số Tập đoàn lớn tại Việt Nam nhằm tham vấn ý kiến các chuyên gia về đánh giá tác động và đề xuất giải pháp đối với thuế suất tối thiểu toàn cầu và đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ về vấn đề này⁴.

¹ Quy định tại Điều 3 Quyết định số 55/QĐ-TTg.

² 03 Hội thảo: (1) Hội thảo ngày 20/3/2023 với Hiệp hội các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, các tập đoàn đa quốc gia lớn đang đầu tư tại Việt Nam (Samsung, Foxconn, Canon, Bosch,...), các công ty kiểm toán và tư vấn luật; (2) Hội thảo ngày 18/4/2023 với các công ty kiểm toán lớn, trong đó có sự tham dự của Big4: Deloitte, PwC, E&Y và KPMG; (3) Hội thảo ngày 23/5/2023 với các Bộ, ngành và các công ty tư vấn luật.

³ Bao gồm: PwC, KPMG, E&Y và Deloitte.

⁴ Tại công văn số 1945/BKHĐT-ĐTNN ngày 17/3/2023.

2. Tại Thông báo số 58/TB-VPCP ngày 21/4/2023 về kết luận của Thường trực Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan khẩn trương nghiên cứu, đề xuất các giải pháp thu hút đầu tư, hỗ trợ khác ngoài thuế, không trái với quy định và cam kết quốc tế trên tinh thần hài hòa lợi ích các bên, khuyến khích các nhà đầu tư hiện hữu cũng như các nhà đầu tư mới, bảo đảm ứng xử bình đẳng giữa các doanh nghiệp.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có các văn bản đề nghị: (i) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và địa phương rà soát, đánh giá tình hình các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi thuế tối thiểu toàn cầu trên địa bàn⁵; (ii) các Bộ, ngành đề xuất các giải pháp thu hút, hỗ trợ đầu tư khác áp dụng trong bối cảnh thực thi thuế tối thiểu toàn cầu⁶.

Đến nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nhận được ý kiến của một số bộ, ngành (các Bộ: Xây dựng⁷, Lao động, Thương binh và Xã hội⁸, Giao thông vận tải⁹, Tài nguyên và Môi trường¹⁰, Giáo dục và Đào tạo¹¹, Khoa học và Công nghệ¹² và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam¹³) và 39 địa phương¹⁴.

3. Hầu hết các Bộ, ngành và địa phương đều nhận định cần phải khẩn trương nội luật hóa về việc áp dụng quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu. Bên cạnh đó, ngoài việc duy trì các chính sách ưu đãi hỗ trợ đầu tư hiện hữu, cần phải xây dựng các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư mới (ngoài thuế) để đảm bảo tính cạnh tranh của môi trường đầu tư Việt Nam, trong đó đề xuất giải pháp cho phép sử dụng ngân sách nhà nước để hỗ trợ đầu tư cho các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi thuế tối thiểu toàn cầu.

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các Bộ, ngành và địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản số 388/BKHĐT-ĐTNN ngày 09/6/2023 báo cáo Thủ tướng Chính phủ và văn bản số 513/BC-BKHĐT ngày 13/7/2023 báo cáo Chính phủ¹⁵ đề xuất giải pháp thu hút, hỗ trợ đầu tư áp dụng trong bối cảnh thực thi thuế tối thiểu toàn cầu. Trong đó, đã đề xuất xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm áp dụng cơ chế hỗ trợ đầu tư.

⁵ Công văn số 1925/BKHĐT-ĐTNN ngày 17/3/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

⁶ 03 văn bản: (i) số 270/BKHĐT-ĐTNN ngày 25/4/2023; (ii) số 300/BKHĐT-ĐTNN ngày 11/05/2023; và số 349/BKHĐT-ĐTNN ngày 26/5/2023.

⁷ Công văn số 135/BXD-QLN ngày 05/5/2023.

⁸ Công văn số 151/LĐTĐBXH-HTQT ngày 19/5/2023.

⁹ Công văn số 291/BGTVT-TC ngày 01/6/2023.

¹⁰ Công văn số 270/BTNMT-KHTC-m ngày 30/5/2023.

¹¹ Công văn số 150/BGDĐT-KHTC ngày 05/6/2023.

¹² Công văn số 131/BKHCN-KHTC ngày 22/6/2023.

¹³ Các công văn số: 3430/NHNN-HTQT ngày 10/5/2023 và 4387/NHNN-HTQT ngày 07/6/2023.

¹⁴ Cụ thể: Cao Bằng, Đắk Lắk, Hà Nam, Lâm Đồng, Lạng Sơn, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Ngãi, Quảng Ninh, Thái Bình, Thái Nguyên, Tiền Giang, Cần Thơ, Hà Tĩnh, Hải Dương, Hậu Giang, Hưng Yên, Thanh Hóa, An Giang, Bắc Giang, Bắc Ninh, Cà Mau, Đà Nẵng, Gia Lai, Hòa Bình, Bạc Liêu, Bình Phước, Điện Biên, Kon Tum, Lai Châu, Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Bến Tre, Hà Nội, Hồ Chí Minh, Quảng Trị, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Kiên Giang.

¹⁵ Theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 86/TTg-KTTH ngày 10/7/2023.

Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái tại Thông báo số 115/TB-VPCP ngày 18/7/2023 về kết luận tại cuộc họp về việc áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu và cơ chế, chính sách hỗ trợ nhà đầu tư ngoài thuế, trên cơ sở các công việc đã triển khai nêu trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoàn thiện Đề án xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư trong bối cảnh thực thi thuế tối thiểu toàn cầu tại Việt Nam.

PHẦN II

SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ TRONG BỐI CẢNH THỰC THI THUẾ TỐI THIỂU TOÀN CẦU

I. Tổng quan về thuế suất tối thiểu toàn cầu

1. Lý do hình thành thuế suất tối thiểu toàn cầu

Từ cuối năm 2019, thế giới đã và đang chứng kiến những thay đổi nhanh chóng, phức tạp, khó lường và khó dự báo. Đại dịch Covid-19, khủng hoảng năng lượng, đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, căng thẳng địa chính trị, xung đột quân sự, thiên tai, biến đổi khí hậu, lạm phát diện rộng ở nhiều nền kinh tế lớn,... đang làm thay đổi cục diện thương mại và kinh tế thế giới. Các tác nhân này đã khiến triển vọng phát triển kinh tế và thu ngân sách của hầu hết các nước giảm mạnh.

Trong khi đó, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin và các mô hình kinh tế mới (kinh tế chia sẻ, kinh tế số...) đã và đang thay đổi kết cấu và bản chất của nền kinh tế toàn cầu. Các công ty đa quốc gia, thông qua các công cụ như các tài sản vô hình (bản quyền, bằng sáng chế, thương hiệu,...) hay các hoạt động kinh doanh qua nền tảng số xuyên quốc gia (mà không có sự hiện diện vật lý ở quốc gia đó) đã tận dụng cơ hội để tránh nghĩa vụ thuế thông qua chuyển lợi nhuận từ quốc gia có thuế suất cao sang quốc gia có thuế suất thấp, thực hiện các hoạt động chuyển giá... Các hoạt động trên đã gây xói mòn nghiêm trọng nguồn thu ngân sách của các quốc gia¹⁶, dẫn đến việc nhiều nước trên thế giới đơn phương áp dụng các loại thuế khác nhau, phát sinh bất đồng giữa các nước.

Việc hình thành các mức thuế suất khác biệt để tận dụng lợi thế toàn cầu hóa được nhiều nước thực hiện theo nhiều cách: **(i)** một số nước hạ thuế thu nhập doanh nghiệp xuống mức rất thấp (*Barbados 5,5%, Uzbekistan 7,5%, Hungary 9%, Macedonia 10%, Ireland 12,5%...*); **(ii)** các thiên đường thuế đưa ra mức thuế suất 0% (*Cayman Islands, Bermuda, Bahamas...*); **(iii)** Nhiều quốc gia, khu vực cũng chịu áp lực từ việc doanh nghiệp đe dọa rút vốn, chuyển trụ sở đăng ký kinh doanh dẫn đến buộc phải giảm thuế (*Hoa Kỳ giảm từ 35% năm 2017 xuống còn 21% năm 2021, khu vực sử dụng đồng Euro - Eurozone giảm từ 36,8% năm 1995 xuống còn 22,7% năm 2020*),... khiến thuế suất trung bình của doanh nghiệp trên toàn cầu giảm từ 27% năm 2001 xuống còn 20,2% và năm 2021.

Hạ thuế suất đã trở thành công cụ của các quốc gia trong cuộc cạnh tranh thu hút và giữ chân doanh nghiệp. Nhiều quốc gia tham gia vào “cuộc đua xuống đáy” nhằm giảm thuế suất TNDN về mức thấp nhất để thu hút đầu tư nước ngoài. Đối tượng hưởng lợi là các Tập đoàn đa quốc gia, mặc dù có lợi nhuận cao, nhưng phải nộp thuế TNDN rất thấp, thậm chí không bị đánh thuế; bên cạnh đó, vấn đề

¹⁶ Liên Hợp Quốc ước tính thất thu thuế toàn cầu lên tới 500 - 600 tỷ USD/năm.

chuyển lợi nhuận (chuyển giá) của các công ty đa quốc gia cũng ngày càng trở nên phức tạp, với các công cụ và biện pháp tinh vi.

Theo đó, OECD đã xác định ra 02 nhóm vấn đề quan trọng cần được giải quyết:

Thứ nhất, các quy tắc quản lý thuế hiện hữu chỉ cho phép lợi nhuận của một công ty nước ngoài bị đánh thuế ở nơi mà công ty đó có sự hiện diện vật lý. Tuy nhiên, trong thế giới số hiện nay, các doanh nghiệp có thể thực hiện hoạt động kinh doanh quy mô lớn ở các quốc gia mà không có hoặc có rất ít sự hiện diện vật lý tại những quốc gia này.

Thứ hai, hầu hết các quốc gia chỉ đánh thuế đối với thu nhập trong nước của các tập đoàn đa quốc gia của họ, theo đó không đánh thuế đối với các khoản thu nhập ở nước ngoài. Tuy nhiên, hiện nay, các tài sản vô hình, như là thương hiệu, bản quyền và bằng sáng chế cũng như việc các công ty có thể chuyển lợi nhuận sang các quốc gia đánh thuế thấp hoặc không đánh thuế, dẫn đến lợi nhuận nước ngoài của các tập đoàn đa quốc gia đều không bị đánh thuế hoặc đánh thuế thấp.

2. Quá trình hình thành quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu

Trước hiện trạng trên, Diễn đàn “Hợp tác chung thực hiện các giải pháp chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận”¹⁷ (Diễn đàn IF) đã tổ chức quá trình đàm phán giữa 139 nước thành viên về biện pháp đảm bảo các công ty đa quốc gia tuân thủ nghĩa vụ thuế, giảm bớt căng thẳng giữa các nước, củng cố sự ổn định của hệ thống thuế toàn cầu.

Ngày 05 tháng 6 năm 2021, các Bộ trưởng Tài chính của Nhóm các nền kinh tế phát triển (G7) đã đạt thỏa thuận về thuế doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu, được ấn định là “ít nhất 15%”.

Ngày 09/07/2021, Bộ trưởng Tài chính và Thống đốc Ngân hàng trung ương của Nhóm các nền kinh tế phát triển và mới nổi hàng đầu thế giới (G20) đã thống nhất về nguyên tắc *Giải pháp Hai trụ cột nhằm giải quyết các thách thức thuế quan phát sinh trong quá trình số hóa nền kinh tế* (gọi tắt là Thỏa thuận thuế tối thiểu toàn cầu)¹⁸, bao gồm: (1) Trụ cột thứ nhất là phân bổ thuế đối với hoạt động kỹ thuật số (phân bổ lại quyền đánh thuế đối với các công ty đa quốc gia giữa nơi đặt trụ sở chính và nơi hoạt động kinh doanh)¹⁹; (2) Trụ cột thứ hai đặt ra mức thuế doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu 15% đối với các công ty đa quốc gia nhằm ngăn các công ty này chuyển lợi nhuận sang quốc gia có thuế suất thấp để tránh thuế.

¹⁷ Do OECD và G20 kêu gọi thành lập vào tháng 01/2016, Việt Nam là thành viên thứ 100 của Diễn đàn vào tháng 7/2017.

¹⁸ Trước đó, Thỏa thuận Thuế tối thiểu toàn cầu đã nhận được sự ủng hộ của Nhóm các nền kinh tế phát triển (G7), Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) và 133/139 quốc gia tham gia Diễn đàn Hợp tác chung thực hiện Các giải pháp Chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận.

¹⁹ Cụ thể: cho phép các quốc gia (nơi các công ty đa quốc gia tạo ra doanh thu) đánh thuế một phần lợi nhuận (20 - 30% đối với phần lợi nhuận vượt trên biên độ 10%)

Ngày 08/10/2021, Diễn đàn “Hợp tác toàn cầu về xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận” đã ban hành tuyên bố về Khung giải pháp Hai trụ cột để giải quyết các thách thức phát sinh từ nền kinh tế kỹ thuật số với sự đồng thuận của 136 nước thành viên (bao gồm Việt Nam).

Ngày 31/10/2021 tại Rome (Ý), các nước G20 đã tán thành thỏa thuận được nêu trong Tuyên bố về giải pháp hai trụ cột để giải quyết những thách thức về thuế phát sinh từ nền kinh tế số do Diễn đàn IF công bố và kêu gọi Diễn đàn nhanh chóng xây dựng các quy tắc mẫu và hiệp định đa phương như đã thống nhất, nhằm đảm bảo các quy tắc mới sẽ có hiệu lực ở cấp độ toàn cầu vào năm 2023.

3. Một số nội dung chính của Trụ cột 2

3.1. Ba nguyên tắc cốt lõi của Trụ cột 2

Một là, nguyên tắc gộp thu nhập (Income Inclusion Rule – IIR)²⁰: Cho phép các nước áp dụng mức thuế bổ sung với các công ty mẹ nếu thuế suất áp dụng trên lợi nhuận của các công ty con ở nước ngoài thấp hơn 15%.

Hai là, nguyên tắc đối với các khoản thanh toán chịu thuế dưới mức thuế suất tối thiểu toàn cầu (Undertaxed payment rule – UTPR)²¹: Đây là nguyên tắc hỗ trợ (*backstop*) cho nguyên tắc gộp thu nhập IIR nêu trên. Cụ thể, cho phép một quốc gia từ chối khấu trừ thuế đối với các khoản thanh toán xuyên biên giới giữa công ty mẹ với các công ty con nếu các khoản thanh toán đó không chịu thuế ở mức thuế suất 15%.

Ba là, nguyên tắc quyền đánh thuế của nước nguồn (Subject to tax rule – STTR)²²: cho phép nước nguồn phát sinh thu nhập được quyền đánh thuế ở mức thuế suất tối thiểu 9% đối với một số khoản thanh toán nhất định cho bên liên kết chịu thuế ở dưới mức thuế suất tối thiểu 9% này. Các khoản thanh toán này dự kiến bao gồm: lãi tiền vay, tiền bản quyền và một số khoản thanh toán khác.

Ba nguyên tắc cốt lõi nêu trên được phối hợp áp dụng chặt chẽ, nhằm đảm bảo thu nhập của các công ty đa quốc gia phải chịu mức thuế suất tối thiểu 15% cũng như cho phép nước có nguồn phát sinh thu nhập (thường là các nước đang

²⁰ Ví dụ: Một công ty của Hàn Quốc có công ty con hoạt động tại Việt Nam, Công ty con được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và có thuế suất hiệu quả là 7%. Như vậy, mức thuế ở Việt Nam thấp hơn mức thuế tối thiểu là 8%. Do đó, Hàn Quốc sẽ yêu cầu công ty mẹ tại Hàn Quốc nộp phần 8% còn lại đối với phần thu nhập dưới mức thuế suất tối thiểu của công ty con tại Việt Nam.

²¹ Ví dụ: Công ty mẹ của Hàn Quốc chi trả cho công ty con tại Việt Nam một khoản thanh toán, nhưng công ty con tại Việt Nam chịu thuế (7%), dưới mức tối thiểu thì công ty mẹ thực hiện các khoản thanh toán cho công ty con nêu trên sẽ không được khấu trừ khoản thanh toán đó vào chi phí hoặc phải điều chỉnh tăng lên (15%) đối với phần thu nhập của công ty con tại Việt Nam chưa chịu mức thuế tối thiểu. Theo đó, Việt Nam được quyền thu thuế ở mức tối thiểu (15%) đối với khoản thanh toán nêu trên.

²² Ví dụ: Hiệp định thuế giữa Việt Nam và Hàn Quốc quy định mức thuế suất với tiền bản quyền là 5%. Trường hợp công ty Việt Nam thanh toán tiền bản quyền cho một công ty tại Hàn Quốc, tuy nhiên, mức thuế danh nghĩa đối với thu nhập từ tiền bản quyền tại Hàn Quốc thấp hơn mức thuế suất tối thiểu, thì Việt Nam có quyền đánh thuế bổ sung lên bằng mức tối thiểu (9%), mặc dù đã có quy định tại Hiệp định. Để thực hiện quy tắc này thì các nước phải tham gia Hiệp định đa phương.

phát triển) được quyền đánh thuế ở mức thuế suất tối thiểu 9% đối với một số khoản thanh toán nhất định cho bên liên kết.

3.2. Về đối tượng áp dụng

Trụ cột 2 áp dụng với các công ty đa quốc gia có doanh thu hợp nhất toàn cầu hàng năm từ 750 triệu EUR (tương đương khoảng 870 triệu USD) trong ít nhất 2 năm trong giai đoạn 4 năm liền kề trước năm soát xét và dự kiến có hiệu lực từ năm 2024 tại một số quốc gia.

3.3. Phương pháp áp dụng

OECD đã nghiên cứu rất kỹ khi đưa ra thuế suất hiệu quả mà không phải thuế suất thông thường (danh nghĩa) theo pháp luật của mỗi nước. Theo đó, thuế suất hiệu quả là tỷ lệ giữa số thuế TNDN ***thực nộp*** chia cho lợi nhuận trước thuế theo báo cáo tài chính. Với việc áp dụng thuế suất hiệu quả, các ưu đãi miễn, giảm thuế hay các chính sách tăng mức khấu trừ, khấu hao nhanh... sẽ không có lợi cho doanh nghiệp (nhà đầu tư nước ngoài) vì việc làm giảm số thuế phải nộp đồng nghĩa với việc kéo giảm nghĩa vụ thuế thực tế. Do đó, chênh lệch giữa số thuế thực nộp và mức thuế tối thiểu càng lớn, dẫn tới càng phải nộp thêm nhiều thuế tại nơi có công ty mẹ đi đầu tư khi họ phải thực hiện chế độ báo cáo lợi nhuận hợp nhất (toàn cầu). Nếu số thuế thực nộp càng thấp (ở nước nhận đầu tư) thì quy đổi sang thuế suất hiệu quả thấp và nguy cơ nhà đầu tư phải nộp thuế bổ sung (tại nước xuất khẩu vốn) càng cao.

Theo chế độ kế toán, các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp đa quốc gia phải thực hiện chuẩn mực kế toán để lập báo cáo tài chính. Dựa trên số liệu báo cáo lãi/lỗ của báo cáo tài chính, các doanh nghiệp sẽ thực hiện điều chỉnh (tăng, giảm) các chi phí được trừ để xác định nghĩa vụ thuế phải nộp. Do đó, nếu một nước (ví dụ Việt Nam) cho phép tăng trừ chi phí nghiên cứu phát triển²³ và khấu hao nhanh... thì số thuế thực nộp sẽ giảm (được coi là kỹ thuật ưu đãi thuế). Tuy nhiên tại nước xuất khẩu vốn, nơi công ty mẹ hoạt động có thể không có ưu đãi thuế như cách tăng trừ chi phí mà việc xác định thu nhập chịu thuế được xác định bình thường theo chuẩn mực kế toán. Kết quả là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ (bao gồm cả lãi/lỗ từ báo cáo tài chính của công ty con) sẽ không được tính đến phần ưu đãi do được tăng trừ chi phí tại nước nhận đầu tư, qua đó làm vô hiệu hoá ưu đãi khi tính theo thuế suất hiệu quả.

3.4. Mục tiêu kỳ vọng

Nhiều năm qua, các tập đoàn đa quốc gia thường tránh thuế bằng cách đặt trụ sở và/hoặc cơ sở sản xuất, kinh doanh tại những quốc gia có thuế TNDN thấp.

²³ Ví dụ: Điều a Khoản 8 Điều 7 Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc Hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa quy định: “Nhà đầu tư chiến lược được hưởng ưu đãi: được tính vào chi phí được trừ để xác định thu nhập chịu thuế đối với hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) bằng 150% chi phí thực tế của hoạt động này khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp”.

Việc thực thi Thỏa thuận thuế tối thiểu toàn cầu được các quốc gia tham gia kỳ vọng sẽ góp phần:

Một là: Tăng thu ngân sách cho các quốc gia, đồng thời chấm dứt cạnh tranh tiêu cực trong giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong đó:

(i) Trụ cột thứ nhất dự kiến sẽ phân bổ cho các quốc gia nơi phát sinh doanh thu quyền đánh thuế đối với khoản lợi nhuận của các công ty đa quốc gia (theo OECD, việc áp dụng cơ chế này sẽ giúp chính phủ các nước đi đầu tư tăng thu ngân sách thêm tới 150-200 tỷ USD mỗi năm).

(ii) Trụ cột thứ hai ước tính sẽ bổ sung vào nguồn thu ngân sách từ thuế trên toàn cầu khoảng 150 tỷ USD/năm thông qua việc loại bỏ lợi thế của việc dịch chuyển lợi nhuận, chuyển giá...

(iii) Ngăn chặn xu hướng đua giảm thuế suất giữa các nước, không còn “kẽ hở” để các Tập đoàn đa quốc gia trục lợi (trong cuộc đua thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài hơn 20 năm qua, đã có 76 quốc gia giảm thuế, 12 quốc gia giữ nguyên và chỉ có 6 quốc gia tăng thuế²⁴).

Hai là: Giải quyết mâu thuẫn giữa các nước liên quan đến việc đánh thuế các công ty đa quốc gia, ngăn chặn nguy cơ gia tăng căng thẳng thương mại, đồng thời đảm bảo tính ổn định của hệ thống thuế. Việc xóa bỏ các loại thuế khác nhau mà nhiều nước đang đơn phương áp đặt²⁵ để thay thế bằng một quy tắc đánh thuế chung đối với các công ty đa quốc gia cũng sẽ làm tăng tính ổn định và nhất quán của hệ thống thuế quốc tế, đảm bảo tính thông suốt trong quản lý của cơ quan thuế các nước và khả năng tuân thủ của các công ty đa quốc gia có doanh thu ở nhiều nước với các chính sách thuế khác nhau.

II. VỀ QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN THUẾ SUẤT TỐI THIỂU TOÀN CẦU TẠI MỘT SỐ QUỐC GIA VÀ VÙNG LÃNH THỔ

1. Phản ứng chung của các nước

Về mặt lý thuyết, thuế suất tối thiểu không phải là một sáng kiến mới. Đây là một “biện pháp kỹ thuật” đi sâu vào khai thác nội hàm của thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm bảo vệ quyền thu thuế của nước sở hữu vốn thông qua việc “giành lại” lợi ích vật chất từ ưu đãi miễn, giảm thuế mà các nước nhận đầu tư dùng làm công cụ thu hút vốn, tạo giá trị gia tăng cho các mục tiêu phát triển riêng.

Đối với các doanh nghiệp đa quốc gia, việc áp dụng cơ chế thuế tối thiểu toàn cầu chủ yếu tác động nhiều đối với các doanh nghiệp có hoạt động đầu tư, sản xuất tại các nước/vùng lãnh thổ đang được ưu đãi về thuế TNDN (như miễn, giảm thuế hoặc được hưởng mức thuế suất thấp so với thuế suất tối thiểu). Các doanh nghiệp đầu tư tại các khu vực không có chênh lệch thuế suất thì không bị ảnh hưởng.

²⁴ Theo “Mức thuế suất tối thiểu toàn cầu: Cải cách mang tính đột phá” ngày 08/11/2021 của Trung tâm WTO.

²⁵ EU đã hoãn đề xuất áp thuế kỹ thuật số (có hiệu lực từ tháng 07/2021) với quy mô và mức thu khác nhau chủ yếu tập trung vào các công ty công nghệ lớn của Hoa Kỳ, giảm căng thẳng với Hoa Kỳ sau khi Văn phòng thương mại Hoa Kỳ (USTR) dự kiến mức thuế 25% đối với hàng hóa nhập khẩu của 06 quốc gia EU là Anh, Ý, Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ, Áo, Tây Ban Nha.

Với lợi ích như trên, các nước xuất khẩu vốn, nhất là các thành viên của OECD như Hoa Kỳ, Anh, EU, Hàn Quốc, Nhật Bản... đang rất tích cực vận động để cơ chế có thể áp dụng sớm nhằm thu về mức thuế bổ sung. Theo ước tính của các chuyên gia OECD, Nhóm các nền kinh tế phát triển (G7) và các nước phát triển khác có thể nhận được 60% doanh thu từ thuế trong khi các nước đang phát triển nhận được 10% - 15%, châu Mỹ Latinh nhận được 3%. Viện Nghiên cứu kinh tế của Đức dự báo Đức có thể thu chênh lệch thuế từ 700 triệu đến 900 triệu Euro/năm.

Trong khi đó, các nước tiếp nhận đầu tư như Việt Nam, Thái Lan, Malaysia... ngoài việc tham gia vào cơ chế thuế suất thuế TNDN tối thiểu thì vẫn đang trong quá trình nghiên cứu các giải pháp có thể thay thế ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN nhưng vẫn đảm bảo thu hút đầu tư nước ngoài²⁶. Một số nước vận động, đề xuất thỏa thuận có áp dụng miễn trừ thuế đối với một số lĩnh vực nhất định, áp dụng ngoại lệ đối với các vùng đặc khu kinh tế (Ireland, Trung Quốc...).

2. Phản ứng chính sách của một số quốc gia, vùng lãnh thổ

(1) **Hoa Kỳ:** Tháng 8 năm 2022, Quốc hội Hoa Kỳ đã ban hành Đạo luật giảm lạm phát 2022 (The Inflation Reduction Act of 2022), trong đó đặt ra Thuế tối thiểu thay thế dành cho doanh nghiệp²⁷ (Corporate Alternative Minimum Tax - CAMT). Thuế suất CAMT là 15% đối với thu nhập từ báo cáo tài chính đã điều chỉnh của các tập đoàn lớn, áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2023²⁸. Đối tượng áp dụng: (i) các tập đoàn Hoa Kỳ có lợi nhuận trung bình trên 1 tỷ USD/năm trong vòng 3 năm; (ii) doanh nghiệp Hoa Kỳ có Công ty mẹ ở nước ngoài với lợi nhuận trên 1 tỷ USD), trong đó lợi nhuận trung bình tại thị trường Hoa Kỳ trên 100 triệu USD/năm trong vòng 3 năm.

(2) **Nhật Bản:** Ngày 03/2/2023, Bộ Tài chính Nhật Bản²⁹ đã công bố dự thảo Đạo luật sửa đổi một phần Đạo luật thuế thu nhập đang được trình Quốc hội. Theo đó đã đề xuất bắt đầu triển khai các quy tắc Trụ cột 2 từ tháng 4 năm 2024.

(3) **Hàn Quốc:** Ngày 23/12/2022, Quốc hội Hàn Quốc đã tổ chức phiên họp toàn thể và quyết định thông qua Luật Thuế sửa đổi, lấy Quy tắc Thuế suất tối thiểu toàn cầu làm tâm điểm. Theo đó, Hàn Quốc sẽ bắt đầu thực thi Quy tắc này từ ngày 01 tháng 01 năm 2024. Các Nghị định thực thi, hướng dẫn cụ thể sẽ được ban hành trong năm 2023.

(4) **Đài Loan:** Năm 2020, Đài Loan đã ban hành mức thuế suất mới, có tính chất tương tự như thuế tối thiểu toàn cầu, tuy nhiên mới ở mức 12%. Nhìn chung, các doanh nghiệp tại Đài Loan không có phản ứng nhiều về quy định thuế mới

²⁶ Trong quá trình đàm phán để thống nhất mức thuế suất tối thiểu 15%, khoảng 35 quốc gia có mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dưới 15% (như Ireland, Hungary, Estonia...) phản đối mức thuế suất này.

²⁷ <https://crsreports.congress.gov/product/pdf/R/R47328>

²⁸ CAMT dự kiến sẽ huy động được 222 tỷ đô la trong 10 năm tới. Ước tính khoảng 80 công ty sẽ bị ảnh hưởng, 16% trong số các doanh nghiệp thuộc Fortune 500.

²⁹ Theo tin của OECD: <https://oecdpillars.com/japan-submits-draft-pillar-two-law-to-parliament/>

này do hầu như doanh nghiệp Đài Loan có đầu tư tại khu vực Âu Mỹ hoặc Nhật Bản đều đang chịu mức thuế suất cao hơn 15%.

(5) Anh: Ngày 17/11/2022, Chính quyền Thủ tướng Anh đã thông báo dự luật tài chính năm 2023, trong đó dự kiến áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu đối với các kỳ quyết toán kết thúc kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2023. Chính phủ Anh ước thu được thêm 2,3 tỉ bảng Anh hằng năm từ năm 2027 từ chính sách này. Chính phủ Anh không áp dụng nguyên tắc bất hồi tố đối với các khoản thuế trước khi dự luật dự kiến được thông qua vào cuối năm 2023.

(6) Liên minh châu Âu: Ngày 13/12/2022, các quốc gia thành viên EU thông báo đã chính thức đạt được thỏa thuận thực hiện Trụ cột 2. Chỉ thị của EU về thực hiện Trụ cột 2 sẽ được nội luật hóa tại các quốc gia thành viên từ cuối năm 2023.

(7) Singapore: Chính phủ dự kiến sẽ thực hiện Thuế bổ sung nội địa (DTT) để điều chỉnh chế độ thuế doanh nghiệp nhằm đáp ứng mức thuế tối thiểu toàn cầu, dự kiến sẽ được bắt đầu vào hoặc từ ngày 1 tháng 1 năm 2025³⁰. Tuy nhiên, Chính phủ Singapore sẽ theo dõi các diễn biến quốc tế và sẽ “điều chỉnh” thời gian thực hiện tùy thuộc vào thực tế việc thực hiện thỏa thuận trên toàn cầu.

(8) Thái Lan: Chính phủ dự kiến sẽ xây dựng một “gói” pháp lý chính sách để thực hiện thuế tối thiểu toàn cầu, trong đó bao gồm các chính sách mới về: ưu đãi thuế nội địa, mức thuế tối thiểu trong nước và quy định hỗ trợ khác như hỗ trợ chi phí phát triển cơ sở hạ tầng, trợ giá điện³¹. Dự kiến các nội dung này sẽ được Chính phủ xem xét và phê duyệt trong năm 2023.

(Chi tiết tại Phụ lục I và II)

3. Nhận xét

3.1. Quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu có vai trò quan trọng trong việc cân bằng sự chênh lệch về quy tắc thuế giữa các nước, và là một sáng kiến có khả năng tái thiết lập các hoạt động hợp tác đa phương. Việc các nước thống nhất ban hành Thỏa thuận thuế tối thiểu toàn cầu là xu hướng tất yếu nhưng mục tiêu triển khai các quy định mới sẽ còn phụ thuộc vào các nước thành viên (nhóm tích cực và nhóm bị tác động mạnh, như đã nêu ở trên).

Hiện nay, để thúc đẩy tiến trình nội luật hóa Quy tắc, ngày 02/2/2023, OECD cũng đã công bố chi tiết bản hướng dẫn cuối cùng đối với chính phủ các nước về cách thức đưa thuế tối thiểu toàn cầu vào các văn bản luật³², theo đó tiến gần hơn tới việc thực hiện cải cách này vào năm 2024³³.

³⁰ Theo Bloomberg “Singapore to Raise Effective Corporate Tax to 15% From 2025” ngày 14/02/2023.

³¹ Theo Bloomberg Tax: “Thailand Aims to Propose OECD’s Minimum Tax Plan This Year” ngày 16/02/2023.

³² <https://www.oecd.org/tax/beps/international-tax-reform-oecd-releases-technical-guidance-for-implementation-of-the-global-minimum-tax.htm>

³³ <https://www.oecd.org/tax/beps/agreed-administrative-guidance-for-the-pillar-two-globe-rules.pdf>

3.2. Đến nay, Việt Nam đã thu hút đầu tư nước ngoài từ 142 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Trong đó, các đối tác ĐTNN lớn nhất của Việt Nam chủ yếu đến từ khu vực Đông Á, cụ thể trong nhiều năm qua Hàn Quốc, Nhật Bản và Singapore luôn dẫn đầu danh sách các nguồn ĐTNN vào Việt Nam³⁴. Trong tương quan chung, Việt Nam vẫn là quốc gia nhập khẩu vốn ĐTNN.

Việt Nam đã tham gia xây dựng, ủng hộ sáng kiến thuế tối thiểu toàn cầu. Do đó, những động thái phản đối, hoặc không tiếp tục tham gia quy tắc sẽ tiềm ẩn rủi ro ảnh hưởng đến vai trò, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Các quốc gia của công ty mẹ có quyền thu phần thuế tối thiểu đối với thu nhập của công ty con tại Việt Nam mà không cần phải đàm phán lại các điều khoản của Hiệp định với Việt Nam, trừ trường hợp Việt Nam và các quốc gia đó đạt được thỏa thuận song phương nhằm không thực thi các điều khoản của quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu.

3.3. Việt Nam đã và đang hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, tham gia nhiều tổ chức quốc tế và khu vực, ký kết các hiệp định song phương và đa phương, do vậy, việc thực hiện chính sách cải cách thuế toàn cầu như Trụ cột 2 thuế tối thiểu toàn cầu là không tránh khỏi. Đồng thời, ngay cả khi việc thực thi quy tắc sẽ dẫn đến nhiều khó khăn, thách thức, Việt Nam không thể yêu cầu các quốc gia khác, đặc biệt là các đối tác đầu tư lớn của mình không tham gia quy tắc; mà trái lại, đây là cơ hội Việt Nam xem xét, đánh giá, nghiên cứu và hoàn thiện chính sách ưu đãi đầu tư nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động đầu tư nước ngoài.

Trong bối cảnh trên, việc nghiên cứu điều chỉnh, sửa đổi khung pháp lý về thuế, ưu đãi đầu tư phù hợp với điều kiện thực tế là hết sức quan trọng và cấp bách, trong khi vẫn đảm bảo được các lợi thế của Việt Nam trong thu hút đầu tư; đồng thời đối với các dự án đang được hưởng ưu đãi về thuế TNDN mà có mức thuế suất hiệu quả thấp hơn 15% cần phải xem xét biện pháp bảo đảm đầu tư cho doanh nghiệp khi không còn được hưởng ưu đãi.

3.4. Các nhà đầu tư, đặc biệt là các công ty đa quốc gia đầu tư dự án mới cũng như mở rộng tại Việt Nam một phần chủ yếu là do sự ổn định của môi trường đầu tư cũng như cam kết về chính sách bảo đảm đầu tư kinh doanh trong trường hợp thay đổi luật pháp chính sách. Việc Việt Nam không có các giải pháp kịp thời đồng hành cùng doanh nghiệp sẽ ảnh hưởng đến quyết định đầu tư mở rộng hoặc duy trì đầu tư của các công ty đa quốc gia đang hoạt động tại Việt Nam và kéo theo sự sụt giảm việc thu hút các công ty vệ tinh khác; đồng thời giảm động lực đầu tư của các nhà đầu tư mới đang có kế hoạch đầu tư vào Việt Nam.

3.5. Trong trường hợp Việt Nam không có động thái điều chỉnh chính sách ưu đãi đầu tư và cơ chế thực hiện phù hợp thì việc áp dụng chính sách thuế suất

³⁴ Lũy kế đến ngày 20/12/2022, số vốn đầu tư đăng ký của ba nước này chiếm tới hơn 50% tổng vốn đầu tư FDI vào Việt Nam, trong đó Hàn Quốc dẫn đầu với 9.534 dự án còn hiệu lực và tổng vốn đăng ký hơn 80 tỷ USD.

tối thiểu toàn cầu sẽ làm giảm hiệu quả của chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của Việt Nam; không còn hấp dẫn để giữ chân hoặc thu hút thêm vốn đầu tư mới từ các tập đoàn đa quốc gia tại Việt Nam; từ đó, ảnh hưởng đến vị thế cạnh tranh của Việt Nam so với các nước trong khu vực, cũng như ảnh hưởng đến việc thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài có chọn lọc, chất lượng cao.

Đồng thời, nếu không sớm nội luật hóa để điều chỉnh mức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp lên tương đương với mức thuế tối thiểu toàn cầu (15%), Việt Nam sẽ không thu được phân thuế chênh lệch, các công ty đầu tư tại Việt Nam cũng không được hưởng các ưu đãi này vì sẽ bị các quốc gia của công ty mẹ thu.

3.6. Ngoài ra, nếu chính sách ưu đãi thuế hiện tại bị thay đổi bởi cơ chế thuế suất tối thiểu toàn cầu thì một mặt, Chính phủ phải đối diện với các cam kết về bảo hộ đầu tư cho các nhà đầu tư hiện đang sản xuất kinh doanh tại Việt Nam vẫn còn đang trong thời kỳ ưu đãi đầu tư; mặt khác là phải sửa đổi, ban hành các cơ chế ưu đãi để tiếp tục cạnh tranh với các nước trong khu vực để duy trì và thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Do đó, quyết định đầu tư của các doanh nghiệp, nhà đầu tư nước ngoài sẽ phụ thuộc vào các yếu tố phi-thuế (Non-taxation) trong thời gian tới.

PHẦN III

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THUẾ TỐI THIỂU TOÀN CẦU VỚI THU HÚT ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM

I. Về cơ chế ưu đãi thuế tại Việt Nam

Hầu hết các quốc gia trên thế giới đều xem chính sách ưu đãi thuế nói chung, ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp nói riêng là một trong những công cụ quan trọng để thực hiện mục tiêu thu hút đầu tư (theo số liệu của OECD, hơn 40% các quốc gia sử dụng chính sách về thuế để thu hút đầu tư nước ngoài). Hiện nay, Việt Nam đang sử dụng ưu đãi thuế như một công cụ đòn bẩy tài chính để tác động đến xu hướng đầu tư. Những hình thức ưu đãi, miễn giảm thuế thường được áp dụng cho các lĩnh vực, địa bàn mà Nhà nước khuyến khích phát triển, bằng cách thu hút các nhà đầu tư vào các ngành mũi nhọn, có lợi thế phát triển, tạo ra sản phẩm có sức cạnh tranh của quốc gia hoặc các địa bàn kinh tế cần khuyến khích đầu tư phát triển; thay vào đó nhà đầu tư sẽ được hưởng các mức ưu đãi thuế để hỗ trợ các doanh nghiệp trong quá trình hoạt động, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội.

Việt Nam là một trong các quốc gia có điều kiện kinh tế – xã hội đặc thù, đang trong quá trình chuyển đổi cơ cấu, các điều kiện phát triển và nguồn lực về vốn còn hạn chế và được phân bổ không đồng đều giữa các vùng, miền. Do đó, các chính sách, pháp luật về ưu đãi nói chung về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp nói riêng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Trong những năm qua, chính sách ưu đãi đầu tư đã sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện theo hướng tập trung ưu đãi vào các ngành công nghệ cao, hoạt động nghiên cứu và phát triển, chuyển đổi số, năng lượng sạch, chuyển giao công nghệ, có giá trị gia tăng, tăng cường liên kết với khu vực trong nước..., hướng tới việc thu hút đầu tư có chọn lọc.

Các chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp trong thu hút đầu tư của Việt Nam được đánh giá là hấp dẫn so với các nước trong khu vực. Nhờ có chính sách ưu đãi thuế cạnh tranh, cùng với các thế mạnh như: tình hình kinh tế chính trị ổn định, nguồn lao động dồi dào..., dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam liên tục tăng qua các năm³⁵. Năm 2020, Việt Nam lần đầu tiên vào nhóm 20 nước thu hút FDI hàng đầu thế giới, trong khi đầu tư nước ngoài trên toàn cầu có xu hướng giảm. Đến năm 2021, vốn FDI vào Việt Nam tiếp tục duy trì sự ổn định và vượt mốc 31 tỷ USD, tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2020. Trong năm 2022,

³⁵ Vốn đầu tư nước ngoài thực hiện trong giai đoạn 2016 - 2018 ước đạt 51,3 tỷ USD, tăng 55,6% so với giai đoạn 2011 - 2013

Việt Nam cũng đã thu hút gần 30 tỷ USD, dù giảm so với cùng kỳ nhưng cho thấy tín hiệu tích cực trong đại dịch.

Hiện nay, thuế suất và ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các Nghị định hướng dẫn³⁶; theo đó, thuế suất phổ thông là 20%, thuế suất ưu đãi có các mức 10%, 15% và 17% tùy theo lĩnh vực, ngành nghề, quy mô và địa bàn đầu tư. Ngoài ra, theo quy định tại Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg ngày 6 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về ưu đãi đầu tư đặc biệt, thuế suất ưu đãi đặc biệt có các mức 5%, 7% và 9%. Cùng với ưu đãi về thuế suất, pháp luật hiện hành có quy định về việc miễn thuế, giảm 50% thuế suất trong thời gian được miễn, giảm.

Như vậy, trong trường hợp Trụ cột 2 được chính thức áp dụng, các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ không đem lại lợi thế cạnh tranh cho Việt Nam trong thu hút đầu tư của các tập đoàn đa quốc gia.

II. Đánh giá tác động tới thu hút, quản lý đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

1. Giảm tính cạnh tranh trong thu hút đầu tư nước ngoài

Với vị trí là quốc gia nhận vốn và là nước đang phát triển, nếu không sớm có các giải pháp ứng phó, Việt Nam đứng trước nguy cơ giảm khả năng cạnh tranh trong thu hút đầu tư nước ngoài do các nước phát triển sẽ tiến hành thu thuế tối thiểu đối với công ty mẹ. Trong khi đó, Việt Nam vẫn thiếu hụt những lợi thế về chất lượng môi trường đầu tư, hạ tầng công nghệ, số lượng và chất lượng nguồn lao động, ngành công nghiệp hỗ trợ,..., qua đó hạn chế lợi thế thu hút ĐTNN so với các nước trong khu vực.

Như đã nêu trên, hiện nay, hầu hết các đối tác đầu tư lớn của Việt Nam (Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore,...) đã có động thái rõ ràng về kế hoạch triển khai quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu. Đồng thời, các quốc gia cạnh tranh thu hút ĐTNN với Việt Nam trong khu vực đã và đang nghiên cứu, ban hành những hình thức ưu đãi đầu tư mới, vượt trội nhằm đảm bảo lợi thế cạnh tranh, duy trì sức hấp dẫn đối với các nhà ĐTNN.

2. Ảnh hưởng đến mục tiêu thu hút vốn đầu tư nước ngoài

Bên cạnh khả năng cải thiện các nguồn thu thuế từ các công ty công nghệ đa quốc gia có doanh thu lớn (các BigTech như: Netflix, Facebook, Google và các nền tảng thương mại điện tử khác), việc tham gia thỏa thuận thuế doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu khi được áp dụng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến dòng vốn FDI toàn cầu, trong đó các nước thu hút FDI thông qua các ưu đãi thuế như Việt Nam sẽ gặp nhiều khó khăn hơn. Mục tiêu thu hút vốn đầu tư nước ngoài đầy tham vọng sẽ gặp thách thức

³⁶ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế; sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế.

rất lớn (giai đoạn 2021-2025 khoảng 150 - 200 tỉ USD, 30 - 40 tỉ USD/năm; giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 200 - 300 tỉ USD, 40 - 50 tỉ USD/năm)³⁷.

Đặc biệt, nền kinh tế toàn cầu đang đứng trước nhiều thách thức nhanh chóng, khó lường. Năm 2023, World Bank dự báo triển vọng tăng trưởng GDP toàn cầu đạt 1,7%, thấp nhất trong gần 3 thập kỷ qua; IMF đưa ra dự báo lạc quan hơn ở mức 2,9%, tuy nhiên, vẫn thấp hơn đáng kể so với mức 3,4% ước tính của năm 2022. Bên cạnh đó, UNCTAD cho biết dòng vốn ĐTNN đã có dấu hiệu bão hòa và chững lại kể từ giữa năm 2022 và có thể giảm hoặc đi ngang trong năm 2023 so với mức phục hồi tích cực của năm 2021.

Thực tế tại Việt Nam, tình hình thu hút ĐTNN đã bắt đầu gặp nhiều khó khăn trong giai đoạn qua, với tổng vốn ĐTNN năm 2022 đạt 27,72 tỷ USD, chỉ bằng 89% so với năm 2021³⁸ và bắt đầu thể hiện xu hướng giảm theo từng quý. Riêng tháng 1 năm 2023, vốn ĐTNN đăng ký đạt gần 1,69 tỷ USD, vốn thực hiện ước đạt 1,35 tỷ USD, giảm lần lượt 19,8% và 16,3% so với cùng kỳ năm 2022.

3. Tác động đến kế hoạch mở rộng đầu tư của các dự án hiện hữu

Việc mở rộng đầu tư của các dự án hiện hữu cũng có nguy cơ giảm sút (trong khi Việt Nam đặt mục tiêu vốn thực hiện 20 - 30 tỉ USD/năm cho giai đoạn 2021 - 2025; 30 - 40 tỉ USD/năm cho giai đoạn 2026 - 2030). Nguyên nhân do rất nhiều dự án quy mô lớn đang thuộc ngành công nghệ cao, ngành ưu đãi đầu tư với mức thuế suất thấp hơn 15%. Nếu áp dụng mức thuế tối thiểu toàn cầu là 15%, thì những lợi ích mang lại từ chính sách ưu đãi thuế mà các công ty này được hưởng tại Việt Nam sẽ không còn nữa, từ đó ảnh hưởng đến tính hấp dẫn của thị trường Việt Nam trong thu hút đầu tư nước ngoài.

Trên thực tế, trong thời gian qua, nhiều tín hiệu cho thấy rằng các tập đoàn, nhà đầu tư lớn đã bộc lộ quan điểm thận trọng đối với hoạt động đầu tư mới cũng như kế hoạch mở rộng đầu tư tại Việt Nam vì một số lý do khách quan và chủ quan, trong đó có việc Việt Nam vẫn chưa có động thái rõ ràng về việc triển khai quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu. Ví dụ: **(i)** tháng 12 năm 2022, Tập đoàn LG (Hàn Quốc) tạm dừng kế hoạch đầu tư mở rộng nhà máy trị giá 5 tỉ USD tại Việt Nam; **(ii)** quá trình đàm phán chính sách kéo dài đã ảnh hưởng đến tiến độ mở rộng đầu tư của Tập đoàn Intel (Hoa Kỳ); **(iii)** Tập đoàn GenX (Hoa Kỳ) tuyên bố tạm dừng hoạt động khảo sát và rút khỏi thị trường Việt Nam do gặp nhiều vướng mắc về chính sách. Ngoài ra, các nhà đầu tư Hàn Quốc như Samsung, SK, một số đối tác gia công sản xuất (OEM) của Apple và các nhà đầu tư Nhật Bản, vốn đã cẩn thận trong quá trình đầu tư, cũng bày tỏ quan điểm quan ngại rằng về khả năng mất đi sự hấp dẫn của môi trường đầu tư dẫn đến việc mất lợi thế cạnh tranh trong thu hút đầu tư, đồng thời mất đi khoản

³⁷ Mục 3 Phần II Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.

³⁸ Thời điểm các nước G20 tán thành thỏa thuận thuế tối thiểu toàn cầu.

thu thuế hợp lý đáng kể nếu Việt Nam không có những quyết sách phù hợp để triển khai và ứng phó với các tác động của quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu.

Qua thống kê, hiện nay có khoảng 335 dự án có số vốn đầu tư đăng ký trên 100 triệu USD³⁹ hoạt động đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tại các khu kinh tế và khu công nghiệp và đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn 15%, trong đó, thường là các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ cao (như Samsung, Intel, LG, Bosch, Sharp, Panasonic, Foxconn, Pegatron...) (*danh sách tại Phụ lục III xin gửi kèm theo*). Theo đó, tuy chỉ chiếm khoảng 1% số dự án nhưng tổng vốn đầu tư đăng ký của các loại dự án này lại chiếm gần 30% tổng vốn FDI tại Việt Nam (đạt khoảng 131,3 tỷ USD). Với việc hưởng các ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức 15%, đây là các dự án có khả năng sẽ bị ảnh hưởng khi thuế tối thiểu toàn cầu được áp dụng. Do thuế tối thiểu toàn cầu sẽ chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có doanh thu hợp nhất toàn cầu trên 750 triệu EUR, trong thời gian tới, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ phối hợp cùng Bộ Tài chính để rà soát và có thống kê cụ thể về số lượng các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam bị ảnh hưởng khi thuế tối thiểu toàn cầu được áp dụng.

4. Khả năng xung đột với nguyên tắc bất hồi tố với ưu đãi đầu tư

Luật Đầu tư nước ngoài trước đây và Luật Đầu tư hiện hành của Việt Nam luôn nhất quán nguyên tắc bất hồi tố đối với các ưu đãi đầu tư đã được cấp, hoặc đã cam kết với nhà đầu tư khi bắt đầu triển khai dự án tại Việt Nam. Theo đó, “trường hợp văn bản pháp luật mới được ban hành quy định ưu đãi đầu tư thấp hơn ưu đãi đầu tư mà nhà đầu tư được hưởng trước đó thì nhà đầu tư được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư theo quy định trước đó cho thời gian hưởng ưu đãi còn lại của dự án đầu tư”⁴⁰.

Trong trường hợp Việt Nam điều chỉnh mức thuế suất ưu đãi lên mức tối thiểu 15% mà không có các giải pháp, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư mới thì sẽ xung đột với nguyên tắc bất hồi tố đối với ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư.

5. Niềm tin của các nhà đầu tư giảm sút

Việc giữ nguyên ưu đãi cho các dự án đã cấp trước đó⁴¹, về nguyên tắc sẽ không ảnh hưởng đến cam kết của Việt Nam với nhà đầu tư; nhưng *nếu không có giải pháp, thì mức ưu đãi này sẽ là vô nghĩa với họ (vì vẫn phải nộp mức chênh lệch tại quốc*

³⁹ (i) Từ 100 – 200 triệu USD: 184 dự án với tổng VĐTĐK đạt 24,3 tỷ USD; (ii) Từ 200 – 500 triệu USD: 108 dự án với tổng VĐTĐK đạt 30 tỷ USD; (iii) từ 500 triệu USD đến 1 tỷ USD: 18 dự án với tổng VĐTĐK đạt 11,16 tỷ USD; và (iv) trên 1 tỷ USD: 25 dự án với tổng VĐTĐK đạt 65,8 tỷ USD.

⁴⁰ Khoản 2 Điều 13 Luật Đầu tư năm 2020.

⁴¹ Trụ cột 2 không quy định các nước phải nâng mức thuế TNDN lên 15% mà chỉ đưa ra cơ chế để thu thuế trong trường hợp các tập đoàn đa quốc gia có công ty con nộp thuế dưới mức 15% tại một quốc gia này sẽ bị đánh thuế bổ sung lên mức 15% ở quốc gia có công ty mẹ để đảm bảo đạt mức thuế suất tối thiểu toàn cầu.

gia đặt trụ sở). Qua đó, ảnh hưởng đến mức độ “thiện chí đồng hành” của Việt Nam với cộng đồng nhà đầu tư, dễ bị gắn với hình ảnh “đem con bỏ chợ”.

6. Gia tăng áp lực đối với công tác quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài

Công tác quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài, đặc biệt trong công tác thu thuế đối với các công ty đa quốc gia trước mắt sẽ có những khó khăn do: **(i)** yêu cầu phải có hệ thống hành lang pháp lý hoàn chỉnh, nguồn nhân lực và hạ tầng công nghệ phát triển để có thể rà soát, bóc tách từng giao dịch, xác định chính xác, đầy đủ từng loại doanh thu, lợi nhuận của các công ty đa quốc gia; **(ii)** việc kết nối hệ thống cơ sở dữ liệu, thu thập, trao đổi thông tin giữa các cơ quan chức năng trong và ngoài nước phục vụ công tác quản lý thuế các công ty đa quốc gia còn hạn chế; **(iii)** mức độ hoàn thiện các quy trình quản lý chưa được đồng bộ, mức độ liên kết và tích hợp giữa các quy trình nghiệp vụ chưa cao do chưa có mô hình tổng thể tái thiết kế các quy trình nghiệp vụ theo luồng công việc gắn kết với ứng dụng công nghệ thông tin; **(iv)** chất lượng nguồn nhân lực, các phương pháp, kỹ năng thanh tra, kiểm tra chưa theo kịp với sự phát triển nhanh chóng của các công ty đa quốc gia và các mô hình kinh doanh mới⁴².

⁴² Ví dụ như trong trường hợp Amazon, có vốn hóa thị trường hơn 1.000 tỷ USD, doanh thu ròng năm 2020 đạt hơn 380 tỷ USD nhưng tỷ suất lợi nhuận chỉ đạt 6,3%. Mặc dù vậy, mảng kinh doanh dịch vụ điện toán đám mây của công ty này với doanh thu 45 tỷ USD trong năm 2020 vẫn đạt tỷ suất lợi nhuận trên 30%.

PHẦN IV

XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NHÀ ĐẦU TƯ TRONG BỐI CẢNH THỰC THI THUẾ TỐI THIỂU TOÀN CẦU TẠI VIỆT NAM

I. Một số khuyến nghị của OECD trong việc áp dụng thuế suất thuế tối thiểu toàn cầu (Trụ cột 2)

1. Thu thuế bổ sung

Thỏa thuận thuế tối thiểu toàn cầu⁴³ gồm 02 trụ cột: (1) Trụ cột 1 là phân bổ thuế đối với hoạt động kỹ thuật số (phân bổ lại quyền đánh thuế đối với các công ty đa quốc gia giữa nơi đặt trụ sở chính và nơi hoạt động kinh doanh); (2) Trụ cột 2 đặt ra mức thuế doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu 15% đối với các công ty đa quốc gia nhằm ngăn các công ty này chuyển lợi nhuận sang quốc gia có thuế suất thấp để tránh thuế.

Trụ cột 2 áp dụng với các công ty đa quốc gia có doanh thu hợp nhất toàn cầu hàng năm từ 750 triệu EUR (tương đương khoảng 870 triệu USD) trong ít nhất 2 năm trong giai đoạn 4 năm liền kề trước năm soát xét và dự kiến có hiệu lực từ năm 2024 tại một số quốc gia. Trụ cột 2 gồm 03 quy tắc cốt lõi: (1) Cho phép các nước áp dụng mức thuế bổ sung với các công ty mẹ nếu thuế suất áp dụng trên lợi nhuận của các công ty con ở nước ngoài thấp hơn 15%; (2) Cho phép một quốc gia từ chối khấu trừ thuế đối với các khoản thanh toán xuyên biên giới giữa công ty mẹ với các công ty con nếu các khoản thanh toán đó không chịu thuế ở mức thuế suất 15%; (3) Cho phép nước nguồn phát sinh thu nhập được quyền đánh thuế ở mức thuế suất tối thiểu 9% đối với một số khoản thanh toán nhất định (dự kiến bao gồm: lãi tiền vay, tiền bản quyền và một số khoản thanh toán khác) cho bên liên kết chịu thuế ở dưới mức thuế suất tối thiểu 9% này.

Các quy tắc Trụ cột 2 *không bắt buộc các quốc gia phải triển khai ngay lập tức* việc nội luật hóa để áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu. Tuy nhiên, việc *chậm trễ* nội luật hóa để áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu sẽ làm *mất đi quyền đánh thuế*. Do đó, tại bản hướng dẫn hành chính để giải thích và áp dụng các quy tắc trong Trụ cột 2⁴⁴, OECD khuyến nghị các quốc gia nhận đầu tư cân nhắc áp dụng quy tắc Thuế Bổ sung Tối thiểu Nội địa Đạt chuẩn (QDMTT) để giành quyền ưu tiên thu thuế bổ sung

⁴³ Tên đầy đủ của Thỏa thuận thuế tối thiểu toàn cầu là “Giải pháp Hai trụ cột nhằm giải quyết các thách thức thuế quan phát sinh trong quá trình số hóa nền kinh tế” được Bộ trưởng Tài chính và Thống đốc Ngân hàng trung ương của G20 thông qua ngày 9/7/2021; có trong Khung giải pháp Hai trụ cột để giải quyết các thách thức phát sinh từ nền kinh tế kỹ thuật số được Diễn đàn “Hợp tác toàn cầu về xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận” tuyên bố ngày 8/10/2021 với sự đồng thuận của 136 nước thành viên (bao gồm Việt Nam) và được các nước G20 tán thành ngày 31/10/2021 tại Rome (Ý).

⁴⁴ Bản hướng dẫn hành chính để giải thích và áp dụng các quy tắc trong Trụ cột 2 của OECD ban hành ngày 01/02/2023. (<https://www.oecd.org/tax/beps/agreed-administrative-guidance-for-the-pillar-two-globe-rules.pdf>)

đối với đối tượng có mức thuế suất hiệu quả dưới 15%, trước khi phần thuế này được thu bởi các quốc gia khác (quốc gia của Công ty mẹ).

Bộ Tài chính đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ Đề án về việc áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu tại Việt Nam, trong đó đề xuất áp dụng quy tắc QDMTT đối với doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thuộc đối tượng Trụ cột 2; phần thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung theo quy định QDMTT được nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

2. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

OECD đưa ra báo cáo về rà soát ưu đãi thuế trong bối cảnh thực thi thuế tối thiểu toàn cầu⁴⁵, theo đó đã phân tích các biện pháp ưu đãi như Trợ cấp bằng tiền mặt (cash grant) và Giảm trừ thuế có thể được hoàn lại đạt chuẩn (Qualified Refundable Tax Credit) sẽ không bị ảnh hưởng bởi các quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu. Tuy nhiên, OECD cũng lưu ý các quốc gia cần cân nhắc ảnh hưởng về ngân sách nếu sử dụng các biện pháp hỗ trợ này.

Ngoài ra, OECD cũng khuyến nghị việc xây dựng chính sách ưu đãi đầu tư mới trong bối cảnh thực thi thuế tối thiểu toàn cầu phải tuân thủ nguyên tắc tách biệt giữa việc **thu** thuế bổ sung và **chi** ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, đảm bảo không có sự liên quan giữa đối tượng nộp thuế bổ sung theo cơ chế thuế tối thiểu toàn cầu với đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư mới. Theo đó, OECD không ngăn cấm các quốc gia thực hiện các cải cách về ưu đãi thuế, tuy nhiên để không vi phạm nguyên tắc về không cung cấp các khoản lợi ích có liên quan, các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư phải đảm bảo các yếu tố sau: **(i)** Được cung cấp không chỉ cho doanh nghiệp là đối tượng bị ảnh hưởng theo Quy tắc Mẫu của Trụ cột 2. Theo đó, doanh nghiệp khi đáp ứng được các tiêu chí của chính sách đều có thể được hưởng bất kể doanh nghiệp đó đóng hay không đóng thuế bổ sung nội địa; **(ii)** Việc thiết lập các tiêu chí cũng cần rõ ràng để xác định việc hưởng trợ cấp không nhằm mục đích đền bù, đối trừ nghĩa vụ do thực hiện các Quy tắc mẫu của Trụ cột 2; **(iii)** Tận dụng các chính sách đã được ban hành trước khi OECD bắt đầu thảo luận về Quy tắc mẫu của Trụ cột 2 cũng có thể được xem xét là biện pháp hạn chế các rủi ro vi phạm quy tắc của OECD.

II. Phản ứng chính sách của một số nước về áp dụng chính sách ưu đãi đầu tư, thuế tối thiểu toàn cầu (Trụ cột 2)

1. Hiện nay, cơ chế chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư được căn cứ theo 03 hình thức: **(i)** dựa trên lợi nhuận, **(ii)** dựa trên chi phí và **(iii)** một số hình thức khác.

(1) Ưu đãi dựa trên thu nhập (ưu đãi về thuế suất và miễn giảm thuế suất) được áp dụng tương đối phổ biến tại các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt

⁴⁵ OECD ban hành vào tháng 10/2022: (https://www.oecd-ilibrary.org/taxation/tax-incentives-and-the-global-minimum-corporate-tax_25d30b96-en)

Nam. Hình thức này có ưu điểm dễ quản lý⁴⁶; không phát sinh các khoản phải hoàn trả từ ngân sách nhà nước; dễ thu hút các dự án đầu tư mới và phát sinh lợi nhuận sớm ở giai đoạn đầu.

Tuy nhiên, việc ưu đãi dựa trên thu nhập sẽ làm phát sinh hiện tượng trốn, tránh thuế, chuyển giá (thông qua giao dịch liên kết); không hấp dẫn với dự án đầu tư mở rộng⁴⁷; làm gia tăng các trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư khi hết giai đoạn ưu đãi để thành lập dự án mới, hoặc chuyển đầu tư sang quốc gia khác để hưởng ưu đãi đầu tư mới.

(2) *Ưu đãi dựa trên chi phí* (trợ cấp đầu tư; hỗ trợ một số chi phí như nghiên cứu và phát triển, đầu tư cơ sở hạ tầng; khấu trừ số thuế phải nộp; hỗ trợ bằng tiền). Hình thức này thường được các quốc gia phát triển áp dụng⁴⁸.

Ưu điểm của hình thức này là giúp doanh nghiệp giảm chi phí đầu tư, qua đó thúc đẩy hoạt động đầu tư dài hạn và khuyến khích mở rộng đầu tư; hạn chế tình trạng doanh nghiệp đầu tư ngắn hạn rồi chấm dứt hoạt động hoặc chuyển dịch đầu tư sau khi hết ưu đãi; giảm tình trạng trốn/tránh thuế; góp phần thúc đẩy phát triển ngành, lĩnh vực ưu tiên.

Tuy nhiên, việc áp dụng chính sách ưu đãi này sẽ tác động lên ngân sách nhà nước do phát sinh việc chi trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không có lợi nhuận; đồng thời có thể làm gia tăng chi phí quản lý nhà nước (bao gồm chi phí liên quan đến việc thực thi chính sách của các cơ quan quản lý nhà nước và quản lý việc tuân thủ của người nộp thuế), cũng như yêu cầu phải nâng cao năng lực quản trị của các cơ quan thực thi chính sách.

(3) Ngoài 02 hình thức nêu trên, một số quốc gia áp dụng một số *hình thức ưu đãi khác*, như: tăng chi phí được trừ (cho trừ thêm một số chi phí, hoặc siêu khấu trừ như khấu trừ 200% chi phí thực chi), khấu hao nhanh.

(Cơ chế chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư của một số quốc gia trên thế giới tại Phụ lục IV)

2. Khi áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu (Trụ cột 2), thì việc áp dụng chính sách miễn/giảm thuế hay thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp không còn nhiều tác dụng do phát sinh thêm thuế phải nộp bổ sung. Do đó, các giải pháp liên quan

⁴⁶ Vì thông thường sẽ được kê khai khi quyết toán thuế cuối năm, đồng thời không phát sinh các khoản phải trả trước từ ngân sách.

⁴⁷ Do chính sách ưu đãi với dự án đầu tư mở rộng có thể thấp hơn so với đầu tư mới

⁴⁸ (1) *Hoa Kỳ*: khấu trừ thuế (tương ứng với 25% vốn đầu tư) cho các doanh nghiệp đầu tư sản xuất chất bán dẫn; (2) *Anh*: (i) khấu trừ khỏi lợi nhuận trước thuế 100% vốn đầu tư trong năm hoặc 18% vốn đầu tư trong nhiều năm cho doanh nghiệp đầu tư sản xuất máy tính để bàn, màn hình; (ii) Hỗ trợ tiền trợ cấp tương đương 13% vốn đầu tư cho doanh nghiệp có dự án thực hiện có mục đích nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ tiên tiến; (3) *Ấn Độ*: trợ cấp tiền mặt cho sản xuất điện thoại di động (được tính bằng phần tăng doanh thu so với năm trước của sản phẩm điện thoại smartphone / điện thoại phổ thông có giá bán).

đến đến ưu đãi dựa trên chi phí⁴⁹ nhằm hỗ trợ doanh nghiệp chịu ảnh hưởng bởi Trụ cột 2 đang được nhiều quốc gia nghiên cứu và cân nhắc.

Như đã nêu ở trên, theo hướng dẫn của OECD tại *Báo cáo Ưu đãi thuế và Thuế thu nhập toàn cầu – Cân nhắc lại ưu đãi thuế sau Quy định GloBe* tháng 10/2022, hình thức ưu đãi chi phí theo Trợ cấp trực tiếp hoặc Cản trừ thuế có thể hoàn lại đạt chuẩn (Qualified Refundable Tax Credit – QRTC) là hình thức ưu đãi sẽ mang lại lợi ích cho doanh nghiệp.

Đối với phương án tăng chi phí được trừ, theo nghiên cứu, biện pháp này không có tác dụng hỗ trợ thiết thực cho doanh nghiệp vì bản chất sẽ tác động vào thu nhập và do đó sẽ làm phát sinh thêm thuế phải nộp bổ sung theo công thức tính toán thuế suất hiệu quả (ETR) của thuế tối thiểu toàn cầu. Phương án khấu hao nhanh, không bị ảnh hưởng bởi Trụ cột 2 nhưng cũng không có tác dụng hỗ trợ thiết thực.

3. Theo tính toán của OECD⁵⁰, khi áp dụng Trụ cột 2, tổng nguồn thu thuế toàn cầu từ các công ty đa quốc gia sẽ tăng lên khoảng 220 tỷ Đô la Mỹ; các nước phát triển được dự tính sẽ nhận được nguồn thu tăng thêm đột biến là 19% doanh thu thuế tăng thêm, trong khi các nước đang phát triển chỉ thu thêm 2%. Riêng nhóm G7 dự kiến sẽ chiếm 58% doanh thu tăng thêm từ thuế tối thiểu với Hoa Kỳ chiếm 28%.

Với tiềm năng và lợi ích nêu trên, hầu hết các nước phát triển, nhất là các thành viên G20/OECD⁵¹ đã công bố kế hoạch áp dụng hoặc hoàn thành quy trình nội luật để áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu nhằm thu thuế bổ sung từ các tập đoàn đa quốc gia bắt đầu từ năm tài chính 2024. Tuy nhiên, việc xây dựng các văn bản hướng dẫn cũng đang được các quốc gia triển khai thận trọng⁵².

Trong khi đó, hầu hết các quốc gia đang phát triển vẫn đang trong quá trình nghiên cứu, tham vấn kỹ lưỡng trước khi đưa ra chính sách cụ thể. Phản ứng chính sách của các nước thuộc nhóm này có thể chia thành 02 loại như sau:

a) Các quốc gia/vùng lãnh thổ đang áp dụng chính sách ưu đãi dựa trên chi phí (Ấn Độ, Trung Quốc, Thái Lan, Singapore, Hồng Kông)

Chính sách ưu đãi dựa trên chi phí của các quốc gia/vùng lãnh thổ gồm Trợ cấp tiền mặt và Cản trừ thuế; chỉ áp dụng cho một số nhóm đối tượng phù hợp với định hướng thu hút đầu tư và hỗ trợ phát triển (dự án đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, sử dụng công nghệ mới, công nghệ cao; các dự án đầu tư thuộc lĩnh

⁴⁹ Ưu đãi bằng tiền có thể theo diện hỗ trợ một phần chi phí của nhà đầu tư như chi phí sản xuất, chi phí đầu tư tài sản cố định (cơ sở vật chất, máy móc nhà xưởng...), hoặc đầu tư vào nghiên cứu và phát triển.

⁵⁰ <https://www.oecd.org/tax/beps/economic-impact-assessment-presentation-january-2023.pdf>.

⁵¹ Đặc biệt là Hoa Kỳ, Anh, EU, Hàn Quốc, Nhật Bản.

⁵² Ví dụ, Hàn Quốc là quốc gia đầu tiên nội luật hóa về thuế tối thiểu toàn cầu hiện đang cân nhắc điều chỉnh thời điểm áp dụng và trì hoãn việc xây dựng văn bản hướng dẫn do doanh nghiệp và hiệp hội doanh nghiệp trong nước đang có ý kiến cho rằng việc nội luật hóa quá sớm sẽ gây bất lợi cho doanh nghiệp.

vực ưu tiên như điện thoại di động thông minh, điện tử, y tế...; dự án xanh; dự án thuộc địa bàn ưu tiên. Đồng thời việc Trợ cấp tiền mặt và Cán trừ thuế được xác định theo tỷ lệ nhất định một số loại chi phí chủ yếu của doanh nghiệp (chi phí đầu tư tài sản cố định; nhân công; nghiên cứu và phát triển; nguyên vật liệu...).

Trên cơ sở nền tảng chính sách hiện có, theo dự đoán, các nước này sẽ tiếp tục nghiên cứu để điều chỉnh hoặc mở rộng chính sách để các khoản trợ cấp/cán trừ hướng đến đúng đối tượng, nhất là trong bối cảnh việc áp dụng QDMTT sẽ đem lại một nguồn thu lớn và đây là cơ sở để mở rộng chính sách ưu đãi dựa trên chi phí hiện có.

b) Các quốc gia đang áp dụng chính sách ưu đãi dựa trên lợi nhuận (Việt Nam, Malaysia, Philippines)

Do chưa có kinh nghiệm nên các quốc gia này nghiên cứu, cân nhắc đưa ra một hệ thống chính sách ưu đãi mới để đáp ứng quy tắc của thuế tối thiểu toàn cầu; không nêu cụ thể nhóm doanh nghiệp bị tác động bởi thuế tối thiểu toàn cầu do sẽ vi phạm các nguyên tắc của OECD. *Đến nay, các quốc gia này chưa đưa ra những biện pháp ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cụ thể.*

III. Thực trạng chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư tại Việt Nam

1. Chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư của Việt Nam được quy định tại Chương III Luật Đầu tư 2020 và Chương III Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. Mức ưu đãi cụ thể đối với từng loại ưu đãi đầu tư áp dụng theo quy định của pháp luật về thuế, kế toán và đất đai.

2. Hình thức ưu đãi đầu tư là miễn, giảm thuế, áp dụng theo tiêu chí lĩnh vực, địa bàn và các đối tượng mà Nhà nước khuyến khích phát triển. Các ưu đãi này đang được đánh giá là có tính cạnh tranh trong khu vực.

(Chi tiết tham khảo tại Phụ lục V kèm theo)

3. Các hình thức hỗ trợ đầu tư⁵³ bao gồm:

- Hỗ trợ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào dự án đầu tư;
- Hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực;
- Hỗ trợ tín dụng;
- Hỗ trợ tiếp cận mặt bằng sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ cơ sở sản xuất, kinh doanh di dời theo quyết định của cơ quan nhà nước;
- Hỗ trợ khoa học, kỹ thuật, chuyển giao công nghệ;

⁵³ Khoản 1 Điều 18 Luật Đầu tư.

- Hỗ trợ phát triển thị trường, cung cấp thông tin;
- Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển.

Khoản 2 Điều 18 Luật Đầu tư quy định: “*Căn cứ định hướng phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ, Chính phủ quy định chi tiết các hình thức hỗ trợ đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này⁵⁴ đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp đầu tư vào giáo dục, phổ biến pháp luật và các đối tượng khác.*”

So với các nước trong khu vực và trên thế giới, các hình thức hỗ trợ đầu tư tại Việt Nam được quy định tương đối đầy đủ tại Luật Đầu tư. Tuy nhiên, thực tế hiện nay, *việc triển khai áp dụng hỗ trợ đầu tư còn nhiều khó khăn và chưa khả thi*, do chưa có sự thống nhất giữa các quy định pháp luật. Cụ thể, pháp luật về ngân sách *chưa có quy định cụ thể về việc chi ngân sách* cho các hỗ trợ đầu tư quy định tại Điều 18 Luật Đầu tư.

Bên cạnh đó, như phân tích tại Mục III văn bản này, để đem lại lợi thế cạnh tranh, một số quốc gia trên thế giới hiện đang áp dụng hình thức hỗ trợ đầu tư mới được các nhà đầu tư quan tâm và đánh giá cao (cụ thể: hỗ trợ dựa trên chi phí đầu tư, hỗ trợ về chi phí sản xuất sản phẩm ưu tiên và hỗ trợ về chi phí nghiên cứu và phát triển⁵⁵). Tuy nhiên, các hình thức hỗ trợ đầu tư dựa trên chi phí đầu tư và chi phí sản xuất sản phẩm ưu tiên này chưa được pháp luật Việt Nam quy định.

Về cách thức hỗ trợ, các khoản hỗ trợ đầu tư có thể được cân trừ vào nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp hoặc sẽ được chi trả trực tiếp bằng tiền trích từ ngân sách nhà nước. Nội dung này cũng chưa được quy định cụ thể trong pháp luật về ngân sách nhà nước tại Việt Nam.

IV. Tác động và một số vấn đề đặt ra đối với Việt Nam khi áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu (Trụ cột 2)

1. Thuế tối thiểu toàn cầu (Trụ cột 2) là sự thay đổi căn bản về cấu trúc thuế quốc tế, được thiết kế nhằm hạn chế việc giảm chuyển dịch lợi nhuận và cạnh tranh về thuế của các tập đoàn đa quốc gia và cạnh tranh “xuống đáy” về thuế của các quốc gia. Như đã báo cáo ở trên, trong khi các nước phát triển đang khẩn trương và chủ động áp dụng quy tắc này thì các nước đang phát triển đang cân nhắc kỹ lưỡng bài toán tăng nguồn thu (thông qua áp dụng cơ chế QDMTT) nhưng vẫn phải đảm bảo tiếp tục cạnh tranh thu hút đầu tư (thông qua việc ban hành các hình thức ưu đãi mới phù hợp).

2. Hiện nay, chính sách ưu đãi về tài chính của Việt Nam tập trung vào 03 lĩnh vực: **(i)** Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, **(ii)** Ưu đãi về thuế xuất nhập

⁵⁴ Quy định về hình thức hỗ trợ đầu tư.

⁵⁵ Nội dung hỗ trợ về chi phí nghiên cứu và phát triển đã được quy định tại Khoản 1 Điều 18 Luật Đầu tư.

khẩu và **(iii)** Ưu đãi về tài chính đất đai. Trong đó, ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các quy tắc tính thuế bổ sung thuế tối thiểu toàn cầu.

Chính sách ưu đãi thuế thu nhập gồm ưu đãi về thuế suất và ưu đãi về thời gian miễn, giảm thuế, trong đó gói ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cao nổi bật đối với một dự án gồm: thuế suất 10% trong 15 năm, miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Về cơ bản, điều kiện để được hưởng ưu đãi thuế là phải đáp ứng tiêu chí về địa bàn ưu đãi, lĩnh vực ưu đãi, hoặc có quy mô lớn dựa trên vốn đầu tư kèm điều kiện về thời gian giải ngân, doanh thu hoặc lao động sử dụng.

Đặc biệt, năm 2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg quy định về ưu đãi đầu tư đặc biệt đối với các dự án đầu tư có tác động lớn đến phát triển kinh tế xã hội, trong đó bao gồm các dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 10.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm sẽ được hưởng mức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp tối đa là miễn thuế 6 năm, giảm 50% số thuế trong 13 năm, và thuế suất ưu đãi 5% trong 37 năm, tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của dự án.

Khi Trụ cột 2 được áp dụng với mức thuế tối thiểu toàn cầu 15% (cho dù Việt Nam có lựa chọn áp dụng hay không), thì **ưu đãi** thuế thu nhập doanh nghiệp đang áp dụng tại Việt Nam **sẽ không còn ý nghĩa**; dẫn đến Việt Nam sẽ không còn cạnh tranh trong thu hút, giữ chân các doanh nghiệp thuộc đối tượng này⁵⁶.

3. Bên cạnh phương án trợ cấp bằng tiền hoặc giảm trừ thuế có thể được hoàn lại đạt chuẩn, một số phương án khác có thể được cân nhắc như: áp dụng thuế suất thuế ưu đãi với mức 15% suốt đời dự án; khấu trừ thêm chi phí, hoặc ưu đãi các loại thuế khác (giảm thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân...). Tuy nhiên, các phương án này sẽ không mang lại hiệu quả cao trong bối cảnh áp dụng Trụ cột 2 do việc áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu sẽ tác động trực tiếp đến phương án tài chính của doanh nghiệp đang hưởng ưu đãi theo thu nhập tại Việt Nam; đồng thời, số doanh nghiệp loại này tương đối nhiều, trong số đó nhiều doanh nghiệp có quy mô vốn đầu tư và lợi nhuận lớn (hàng tỷ đô la Mỹ). Trong khi đó, phương án ưu đãi các loại thuế khác là không đáng kể đối với tác động tài chính của thuế bổ sung theo cơ chế thuế tối thiểu toàn cầu.

Các hình thức như tăng mức chi phí được trừ khi tính thu nhập chịu thuế cũng sẽ không có tác dụng hỗ trợ thiết thực cho doanh nghiệp do về bản chất sẽ

⁵⁶ Tùy vào thời gian hoạt động của dự án hoạt động, các dự án này đang hưởng các mức thuế suất ưu đãi khác nhau, tuy nhiên phần nhiều sẽ thấp hơn nhiều so với mức thuế tối thiểu toàn cầu 15%. Theo đó, khi các quốc gia khác, đặc biệt là các quốc gia của Công ty mẹ của các doanh nghiệp này áp dụng quy tắc Thuế tối thiểu toàn cầu, các doanh nghiệp này sẽ chịu thiệt hại nặng nề do phần Thuế bổ sung nộp tại quốc gia của công ty mẹ đối với phần chênh lệch giữa mức thuế suất hiệu quả khi đang hưởng ưu đãi tại Việt Nam và thuế suất tối thiểu 15%.

tác động vào thu nhập của doanh nghiệp và khi đó sẽ phát sinh thêm thuế phải nộp bổ sung theo công thức tính toán thuế suất hiệu quả (ETR) của thuế tối thiểu toàn cầu.

Như đã nêu ở trên, theo đánh giá của các tổ chức quốc tế và kết quả thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam trong thời gian qua cho thấy, cơ chế chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư của nước ta tương đối cạnh tranh so với các nước trong khu vực. Theo số liệu của Bộ Tài chính, nếu tính doanh thu hợp nhất năm 2021, hiện chỉ có 619 Tập đoàn đa quốc gia (*khoảng 1.017 công ty thành viên tại Việt Nam*), trong đó chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất thuộc phạm vi điều chỉnh của thuế tối thiểu toàn cầu⁵⁷.

Theo số liệu quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022, Tổng cục Thuế tính toán sơ bộ có khoảng 122 Tập đoàn nước ngoài đầu tư vào Việt Nam chịu ảnh hưởng của Thuế tối thiểu toàn cầu nếu Thuế tối thiểu toàn cầu được áp dụng từ năm 2024 (sau khi đã loại trừ các trường hợp không phải áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu⁵⁸) (chi tiết tại Phụ lục VI).

Do đó, *trong ngắn hạn*, các ưu đãi về thuế hiện nay vẫn có thể là công cụ để thu hút đầu tư đối với nhóm doanh nghiệp không thuộc đối tượng áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu. *Về dài hạn*, cần đánh giá sự hiệu quả và tính cạnh tranh của các quy định về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư hiện hành để đề xuất, xây dựng các giải pháp thu hút đầu tư mới nhằm tăng cường sức cạnh tranh và hấp dẫn của môi trường đầu tư tại Việt Nam.

4. Việc áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu (Trụ cột 2) sẽ làm giảm tính cạnh tranh của môi trường đầu tư kinh doanh tại Việt Nam, qua đó làm ảnh hưởng đến mục tiêu thu hút đầu tư nước ngoài, thể hiện trên một số mặt sau: **(i)** Khó khăn trong việc thu hút các dự án đầu tư quy mô lớn, nhất là các dự án thuộc diện đặc biệt khuyến khích đầu tư quy định tại Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, dẫn đến việc Việt Nam khó khăn trong việc phát triển lĩnh vực ưu tiên (công nghệ cao, thân thiện với môi trường, đổi mới sáng tạo); **(ii)** Khó giữ chân các nhà đầu tư lớn và không khuyến khích các doanh nghiệp mở rộng đầu tư kinh doanh tại Việt Nam; **(iii)** Hạn chế trong việc thu hút doanh nghiệp vệ tinh thuộc chuỗi cung ứng của những nhà đầu tư lớn, nhất là doanh nghiệp thuộc lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, công nghệ cao⁵⁹, trong khi hiện nay, số lượng doanh nghiệp này là đáng kể, đóng góp quan trọng đối với phát triển các ngành công nghiệp tại

⁵⁷ Phạm vi áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu là các công ty đa quốc gia đáp ứng ngưỡng doanh thu hợp nhất đạt tối thiểu 750 triệu EUR căn cứ theo báo cáo tài chính của tập đoàn theo từng quốc gia, tính ít nhất 2 năm trong 4 năm liền kề trước năm xem xét.

⁵⁸ Các trường hợp được loại trừ không phải áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu gồm:

- Doanh nghiệp không đạt ngưỡng doanh thu và lợi nhuận.
- Doanh nghiệp có thuế suất thực tế lớn hơn mức tối thiểu 15%.

⁵⁹ Thuộc diện được hưởng ưu đãi miễn thuế 4 năm, giảm thuế 9 năm, thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm.

Việt Nam, nâng cao năng lực của doanh nghiệp Việt Nam và kết nối vào chuỗi giá trị sản xuất của thế giới.

5. Khi áp dụng Trụ cột 2, Việt Nam sẽ: **(i)** Giành được quyền đánh thuế bổ sung đối với các doanh nghiệp thuộc phạm vi Trụ cột 2 đang hoạt động tại Việt Nam và từ các tập đoàn Việt Nam có đầu tư ra nước ngoài, ngăn dòng chảy thuế sang quốc gia khác và bổ sung nguồn thu cho ngân sách nhà nước; **(ii)** Giảm tác động trực tiếp của Trụ cột 2 đối với các Tập đoàn đa quốc gia, từ đó tăng sức cạnh tranh của Việt Nam trong thu hút đầu tư nước ngoài; **(iii)** Là động lực để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi và ban hành chính sách mới, thu hẹp khoảng cách về chính sách giữa nội luật và thông lệ dẫn quốc tế, góp phần thúc đẩy tiến trình phát triển và hội nhập của đất nước; **(iv)** Là cơ hội để rà soát và cập nhật chính sách ưu đãi đầu tư, qua đó không ngừng hoàn thiện môi trường đầu tư kinh doanh tại Việt Nam; **(v)** Thúc đẩy quá trình thực hiện Chiến lược cải cách hệ thống thuế Việt Nam tới năm 2030 theo Quyết định 508/QĐ-TTg ngày 23 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ với 03 trụ cột về: cải cách thể chế quản lý thuế hiệu quả theo hướng hội nhập, trong đó có việc áp dụng đầy đủ các chuẩn mực kiểm toán quốc tế - một vấn đề được công đồng nhà đầu tư nước ngoài đặc biệt quan tâm; phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin hiện đại trong bối cảnh kinh tế số.

6. Thuế suất tối thiểu toàn cầu bao gồm các quy tắc với các thuật ngữ và khái niệm lần đầu được đưa ra, nhiều quy định đang được OECD tiếp tục hoàn thiện; trong khi chính sách ưu đãi đầu tư dựa trên chi phí chưa được pháp luật Việt Nam quy định. Do đó, việc áp dụng Trụ cột 2 cũng như chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư mới sẽ phát sinh các vấn đề thực tiễn như sau:

a) Xác định các doanh nghiệp thuộc phạm vi áp dụng Trụ cột 2

Theo OECD, phạm vi áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu gồm các Tổ chức thành viên thuộc Tập đoàn đa quốc gia có doanh thu hàng năm từ 750 triệu EUR trở lên trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao (UPE) trong ít nhất hai trong số bốn Năm tài chính ngay trước Năm tài chính được xem xét. Đồng thời, OECD cũng quy định cụ thể Tổ chức được loại trừ (không thuộc phạm vi áp dụng Thuế suất tối thiểu toàn cầu)⁶⁰ và Ngưỡng loại trừ tối thiểu (deminimis)⁶¹.

Đây là các quy tắc để xác định doanh nghiệp thuộc phạm vi Trụ cột 2, bao gồm cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc các Tập đoàn đa quốc gia và Tập đoàn của Việt Nam có đầu tư ra nước ngoài (trong trường hợp Việt Nam

⁶⁰ Gồm: cơ quan chính phủ, tổ chức quốc tế, tổ chức phi lợi nhuận, quỹ hưu trí, quỹ đầu tư là Công ty mẹ tối cao, hoặc tổ chức đầu tư bất động sản là Công ty mẹ tối cao, và các tổ chức loại trừ khác theo hướng dẫn của OECD.

⁶¹ Tổ chức thành viên kê khai thuế có thể lựa chọn để Thuế bổ sung của các Tổ chức thành viên tại một nước được coi bằng 0 trong một Năm tài chính nếu Năm tài chính đó có: (a) Doanh thu theo GloBE bình quân tại nước đó dưới 10 triệu EUR; và (b) Thu nhập hoặc Lỗ theo GloBE bình quân tại nước đó là lỗ hoặc dưới 1 triệu EUR.

áp dụng Quy tắc IIR để thu phân Thuế bổ sung (nếu có) của các công ty Việt Nam đầu tư ra nước ngoài).

Như vậy, việc xác định đối tượng doanh nghiệp thuộc phạm vi áp dụng Trụ cột 2 đòi hỏi phải có: **(i)** cơ sở dữ liệu trên phạm vi quốc tế về tổ chức thành viên thuộc các Tập đoàn đa quốc gia có doanh thu hợp nhất hàng năm từ 750 triệu EUR (ít nhất hai trong số bốn Năm tài chính ngay trước); **(ii)** phân loại đối tượng xem có thuộc Tổ chức được loại trừ hay không; **(iii)** xác định có thuộc ngưỡng loại trừ tối thiểu hay không. Theo đó, cơ quan thuế Việt Nam có thể xác định được các đối tượng này thông qua thông tin tại Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia (“CbCR – Country by country report) có chứa các thông tin mức doanh thu hợp nhất của cả Tập đoàn đa quốc gia, danh sách các công ty thành viên...

b) Xác định năm thuộc phạm vi áp dụng

Việc xác định đối tượng áp dụng được thực hiện theo từng năm. Như đã đề cập, tại một Năm tài chính được xem xét, nếu Tập đoàn đa quốc gia có doanh thu hàng năm từ 750 triệu EUR trở lên trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao (UPE) trong ít nhất hai trong số bốn Năm tài chính ngay trước đó, thì tại Năm tài chính đó các Tổ chức thành viên sẽ thuộc phạm vi áp dụng Trụ cột 2.

Theo đó, để xác định đúng công ty thành viên tại Việt Nam thuộc các Tập đoàn đa quốc gia là đối tượng của Trụ Cột 2 sẽ cần dữ liệu thông tin tài chính đầy đủ, chính xác và kịp thời từ công ty mẹ tối cao của các Tập đoàn này. Tuy nhiên, hiện tại Việt Nam chưa có cơ chế trao đổi thông tin với các nước nên cũng sẽ có khó khăn nhất định trong việc tự thu thập và xác định thông tin⁶².

c) Phòng ngừa tranh chấp về ưu đãi đầu tư

Khi áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu, doanh nghiệp đang hưởng ưu đãi thuế hiện hành có khả năng khiếu nại để tiếp tục được hưởng ưu đãi quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã cấp. Theo đánh giá của OECD và các chuyên gia, khả năng nhà đầu tư nước ngoài chứng minh được thiệt hại trong trường hợp này là không cao, do đó khả năng thắng kiện là thấp. Lý do dù Việt Nam không thu thuế bổ sung thì các Tập đoàn đa quốc gia vẫn sẽ phải đóng thuế bổ sung tại quốc gia mẹ. Tuy nhiên, đây cũng là vấn đề cần lưu ý trong việc xây dựng chính sách, đảm bảo tính công bằng, rõ ràng, minh bạch, tránh cơ chế “xin-cho” để phòng ngừa tranh chấp do khiếu nại, khiếu kiện là quyền của nhà đầu tư.

⁶² Ví dụ phải thông qua báo cáo lợi nhuận liên quốc gia, thông tin công khai trên internet của các tập đoàn, yêu cầu các công ty con tự cung cấp...

V. Quan điểm, mục tiêu, yêu cầu và kiến nghị trong việc xây dựng chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư tại Việt Nam khi áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu (Trụ cột 2)

1. Quan điểm xây dựng chính sách

a) Phù hợp với Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 và Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021 - 2030.

b) Đảm bảo lợi ích hài hòa giữa nhà đầu tư và nhà nước trên cơ sở: (i) phù hợp với các quy tắc của OECD; (ii) không vi phạm các cam kết quốc tế; và (iii) phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

2. Mục tiêu, yêu cầu xây dựng chính sách

a) Đảm bảo sức cạnh tranh và hấp dẫn của môi trường đầu tư Việt Nam;

b) Cần có tính chọn lọc, phù hợp với định hướng thu hút đầu tư và phát triển ngành, lĩnh vực, trong đó tập trung ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu;

c) Tác động tối thiểu đến ngân sách nhà nước;

d) Ứng xử bình đẳng giữa các doanh nghiệp, hài hòa cho các đối tượng áp dụng, bao gồm doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu, nhà đầu tư mới (bao gồm cả nhà đầu tư trong nước và nước ngoài);

đ) Phù hợp với quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu thuộc Trụ cột 2 và hướng dẫn của OECD; không vi phạm các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

e) Đảm bảo tính khả thi, dễ thực hiện.

3. Kiến nghị

3.1. Về việc triển khai áp dụng Trụ cột 2

Hiện nay, Bộ Tài chính đã báo cáo Chính phủ⁶³ và Thủ tướng Chính phủ⁶⁴ Đề án về việc áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu tại Việt Nam để giành quyền đánh thuế, trong đó đề xuất xây dựng dự thảo Nghị quyết của Quốc hội để áp dụng Quy tắc QDMTT đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng Trụ cột 2. Từ những nghiên cứu và phân tích, đánh giá tại Mục V.6 văn bản này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có một số lưu ý như sau:

⁶³ Báo cáo số 111/BC-BTC ngày 10/7/2023.

⁶⁴ Báo cáo số 55/BC-BTC ngày 13/4/2023.

Thứ nhất, về cơ sở dữ liệu, Bộ Tài chính cần xây dựng cơ chế thu thập thông tin về (i) Tổ chức thành viên của Tập đoàn đa quốc gia có Công ty mẹ tối cao đặt tại nước ngoài, (ii) Tổ chức thành viên tại nước ngoài của các Tập đoàn đa quốc gia nội địa, để đánh giá và xác định đối tượng thuộc phạm vi áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu theo từng năm, (iii) xây dựng cơ sở dữ liệu để liên tục theo dõi các đối tượng này qua từng năm.

Trên thực tế, việc chủ động thu thập thông tin từ góc độ nước nhận đầu tư là khó. Do đó, Việt Nam cần chủ động đề xuất OECD là đầu mối thu thập và công bố thông tin về các tập đoàn thuộc đối tượng Trụ cột 2, đồng thời sẽ thông báo tới các quốc gia có công ty con thuộc tập đoàn đang hoạt động. Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính sẽ rà soát bổ sung và có thông báo triển khai xuống các Cục thuế địa phương để nắm thông tin và có hỗ trợ kỹ thuật để các doanh nghiệp tính toán nộp bổ sung thuế theo cơ chế QDMTT.

Thứ hai, việc nội luật hóa các quy định của OECD cần nghiên cứu kỹ để đảm bảo thực hiện phù hợp theo hướng dẫn của OECD. Cụ thể, trong các Quy tắc mà OECD đưa ra (IIR, UTPR, QDMTT...), Việt Nam có thể lựa chọn chỉ áp dụng một hoặc một vài quy tắc mà không áp dụng toàn bộ. Tuy nhiên nếu đã lựa chọn áp dụng Quy tắc nào thì cần đảm bảo quy định tại nội luật thống nhất và đạt chuẩn theo hướng dẫn của OECD (về quy tắc, cách thức tính toán, các thuật ngữ kỹ thuật...). Việc xác định các quy định nội luật của Việt Nam có đạt chuẩn hay không cần tiếp tục tham khảo ý kiến của OECD⁶⁵.

Thứ ba, trường hợp Việt Nam đưa ra chính sách ưu đãi đầu tư mới dựa trên chi phí, cần lưu ý chính sách ưu đãi này cần không được xem là tạo ra “lợi ích liên quan” đến các đối tượng thuộc phạm vi nộp thuế bổ sung theo Trụ cột 2, nếu không sẽ ảnh hưởng đến việc triển khai QDMTT. Theo đó chính sách ưu đãi cần độc lập, không liên quan đến đối tượng nộp thuế bổ sung theo cơ chế QDMTT tại Việt Nam. Bộ Tài chính cũng có ý kiến đồng thuận về vấn đề này.

Thứ tư, do các quy định sẽ ảnh hưởng đến nhiều quốc gia, Việt Nam cần chuẩn bị trước trong trường hợp xảy ra các mâu thuẫn, ví dụ cơ chế Việt Nam đưa ra bị một quốc gia khác (ví dụ quốc gia của Công ty mẹ tối cao) coi là không đạt chuẩn (ví dụ cơ chế QDMTT) dẫn đến mâu thuẫn về cách thức tính toán như không cho trừ đi số thuế bổ sung đã nộp tại Việt Nam. Theo đó cần cơ chế trao đổi thông tin và giải quyết các mâu thuẫn nếu phát sinh.

Thứ năm, trong trường hợp áp dụng các quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, có thể phát sinh việc khiếu nại từ phía các doanh nghiệp đang hưởng ưu đãi thuế

⁶⁵ Tại cuộc hội thảo trao đổi với chuyên gia OECD tại Tổng Cục thuế từ ngày 30/5 đến 2/6/2023, các chuyên gia OECD đã có nhiều ý kiến về các thuật ngữ kỹ thuật tại dự thảo Nghị quyết về việc áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu còn chưa phù hợp với các quy tắc của OECD.

hiện hành liên quan đến đảm bảo ưu đãi đầu tư, theo đó Việt Nam cũng cần chuẩn bị cho tình huống này để giải quyết các mâu thuẫn phát sinh.

3.2. Về việc xây dựng chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư mới

a) Để đảm bảo các quan điểm và mục tiêu nêu trên, trên cơ sở thực tiễn chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư và nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất một số nội dung sau:

Thứ nhất, tiếp tục duy trì chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư hiện hành đối với doanh nghiệp không chịu ảnh hưởng của thuế tối thiểu toàn cầu, do đây đang được coi là công cụ hữu hiệu trong thu hút đầu tư và được đánh giá là cạnh tranh so với các nước trong khu vực.

Thứ hai, để nhanh chóng có thêm giải pháp hỗ trợ đầu tư mới khi áp dụng Trụ cột 2 và duy trì sự cạnh tranh của môi trường đầu tư Việt Nam, kiến nghị xem xét việc trình Quốc hội ban hành Nghị quyết thí điểm áp dụng cơ chế hỗ trợ đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁶⁶ vì các lý do sau:

- Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư hiện hành có liên quan đến Luật Đầu tư, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý thuế... Việc rà soát, sửa đổi các Luật nêu trên để có thể áp dụng ngay từ năm 2024 là không khả thi do cần thời gian nghiên cứu, đánh giá tác động.

- Các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư dự kiến ban hành là đề xuất mới, nội dung khác với các quy định hiện hành của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Thuế thu nhập Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan nên cần thử nghiệm trong một thời gian trước khi Luật hoá.

Thứ ba, để đảm bảo phù hợp với hướng dẫn của OECD và hạn chế rủi ro đối với ngân sách nhà nước, việc xây dựng Nghị quyết cần đảm bảo một số nguyên tắc sau: **(i)** Được xây dựng và ban hành độc lập với Nghị quyết của Quốc hội về việc thí điểm áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu; **(ii)** Nội dung tại dự thảo Nghị quyết sẽ quy định các nội dung mang tính chất nguyên tắc, định hướng để có căn cứ triển khai thực hiện các phương thức hỗ trợ đầu tư mới. Việc hướng dẫn chi tiết trong quá trình triển khai sẽ được quy định trong các Nghị định của Chính phủ.

Thứ tư, về dài hạn, cần đánh giá sự hiệu quả và tính cạnh tranh của các quy định về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư hiện hành để đề xuất, xây dựng các giải pháp thu hút đầu tư mới nhằm tăng cường sức cạnh tranh và hấp dẫn của môi trường đầu tư tại Việt Nam.

⁶⁶ Quốc hội ban hành nghị quyết đề quy định thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành;

b) Căn cứ các nội dung nêu trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất nội dung dự thảo Nghị quyết của Quốc hội ban hành thí điểm áp dụng cơ chế hỗ trợ đầu tư có các nội dung chính như sau:

(1) Về đối tượng áp dụng hỗ trợ đầu tư⁶⁷ (danh sách các đối tượng áp dụng tại Phụ lục VII)

- Doanh nghiệp có dự án đầu tư trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm công nghệ cao có quy mô vốn trên 12.000 tỷ đồng hoặc đạt doanh thu trên 20.000 tỷ đồng/năm.

- Doanh nghiệp công nghệ cao có dự án đầu tư có quy mô vốn trên 12.000 tỷ đồng hoặc đạt doanh thu trên 20.000 tỷ đồng/năm.

- Doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao có quy mô vốn trên 12.000 tỷ đồng hoặc đạt doanh thu trên 20.000 tỷ đồng/năm.

- Doanh nghiệp đầu tư dự án trung tâm nghiên cứu và phát triển có quy mô vốn trên 3.000 tỷ đồng

Việc lựa chọn doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao và xây dựng trung tâm nghiên cứu và phát triển là vì: (i) tiêu chí xác định doanh nghiệp cao và doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao đã được quy định tại pháp luật công nghệ cao⁶⁸; (ii) phù hợp với định hướng thu hút đầu tư nước ngoài của Việt Nam⁶⁹ trong thời gian tới.

Quy mô vốn đầu tư hiện nay được quy định tại văn bản pháp luật về đầu tư và thuế, theo đó sẽ có 03 mức 6.000 tỷ đồng⁷⁰, 12.000 tỷ đồng⁷¹ và 30.000 tỷ đồng⁷². Việc lựa chọn quy mô vốn đầu tư trên 12.000 tỷ đồng nhằm mục đích: (i) thu hẹp được đối tượng áp dụng để bảo đảm không bội chi ngân sách cho hỗ trợ đầu tư; (ii)

⁶⁷ Theo rà soát, dự kiến có khoảng 22 doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng, bao gồm: (1) Công ty TNHH Samsung Display Bắc Ninh; (2) Công ty TNHH LG Display Việt Nam Hải Phòng; (3) Công ty TNHH Intel Products Việt Nam; (4) Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên; (5) Công ty TNHH Điện tử Samsung HCMC CE COMPLEX; (6) Công ty TNHH Samsung Electro-Mechanics Việt Nam; (7) Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam; (8) LUXSHARE - ICT (VIETNAM) LIMITED; (9) Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng; (10) Công ty TNHH WINTEK Việt Nam; (11) Công ty TNHH Sản xuất FIRST SOLAR Việt Nam; (12) Công ty TNHH LG INNOTEK Việt Nam Hải Phòng; (13) Công ty TNHH Pegatron Việt Nam; (14) Công ty TNHH FULIAN; (15) Công ty TNHH HANA MICRON VINA; (16) Công ty TNHH Fukang Technology; (17) Công ty Amkor Technology Việt Nam; (18) Công ty TNHH Samsung SDI Việt Nam; (19) Công ty TNHH JABIL Việt Nam (JABIL). (20) Công ty TNHH COMPAL Việt Nam; (21) Công ty TNHH VINA SOLAR TECHNOLOGY; (22) Công ty TNHH Fuhong Precision Component (Bắc Giang).

⁶⁸ Quyết định số 10/2021/QĐ-TTg ngày 16/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao; Thông tư 32/2011/TT-BKHHCN ngày 11/5/2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2020/TT-BKHHCN ngày 28/9/2020)

⁶⁹ (i) Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030; (ii) Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 02/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021-2030.

⁷⁰ Điều 15 Luật Đầu tư 2020.

⁷¹ Khoản 1 Điều 13 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 (sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế năm 2014)

⁷² Điều 20 Luật Đầu tư 2020.

khuyến khích các tập đoàn đa quốc gia có các công ty thành viên tăng vốn đầu tư. Riêng quy mô vốn đầu tư đối với trung tâm nghiên cứu và phát triển cũng đã được quy định tại Điều 20 Luật đầu tư⁷³ (vốn tối thiểu 3.000 tỷ đồng).

Quy định về ưu đãi đầu tư đối với các dự án đầu tư đạt doanh thu trên 20.000 tỷ đồng đã được quy định tại pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp⁷⁴. Đồng thời, với việc áp dụng tiêu chí doanh thu 20.000 tỷ đồng sẽ khuyến khích doanh nghiệp công nghệ cao kinh doanh hiệu quả, sản xuất sản phẩm có giá trị lớn, qua đó thúc đẩy phát triển ngành công nghệ cao tại Việt Nam.

Như vậy, đối tượng áp dụng đã được quy định tại các văn bản pháp luật liên quan, không phải là nội dung mới được quy định sau khi thuế tối thiểu toàn cầu được ban hành. Điều này đảm bảo sự phù hợp với các quy định của OECD.

(2) *Về hình thức hỗ trợ đầu tư:* (i) Hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; (ii) Hỗ trợ chi phí đầu tư tạo tài sản cố định; (iii) Hỗ trợ chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao; và (iv) Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển.

Theo Ngân hàng thế giới⁷⁵, các loại hình đầu tư của nhiều nhà đầu tư được thúc đẩy bởi nhiều yếu tố khác nhau và được đặc trưng bởi những lợi ích, cơ hội và thách thức riêng biệt đối với nền kinh tế của từng quốc gia thu hút. Tuy nhiên, các quốc gia khi xem xét xây dựng chính sách tư có thể xác định bốn loại hình đầu tư dựa trên động cơ của nhà đầu tư bao gồm: (i) Đầu tư tìm kiếm tài nguyên thiên nhiên⁷⁶; (ii) Đầu tư tìm kiếm thị trường trong nước⁷⁷; (iii) Đầu tư tìm kiếm tài sản chiến lược⁷⁸; và (iv) Đầu tư tìm kiếm hiệu quả⁷⁹.

⁷³ Điểm a Khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư

⁷⁴ Khoản 5 Điều 13 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 (sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế năm 2014) quy định việc kéo dài thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi với các dự án có mức doanh thu trên 20.000 tỷ đồng.

⁷⁵ Tại các báo cáo: (i) Why does efficiency-seeking FDI matter (2/2016): <https://blogs.worldbank.org/psd/why-does-efficiency-seeking-fdi-matter>; (ii) What Investors want (3/2018): <https://documents1.worldbank.org/curated/en/168711522241146651/pdf/WPS8386.pdf>; (iii) Investment Motivation Survey (5/2016): <https://documents1.worldbank.org/curated/en/727941530222301892/pdf/Investment-Motivation-Survey.pdf>

⁷⁶ Loại hình đầu tư này xảy ra khi nhà đầu tư tìm cách tiếp cận tài nguyên cụ thể theo địa điểm (ví dụ: kim cương, dầu mỏ, khí đốt tự nhiên, than đá và các tài nguyên khoáng sản và khai thác khác, cũng như các nguồn năng lượng tái tạo). Mặc dù loại hình đầu tư này có thể tạo ra doanh thu xuất khẩu và tài chính đáng kể, nhưng nước sở tại sẽ được hưởng nhiều lợi ích hơn nếu quá trình xử lý giá trị gia tăng diễn ra trong nước và nếu một hệ sinh thái cạnh tranh của các nhà cung cấp địa phương về hàng hóa và dịch vụ khác nhau được sử dụng trong khai thác có thể được tạo ra một cách bền vững.

⁷⁷ Loại hình đầu tư này được thúc đẩy bởi tiềm năng cung cấp hàng hóa và dịch vụ cho khách hàng trong nước sở tại hoặc thị trường khu vực. Loại hình này gần như hoàn toàn phụ thuộc vào quy mô và đặc điểm của thị trường. Loại hình FDI này là một phương tiện quan trọng để công nghiệp hóa một quốc gia, vì có tiềm năng phát triển mối liên kết với nền kinh tế địa phương, nâng cao chất lượng của các nhà cung cấp địa phương, tạo ra sự cạnh tranh, tăng năng suất và hạ giá cho người tiêu dùng.

⁷⁸ Loại hình đầu tư này được sử dụng để mua tài sản chiến lược bất động, thông tin kinh doanh, công nghệ độc quyền và thương hiệu. Loại hình này đòi hỏi nhà đầu tư phải mua lại các công ty sở hữu tài sản chiến lược và sở hữu mạng lưới các chi nhánh của công ty.

⁷⁹ Loại hình đầu tư này được thúc đẩy khi các nhà đầu tư tìm cách tăng hiệu quả chi phí sản xuất bằng cách tận dụng các yếu tố cải thiện khả năng cạnh tranh ở cấp độ doanh nghiệp. Ví dụ như khả năng tận dụng chi phí lao động thấp hơn hoặc năng suất lao động cao hơn, tiếp cận mặt bằng sản xuất dễ dàng hơn hoặc rẻ hơn, tiếp cận thị trường xuất khẩu dễ dàng hơn hoặc thậm chí ưu đãi hơn, tiếp cận các nguyên vật liệu đầu vào và linh kiện chính thuận lợi hơn, hay các mô hình sản xuất và cung ứng quốc tế hiệu quả hơn. So với 3 nhóm trên, đây là nhóm đóng vai trò quan trọng cho các quốc gia đang tìm kiếm cơ hội hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu và tiến lên trong chuỗi giá trị.

Đồng thời, các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn địa điểm đầu tư chỉ ra rằng 3 yếu tố được nhà đầu tư xem là quan trọng nhất bao gồm: (i) An ninh và sự ổn định chính trị, (ii) Ưu đãi đầu tư và (iii) Khả năng dự báo chính sách kinh doanh.

- Đối với trường hợp của Việt Nam, Việt Nam đang có các thế mạnh về an ninh và sự ổn định chính trị, vị trí địa lý thuận lợi cho việc giao thương và cung ứng, độ mở của nền kinh tế với 15 FTAs có hiệu lực. Các đặc điểm này cho phép Việt Nam có thể theo đuổi các chính sách để thu hút nhóm tập đoàn đa quốc gia tìm kiếm hiệu quả với điển hình là các tập đoàn sản xuất quy mô lớn và có năng lực liên kết chặt chẽ với chuỗi giá trị toàn cầu.

Do đó, với mục tiêu tổng thể của chính sách hỗ trợ đầu tư được quy định trong Nghị quyết là nhằm giữ chân và thu hút các nhà đầu tư lớn, các khoản hỗ trợ đầu tư cũng cần đủ hấp dẫn và tương xứng với các kỳ vọng lợi ích mà nhà đầu tư, trong đó tập trung vào các chi phí phát sinh lớn như chi phí đào tạo nhân lực, chi phí sản xuất, chi phí đầu tư tài sản cố định, chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao và chi phí nghiên cứu và phát triển. Việc không hỗ trợ dàn trải nhiều chi phí cho doanh nghiệp thuộc đối tượng vừa đảm bảo tính mục tiêu của chính sách, đồng thời hạn chế dư luận trái chiều khi cho rằng các đối tượng của Nghị quyết, trên hình thức, được cung cấp quá nhiều hỗ trợ vì chính sách thuế tối thiểu toàn cầu chỉ làm mất hoặc hạn chế tác dụng của các chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp với các nhà đầu tư quy mô lớn trong khi vẫn phát huy hiệu quả với các nhóm nhà đầu tư khác.

Thông báo số 122/TB-VPCP ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu *đề xuất các loại hình hỗ trợ khác như: chuyển giao công nghệ, nhà ở xã hội, hợp tác xã cho công nhân và tiếp cận tăng trưởng năng lượng xanh. Tuy nhiên các hình thức này về cơ bản sẽ chưa phù hợp đối với mục tiêu của Nghị quyết, cụ thể:*

(i) *Hình thức hỗ trợ chuyển giao công nghệ:* chuyển giao công nghệ đã được hỗ trợ theo quy định của pháp luật về công nghệ, được bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ riêng từ các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia, các quỹ phát triển khoa học và công nghệ⁸⁰. Theo đó đối với chính sách hỗ trợ đầu tư thí điểm theo Nghị quyết lần này để xuất không đưa đối tượng hỗ trợ chuyển giao công nghệ vào để tránh trùng lặp, tập trung ngân sách để khuyến khích các hình thức ưu đãi đầu tư mới (chi phí nghiên cứu và phát triển, chi phí sản xuất, chi phí đầu tư tài sản cố định, chi phí hỗ trợ đào tạo và phát triển nhân lực) là các khoản chi trọng yếu, có tác dụng hỗ trợ thiết thực cho doanh nghiệp, có tác dụng thu hút các dự án chiến lược.

(ii) *Hình thức hỗ trợ nhà ở xã hội, hợp tác xã cho công nhân:* mặc dù đây là hình thức hỗ trợ mang nhiều giá trị nhân văn và bền vững cho doanh nghiệp; tuy nhiên, đây là hình thức đã được Nhà nước hỗ trợ bằng nhiều chính sách khác thông qua Luật Đất đai, Luật Nhà ở, hỗ trợ tín dụng,... Mặt khác, trong bối cảnh xây dựng các chính sách hỗ trợ đầu tư có tác dụng thay thế chính sách ưu đãi đầu tư bị giảm hiệu quả bởi Thuế tối thiểu toàn cầu thì hình thức hỗ trợ này chưa đủ mức độ hấp

⁸⁰ Chính sách hỗ trợ chuyển giao công nghệ hiện hành được quy định tại Điều 8 Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

dẫn với các nhà đầu tư. Do đó, không nên lồng ghép vào chính sách hỗ trợ đầu tư đặc thù này mà có thể nghiên cứu cân nhắc đưa vào các kế hoạch cải thiện môi trường đầu tư tại các văn bản quy định khác.

(iii) *Tiếp cận tăng trưởng năng lượng xanh*: mặc dù là hình thức hỗ trợ mang tính chất bền vững và đi theo xu hướng chung của thế giới. Tuy nhiên, căn cứ trên tình hình thực tiễn triển khai năng lượng xanh của Việt Nam, chúng ta vẫn cần thêm thời gian để phát triển thêm về năng lực cơ sở. Việc đưa ra hình thức hỗ trợ không tương xứng với năng lực hiện có sẽ làm chính sách không đạt được hiệu quả kỳ vọng. Đồng thời, hiện nay, tại Bộ Công Thương cũng đang được Chính phủ giao nghiên cứu, đề xuất áp dụng các công cụ tài chính, cơ chế khuyến khích, nâng cao khả năng tiếp cận tài chính đối với các dự án đầu tư vào sử dụng hiệu quả năng lượng⁸¹.

(3) *Về phương thức hỗ trợ đầu tư*: các khoản hỗ trợ đầu tư được cán trừ vào nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp hoặc được chi trả trực tiếp bằng tiền trích từ ngân sách nhà nước.

Lý do chọn giải pháp:

- Phù hợp với các khuyến nghị của OECD trong quá trình xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư khi thuế tối thiểu toàn cầu được áp dụng.

- Đây là các hình thức hỗ trợ đầu tư mà các quốc gia trong khu vực đang áp dụng, trong khi đó tại Việt Nam thì chưa được cụ thể tại các văn bản pháp luật.

(4) *Về mức hỗ trợ đầu tư*:

(4.1) *Giải pháp 1*: quy định mức hỗ trợ trần trên tổng mức đầu tư

a) Ưu điểm: (i) Dễ dàng xác định được số tiền tối đa cần chi hỗ trợ cho từng doanh nghiệp; (ii) Phù hợp với các kêu gọi các dự án đầu tư mới hỗ trợ bằng tiền ngay một lần để xây dựng nhà máy sản xuất.

b) Nhược điểm: (i) Vốn đầu tư là một chỉ tiêu cố định không có mối liên hệ chặt chẽ với kết quả kinh doanh của doanh nghiệp và số thu thuế bổ sung vào ngân sách nên việc đưa ra mức trần trên vốn đầu tư không gắn việc kiểm soát ngân sách với các chính sách khuyến khích đầu tư theo hướng hiệu quả; (ii) không chế ưu đãi hỗ trợ dựa trên tổng mức đầu tư có thể gây bất lợi cho các công ty công nghệ cao lớn như Samsung có quy mô doanh thu lớn, khả năng sinh lời trên vốn đầu tư cao (khả năng sinh lời nhờ vào công nghệ cao), nộp thuế nhiều. Trong khi đó các công ty có vốn đầu tư lớn nhưng hoạt động không hiệu quả, doanh thu thấp, tỷ suất sinh lời trên vốn đầu tư thấp thậm chí lỗ thì sẽ nhận được nhiều hỗ trợ. Dẫn đến đi ngược lại với mục tiêu thu hút các doanh nghiệp công nghệ cao, quy mô lớn và có ảnh hưởng kinh tế xã hội⁸². (iii) Không chế dẫn đến không công bằng giữa các nhà đầu tư: Vì vốn đầu tư không có mối liên hệ chặt chẽ đến kết quả kinh doanh nên sẽ có sự không công bằng giữa các nhà đầu tư⁸³.

⁸¹ Mục IV.1.d Điều 1 Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050.

⁸² như Samsung, LG, Intel,...

⁸³ Ví dụ, Nhà đầu tư A và B cùng có mức vốn đầu tư là 12,000 tỷ. Nhà đầu tư A có tỷ suất lợi nhuận cao, phải nộp thuế bổ sung cao trong khi Nhà đầu tư B có tỷ suất lợi nhuận thấp phải nộp thuế thấp hơn. Nếu đưa ra mức không chế hỗ trợ theo % số vốn đầu tư thì cả 2 nhà đầu tư A và B cùng chịu chung một mức không chế ưu đãi. Như vậy không công bằng đối với nhà đầu tư có tỷ suất lợi nhuận cao.

(4.2) *Giải pháp 2: Quy định mức hỗ trợ trần trên doanh thu*

a) Ưu điểm: (i) Dễ xác định; (ii) Doanh thu là chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm của doanh nghiệp, có mối liên hệ tương đối với số thuế nộp bổ sung, phản ánh được đóng góp về việc làm, chuỗi cung ứng, kim ngạch xuất nhập khẩu, tác động kinh tế xã hội. Do đó, quy định mức trần trên doanh thu vừa có tác dụng kiểm soát ngân sách tốt hơn mức trần trên vốn đầu tư vừa tạo sự công bằng giữa các đối tượng được hỗ trợ.

b) Nhược điểm: (i) Chỉ tiêu doanh thu có liên quan đến xác định lợi nhuận, mà lợi nhuận là chỉ số dùng để tính thuế nên có thể có khả năng OECD sẽ chất vấn là hỗ trợ có liên quan đến nghĩa vụ thuế nộp bổ sung; (ii) Không có nhiều tác dụng trong việc kiểm soát ngân sách.

(3) *Giải pháp đề xuất của Bộ Kế hoạch và Đầu tư*: Căn cứ các phân tích nêu trên, có thể nhận thấy việc đưa ra mức chi hỗ trợ đầu tư tối đa theo tổng vốn đầu tư hay doanh thu không có nhiều tác dụng trong việc kiểm soát ngân sách mà còn có thể hạn chế thu hút đầu tư hoặc không hỗ trợ đến đúng đối tượng cần khuyến khích làm giảm hiệu quả của chính sách thu hút đầu tư.

Do đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất phương án không quy định chi hỗ trợ đầu tư tối đa theo tổng vốn đầu tư hay doanh thu, mà thay vào đó kiến nghị phương án: “*Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm để thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư tại Nghị quyết*”. Đồng thời, giao Chính phủ quy định chi tiết mức hỗ trợ, trình tự, thủ tục áp dụng các hình thức hỗ trợ đầu tư quy định tại Nghị quyết.

(5) Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm để thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư tại Nghị quyết.

(6) Chính phủ quy định chi tiết mức hỗ trợ, trình tự, thủ tục áp dụng các hình thức hỗ trợ đầu tư quy định tại Nghị quyết.

(xin gửi kèm theo dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm áp dụng cơ chế hỗ trợ đầu tư tại Phụ lục VIII)

VI. Đánh giá tác động các giải pháp đề xuất

1. Sự phù hợp với các quy tắc OECD

Nhằm đạt được mục tiêu của chính sách chống xói mòn cơ sở tính thuế và chuyển dịch lợi nhuận, OECD cũng có khuyến nghị một số nội dung nhằm tránh hiện tượng đảo ngược chính sách, cụ thể là cấm các quốc gia cung cấp các lợi ích có liên quan đến các quy tắc của Trụ cột II.

1.1. Định nghĩa “lợi ích có liên quan” theo quy định của Trụ cột II

Theo Luận giải (Commentary) hướng dẫn chi tiết các Quy tắc mẫu⁸⁴, khái niệm “lợi ích” được diễn giải như sau:

⁸⁴ Điểm 123 trang 213 của Commentary

Thuật ngữ “các lợi ích” là bao quát và toàn diện để điều chỉnh bất kỳ loại lợi thế nào được cung cấp bởi một khu vực pháp lý, bao gồm các ưu đãi về thuế và trợ cấp; và cụm từ “liên quan đến các quy tắc” được soạn thảo có chủ ý với phạm vi rộng để tính đến các cơ chế khác nhau mà qua đó lợi ích được cung cấp.

The word “benefits” is comprehensive enough to cover any kind of advantage provided by a jurisdiction, including tax incentives, grants, and subsidies and the phrase “related to such rules” is intentionally drafted with broad language to take into account different mechanisms through which the benefit is provided.

1.2. Chủ thể cung cấp “lợi ích có liên quan”

Theo Điểm 126 trang 213 tại bản Luận giải của OECD, khi xem yếu tố “khu vực pháp lý” cung cấp các lợi ích có liên quan đến việc áp dụng các quy tắc của Trụ cột II, khái niệm “khu vực pháp lý” không chỉ là quốc gia hoặc chính quyền trung ương của khu vực pháp lý đó, mà còn bao gồm bất kỳ các phân khu chính trị, chính quyền địa phương, hoặc bất kỳ tổ chức công lập. Ví dụ, nếu một ngân hàng phát triển công lập cung cấp một lợi ích cụ thể liên quan đến việc áp dụng quy tắc thu nhập gộp IIR, thì quy tắc thu nhập gộp IIR áp dụng tại khu vực pháp lý đó không được coi là đạt chuẩn.

In this context, the term “jurisdiction” is not restricted to the national or central government of the jurisdiction. It includes any political subdivision, local authority, or any other public entity or arrangement. For example, if a public development bank provides a particular benefit that is related to the application of the IIR, then such rule is not a Qualified IIR.

1.3. Mục đích cấm cung cấp các “lợi ích có liên quan”

Yêu cầu “các khu vực pháp lý không được cung cấp bất kỳ lợi ích liên quan đến các quy tắc” của Trụ cột II được quy định trong định nghĩa về IIR, UTPR, DMTT đạt chuẩn tại Quy tắc mẫu (Model Rules)⁸⁵ và diễn giải các định nghĩa này trong Bản luận giải (Commentary)⁸⁶.

Mục đích của các quy định cấm này là để tránh các nước áp dụng các biện pháp đối ứng mang tính chất tiêu cực hoặc đi ngược lại với mục tiêu chung của

⁸⁵ Nội dung này quy định rải rác trong định nghĩa Thuế tối thiểu nội địa đạt chuẩn (Qualified Domestic Minimum Top-up Tax), Quy tắc gộp thu nhập chịu thuế đạt chuẩn (Qualified IIR), Quy tắc nộp thuế thặng dư (Qualified UTPR) tại trang 64, 65 của Quy tắc mẫu (OECD Model Rule).

⁸⁶ Ví dụ tại Điểm 141 trang 216 của Commentary khi diễn giải về UTPR đạt chuẩn có nêu “The definition **prohibits** a jurisdiction from providing benefits that are related to the IIR or the UTPR that it has implemented. See discussion on this in the Commentary to the definition of a Qualified IIR. – Định nghĩa này cấm các khu vực pháp lý cung cấp các lợi ích có liên quan đến việc thực hiện quy tắc IIR hoặc UTPR

Trụ cột II là chống xói mòn cơ sở tính thuế và chuyển lợi nhuận, đồng thời tạo cơ hội để các nước tái cấu trúc hệ thống ưu đãi theo hướng có hiệu quả hơn.

Mục đích này có thể được hiểu thông qua diễn giải về Thuế tối thiểu bổ sung nội địa đạt chuẩn (QDMTT) tại Điểm 116 trang 212 của Commentary như sau⁸⁷:

*Thuế bổ sung nội địa được coi là là đạt chuẩn nếu được áp cho phần Lợi nhuận thặng dư của các Công ty trong nước nhằm tăng nghĩa vụ thuế lên Mức tối thiểu chung toàn cầu. Việc đánh thuế bổ sung nội địa phải được thực hiện và quản lý để tạo ra kết quả tương đương như khi áp dụng Quy tắc GloBE và các Luận giải, bao gồm cả việc cấm các khu vực pháp lý cung cấp bất kỳ lợi ích có liên quan đến thuế nội địa đó. Giới hạn về “lợi ích” này **không nhằm mục đích hạn chế khả năng của một khu vực pháp lý tiến hành cải cách hệ thống thuế thu nhập** doanh nghiệp của mình theo hướng phù hợp với cấu trúc thuế quốc tế mới được quy định trong Quy tắc GloBE. Những cải cách sau khi áp dụng thuế tối thiểu nội địa này không nên được coi là một “lợi ích” với điều kiện là nghĩa vụ thuế sau cải cách của Tập đoàn đa quốc gia, về mặt tổng thể, **không đi ngược lại với mục đích, định hướng** của các quy định tại Quy tắc GloBE và các Luận giải tương ứng.*

Do đó, các chính sách trợ cấp trực tiếp (không thông qua hệ thống thuế) hoặc QRTC (cho phép cân trừ với các loại thuế khác) sẽ ít rủi ro bị coi là lợi ích trực tiếp liên quan đến QDMTT.

1.4. Cơ sở đánh giá việc cung cấp các “lợi ích có liên quan”

Theo Commentary của OECD, để xem xét liệu một lợi ích có liên quan đến Quy tắc mẫu của Trụ cột II hay không cần phải xem xét toàn bộ các tình tiết, sự kiện và hoàn cảnh của từng vụ việc. Trong đó phải xem xét nguyên tắc cơ bản của Trụ cột II là tạo ra một sân chơi bình đẳng giữa tất cả các khu vực pháp lý và tránh các hành động đi ngược mục đích do có sự khác biệt trong việc triển khai và áp dụng các quy tắc GloBE.

OECD đã cung cấp một số yếu tố cần được tính đến khi đánh giá liệu có "lợi ích liên quan đến các quy tắc" tại điểm 126⁸⁸ trang 213 của Luận giải như sau:

⁸⁷ 116. Qualified Domestic Minimum Top-up Tax means a tax that applies to Excess Profits of the domestic Constituent Entities and operates to increase domestic tax liability with respect to those profits to the Minimum Rate. The tax must be implemented and administered in a way that is consistent with the outcomes provided for under the GloBE Rules and their Commentary, including the prohibition against the implementing jurisdiction providing any collateral or other benefits that are related to such domestic tax as discussed further in the Commentary to the definition of a Qualified IIR. This limitation on collateral benefits is not intended to restrict the ability of a jurisdiction to make changes to the design of its corporate tax system in light of the new international tax architecture under the GloBE Rules. Such changes to the domestic corporate tax rules consequent on the introduction of a domestic minimum tax should not be considered a benefit provided that they do not result in MNE Groups achieving overall tax outcomes that are inconsistent with the outcomes provided for under the GloBE Rules and their Commentary.

⁸⁸ A tax benefit or grant provided to all taxpayers is not related to the GloBE Rules. Facts that are relevant but not decisive include whether the tax benefit or grant benefits only taxpayers subject to the GloBE Rules, whether the

- Liệu lợi ích chỉ được cấp cho các doanh nghiệp là đối tượng bị ảnh hưởng theo Quy tắc Mẫu Trụ cột Hai hay không;
- Liệu lợi ích có được giới thiệu như là một phần của việc thực hiện các Quy tắc mẫu của Trụ cột Hai hay không; Và
- Liệu lợi ích có được giới thiệu sau khi OECD bắt đầu thảo luận về Quy tắc mẫu của Trụ cột Hai hay không⁸⁹.

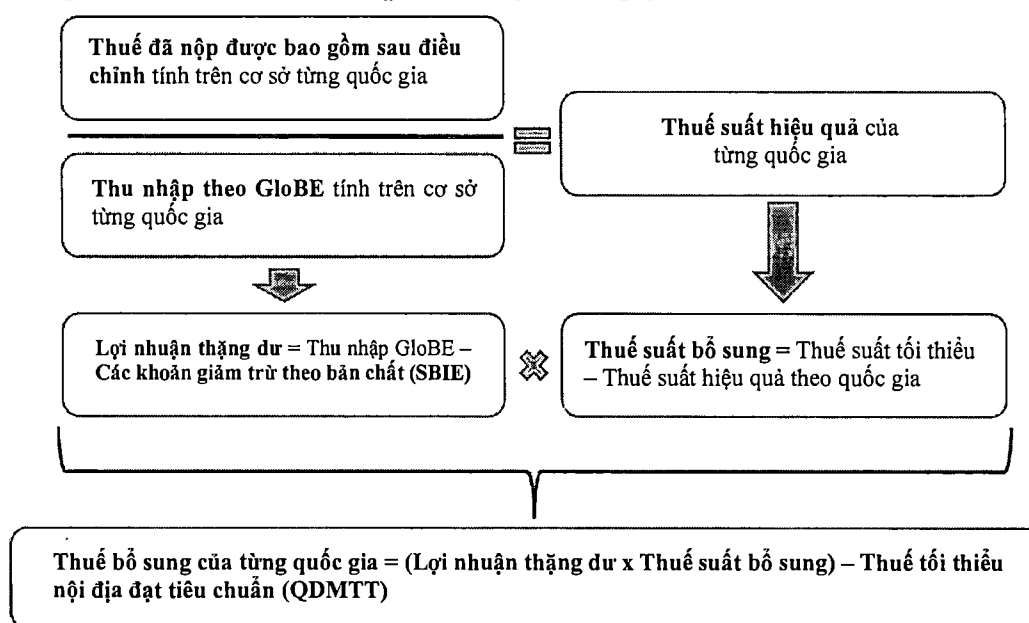
(Ghi chú: OECD chưa quy định toàn bộ các yếu tố đánh giá, các yếu tố này được xem là chỉ dẫn bước đầu khi đánh giá và lưu ý khi thiết kế chính sách ưu đãi để đảm bảo không vi phạm nguyên tắc này).

Đối với QDMTT nếu Chính phủ có cung cấp khoản lợi ích có liên quan thì chính sách thuế tối thiểu nội địa coi như không đạt tiêu chuẩn. Thuế tối thiểu nội địa bổ sung không đạt chuẩn thì số thuế tối thiểu nộp thêm tại Việt Nam sẽ không được trừ khỏi công thức tính thuế tối thiểu bổ sung toàn cầu. Việc thuế tối thiểu bổ sung nội địa không đạt chuẩn làm tăng thêm nghĩa vụ thuế cho doanh nghiệp do phải nộp thêm thuế bổ sung tại quốc gia khác và có khả năng dẫn đến đánh trùng thuế giữa các quốc gia cũng như phát sinh thêm các thủ tục hành chính trong việc kê khai tính toán và có nguy cơ phát sinh các tranh chấp do sự khác biệt về tính toán giữa các quốc gia.

1.5. Thiết kế chính sách cần không làm giảm thuế suất hiệu quả để có thể mang lại lợi ích thực tế cho doanh nghiệp.

Công thức của Trụ Cột II:

Công thức tính số thuế nộp bổ sung theo quy tắc IIR



benefit is marketed as part of the GloBE Rules and if the regime was introduced after the OECD/G20 Inclusive Framework started discussing the GloBE Rules.

⁸⁹ OECD/G20 Inclusive Framework lập cách tiếp cận 2 trụ cột vào tháng 1/2019

$$\text{Thuế suất hiệu quả (ETR) của từng quốc gia} = \frac{\text{Số thuế đã nộp của tất cả các Công ty thành viên tại quốc gia đó (với một số điều chỉnh)}}{\text{Thu nhập trước thuế của tất cả các Công ty thành viên tại quốc gia đó (với một số điều chỉnh)}}$$

Căn cứ công thức nêu trên thuế suất hiệu quả càng thấp thì số thuế nộp bổ sung càng lớn hay nói cách khác nếu các khoản ưu đãi hỗ trợ có tác dụng làm giảm ETR thì sẽ làm tăng số thuế phải nộp bổ sung. Do đó, các chính sách hỗ trợ đưa ra đều cần xem xét sẽ ảnh hưởng đến ETR như thế nào.

Với công thức tính ETR ở trên, các hình thức ưu đãi sẽ tác động vào ETR thông qua việc (i) giảm tử số - làm giảm số thuế bao gồm (Covered Taxes) hoặc (ii) tăng mẫu số - làm tăng thu nhập (GloBe income).

OECD trong tài liệu về Ưu đãi thuế và trụ cột 2 tháng 10/2022 đã đưa ra phân tích về các loại công cụ ưu đãi tác động như thế nào đến ETR như sau:

Bản chất khoản hỗ trợ	Loại công cụ		Lợi ích thuế bị ảnh hưởng bởi cách tính thuế suất hiệu quả (GloBE ETR)	Ảnh hưởng đến thuế suất hiệu quả (GloBE ETR)		Lựa chọn công cụ ưu đãi
				Tử số	Mẫu số	
Ưu đãi dựa trên thu nhập	Miễn hoàn toàn	Nhiều khả năng	↓			Không lựa chọn
	Miễn một phần	Nhiều khả năng	↓			Không lựa chọn
	Giảm thuế suất	Nhiều khả năng	↓			Không lựa chọn
Ưu đãi dựa trên chi phí	Trợ cấp thuế ³	Nhiều khả năng	↓			Không lựa chọn
	Giảm trừ thu nhập chịu thuế ¹	Chi phí hóa tức thì và khấu hao nhanh	Ít khả năng	Điều chỉnh phát sinh mang tính theo thời điểm		Không lựa chọn vì công cụ này chỉ đem lại lợi ích về mặt thời gian thông qua việc trì hoãn nộp thuế nhưng không mang
		Đối với tài sản hữu hình, máy	Không ảnh hưởng	Không ảnh hưởng công thức tính		

		móc thiết bị và nhà cửa				lại lợi ích bù đắp cho các doanh nghiệp
		Đối với các tài sản vô hình có thời hạn ngắn	Ít khả năng	Có thể ảnh hưởng tính vào công thức tính		
		Tài sản khác	Nhiều khả năng	Có thể ảnh hưởng tính vào công thức tính		Không lựa chọn
	Giảm trừ thuế	Các khoản giảm trừ thuế được hoàn lại đáp ứng điều kiện (QRTC)	Ít khả năng	Ghi chú 2	↑	Nên lựa chọn vì khoản giảm trừ thuế đạt chuẩn được tính vào thu nhập chịu thuế nên không làm giảm GloBE ETR có thể mang lại hiệu quả cho nhà đầu tư
		Các khoản giảm trừ thuế khác	Nhiều khả năng		↓	Không lựa chọn vì khoản giảm trừ không đạt chuẩn sẽ làm giảm Adjusted Covered Tax nên sẽ làm giảm GloBE ETR

Theo phân tích nêu trên chỉ có các khoản giảm trừ thuế được hoàn lại đạt chuẩn (QRTC – Qualify Refundable Tax Credit) là công cụ ưu đãi dựa trên chi phí được cân trừ với nghĩa vụ thuế đạt tiêu chuẩn hoàn lại, khoản hỗ trợ này được hạch toán vào thu nhập kế toán và làm tăng mẫu số do đó ít ảnh hưởng đến ETR, ít khả năng làm tăng nghĩa vụ thuế bổ sung nên có thể mang lại hiệu quả cho nhà đầu tư.

Định nghĩa QRTC: (Điều 10.1.1 trang 65 Model rule)⁹⁰

⁹⁰ Qualified Refundable Tax Credit means a refundable tax credit designed in a way such that it must be paid as cash or available as cash equivalents within four years from when a Constituent Entity satisfies the conditions for receiving the credit under the laws of the jurisdiction granting the credit. A tax credit that is refundable in part is a Qualified Refundable Tax Credit to the extent it must be paid as cash or available as cash equivalents within four years from when a Constituent Entity satisfies the conditions for receiving the credit under the laws of the jurisdiction granting the credit. A Qualified Refundable Tax Credit does not include any amount of tax creditable or refundable pursuant to a Qualified Imputation Tax or a Disqualified +Refundable Imputation Tax.

Khấu Trừ Thuế Được Hoàn Lại Đạt Chuẩn (QRTC) là một khoản khấu trừ thuế có thể được hoàn lại với điều kiện khoản này phải được thanh toán bằng tiền mặt hoặc các khoản tương đương tiền mặt trong vòng bốn năm kể từ khi một Công ty thành viên đáp ứng các điều kiện để được khấu trừ theo luật của khu vực tài phán cho khoản khấu trừ. Khoản khấu trừ thuế có thể được hoàn lại một phần đạt chuẩn (Là QRTC) nếu Khoản khấu trừ thuế đó được thanh toán bằng tiền mặt hoặc các khoản tương đương tiền trong vòng bốn năm kể từ khi một Công ty thành viên đáp ứng các điều kiện để nhận các khoản khấu trừ theo luật của khu vực tài phán cho khấu trừ. Khoản khấu trừ thuế được Hoàn lại đạt chuẩn (QRTC) không bao gồm bất kỳ khoản tiền thuế nào có thể được khấu trừ hoặc được hoàn lại theo chính sách thuế quy cho bên thực hưởng (Qualified Imputation Tax).

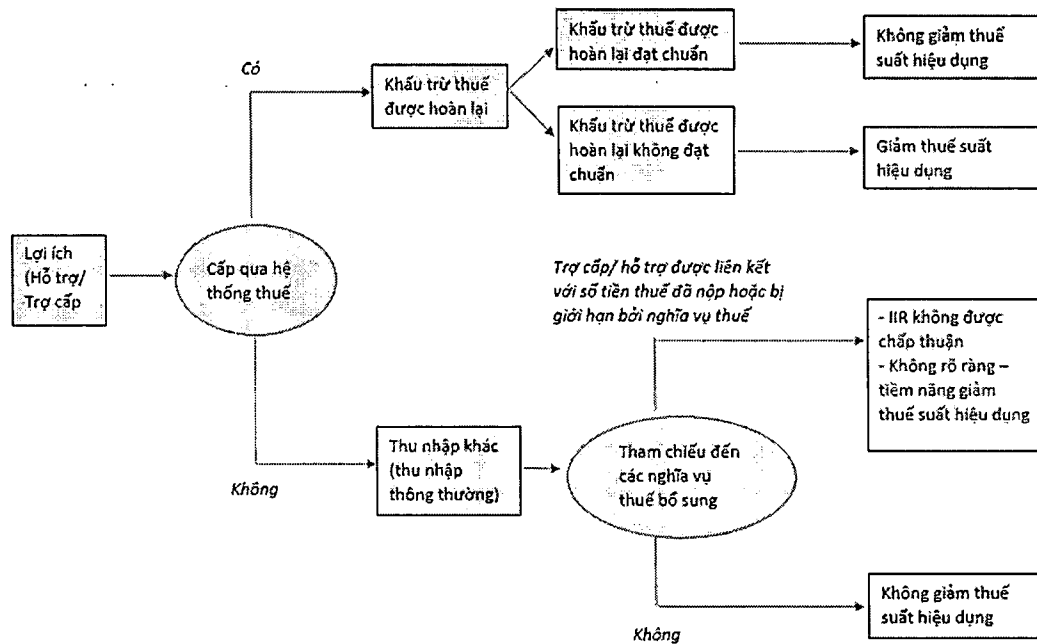
Tham khảo thêm nội dung QRTC tại điều 3.2.4 trong tài liệu luận giải về trụ cột 2 cho thấy bản chất QRTC là các khoản hỗ trợ của Chính phủ được chi trả qua hệ thống thuế bằng cách cân trừ với nghĩa vụ thuế hoặc chi bằng tiền mặt trong vòng 4 năm kể từ khi công ty thành viên đáp ứng điều kiện được hưởng khoản hỗ trợ. (Trường hợp không cân trừ hết Chính phủ sẽ chi trả bằng tiền mặt, khoản hỗ trợ không bị giới hạn hay liên quan đến nghĩa vụ thuế phải nộp.)

QRTC nếu được xây dựng trên nguyên tắc là Chính Phủ hỗ trợ cho doanh nghiệp đối với một số các hoạt động cụ thể mà các hỗ trợ đó sẽ được cấp bằng tiền hoặc tương đương tiền (lưu ý: bù trừ với các loại thuế khác cũng được hiểu là tương đương tiền) thì được coi là có bản chất tương tự như Trợ cấp Chính Phủ (Government Grant) do đó nên được xử lý tương tự như một khoản Trợ cấp Chính Phủ, tức là được coi là thu nhập, thay vì giảm trừ nghĩa vụ thuế, khi tính ETR.⁹¹

Nhìn chung, các khoản hỗ trợ, trợ cấp đầu tư có thể được chi trả theo hai phương thức (i) chi trả qua hệ thống thuế, hoặc (ii) chi trực tiếp hoặc theo các hình thức khác không qua hệ thống thuế như minh họa dưới đây:

Trong đó, khoản hỗ trợ của Chính phủ được chi trả trực tiếp bằng tiền mặt (Cash grant) hoặc chi trả qua hệ thống thuế bằng cách cân trừ với nghĩa vụ thuế hoặc trả tiền mặt trong vòng 4 năm kể từ khi công ty đáp ứng điều kiện được hỗ trợ (QRTC) không làm giảm thuế suất hiệu quả nên có thể mang lại hiệu quả cho nhà đầu tư khi áp dụng Trụ cột 2.

⁹¹ This reflects that these types of refundable tax credits share features of, and should be treated in the same way as, government grants that form part of income, given that they are in effect government support for a certain type of activity that can ultimately be received in cash or cash equivalent



Lưu ý với trường hợp chi trả qua hệ thống thuế (Khấu trừ chi phí vào thuế phải nộp).

Model rules và Commentary của OECD không đưa ra điều khoản cụ thể về việc xử lý các khoản hỗ trợ hoặc trợ cấp của chính phủ trong tất cả các trường hợp mà chỉ hướng dẫn cho các trường hợp hỗ trợ/trợ cấp được cung cấp dưới hình thức khấu trừ thuế (bù trừ với số thuế phải nộp).

Theo đó, trường hợp các hình thức ưu đãi được thiết kế dưới hình thức khấu trừ chi phí vào thuế phải nộp (Tax credits) nên được thiết kế theo hình thức Khấu trừ chi phí vào thuế được hoàn lại đạt chuẩn (Qualified Refundable Tax credits - QRTC), vì các khoản khấu trừ nếu không đạt tiêu chuẩn QRTC sẽ ảnh hưởng đến Thuế suất hiệu quả ETR⁹² và không mang lại lợi ích thiết thực cho doanh nghiệp. (Xem Minh họa số 1)

Theo đó, nếu Chính phủ cho phép Công ty khấu trừ thẳng vào số thuế phải nộp đối với chi phí của một số hoạt động cụ thể, hoặc hoàn lại chi phí chưa khấu trừ hết nếu công ty không phát sinh nghĩa vụ thuế thì khoản khấu trừ đó phải có khả năng được hoàn lại trong vòng 4 năm từ khi đáp ứng các điều kiện theo quy định⁹³.

Lưu ý với trường hợp chi trả theo hình thức khác không qua hệ thống thuế

⁹² Theo Luận giải số 13 trang 89 của Commentary về Trụ cột II: Nếu vì mục đích tài chính kế toán, thì các khoản khấu trừ chi phí thuế được hoàn lại nếu không đạt chuẩn vẫn cho thể coi là thu nhập của Công ty. Tuy nhiên, với mục đích theo GloBE, thì khoản khấu trừ này sẽ bị loại trừ trong công thức tính toán thu nhập GloBE và được coi là khoản giảm chi phí thuế của Công ty. Điều này ảnh hưởng đến tử số trong công thức tính ETR. Còn đối với trường hợp khoản khấu trừ đạt chuẩn – QRTC thì khoản khấu trừ này sẽ được coi là thu nhập trong Công thức tính ETR.

⁹³ Theo định nghĩa QRTC tại điều 10.1.1 của Model Rules trang 65

Khoản trợ cấp của Chính phủ nếu có liên kết hoặc giới hạn bởi các nghĩa vụ thuế sẽ không được coi là khoản giảm trừ thuế được hoàn lại đáp ứng điều kiện dẫn đến việc phải tính toán lại và làm giảm thuế suất hiệu quả GloBE ETR. Do đó, nếu đã chi trả không thông qua hệ thống thuế thì không nên có các quy định tham chiếu đến các nghĩa vụ thuế bổ sung.

1.6. Kết luận

Các đề xuất giải pháp chính sách hỗ trợ đầu tư tại Dự thảo Nghị quyết sẽ không vi phạm các quy tắc của OECD vì:

1. Khoản hỗ trợ không phải là cung cấp lợi ích có liên quan đến chính sách thuế tối thiểu nội địa bổ sung để chính sách này có thể đạt chuẩn theo quy định của OECD là QDMTT. Theo đó:

- Chính sách hỗ trợ áp dụng cho tất cả các đối tượng đáp ứng điều kiện hưởng trợ cấp, không chỉ áp dụng với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi trụ cột 2, không phân biệt dự án đầu tư cũ hay mới.

- Chính sách không được giới thiệu là một phần của chính sách thuế tối thiểu toàn cầu, số tiền hỗ trợ không thể hiện mối liên hệ đến số thuế nộp bổ sung.

- Chính sách cũng dựa trên các tiêu chí hoặc quy định đã có từ trước để giảm thiểu việc giới thiệu một chính sách mới sau khi áp dụng trụ cột 2.

2. Chính sách hỗ trợ có hình thức Cash grant hoặc QRTC để mang lại hiệu quả cho nhà đầu tư. Theo đó, khoản hỗ trợ sẽ là khoản ưu đãi hỗ trợ dựa trên chi phí, không liên quan đến hoặc giới hạn bởi nghĩa vụ thuế phải nộp (hay liên quan đến doanh thu, lợi nhuận).

2. Sự phù hợp với cam kết WTO

Điều XVI Hiệp định chung về thuế quan và mậu dịch GATT 1994 và Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng (Agreement on Subsidies and Countervailing Measures-Hiệp định SCM) đưa ra các quy định về các khoản trợ cấp của chính phủ.

2.1. Định nghĩa của trợ cấp theo WTO:

Trợ cấp được định nghĩa là các khoản trợ giúp bằng tài chính của chính phủ hoặc cơ quan nhà nước, mang lại lợi ích cho đối tượng nhận trợ cấp. Trợ cấp có thể có một trong các hình thức sau hoặc kết hợp của các hình thức dưới đây, từ chính phủ hoặc thông qua các quỹ, các tổ chức tín thác, hoặc tư nhân:

- Trợ cấp trực tiếp bằng tiền (ví dụ: cấp vốn, cho vay hoặc góp vốn cổ phần);
- Các khoản tiền hoặc nợ có thể được chuyển trong tương lai (ví dụ: bảo lãnh khoản vay);
- Miễn hoặc bỏ qua các khoản lẽ ra phải đóng (ví dụ: ưu đãi thuế, tín dụng);

- Mua hàng, cung cấp các dịch vụ hoặc hàng hóa (trừ cơ sở hạ tầng chung). Trợ cấp sẽ phải tuân theo các quy tắc trong Hiệp định SCM nếu thỏa mãn điều kiện về “tính riêng biệt”, tức là các khoản trợ cấp này được áp dụng riêng cho một doanh nghiệp, một ngành hoặc nhóm doanh nghiệp hoặc nhóm ngành. WTO yêu cầu các nước thành viên hạn chế các khoản trợ cấp làm sai lệch việc phân bổ nguồn lực trong nền kinh tế. Các chương trình trợ giúp của chính phủ được áp dụng rộng rãi trong một nền kinh tế có thể không vi phạm nguyên tắc nêu trên. Theo quy định tại Hiệp định SCM, các trường hợp trợ cấp dưới đây có thể bị coi là có “tính riêng biệt”:

- Trợ cấp cho các doanh nghiệp cụ thể, hoặc ngành cụ thể.
- Trợ cấp cho một khu vực địa lý cụ thể.
- Các khoản trợ cấp bị cấm

2.2. Các loại trợ cấp theo WTO

Về nguyên tắc, Chính phủ có thể trợ cấp cho các công ty với những hạn chế và điều kiện nhất định.

Hiệp định SCM xác định hai loại trợ cấp: trợ cấp bị cấm (trợ cấp đèn đỏ), trợ cấp không bị cấm nhưng có thể bị khiếu kiện (trợ cấp đèn vàng - tức là có thể bị thách thức trong WTO hoặc áp dụng các biện pháp đối kháng). Ban đầu, Hiệp định SCM có một danh mục thứ ba là Trợ cấp không bị khiếu kiện (trợ cấp đèn xanh). Danh mục này tồn tại trong năm năm, kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 1999 và không được gia hạn.

- *Về trợ cấp bị cấm*, theo điều 3 của Hiệp định SCM, các khoản trợ cấp sau đây bị cấm:

+ Trợ cấp xuất khẩu - nghĩa là bất kỳ khoản trợ cấp nào dựa trên một hoặc nhiều điều kiện khi xuất khẩu, kể cả trường hợp có quy định pháp luật hay được áp dụng trên thực tế. Ví dụ, trợ cấp được cấp theo giá trị hoặc tỷ lệ xuất khẩu, trợ cấp cho chi phí nguyên vật liệu để xuất khẩu, ưu đãi/ thuế hoàn lại được cấp nếu có hoạt động xuất khẩu.

+ Trợ cấp khuyến khích tiêu dùng sản phẩm trong nước: nghĩa là bất kỳ khoản trợ cấp nào phụ thuộc vào việc sử dụng hàng hóa trong nước thay vì hàng nhập khẩu, dù chỉ là một hoặc một trong một số điều kiện khác.

Ngoài ra, theo chú thích 4 trong Hiệp định SCM giải thích thêm cho lời văn về việc trợ cấp bị coi là tồn tại khi “có quy định pháp luật hay được áp dụng trên thực tế” đối với hoạt động xuất khẩu như sau: “Tiêu chí này có nghĩa là cho dù không có quy định pháp luật rằng chính phủ sẽ cấp trợ cấp nếu bên nhận trợ cấp đạt được kết quả xuất khẩu nhất định, nhưng trên thực tế trợ cấp vẫn được cấp gắn với tình hình xuất khẩu hoặc thu nhập từ xuất khẩu ở hiện tại hoặc trong tương

lai. Việc cấp trợ cấp cho các doanh nghiệp xuất khẩu không vì thế mà lập tức bị coi là trợ cấp xuất khẩu hiểu theo nghĩa của Điều này.”

Như vậy, khoản trợ cấp dành cho doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm sẽ không thuộc khoản trợ cấp bị cấm, nếu khoản trợ cấp đó không ràng buộc hoặc phụ thuộc vào xuất khẩu hoặc thu nhập từ xuất khẩu, và thỏa mãn các điều kiện khác của Hiệp định SCM. Quan điểm này đã được thảo luận và lưu ý trong quá trình đàm phán WTO giữa Việt Nam và các thành viên khác về các ưu đãi dành cho các doanh nghiệp trong khu chế xuất mà Việt Nam khẳng định rằng các ưu đãi đó sẽ phù hợp với WTO, tức là các ưu đãi sẽ không phụ thuộc vào kết quả hoạt động xuất khẩu hoặc tỷ lệ nội địa hóa.

- *Về trợ cấp có thể bị khiếu kiện*, theo điều 5 của Hiệp định SCM, trợ cấp không bị cấm nhưng có thể bị khiếu kiện (trợ cấp đèn vàng) là việc một Thành viên thông qua việc sử dụng bất kỳ trợ cấp nào để gây ra tác động có hại đến quyền lợi của Thành viên khác, cụ thể:

+ Gây tổn hại cho một ngành sản xuất của một Thành viên khác;

+ Làm vô hiệu hay gây phương hại đến những quyền lợi mà Thành viên khác trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng từ Hiệp định GATT 1994, đặc biệt là những quyền lợi có được từ những cam kết theo Điều 2 của Hiệp định GATT 1994.

+ Gây tổn hại nghiêm trọng tới quyền lợi của một Thành viên khác. Trong trường hợp này, quốc gia khiếu nại phải chứng minh rằng trợ cấp do quốc gia thành viên khác cung cấp có ảnh hưởng xấu đến lợi ích của quốc gia đó.

Việc xác định thiệt hại có thể tại quốc gia nhập khẩu, hoặc các nhà xuất khẩu đối thủ từ một quốc gia khác khi cả hai cạnh tranh ở thị trường thứ ba, hoặc tại quốc gia cấp trợ cấp khiến các nhà xuất khẩu nước ngoài mất lợi thế cạnh tranh.

Thông thường, trợ cấp đèn vàng sẽ được đưa ra Cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO để phán quyết. Nếu Cơ quan giải quyết tranh chấp quy định rằng trợ cấp có tác động bất lợi, trợ cấp đó phải được thu hồi hoặc ảnh hưởng bất lợi của nó phải được loại bỏ. Hầu hết các khoản trợ cấp, chẳng hạn như trợ cấp sản xuất, thuộc loại "có thể đối kháng". Việc tạo ra một hệ thống các biện pháp khắc phục đa phương cho phép các Thành viên đặt câu hỏi cho các khoản trợ cấp làm phát sinh các tác động bất lợi thể hiện một bước tiến lớn so với cơ chế trước đây của WTO. Tuy nhiên, cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO hiện nay vẫn bị các nước thành viên chỉ trích là thiếu hiệu quả và vẫn tồn tại những khó khăn trong hầu hết các trường hợp đối với Thành viên khiếu nại để chứng minh các tác động thương mại bất lợi phát sinh từ trợ cấp.

- *Nghĩa vụ thông báo về trợ cấp*:

Điều 25 của Hiệp định SCM yêu cầu các Thành viên thông báo về mọi khoản trợ cấp cụ thể (ở tất cả các cấp chính quyền và bao gồm tất cả các lĩnh vực

hàng hóa, bao gồm cả nông nghiệp) cho Ủy ban SCM, và thông báo các biện pháp đối kháng được triển khai, thường là định kỳ nửa năm hoặc hàng năm. Các thông báo này là chủ đề được Ủy ban SCM xem xét và thảo luận.

Theo báo cáo của Ủy ban trợ cấp và Các biện pháp đối kháng về Chương trình trợ cấp của Việt Nam ngày 27 tháng 2 năm 2020, Việt Nam đã đệ trình một thông báo mới và đầy đủ theo điều XVI của GATT 1994 và điều 25 của Hiệp định SCM. Trong báo cáo này, tất cả các khoản trợ cấp hiện có ở Việt Nam (bao gồm ưu đãi thuế suất thu nhập doanh nghiệp, miễn thuế nhập khẩu, miễn tiền thuê đất, ... cho các dự án đầu tư vào các lĩnh vực/địa điểm ưu đãi, thuế suất ưu đãi cho các dự án năng lượng mặt trời/gió, v.v.) đều đã được báo cáo. Theo báo cáo này, không có trợ cấp nào có tác động đến thương mại tức là các khoản trợ cấp này được phép theo WTO.

Ngoài ra, một số yếu tố nên xem xét là hiện tại thực tế thủ tục giải quyết tranh chấp của WTO đang chưa có (chưa có tổ chức tài phán giải quyết), các nước xuất khẩu chính của VN đối với các sản phẩm sản xuất như điện thoại ... là Hoa Kỳ, EU... tuy nhiên các quốc gia này không sản xuất nên rất khó để chứng minh bị thiệt hại, do đó cũng khó có căn cứ để đánh thuế đối kháng.

Tại Hoa Kỳ có áp dụng các ưu đãi hỗ trợ cho sản xuất đối với các dự án chiến lược như ưu đãi bằng tiền mặt cho sản xuất pin xe điện ... cũng không thuộc đối tượng phải áp thuế đối kháng.

2.3. Kết luận

Trên cơ sở các thông tin và phân tích nêu trên, các cơ chế trợ cấp dựa trên chi phí không thuộc loại trợ cấp bị cấm, nếu trợ cấp này áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp (bao gồm cả doanh nghiệp trong nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài, các công ty xuất khẩu và các công ty bán hàng trong nước) và nó không phụ thuộc vào kết quả hoạt động xuất khẩu hoặc thu nhập từ xuất khẩu (không bị coi là có “tính riêng biệt” và không phải là trợ cấp xuất khẩu). Các nước thành viên WTO khác có thể xem xét lại các khoản trợ cấp mà một quốc gia đưa ra để xác định xem khoản trợ cấp đó có tạo ra bất kỳ ảnh hưởng xấu nào đến lợi ích của họ hay không. Tuy nhiên, khả năng cao một chương trình trợ cấp dựa trên chi phí nghiên cứu và phát triển hoặc vốn đầu tư không gây tổn hại nghiêm trọng cho các nước thành viên khác.

3. Sự phù hợp với các Hiệp định thương mại tự do (FTA)

(1) Các hình thức hỗ trợ như đề xuất không nêu đích danh doanh nghiệp được hưởng. Thay vào đó, chính sách chỉ đặt ra các tiêu chí, và trong trường hợp bất kỳ doanh nghiệp nào đạt được các tiêu chí này, thì doanh nghiệp đó cũng sẽ được hưởng hỗ trợ. Do đó, không vi phạm phân biệt đối xử trong phạm vi bảo hộ đầu tư theo thỏa thuận của các FTA.

(2) Yếu tố hỗ trợ theo ngành sản xuất cụ thể, hoặc loại sản phẩm cụ thể không làm phát sinh yếu tố phân biệt đối xử do không đặt ra bất kỳ rào cản tham gia thị trường nào đối với các doanh nghiệp muốn đáp ứng đủ tiêu chí để được hưởng hỗ trợ.

4. Đánh giá tác động đến ngân sách nhà nước

(1) Các giải pháp đề xuất chỉ liên quan đến xác định đối tượng, hình thức và cách thức hỗ trợ đầu tư. Vì vậy, các mức chi hỗ trợ đầu tư sẽ được quy định tại các văn bản hướng dẫn liên quan.

(2) Ngân sách Nhà nước trước hết sẽ thu thêm được khoản thuế bổ sung khi áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu. Nguồn thu bổ sung này dự kiến sẽ được sử dụng để thực hiện các hoạt động hỗ trợ đầu tư.

(3) Trong bối cảnh chính sách được xây dựng để hướng tới một nhóm nhỏ các doanh nghiệp, những nội dung chính sách được đề xuất sẽ không làm phát sinh thêm bộ máy tổ chức thực hiện. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ sử dụng nguồn lực, nhân lực hiện có thể tận dụng nguồn lực hiện tại để triển khai thi hành các nhiệm vụ được giao, không ảnh hưởng lớn đến khối lượng công việc thường xuyên vì vậy có thể cho rằng không phát sinh thêm nhiều chi phí thực hiện và không ảnh hưởng nhiều đến ngân sách.

5. Đánh giá tác động về thủ tục hành chính

(1) Đối tượng doanh nghiệp công nghệ cao, dự án quy mô lớn, dự án ứng dụng công nghệ cao là những đối tượng hiện nay đang được hưởng chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, nên việc đánh giá và chọn lọc đối tượng có thể tận dụng thủ tục hành chính hiện hành. Cụ thể, thủ tục xác nhận Doanh nghiệp công nghệ cao, dự án ứng dụng công nghệ cao là thủ tục đã có sẵn theo quy định hiện hành của Luật công nghệ cao. Doanh nghiệp có thể tự đánh giá việc đáp ứng các điều kiện về quy mô vốn, tiến độ giải ngân của dự án và các chi phí R&D, vì vậy không phát sinh các thủ tục xác nhận về đối tượng.

(2) Về thủ tục hỗ trợ, các điều kiện tương ứng với mức hỗ trợ sẽ được quy định sau tại các văn bản hướng dẫn có liên quan. Do đó, đối với các giải pháp đề xuất hiện nay sẽ không phát sinh các thủ tục hành chính tại thời điểm này.

VII. Tổ chức thực hiện

1. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm áp dụng cơ chế hỗ trợ đầu tư đối với các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp có dự án đầu tư trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm công nghệ cao và dự án ứng dụng công nghệ cao có quy mô vốn lớn hoặc doanh thu cao và doanh nghiệp đầu tư dự án trung tâm nghiên cứu và phát triển.

- Đánh giá sự hiệu quả và tính cạnh tranh của các quy định về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư hiện hành để đề xuất, xây dựng các giải pháp thu hút đầu tư mới nhằm tăng cường sức cạnh tranh và hấp dẫn của môi trường đầu tư tại Việt Nam, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong thời gian sớm nhất.

2. Giao Bộ Tài chính trao đổi với OECD về: (i) cách thức xác định đối tượng thuộc Trụ cột 2; (ii) rà soát, hoàn thiện các thuật ngữ kỹ thuật tại dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về việc thí điểm áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu để phù hợp với quy tắc của OECD.

VIII. Lộ trình thực hiện

Trong năm 2023, Chính phủ trình Quốc hội thông qua văn bản của Quốc hội (*Nghị quyết*) về việc áp dụng thí điểm chính sách hỗ trợ đầu tư tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV (*tháng 10 năm 2023*) để triển khai thực hiện từ ngày 01/01/2024 ./.

PHỤ LỤC I
TỔNG HỢP ĐỘNG THÁI CÁC QUỐC GIA PHÁT TRIỂN

Quốc gia	Quan điểm hành động
Hoa Kỳ	<p>- Sau khi thay thế chính quyền Tổng thống Trump, vào tháng 7 năm 2021, chính quyền Tổng thống Biden đã công bố kế hoạch điều chỉnh, sửa đổi nâng mức thuế TNDN lên 28% và bãi bỏ điều khoản miễn 10% thu nhập khỏi khoản phải chịu thuế của các doanh nghiệp Hoa Kỳ.</p> <p>- Tuy không trực tiếp nội luật hoá nội dung của Trụ cột 2, nhưng Hoa Kỳ đã ban hành Đạo luật giảm lạm phát 2022 (The Inflation Reduction Act of 2022), trong đó đặt ra Thuế tối thiểu thay thế dành cho doanh nghiệp (Corporate Alternative Minimum Tax - CAMT). Thuế suất CAMT là 15% đối với thu nhập từ báo cáo tài chính đã điều chỉnh của các tập đoàn lớn, áp dụng từ ngày 01/01/2023. Đối tượng áp dụng: (i) các tập đoàn Mỹ có lợi nhuận trung bình trên 1 tỷ USD/năm trong vòng 3 năm; (ii) doanh nghiệp Mỹ có Công ty mẹ ở nước ngoài với lợi nhuận trên 1 tỷ USD), trong đó lợi nhuận trung bình tại thị trường Mỹ trên 100 triệu USD/năm trong vòng 3 năm.</p> <p>- Bên cạnh đó, những động thái chính trị, ngoại giao của Hoa Kỳ với các đối tác trong lĩnh vực này cho thấy Hoa Kỳ sẵn sàng áp dụng các biện pháp ngoại giao để thúc đẩy các nước cùng tham gia thực hiện quy tắc, qua đó thể hiện quan điểm vẫn sẽ ủng hộ việc sáng kiến này. Ví dụ, ngày 08 tháng 7 năm 2021, Bộ Ngân khố Hoa Kỳ tuyên bố sẽ chấm dứt Hiệp ước thuế 1979 với Hungary trước bối cảnh nước này đã bỏ phiếu chống đối với kế hoạch áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu của Liên minh châu Âu với lý do rằng mức thuế TNDN 9% của Hungary (so với mức 21% của Hoa Kỳ) đang tạo nên sự mất cân bằng giữa môi trường đầu tư kinh doanh hai nước.</p>
Singapore	<p>- Singapore thực thi chính sách ưu đãi (miễn thuế, thuế suất ưu đãi) đối với một số loại thu nhập nhất định. Theo đó, nhiều tập đoàn tại Singapore có thuế suất hiệu quả dưới 15% sẽ bị rủi ro đánh thuế bổ sung theo nguyên tắc gộp thu nhập IIR.</p> <p>- Để duy trì mục tiêu thu hút đầu tư trong bối cảnh chính sách ưu đãi thuế bị hạn chế bởi Trụ cột 2, Singapore đặt trọng tâm vào các lợi thế cạnh tranh khác (bên cạnh công cụ thuế)</p>

	<p>như: tính kết nối toàn cầu, sự ổn định chính trị, môi trường kinh doanh chuyên nghiệp, hệ thống luật pháp, tinh thần đổi mới của Chính phủ. Các lợi thế cốt lõi này được kỳ vọng sẽ tiếp tục giúp Singapore giữ vững vị thế là điểm đến đầu tư hấp dẫn</p> <p>- Bên cạnh đó, Singapore có khả năng sẽ điều chỉnh hệ thống thuế TNDN để thích ứng với việc áp dụng Trụ cột 2. Singapore đã tuyên bố việc thực thi chính sách về mức thuế suất tối thiểu nội địa (Minimum Effective Tax Rate – METR) 15% nhằm thu về mức thuế bổ sung (top-up tax) đối với các công ty đa quốc gia thuộc đối tượng áp dụng nguyên tắc thuế suất tối thiểu toàn cầu 15% tại Singapore. Theo đó, các Công ty nay sẽ phải nộp thuế bổ sung tại Singapore với phần chênh lệch giữa 15% và thuế suất hiệu quả tại quốc gia này. Tuy nhiên, thời điểm áp dụng METR chưa được công bố, Chính phủ Singapore đang xem xét các hành động của các nước trong khu vực để có lộ trình áp dụng phù hợp.</p>
Nhật Bản	<p>- Dự kiến nội luật của Nhật Bản liên quan đến Trụ cột 2 sẽ được xây dựng vào năm 2023, nhưng liệu luật này có hiệu lực vào năm 2023 hay 2024 hay không vẫn chưa được xác định và phụ thuộc vào xu hướng toàn cầu.</p> <p>- Nhật Bản hiện đã áp dụng cơ chế chống thiên đường thuế (Anti-Tax Haven) là cơ chế CFC (Controlled Foreign Companies Rule), cơ chế này phần nào đó tương tự với cơ chế của Trụ cột 2, do đó Nhật Bản dự kiến sẽ có các thay đổi chính sách để hai cơ chế này có thể tồn tại đồng thời. Hiện vẫn chưa có quyết định chính thức nào về vấn đề này.</p> <p>- Các công ty Nhật Bản chủ yếu lo ngại về việc gia tăng gánh nặng hành chính trong việc thu thập dữ liệu. Nhìn chung, nhiều công ty Nhật Bản không quyết liệt trong việc trốn thuế, vì vậy tác động tài chính do Trụ cột 2 gây ra đối với các công ty này dự kiến có thể không quá lớn</p>
Hàn Quốc	<p>- Bộ Chiến lược và Tài chính Hàn Quốc đang xây dựng luật thuế kỹ thuật số. Các doanh nghiệp Hàn Quốc cũng đang xem xét các ảnh hưởng trực tiếp của Trụ cột 2 đến thuế suất hiệu quả toàn cầu.</p> <p>- Ngày 23/12/2022, Quốc hội Hàn Quốc đã tổ chức phiên họp toàn thể và quyết định thông qua Luật Thuế sửa đổi, lấy Quy tắc Thuế suất tối thiểu toàn cầu làm tâm điểm. Theo đó, Hàn Quốc sẽ bắt đầu thực thi Quy tắc này từ ngày 01/01/2024. Các Nghị định thực thi, hướng dẫn cụ thể sẽ được ban hành trong năm 2023.</p>

<p>Vương quốc Anh</p>	<p>- Ngày 17 tháng 11 năm 2022, Chính quyền Thủ tướng Rishi Sunak đã thông báo dự luật tài chính năm 2023, trong đó dự kiến áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu đối với các kỳ quyết toán kết thúc kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2023. Chính phủ Anh ước thu được thêm 2,3 tỉ bảng Anh hằng năm từ năm 2027 từ chính sách này. Chính phủ Anh không áp dụng nguyên tắc bất hồi tố đối với các khoản thuế trước khi dự luật dự kiến được thông qua vào cuối năm 2023.</p>
<p>CHLB Đức và Liên minh châu Âu</p>	<p>- Đức là một nền kinh tế phát triển với nền tảng thuế cao, nên có sự ủng hộ chính trị mạnh mẽ đối với sáng kiến thuế tối thiểu toàn cầu và coi đó là một biện pháp nhằm giảm những yếu tố bất lợi tiềm ẩn khi cạnh tranh với các khu vực pháp lý thuế thấp trong thu hút đầu tư. Với tư cách là thành viên liên minh châu Âu (EU), cơ sở pháp lý để thực hiện chính sách này tại Đức và các nước EU khác sẽ dựa trên một chỉ thị chung của EU (EU Directive) và đòi hỏi sự ủng hộ từ toàn bộ 27 quốc gia thành viên EU.</p> <p>- Sau quá trình đàm phán và củng cố nội hàm, ngày 13 tháng 12 năm 2022, các quốc gia thành viên EU thông báo đã chính thức đạt được thỏa thuận thực hiện Trụ cột 2 trên phạm vi toàn khối sau khi thông qua kế hoạch phục hồi của Hungary. Chỉ thị của EU về thực hiện Trụ cột 2 sẽ được nội luật hóa tại các quốc gia thành viên từ cuối năm 2023.</p> <p>- Về phía cộng đồng doanh nghiệp, Liên đoàn Công nghiệp Đức đã kêu gọi lùi thời hạn áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu cho tới năm 2025 trước bối cảnh các doanh nghiệp đang phải chịu gánh nặng kép từ đại dịch COVID-19 và khủng hoảng năng lượng trong thời gian vừa qua, trong khi các hiệp hội, doanh nghiệp lớn cũng đề xuất chính phủ các nước xem xét lùi thời hạn áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu.</p>
<p>Hồng Kông</p>	<p>- Hồng Kông cũng đã tuyên bố việc thực thi chính sách về mức thuế suất tối thiểu nội địa 15% nhằm thu về mức thuế bổ sung (top-up tax) đối với các công ty đa quốc gia thuộc đối tượng áp dụng nguyên tắc thuế suất tối thiểu toàn cầu nhưng lại có mức thuế suất hiệu quả thấp hơn mức thuế suất tối thiểu toàn cầu 15% tại Hồng Kông. Theo đó, các Công ty này sẽ phải nộp thuế bổ sung tại Hồng Kông với phần chênh lệch giữa 15% và thuế suất hiệu quả tại quốc gia này. Thời điểm áp dụng mức thuế suất tối thiểu nội địa của Hồng Kông dự kiến bắt đầu từ năm 2024.</p>

PHỤ LỤC II

TỔNG HỢP ĐỘNG THÁI CÁC QUỐC GIA ĐANG PHÁT TRIỂN

Quốc gia	Quan điểm hành động
Malaysia	<ul style="list-style-type: none">- Là một thành viên của IF, Malaysia nhiều khả năng sẽ triển khai Trụ cột 2 với một số điều chỉnh về lộ trình thực hiện. Hiện tại, Bộ Tài chính, các cơ quan thuế và cơ quan quản lý đầu tư của Malaysia đang thảo luận và tham vấn về vấn đề này mà chưa có bất kỳ công bố chính thức nào về Trụ cột 2.- Khả năng cao Malaysia sẽ áp dụng ngưỡng doanh thu 750 triệu EUR như khuyến cáo của OECD. Tuy nhiên, Malaysia sẽ chưa đưa ra một mức thuế suất tối thiểu trong nước tương tự như Singapore tại giai đoạn giao thời này. Ngoài ra, việc loại trừ Nguyên tắc UTPR trong thời gian 05 năm sẽ đem lại lợi ích cho một số Tập đoàn đa quốc gia đang được hưởng ưu đãi thuế tại Malaysia- Malaysia cũng có kế hoạch soát xét lại các quy định về ưu đãi thuế dưới tác động của Trụ cột 2. Đồng thời, tập trung cải thiện và tăng cường các lợi thế cạnh tranh không bằng công cụ thuế trong việc thu hút đầu tư nước ngoài.- Chính phủ đang lên phương án sẽ đưa ra mức thuế suất tối thiểu trong nước như được khuyến nghị trong Trụ cột 2 và dự kiến sẽ được thực hiện vào năm 2024.
Thái Lan	<ul style="list-style-type: none">- Sở thuế vụ Thái Lan (TRB) và Cục Đầu tư (BOI) là những cơ quan có thẩm quyền đã thảo luận về tác động và các bước cần thực hiện để áp dụng Trụ cột 2. Các thảo luận hiện tại tập trung vào định hướng và kế hoạch chuyển đổi. Tại giai đoạn giao thời này, Thái Lan chưa có kế hoạch đưa ra mức thuế suất tối thiểu nội địa hay giảm ngưỡng doanh thu (750 triệu EUR). Chiến lược hiện tại của Thái Lan là chờ đợi và quan sát dựa trên các yêu cầu tối thiểu đối với các thành viên của IF. Chính phủ Thái Lan cũng đang tiến hành thảo luận với OECD về lộ trình áp dụng Trụ cột 2 một cách phù hợp với tình hình tại Thái Lan. Chính phủ dự kiến sẽ xây dựng một “gói” pháp lý chính sách để thực hiện thuế tối thiểu toàn cầu, trong đó bao gồm các chính sách mới về: ưu đãi thuế nội địa, mức thuế tối thiểu trong nước và quy định hỗ trợ khác.- Chính phủ Thái Lan cũng đang chuẩn bị, với sự hỗ trợ của Ngân hàng Phát triển châu Á ADB về lộ trình thay đổi nội luật cần thiết để tuân thủ BEPS 2.0.- Trong số 79 doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng Trụ cột 2 tại Thái Lan (có doanh thu tối thiểu 750 triệu EUR), 21

	<p>doanh nghiệp có mức thu nhập trước thuế (EBT) dưới 15%. Trong đó, nhiều doanh nghiệp là các chi nhánh của Tập đoàn đa quốc gia tại Thái Lan đang được hưởng ưu đãi thuế do BOI ban hành. Đối với các doanh nghiệp này, vấn đề quan trọng nhất là khi nào và cách thức TRD/BOI phù ứng với việc triển khai Trụ cột 2.</p> <p>- Đối với quy tắc IIR và UTPR, hiện tại TRD chưa có chính sách cụ thể nào tính đến thời điểm này, tuy nhiên có chiều hướng sẽ áp dụng Trụ cột 2 nhằm tuân thủ BEPS 2.0. Đối với quy tắc STTR, do đây là các quy tắc theo hiệp định, TRD nhiều khả năng sẽ áp dụng mức thuế suất tối thiểu 9% theo khuyến nghị của OECD.</p>
Indonesia	<p>Tháng 12/2022, Chính phủ đã ban hành Quy định Chính phủ số 55 (GR-55) để thực hiện các sửa đổi luật thuế thu nhập¹. Theo đó, bao gồm hai nội dung chính: (i) các biện pháp chống trốn thuế và (ii) các hiệp định thuế quốc tế. Đồng thời đưa ra một khái niệm mới về phân bổ quyền đánh thuế để trao quyền đánh thuế rộng hơn cho quốc gia xuất khẩu vốn. Trong khi đó, xây dựng những giải pháp khác để chấm dứt việc chuyển lợi nhuận sang các khu vực miễn thuế hoặc thuế thấp và để đảm bảo các doanh nghiệp đa quốc gia trả mức thuế tối thiểu toàn cầu theo quy định. Đây được coi là cơ sở pháp lý để Indonesia áp dụng Trụ cột 2. Hiện nay, Bộ Tài chính Indonesia đang xây dựng các văn bản quy định chi tiết việc thi hành các quy định nêu trên.</p>
Philippines	<p>- Mặc dù Philippines không phải là thành viên IF, nhiều khả năng Chính phủ nước này vẫn áp dụng các quy tắc của Trụ cột 2.</p> <p>- Trụ cột 2 có tác động làm giảm hiệu quả các chính sách ưu đãi thuế của Philippines mới ban hành vào năm 2021. Do đó, Cục thuế Philippines sẽ tiến hành rà soát lại các quy định ưu đãi mới này trong bối cảnh áp dụng thuế suất tối thiểu toàn cầu.</p> <p>- Hiện tại, Bộ Tài chính Philippines chưa có thông báo chính thức về việc Philippines sẽ có các định hướng chính sách cụ thể khi áp dụng Trụ cột 2.</p>

¹ Theo International Tax Review: Indonesia's vital breakthrough with the BEPS two-pillar solution" ngày 23/01/2023.

PHỤ LỤC III
THỐNG KÊ DỰ ÁN FDI QUY MÔ LỚN LĨNH VỰC CN CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO TRONG KCN, KKT
(Cập nhật đến 3/2023)

Quy mô dự án	Số dự án	Tỷ trọng dự án	Tổng vốn đầu tư (Triệu USD)	Tỷ trọng vốn đầu tư
Trên 1 tỷ USD	25	0,07%	65.813	14,9%
Từ 500 triệu USD đến dưới 1 tỷ USD	18	0,05%	11.160	2,5%
Từ 200 triệu USD đến dưới 500 triệu USD	108	0,29%	30.006	6,8%
Từ 100 triệu USD đến dưới 200 triệu USD	184	0,50%	24.325	5,5%

(Lũy kế đến tháng 3/2023 có 36.611 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký 442,3 tỷ USD)

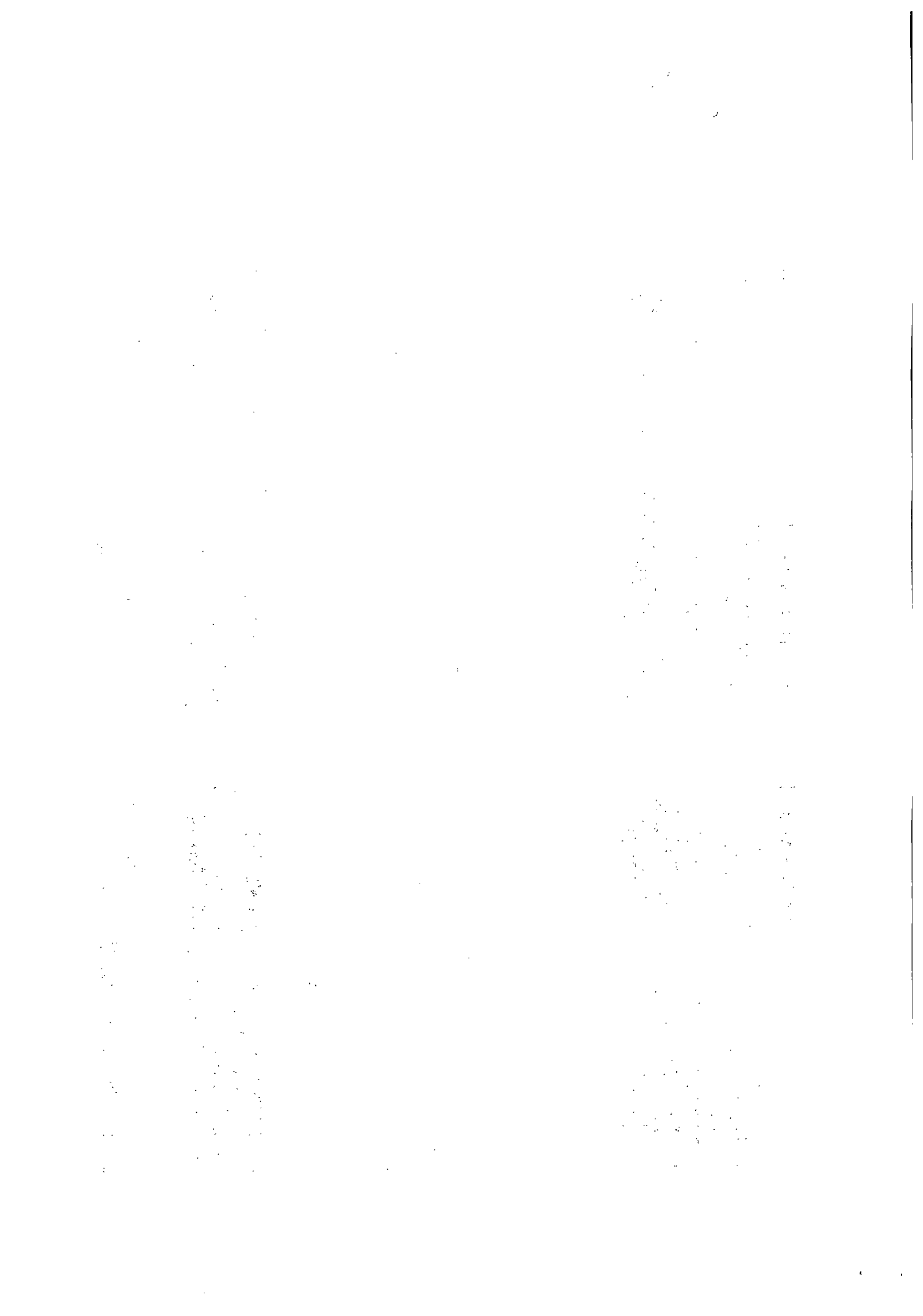
DANH SÁCH DỰ ÁN FDI QUY MÔ TRÊN 1 TỶ USD

STT	Tên dự án	KKT/KCN/KCX/KCNC	Tỉnh thành	Nước đầu tư	Vốn đăng ký
1	KHU LIÊN HỢP GANG THÉP VÀ CẢNG SƠN ĐƯƠNG FORMOSA HÀ TĨNH	KKT Vũng Áng	Hà Tĩnh	Đài Loan	10.687.052.000
2	CÔNG TY TNHH LỘC HÓA DẦU NGHI SƠN	KKT Nghi Sơn	Thanh Hóa	Nhật Bản	9.000.000.000
3	SAMSUNG DISPLAY VIỆT NAM	KCN Yên Phong 1	Bắc Ninh	Hàn Quốc	6.500.000.000
4	DỰ ÁN LG DISPLAY HẢI PHÒNG	KCN Trảng Duệ	Hải Phòng	Hàn Quốc	4.650.000.000
5	CÔNG TY TNHH INTEL PRODUCTS VIỆT NAM	Khu công nghệ cao TP Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Hà Lan	4.115.000.000
6	TỔ HỢP CÔNG NGHỆ CAO SAMSUNG THÁI NGUYÊN - GIAI ĐOẠN 2	KCN Yên Bình	Thái Nguyên	Hàn Quốc	3.000.000.000
7	DỰ ÁN CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ SAMSUNG HCMC CE COMPLEX	Khu công nghệ cao TP Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Singapore	2.841.108.580
8	CÔNG TY TNHH SAMSUNG ELECTRO-MECHANICS VIỆT NAM	KCN Yên Bình	Thái Nguyên	Hàn Quốc	2.537.000.000
9	KHU TỔ HỢP CÔNG NGHỆ SAMSUNG.	KCN Yên Phong 1	Bắc Ninh	Singapore	2.500.000.000
10	CÔNG TY TNHH SAMSUNG ELECTRONICS VIỆT NAM THÁI NGUYÊN	KCN Yên Bình	Thái Nguyên	Singapore	2.000.000.000
11	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HƯNG NGHIỆP FORMOSA	KCN Nhơn Trạch III	Đồng Nai	Đài Loan	1.638.402.000
12	DỰ ÁN LG ELECTRONICS VIỆT NAM HẢI PHÒNG	KCN Trảng Duệ	Hải Phòng	Hàn Quốc	1.500.000.000
13	NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH POLYTEX FAR EASTERN (VIỆT NAM)	KCN Bàu Bàng	Bình Dương	Đài Loan	1.370.000.000
14	DỰ ÁN CÔNG TY TNHH LEGO MANUFACTURING VIỆT NAM	KCN Việt Nam - Singapore (VSIP)	Bình Dương	Đan Mạch	1.318.391.562
15	NHÀ MÁY SẢN XUẤT Lốp XE CỦA BRIDGESTONE TẠI HẢI PHÒNG VIỆT NAM	KCN Đình Vũ	Hải Phòng	Singapore	1.224.100.000

16	NHÀ MÁY SẢN XUẤT POLYPROPYLENE (PP) VÀ KHO NGẦM CHỨA KHÍ DẦU MỎ HÓA LỎNG (LPG) TẠI VIỆT NAM	KCN Cái Mép	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hàn Quốc	1.201.000.000
17	NHÀ MÁY CHINA STEEL SUMIKIN VIỆT NAM	KCN Mỹ Xuân A2	Bà Rịa - Vũng Tàu	Đài Loan	1.148.000.000
18	NHÀ MÁY SẢN XUẤT THÉP POSCO	KCN Phú Mỹ II + mở rộng	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hàn Quốc	1.128.000.000
19	CÔNG TY TNHH WINTEK VIỆT NAM	KCN Quang Châu	Bắc Giang	Samoa	1.120.000.000
20	CÔNG TY TNHH HYOSUNG VIỆT NAM	KCN Nhơn Trạch V	Đồng Nai	Hàn Quốc	1.116.964.950
21	NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIẤY CÔNG TY TNHH CHENG LOONG BÌNH DƯƠNG PAPER	KCN An Tây	Bình Dương	Đài Loan	1.100.000.000
22	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT FIRST SOLAR VIỆT NAM	KCN Đông Nam	TP. Hồ Chí Minh	Singapore	1.066.994.603
23	DỰ ÁN NHÀ MÁY LG INNOTEK HẢI PHÒNG	KCN Trảng Duệ	Hải Phòng	Hàn Quốc	1.051.000.824
24	DỰ ÁN REGINA MIRACLE INTERNATIONAL VIỆT NAM	KCN VSIP Hải Phòng	Hải Phòng	Hồng Kông	1.000.000.000
25	DỰ ÁN CHẾ TẠO LỚP XE RADIANT	KCN Phước Đông - Bời Lời	Tây Ninh	Trung Quốc	1.000.000.000
	TỔNG				65.813.014.519

DANH SÁCH DỰ ÁN FDI QUY MÔ TỪ 500 TRIỆU USD ĐẾN 1 TỶ USD

STT	Tên dự án	KKT/KCN/KCX/KCNC	Tỉnh thành	Nước đầu tư	Vốn đăng ký
1	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HYOSUNG ĐỒNG NAI	KCN Nhơn Trạch V	Đồng Nai	Thổ Nhĩ Kỳ	925.000.000
2	PEGATRON VIỆT NAM	KCN Nam Đình Vũ - Khu II	Hải Phòng	Đài Loan	800.000.000
3	CÔNG TY TNHH ĐIỆN MÁY AQUA VIỆT NAM	KCN Biên hoà II	Đồng Nai	Singapore	750.000.000
4	DỰ ÁN POSCO SS - VINA	KCN Mỹ Xuân B1 Conac	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hàn Quốc	704.300.000
5	CÔNG TY TNHH TECHTRONIC TOOLS (VIỆT NAM)	Khu công nghệ cao TP Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Hồng Kông	650.000.000
6	NHÀ MÁY THIẾT KẾ, SẢN XUẤT VÀ CHẾ TẠO CÁC LOẠI BẢNG MẠCH IN ĐIỆN TỬ (PCB), LẮP RÁP LINH KIỆN ĐIỆN TỬ LÊN PCB, LẮP RÁP CÁC LOẠI SẢN PHẨM ĐIỆN TỬ HOÀN CHỈNH	KCN Thạch Thất - Quốc Oai	Hà Nội	Hồng Kông	650.000.000
7	NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ CHÍNH XÁC FULIAN	KCN Đình Trám	Bắc Giang	Singapore	621.000.000
8	NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIẤY KRAFT VINA CÔNG SUẤT 800.000 TẤN/NĂM	KCN Bình Xuyên II	Vĩnh Phúc	Nhật Bản	611.400.000
9	NHÀ MÁY SẢN XUẤT HANA MICRON VINA	KCN Vân Trung	Bắc Giang	Hàn Quốc	591.000.000
10	DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI BROTEX VIỆT NAM	KCN Phước Đông - Bời Lời	Tây Ninh	Trung Quốc	570.000.000
11	NHÀ MÁY NIPRO VIỆT NAM	Khu công nghệ cao TP Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Nhật Bản	570.000.000
12	NHÀ MÁY CHẾ TẠO THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ, PHƯƠNG TIỆN THIẾT BỊ MẠNG VÀ CÁC SẢN PHẨM ÂM THANH ĐA PHƯƠNG TIỆN.	KCN Quế Võ I	Bắc Ninh	Hồng Kông	565.654.000
13	CÔNG TY TNHH SMC MANUFACTURING (VIỆT NAM)	KCN Long Đức	Đồng Nai	Nhật Bản	549.400.000
14	NHÀ MÁY FUKANG TECHNOLOGY	KCN Đình Trám	Bắc Giang	Singapore	539.000.000
15	DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU BROTEX (VIỆT NAM)	KCN Phước Đông - Bời Lời	Tây Ninh	Trung Quốc	534.476.087
16	NHÀ MÁY SẢN XUẤT, LẮP RÁP VÀ THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU, THIẾT BỊ BÁN DẪN	KCN Yên Phong 2	Bắc Ninh	Singapore	529.567.520
17	NHÀ MÁY DỆT KIM, MAY MẶC CAO CẤP GAIN LUCKY (VIỆT NAM)	KCN Phước Đông - Bời Lời	Tây Ninh	British Virgin Islands	500.000.000
18	DỰ ÁN CÔNG TY TNHH COMPAL VIỆT NAM TẠI VĨNH PHÚC	KCN Bá Thiện	Vĩnh Phúc	British Virgin Islands	500.000.000
	TỔNG				11.160.797.607



DANH SÁCH DỰ ÁN FDI QUY MÔ TỪ 200 - 500 TRIỆU USD

STT	Tên dự án	KKT/KCN/KCX/KCNC	Tỉnh thành	Nước đầu tư	Vốn đăng ký
1	DỰ ÁN CÔNG NGHỆ TẾ BÀO QUANG ĐIỆN JINKO SOLAR PV VIỆT NAM.	KCN Sông Khoai	Quảng Ninh	Hồng Kông	498.044.906
2	CÔNG TY TNHH HUALON CORPORATION VIỆT NAM	KCN Nham Trạch I	Đồng Nai	Đài Loan	477.134.598
3	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SHING MARK VINA.	KCN Bầu Xéo	Đồng Nai	British Virgin Islands	471.000.000
4	CÔNG TY TNHH WONDERFUL SÀI GÒN ELECTRICS	KCN Việt Nam - Singapore (VSIP)	Bình Dương	Nhật Bản	450.000.000
5	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TOÀN CẦU LIXIL VIỆT NAM	KCN Long Đức	Đồng Nai	Singapore	441.000.000
6	SẢN XUẤT LẮP RÁP ROBOT, CÁC BỘ PHẬN CỦA ROBOT VÀ THIẾT BỊ ĐIỀU KHIỂN ĐỘNG CƠ	KCN Nomura - Hải Phòng	Hải Phòng	Nhật Bản	426.000.000
7	(DỆT PACIFIC) CTY TNHH DỆT PACIFIC VIỆT NAM	KCN Lai Vu	Hải Dương	Hồng Kông	425.000.000
8	NHÀ MÁY BOSCH POWERTRAIN SOLUTIONS TẠI VIỆT NAM	KCN Long Thành	Đồng Nai	Hà Lan	424.000.000
9	DỰ ÁN SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ CÁC SẢN PHẨM KÍNH NỘI	KCN Mỹ Xuân A	Bà Rịa - Vũng Tàu	Singapore	418.526.934
10	NHÀ MÁY SẢN XUẤT VẢI MÀNH (CÔNG SUẤT 39.600 TẤN SẢN PHẨM/NĂM)	KKT mở Chu Lai	Quảng Nam	Hàn Quốc	410.000.000
11	NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÁC SẢN PHẨM ĐẤT HIỀM	KCN Đình Vũ	Hải Phòng	Nhật Bản	407.250.000
12	DỰ ÁN SẢN XUẤT CÀ PHÊ CỦA CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM TẠI KHU CÔNG NGHIỆP LONG BÌNH (AMATA) - NHÀ MÁY TRỊ AN	KCN Amata	Đồng Nai	Thụy Sĩ	402.000.000
13	ÂU TƯ XÂY DỰNG CHUỖI DÂY CHUYỀN CÔNG NGHIỆP DỆT MAY TẠI KHU CÔNG NGHIỆP TEXHONG HẢI HÀ	KCN Hải Yên	Quảng Ninh	Hồng Kông	401.520.000
14	(KEFICO) SX CÁC PHỤ TÙNG VÀ BỘ PHẬN PHỤ TRỢ CHO XE CÓ ĐỘNG CƠ VÀ Đ.CƠ XE	KCN Đại An	Hải Dương	Hàn Quốc	400.000.000
15	CÔNG TY TNHH LỚP ADVANCE VIỆT NAM	KCN Long Giang	Tiền Giang	Trung Quốc	387.385.040
16	NHÀ MÁY SẢN XUẤT LINH KIỆN ĐIỆN TỬ (JNTC)	KCN Thụy Vân	Phú Thọ	Hàn Quốc	383.000.000
17	NHÀ MÁY BIA CÔNG SUẤT 1.100 TRIỆU LÍT/NĂM	KCN Mỹ Xuân A	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hà Lan	381.300.147
18	DỰ ÁN CÔNG NGHIỆP TẮM SILIC JINKO SOLAR VIỆT NAM (JINKO2)	KCN Sông Khoai	Quảng Ninh	Trung Quốc	365.629.003
19	DỰ ÁN NHÀ MÁY SỢI, VẢI MÀU LU THAI (VIỆT NAM)	KCN Phước Đông - Bời Lời	Tây Ninh	Trung Quốc	360.000.000
20	NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG MAY MẶC VÀ MŨ GIÀY CAO CẤP WORLDON VIỆT NAM	KCN Đông Nam	TP. Hồ Chí Minh	British Virgin Islands	360.000.000

21	NHÀ MÁY SẢN XUẤT POLYESTER VÀ SỢI TỔNG HỢP BILLION VIỆT NAM	KCN Phước Đông - Bời Lời	Tây Ninh	Trung Quốc	358.000.000
22	NHÀ MÁY SẢN XUẤT VẢI ÁO SƠ MI CAO CẤP VIỆT NAM	KCN Sông Công II	Thái Nguyên	Hồng Kông	350.000.000
23	DỰ ÁN SEOUL SEMICONDUCTOR VINA	KCN Đồng Văn I	Hà Nam	Hàn Quốc	350.000.000
24	CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LỚP KUMHO VIỆT NAM	KCN Mỹ Phước	Bình Dương	Hồng Kông	348.193.000
25	DỰ ÁN CÔNG TY TNHH SÀI GÒN STEC TẠI KHU CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM-SINGAPORE II	KCN Việt Nam - Singapore (VSIP) II	Bình Dương	Nhật Bản	340.000.000
26	CTY TNHH KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM VIỆT-TRUNG	KCN Tăng Loong	Lào Cai	Trung Quốc	337.500.000
27	NHÀ MÁY SẢN XUẤT TAI NGHE, DÂY KẾT NỐI NEW WING	KCN Đình Trám	Bắc Giang	Singapore	330.000.000
28	NHÀ MÁY CHẾ TẠO CÁC SẢN PHẨM ĐIỆN TỬ, PHƯƠNG TIỆN THIẾT BỊ MẠNG VÀ CÁC SẢN PHẨM ÂM THANH ĐA PHƯƠNG TIỆN	KKT Đông Nam Nghệ An	Nghệ An	Trung Quốc	325.000.000
29	CÔNG NGHIỆP NẶNG DOOSAN VIỆT NAM	KKT Dung Quất	Quảng Ngãi	Hàn Quốc	315.000.000
30	CTY TNHH CANON VIỆT NAM	KCN Thăng Long	Hà Nội	Nhật Bản	306.700.000
31	NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIẤY CỨNG BAO BÌ CAO CẤP SẢN LƯỢNG 420.000 TẤN/NĂM	KCN Sông Hậu	Hậu Giang	Trung Quốc	303.000.000
32	NHÀ MÁY SẢN XUẤT LỚP XE RADIANT JINYU (VIỆT NAM).	KCN Phước Đông - Bời Lời	Tây Ninh	Trung Quốc	300.000.000
33	NHÀ MÁY KÍNH NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI FLAT VIỆT NAM	KCN Đình Vũ	Hải Phòng	Hồng Kông	300.000.000
34	DỰ ÁN NHÀ MÁY NIPPON MEKTRON	KCN Phố Nối B (Thăng Long II)	Hưng Yên	Nhật Bản	300.000.000
35	CTY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT TEXHONG NGÂN LONG	KCN Hải Yên	Quảng Ninh	Hồng Kông	300.000.000
36	CÔNG TY TNHH JABIL VIỆT NAM (JABIL)	Khu công nghệ cao TP Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Singapore	300.000.000
37	CTY TNHH POSSCO VST, TEN CU LA CTY TNHH ASIA STAINLES, SX THÉP KHÔNG G	KCN Nhơn Trạch I	Đồng Nai	Hàn Quốc	300.000.000
38	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN POSCO VST	KCN Nhơn Trạch I	Đồng Nai	Hàn Quốc	300.000.000
39	NHÀ MÁY FUSHAN TECHNOLOGY (VIỆT NAM).	KCN VSIP Bắc Ninh	Bắc Ninh	British Virgin Islands	294.934.525
40	NHÀ MÁY SỢI MÀU SHUNDAO	KCN Thuận Đạo	Long An	Hồng Kông	290.630.000
41	DỰ ÁN CHẾ TẠO LỚP XE RADIANT TOÀN THÉP ACTR	KCN Phước Đông - Bời Lời	Tây Ninh	Trung Quốc	280.000.000
42	CÔNG TY TNHH JA SOLAR VIỆT NAM	KCN Quang Châu	Bắc Giang	Trung Quốc	280.000.000
43	CTY TNHH XỬ LÝ GIẤY CHÁNH DƯƠNG	KCN Mỹ Phước	Bình Dương	Cayman Islands	280.000.000
44	DỰ ÁN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI CÔNG NGHỆ PIN LITHIUM	KKT Vũng Áng	Hà Tĩnh	Hoa Kỳ	275.000.000
45	CÔNG TY TNHH TRINA SOLAR WAFER (VIET NAM)	KCN Yên Bình	Thái Nguyên	Singapore	275.000.000

46	NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ CHÍNH XÁC FUYU	KCN Đình Trám	Bắc Giang	Samoa	274.500.000
47	DỰ ÁN VICTORY – NHÀ MÁY SẢN XUẤT SẢN PHẨM ĐIỆN TỬ CÔNG NGHỆ CAO TẠI ĐỒNG VĂN, HÀ NAM	KCN Đồng Văn III	Hà Nam	Đài Loan	273.913.043
48	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN POU SUNG VIỆT NAM.	KCN Bàu Xéo	Đồng Nai	Hồng Kông	270.000.000
49	NHÀ MÁY ĐIỆN TỬ BYD VIỆT NAM	KCN Phú Hà	Phú Thọ	Hồng Kông	269.165.744
50	NHÀ MÁY SẢN XUẤT MÀN HÌNH LCD-QISDA VIỆT NAM.	KCN Đồng Văn 4	Hà Nam	Đài Loan	263.000.000
51	DỰ ÁN CÔNG TY TNHH COMPAL ELECTRONICS (VIỆT NAM).	Khu kinh tế tỉnh Thái Bình	Thái Bình	BritishVirginIslands	260.000.000
52	CÔNG TY SẢN PHẨM MÁY TÍNH FUJITSU VIỆT NAM TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN.	KCN Biên hoà II	Đồng Nai	Nhật Bản	259.000.000
53	NHÀ MÁY SỬA CHỮA, ĐÓNG MÓI CÁC LOẠI TÀU BIÊN VÀ GIA CÔNG KẾT CẤU THÉP	KCN Ninh Thủy	Khánh Hòa	Hàn Quốc	250.070.688
54	DỰ ÁN NHÀ MÁY MÓI NIPRO PHARMA VIỆT NAM	KCN VSIP Hải Phòng	Hải Phòng	Nhật Bản	250.000.000
55	NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐAO CẠO RẪU CỦA CÔNG TY TNHH PROCTER & GAMBLE ĐÔNG DƯƠNG	KCN Việt Nam - Singapore (VSIP) II-A	Bình Dương	Hoa Kỳ	247.849.624
56	CÔNG TY CHANG SHIN VIỆT NAM TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN	KCN Dệt may Nhơn Trạch	Đồng Nai	Hàn Quốc	247.375.862
57	NHÀ MÁY GIẤY MARUBENI TẠI TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU	KCN Phú Mỹ III	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nhật Bản	244.093.755
58	DỰ ÁN HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME GROUP	KCN Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Thái Lan	239.693.193
59	NHÀ MÁY SẢN XUẤT CỦA CÔNG TY TNHH LONGWELL	KCN Dầu Giây	Đồng Nai	Samoa	236.000.000
60	CÔNG TY TNHH NHÔM TOÀN CẦU VIỆT NAM	KCN Mỹ Xuân B1 Conac	Bà Rịa - Vũng Tàu	Australia	234.822.000
61	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SÀI GÒN PRECISION	KCX Linh Trung 1	TP. Hồ Chí Minh	Nhật Bản	232.705.000
62	CÔNG TY TNHH ĐÈN HÌNH ORION-HANEL	KCN Sài Đồng B	Hà Nội	Hàn Quốc	230.546.257
63	DỰ ÁN SẢN XUẤT NỀN THỦY TINH CHO ĐĨA TỬ	KCN Thăng Long	Hà Nội	Hà Lan	230.000.000
64	CTY TNHH CÔNG NGHIỆP CAO SU CHÍNH TÂN VIỆT NAM	KCN Nhơn Trạch III	Đồng Nai	BritishVirginIslands	230.000.000
65	DỰ ÁN SẢN XUẤT, CHẾ TẠO VÀ LẮP RÁP CÁC LOẠI MÁY MÓC VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ, DỤNG CỤ VÀ ĐỒ DÙNG Y TẾ, CÁC LOẠI BÁN THÀNH PHẨM LIÊN QUAN.	KCN Quang Minh	Hà Nội	Nhật Bản	229.500.000
66	XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ MDF VRG DONGWHA.	KCN Minh Hưng III	Bình Phước	Hồng Kông	228.000.000
67	CTY TNHH DENSO VIỆT NAM, SXKD THIẾT KẾ P.TỪNG ÔTÔ	KCN Thăng Long	Hà Nội	Nhật Bản	226.164.000
68	NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH UNI-PRESIDENT VIỆT NAM	KCN Sóng Thần 2	Bình Dương	Cayman Islands	225.210.054

69	NHÀ MÁY SẢN XUẤT TẮM TẾ BÀO QUANG ĐIỆN VINA CELL TECHNOLOGY	KCN Vân Trung	Bắc Giang	Hồng Kông	224.435.727
70	DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT MÀNG POLYESTER.	KCN Phước Đông - Bờ Lờ	Tây Ninh	Trung Quốc	220.000.000
71	DỰ ÁN SẢN XUẤT SỢI LỚP KVT-1	KCN Bàu Bàng	Bình Dương	Hàn Quốc	220.000.000
72	DỰ ÁN SẢN XUẤT BẢNG VI MẠCH DẪO ĐỂ XUẤT KHẨU.	KCN Thăng Long	Hà Nội	Nhật Bản	220.000.000
73	CÔNG TY TNHH KYUNGBANG VIỆT NAM	KCN Bàu Bàng	Bình Dương	Samoa	219.254.000
74	DỰ ÁN THÀNH LẬP CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BIA ANHEUSER-BUSCH INBEV VIỆT NAM TẠI VSIP II-A, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM	KCN Việt Nam - Singapore (VSIP) II-A	Bình Dương	Hà Lan	218.500.000
75	NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÔNG TY CAO SU KENDA (VIỆT NAM) TẠI KCN GIANG ĐIỀN TỈNH ĐỒNG NAI	KCN Giang Điền	Đồng Nai	Đài Loan	216.000.000
76	CÔNG TY TNHH SI FLEX VIỆT NAM	KCN Quang Châu	Bắc Giang	Hàn Quốc	216.000.000
77	NHÀ MÁY SẢN XUẤT CỦA USI TẠI VIỆT NAM	KCN Đình Vũ	Hải Phòng	Đài Loan	215.000.000
78	KNT ASIA	Khu công nghệ cao TP Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Hoa Kỳ	215.000.000
79	CTY TNHH GIẤY KRAFT VINA	KCN Mỹ Phước 3	Bình Dương	Thái Lan	215.000.000
80	NHÀ MÁY DỆT KIM TẠI KCN TEXHONG HẢI HÀ	KCN Texhong Hải Hà - Giai đoạn 1	Quảng Ninh	Hồng Kông	214.000.000
81	HOYA GLASS DISK VIỆT NAM II	KCN Phố Nối B (Thăng Long II)	Hưng Yên	Nhật Bản	213.815.000
82	DỰ ÁN SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ XUẤT KHẨU XE MÁY MANG NHÃN HIỆU HONDA, SẢN XUẤT VÀ/HOẶC KINH DOANH, XUẤT KHẨU LINH KIỆN, CHI TIẾT VÀ PHỤ TÙNG XE MÁY, CUNG CẤP DỊCH VỤ BẢO HÀNH, BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA VÀ SAU BÁN HÀNG CHO XE MÁY VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ NHÀ Ở TẬP THỂ	KCN Đồng Văn II	Hà Nam	Nhật Bản	212.461.632
83	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP BELLINTURF VIỆT NAM	KCN Long Giang	Tiền Giang	Trung Quốc	212.000.000
84	XƯỞNG LUYỆN – CÁN THÉP CÔNG SUẤT 500.000 TẤN/NĂM	KCN Phú Mỹ I	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nhật Bản	212.000.000
85	DỰ ÁN SẢN XUẤT VẢI CAO CẤP LOUVRE	KCN Thành Thành Công	Tây Ninh	Singapore	210.000.000
86	DỰ ÁN CÔNG NGHỆ TẾ BÀO QUANG ĐIỆN JA SOLAR PV VIỆT NAM.	KCN Đình Trám	Bắc Giang	Trung Quốc	210.000.000
87	NHÀ MÁY KÍNH NỔI MIỀN NAM VIỆT NAM	KCN Mỹ Xuân A	Bà Rịa - Vũng Tàu	Singapore	207.690.000
88	NHÀ MÁY KANGLONGDA HUẾ	KCN Phong Điền ABC	Thừa Thiên Huế	Hồng Kông	206.990.000
89	CTY DẦU THỰC VẬT CÁI LÂN	KCN Cái Lân	Quảng Ninh	Singapore	206.296.244
90	DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÀ MÁY SẢN XUẤT VẢI KHÔNG DỆT TẠI KCN TEXHONG - HẢI HÀ	KCN Texhong Hải Hà - Giai đoạn 1	Quảng Ninh	Trung Quốc	206.000.000
91	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NIDEC TOSOK (VIỆT NAM)	KCX Tân Thuận	TP. Hồ Chí Minh	Nhật Bản	205.602.498

92	CÔNG TY TNHH BAO BÌ NƯỚC GIẢI KHÁT CROWN ĐỒNG NAI	KCN Tam Phước	Đồng Nai	Malaysia	205.500.000
93	NHÀ MÁY PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TRINA SOLAR	KCN Yên Bình	Thái Nguyên	Singapore	203.000.000
94	DỰ ÁN CÔNG TY TNHH TOP TEXTILES	KCN dệt may Rạng Đông	Nam Định	Hồng Kông	203.000.000
95	NGHIÊN CỨU, SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH CELL NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI	KCN Cẩm Khê	Phú Thọ	Nhật Bản	200.000.000
96	DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT LINH KIỆN SẢN PHẨM ĐIỆN TỬ VÀ PHỤ TÙNG Ô TÔ JU TENG	KCN Hoàng Mai	Nghệ An	Samoa	200.000.000
97	DỰ ÁN NHÀ MÁY GREENWORKS THÁI BÌNH VIỆT NAM.	Khu kinh tế tỉnh Thái Bình	Thái Bình	Trung Quốc	200.000.000
98	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ EVERWIN PRECISION (VIỆT NAM)	KKT Đông Nam Nghệ An	Nghệ An	Hồng Kông	200.000.000
99	DỰ ÁN AVC TECHNOLOGY VIỆT NAM	KCN Đồng Văn III	Hà Nam	Đài Loan	200.000.000
100	NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÁC LOẠI VI MẠCH ĐIỆN TỬ	Khu công nghiệp tỉnh Hòa Bình	Hòa Bình	Nhật Bản	200.000.000
101	NIDEC TECHNO MOTOR VIỆT NAM	Khu công nghệ cao Hòa Lạc	Hà Nội	Nhật Bản	200.000.000
102	NHÀ MÁY HANWHA AERO ENGINES TẠI VIỆT NAM	Khu công nghệ cao Hòa Lạc	Hà Nội	Hàn Quốc	200.000.000
103	THÀNH LẬP CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ LENS VIỆT	KCN Quang Châu	Bắc Giang	Hồng Kông	200.000.000
104	CÔNG TY TNHH PAIHONG VIỆT NAM	KCN Bàu Bàng	Bình Dương	Samoa	200.000.000
105	DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT VẢI THÀNH PHẨM	KCN Phước Đông - Bời Lờ	Tây Ninh	Hàn Quốc	200.000.000
106	CÔNG TY TNHH NIDEC VIỆT NAM CORPORATION	Khu công nghệ cao TP Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Nhật Bản	200.000.000
107	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ON SEMICONDUCTOR VIỆT NAM	KCN Biên hoà II	Đồng Nai	Nhật Bản	200.000.000
108	NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIA CÔNG GIẤY, DỤNG CỤ THỂ THAO	KCN Thuận Đạo	Long An	British West Indies	200.000.000
	TỔNG				30.006.902.474

DANH SÁCH DỰ ÁN FDI QUY MÔ TỪ 100 - 200 TRIỆU USD

STT	Tên dự án	KKT/KCN/KCX/KCNC	Tỉnh thành	Nước đầu tư	Vốn đăng ký
1	CÔNG TY HỮU HẠN SỢI TAINAN (VIỆT NAM)	KCN Biên hoà II	Đồng Nai	Đài Loan	198.000.000
2	NHÀ MÁY SẢN XUẤT HỢP CHẤT ZIRCONIUM VIỆT NAM	KCN Cái Mép	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nhật Bản	197.179.611
3	NHÀ MÁY SẢN XUẤT PHÔI THÉP VÀ SẢN XUẤT SẢN PHẨM THÉP CÁN NÓNG	KCN Phú Mỹ II + mở rộng	Bà Rịa - Vũng Tàu	Đài Loan	196.500.000
4	SẢN XUẤT, LẮP RÁP, GIA CÔNG TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI.	KCN Vân Trung	Bắc Giang	Hồng Kông	192.019.283
5	NHÀ MÁY SẢN XUẤT BÁNH KẸO KINH ĐỒ BÌNH DƯƠNG	KCN Việt Nam - Singapore (VSIP)	Bình Dương	Singapore	190.695.920
6	THÀNH LẬP CÔNG TY TNHH LUXSHARE-ICT (VÂN TRUNG).	KCN Đình Trám	Bắc Giang	Samoa	190.000.000
7	(TINH LỢI) DỰ ÁN TINH LỢI 2	KCN Lai Vu	Hải Dương	Vương quốc Anh	189.500.000
8	DỰ ÁN SẢN XUẤT MÁY VÀ THIẾT BỊ CHO VĂN PHÒNG	KCN VSIP Hải Phòng	Hải Phòng	Nhật Bản	187.500.000
9	DỰ ÁN CÔNG TY TNHH NITTO DENKO VIỆT NAM	KCN Việt Nam - Singapore (VSIP)	Bình Dương	Nhật Bản	186.270.000
10	CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ UNILEVER VIỆT NAM	KCN Tây Bắc Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	Hà Lan	181.574.382
11	NHÀ MÁY ITM SEMICONDUCTOR VIETNAM - BẮC NINH	KCN VSIP Bắc Ninh	Bắc Ninh	Hàn Quốc	180.000.000
12	NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI, VẢI DỆT KIM ILSHIN VIỆT NAM	KCN Phước Đông - Bời Lời	Tây Ninh	Hàn Quốc	180.000.000
13	NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH DREAMTECH VIỆT NAM	KCN VSIP Bắc Ninh	Bắc Ninh	Hàn Quốc	180.000.000
14	NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY, DÉP POU HUNG VIỆT NAM	KCN Chà Là	Tây Ninh	Hồng Kông	180.000.000
15	CÔNG TY TNHH RITEK VIỆT NAM	KCN Amata	Đồng Nai	Đài Loan	180.000.000
16	NHÀ MÁY CHẾ TẠO CÁC SẢN PHẨM ĐIỆN TỬ, PHƯƠNG TIỆN THIẾT BỊ MẠNG VÀ CÁC SẢN PHẨM ẤM THANH ĐA PHƯƠNG TIỆN - GOERTEK 2	KKT Đông Nam Nghệ An	Nghệ An	Trung Quốc	175.000.000
17	CÔNG TY TNHH TERUMO BCT VIỆT NAM	KCN Long Đức	Đồng Nai	Nhật Bản	174.700.000
18	NIDEC CHAUN CHOUNG VIỆT NAM	Khu công nghệ cao Hòa Lạc	Hà Nội	Đài Loan	174.517.000
19	THÀNH LẬP CÔNG TY TNHH LUXSHARE - ICT (VIỆT NAM)	KCN Quang Châu	Bắc Giang	Hồng Kông	174.000.000
20	NHÀ XƯỞNG MAY MẶC FIRST TEAM VIỆT NAM	KCN Thành Thành Công	Tây Ninh	Hồng Kông	174.000.000

21	NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY THỂ THAO	KCN Hưng Phú 2B	Cần Thơ	Hàn Quốc	171.487.093
22	TRUNG TÂM SẢN XUẤT ĐIỆN TỬ CHILISIN TẠI VIỆT NAM	KCN VSIP Hải Phòng	Hải Phòng	Hồng Kông	170.279.436
23	NHÀ MÁY SẢN XUẤT LINH KIỆN HÀNG KHÔNG VŨ TRU SUNSHINE	Khu công nghệ cao Đà Nẵng	Đà Nẵng	Singapore	170.000.000
24	CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ EVER GROWTH (VIỆT NAM)	KCN Long Khánh	Đồng Nai	Samoa	170.000.000
25	ĐẦU TƯ THÀNH LẬP CÔNG TY TNHH SAPPORO VIỆT NAM	KCN Đức Hòa III - Việt Hóa	Long An	Nhật Bản	170.000.000
26	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HWASEUNG VINA	KCN Nhơn Trạch I	Đồng Nai	Hàn Quốc	170.000.000
27	: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN FORMOSA TAFFETA ĐỒNG NAI.	KCN Nhơn Trạch III	Đồng Nai	Đài Loan	169.660.000
28	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY SÀI GÒN	KCN Mỹ Xuân A	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nhật Bản	169.500.000
29	CÔNG TY TNHH SCHAEFFLER VIỆT NAM	KCN Amata	Đồng Nai	CHLB Đức	166.725.000
30	SẢN XUẤT SẢN PHẨM KHÓA CHÓT VÀ DẬP ĐỊNH HÌNH BOLTUN VIỆT NAM.	KKT ven biển Quảng Yên	Quảng Ninh	Đài Loan	165.000.000
31	NHÀ MÁY YKK HÀ NAM	KCN Đồng Văn III	Hà Nam	Nhật Bản	165.000.000
32	DỰ ÁN CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT BIEL CRYSTAL (VIỆT NAM)	KCN VSIP Bắc Ninh	Bắc Ninh	BritishVirginIslands	165.000.000
33	DNCX NITORI VIỆT NAM – CN BRVT	KCN Phú Mỹ III	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nhật Bản	164.698.708
34	DỰ ÁN MDF DONGWHA VIỆT NAM	KCN Sông Công II	Thái Nguyên	Hàn Quốc	163.210.000
35	SẢN XUẤT TẤM PIN VÀ MODULE CHUYỂN HÓA NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI	KCN Song Khê - Nội Hoàng khu phía Bắc	Bắc Giang	Trung Quốc	163.000.000
36	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN FURUKAWA AUTOMOTIVE PARTS (VIETNAM)	KCX Tân Thuận	TP. Hồ Chí Minh	Nhật Bản	162.762.600
37	NHÀ MÁY SEWS-COMPONENTS VIỆT NAM	KCN Phố Nối B (Thăng Long II)	Hưng Yên	Nhật Bản	160.000.000
38	NHÀ MÁY SẢN XUẤT CỬA SAMSUNG SDI VIỆT NAM	KCN Yên Phong 1	Bắc Ninh	Hàn Quốc	160.000.000
39	DỰ ÁN NHÀ MÁY TOTO VIỆT NAM THỨ TƯ	KCN Phố Nối B (Thăng Long II)	Hưng Yên	Singapore	159.640.000
40	CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VIỆT NAM - TIỀN GIANG	KCN Mỹ Tho	Tiền Giang	Malaysia	158.427.383
41	NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI TỔNG HỢP DÙNG CHO NGÀNH CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VÀ CÁC NGÀNH KHÁC	KCN Phước Đông - Bời Lời	Tây Ninh	Hồng Kông	155.000.000
42	CÔNG TY TNHH AUTOLIV VIỆT NAM	KCN Sông Khoai	Quảng Ninh	Thụy Điển	154.000.000
43	(BEST PACIFIC) BEST PACIFIC - VIETNAM	KCN Cẩm Điền - Lương Yên	Hải Dương	Hồng Kông	154.000.000

44	HEESUNG ELECTRONICS VIỆT NAM	KCN Trảng Duệ	Hải Phòng	Hàn Quốc	154.000.000
45	NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH LOCK & LOCK VINA	KCN Mỹ Xuân A2	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hàn Quốc	150.800.000
46	DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT LINH KIỆN ĐIỆN TỬ/ CÔNG TY TNHH PARTRON VINA	KCN Khai Quang	Vĩnh Phúc	Hàn Quốc	150.500.000
47	LUXSHARE – ICT (NGHỆ AN) 2	KKT Đông Nam Nghệ An	Nghệ An	Hồng Kông	150.000.000
48	DỰ ÁN MỞ RỘNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT LINH KIỆN ĐIỆN TỬ JNTC GIAI ĐOẠN II	KCN Thụy Vân	Phú Thọ	Hàn Quốc	150.000.000
49	DỰ ÁN LENS VIỆT NAM	KCN Đình Trám	Bắc Giang	Trung Quốc	150.000.000
50	NHÀ MÁY SEOJIN VIỆT NAM	KCN Song Khê - Nội Hoàng khu phía Bắc	Bắc Giang	Hàn Quốc	150.000.000
51	DỰ ÁN THIẾT KẾ, PHÁT TRIỂN, SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIÊN CÁC SẢN PHẨM TRUYỀN THÔNG KHÔNG DÂY CỦA GEMTEK VIỆT NAM.	KCN Đồng Văn II	Hà Nam	Đài Loan	150.000.000
52	NHÀ MÁY SEOJIN AUTO VINA - BẮC NINH	KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn	Bắc Ninh	Hàn Quốc	150.000.000
53	DỰ ÁN SẢN XUẤT, GIA CÔNG VÀ KINH DOANH SE SỢI, DỆT KIM VÀ SẢN PHẨM MAY MẶC	KCN Đồng Văn II	Hà Nam	Đài Loan	150.000.000
54	CÔNG TY TNHH LONG FA (VIỆT NAM)	KCN Minh Hưng III	Bình Phước	BritishVirginIslands	150.000.000
55	CÔNG TY TNHH HANSOL ELECTRONIC VIỆT NAM	KCN Yên Bình	Thái Nguyên	Hàn Quốc	150.000.000
56	NHÀ MÁY DỆT SỢI NHƠN TRẠCH 5	KCN Nhơn Trạch V	Đồng Nai	Hồng Kông	150.000.000
57	CÔNG TY CỔ PHẦN TKG TAEKWANG VINA	KCN Biên hoà II	Đồng Nai	Hàn Quốc	150.000.000
58	DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT CỦA CÔNG TY TNHH YKK VIỆT NAM TẠI KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH III – GIAI ĐOẠN II.	KCN Long Đức	Đồng Nai	Hàn Quốc	148.000.000
59	NHÀ MÁY CẢ PHÊ OUTSPAN VIỆT NAM	KCN Nhứt Chánh	Long An	Singapore	147.000.000
60	CTY TNHH PANASONIC INDUSTRIAL DEVICES VIỆT NAM	KCN Thăng Long	Hà Nội	Nhật Bản	146.820.000
61	NHÀ MÁY SẢN XUẤT CAMERA MÔĐUN VÀ LINH KIỆN ĐIỆN TỬ	KCN Phúc Sơn	Ninh Bình	Hàn Quốc	142.000.000
62	NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH NWESTERN SOLAR VIỆT NAM I TẠI BẮC GIANG	KCN Vân Trung	Bắc Giang	Trung Quốc	140.000.000

63	DỰ ÁN THIẾT KẾ, SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG MÀN HÌNH CẢM ỨNG, MÀN HÌNH ĐIỆN TỬ, I-CON, KÍNH QUANG HỌC VÀ PHỤ KIỆN KÍNH QUANG HỌC VÀ CÁC LOẠI LINH KIỆN ĐIỆN TỬ ĐI KÈM; LẮP RÁP PHỤ KIỆN VÀ GIA CÔNG CÁC LOẠI MÀN HÌNH HIỆN THỊ HÌNH ẢNH; CẮT DÁN VÀ GIA CÔNG CÁC LOẠI M	KCN Thạch Thất - Quốc Oai	Hà Nội	Samoa	140.000.000
64	DỰ ÁN SẢN XUẤT PHỤ TÙNG Ô TÔ	KCN Nomura - Hải Phòng	Hải Phòng	Nhật Bản	140.000.000
65	CÔNG TY TNHH MITSUBA VIỆT NAM.	KCN Long Bình (LOTECO)	Đồng Nai	Nhật Bản	140.000.000
66	CN CTY TNHH ROBERT BOSCH VIỆT NAM TẠI ĐỒNG NAI	KCN Long Thành	Đồng Nai	Hà Lan	138.502.050
67	NHÀ MÁY SẢN XUẤT NHỰA LONG VƯƠNG HẢI PHÒNG	KCN Đình Vũ	Hải Phòng	Hồng Kông	138.000.000
68	DỰ ÁN KORTEK VINA.	KCN Đồng Văn 4	Hà Nam	Hàn Quốc	138.000.000
69	NHÀ MÁY SẢN XUẤT TRÔNG MẮT KÍNH HOYA LENS VIỆT NAM 2 – DUNG QUẤT	KKT Dung Quất	Quảng Ngãi	Nhật Bản	138.000.000
70	DỰ ÁN CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NƯỚC GIẢI KHÁT COCA-COLA VIỆT NAM TẠI LONG AN	KCN Phú An Thạnh	Long An	Singapore	136.382.262
71	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CALOFIC TẠI HIỆP PHƯỚC, TPHCM	KCN Hiệp Phước	TP. Hồ Chí Minh	Singapore	136.348.868
72	CTY TNHH GIẤY ANNORA VIỆT NAM	KKT Nghi Sơn	Thanh Hóa	Đài Loan	135.500.000
73	DỰ ÁN CÔNG TY TNHH SHARP MANUFACTURING VIỆT NAM	KCN Việt Nam - Singapore (VSIP) II-A	Bình Dương	Nhật Bản	135.000.000
74	CÔNG TY TNHH DỆT MAY S. POWER (VIỆT NAM)	KCN Thành Thành Công	Tây Ninh	Hồng Kông	135.000.000
75	DỰ ÁN SẢN XUẤT GIÀY XUẤT KHẨU	KCN Hòa Phú	Vĩnh Long	Seychelles	133.453.342
76	CÔNG TY CỔ PHẦN TETRA PAK BÌNH DƯƠNG	KCN Việt Nam - Singapore (VSIP) II-A	Bình Dương	Singapore	133.200.000
77	NHÀ MÁY HAMADEN VIỆT NAM	KCN Phố Nối B (Thăng Long II)	Hưng Yên	Nhật Bản	133.000.000
78	CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT KIM LOẠI YONGJIN VIỆT NAM	KCN Long Giang	Tiền Giang	Trung Quốc	132.500.000
79	NHÀ MÁY SẢN XUẤT NHÔM HYUNDAI ALUMINUM VINA	KCN Phố Nối A	Hưng Yên	Hàn Quốc	131.375.000
80	NHÀ MÁY TÁCH VÀ HÓA LỎNG KHÍ CÔNG NGHIỆP	KKT Dung Quất	Quảng Ngãi	CHLB Đức	130.200.000
81	CTY TNHH BAO BÌ NƯỚC GIẢI KHÁT CROWN VŨNG TÀU	KCN Mỹ Xuân B1 Tiền Hùng	Bà Rịa - Vũng Tàu	Singapore	130.000.000

82	NHÀ MÁY SẢN XUẤT LINH KIỆN ĐIỆN TỬ CÔNG NGHỆ CAO (NAMUGA PHÚ THỌ)	KCN Thụy Vân	Phú Thọ	Hàn Quốc	130.000.000
83	VECO	KCN Phú An Thạnh	Long An	Singapore	130.000.000
84	DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CANON VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUẾ VÕ; DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CANON VIỆT NAM - CHI NHÁNH TIỀN SƠN	KCN Quế Võ I	Bắc Ninh	Nhật Bản	130.000.000
85	CÔNG TY TNHH PHẦN BÓN HÀN - VIỆT	KCN An Hạ	TP. Hồ Chí Minh	Hàn Quốc	129.515.000
86	NHÀ MÁY SẢN XUẤT VỎ ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG KỸ THUẬT CAO VÀ CÁC LINH KIỆN ĐIỆN TỬ KỸ THUẬT CAO KHÁC.	KCN Yên Phong 2	Bắc Ninh	Hàn Quốc	128.644.000
87	NHÀ MÁY SẢN XUẤT, LẮP RÁP CÁC LOẠI MÁY XỬ LÝ HÌNH ẢNH VÀ CÁC LOẠI BỘ PHẬN, LINH KIỆN VÀ THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ LIÊN QUAN BẰNG KỸ THUẬT CAO.	KCN Phố Nối A	Hung Yên	Nhật Bản	128.568.000
88	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NEW VIỆT NAM	KCN Amata	Đồng Nai	Nhật Bản	126.157.092
89	DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÀ MÁY KÍNH NỔI THỨ NHẤT	KCN Quế Võ I	Bắc Ninh	Nhật Bản	126.000.000
90	NHÀ MÁY KHOA HỌC KỸ THUẬT KIM LOẠI TÂN VIỆT	KKT Đông Nam Nghệ An	Nghệ An	Trung Quốc	125.225.179
91	DỰ ÁN NHÀ MÁY TOTO VIỆT NAM THỨ BA	KCN Phố Nối B (Thăng Long II)	Hung Yên	Singapore	125.067.000
92	NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI THÉP VÀ SỢI THÉP BỀN BEKAERT VIỆT NAM- DUNG QUẤT	KKT Dung Quất	Quảng Ngãi	Bi	125.000.000
93	NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG GIẤY DÉP (CTY TNHH FREEWELL (VIỆT NAM))	KCN Bắc Đồng Phú	Bình Phước	BritishVirginIslands	125.000.000
94	NHÀ MÁY SẢN XUẤT NYLON-VN2	KCN Nhơn Trạch V	Đồng Nai	Hàn Quốc	124.679.000
95	CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM	KCN Biên hoà II	Đồng Nai	Thụy Sĩ	124.454.600
96	NHÀ MÁY DAIKIN VIETNAM	KCN Phố Nối B (Thăng Long II)	Hung Yên	Nhật Bản	123.285.344
97	NHÀ MÁY DỆT NHUỘM SUNRISE VIỆT NAM	KCN Bảo Minh	Nam Định	Trung Quốc	122.398.000
98	NHÀ MÁY ĐIỆN TỬ MOBASE VIỆT NAM	KCN Yên Phong 2	Bắc Ninh	Hàn Quốc	122.000.000
99	CÔNG TY TNHH PANASONIC SYSTEM NETWORKS VIỆT NAM	KCN Thăng Long	Hà Nội	Nhật Bản	121.945.000
100	NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH SAMIL PHARMACEUTICAL	Khu công nghệ cao TP Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Hàn Quốc	121.106.632
101	DỰ ÁN NHÀ MÁY LOTES THÁI THUY VIỆT NAM	KCN Nguyễn Đức Cảnh	Thái Bình	Đài Loan	120.000.000
102	NGHIÊN CỨU, PHÁT TRIỂN, KINH DOANH, SẢN XUẤT SẢN PHẨM ĐIỆN TỬ VÀ SẢN PHẨM NHỰA	KCN Sông Công II	Thái Nguyên	Hồng Kông	120.000.000
103	NHÀ MÁY INTCO MEDICAL VIỆT NAM	KCN Bim Sơn	Thanh Hóa	Singapore	120.000.000

104	CÔNG TY TNHH FULL WAY	KCN Long Đức	Đồng Nai	Marshall Islands	120.000.000
105	DỰ ÁN SẢN XUẤT CÁC SẢN PHẨM MAY MẶC CỦA CÔNG TY TNHH MAPLE	KCN VSIP Hải Phòng	Hải Phòng	Singapore	120.000.000
106	DỰ ÁN SẢN XUẤT CÁC THIẾT BỊ KHÔNG DÂY CỦA ACE ANTENNA'S	KCN Đồng Văn II	Hà Nam	Hàn Quốc	120.000.000
107	CTY LIÊN DOANH NAM PHƯƠNG TEXTILE	KCN Việt Hương 2	Bình Dương	Hồng Kông	120.000.000
108	(AIDEN) NHÀ MÁY SẢN XUẤT, CHẾ TẠO VÀ LẮP RÁP CÁC BỘ PHẬN, CHI TIẾT, LINH KIỆN VÀ SẢN PHẨM ĐIỆN VÀ ĐIỆN TỬ; CÁC LOẠI KHUÔN MẪU VÀ SẢN PHẨM, BỘ PHẬN ÉP DẬP	KCN Nam Sách	Hải Dương	Nhật Bản	120.000.000
109	CÔNG TY TNHH NIDEC SANKYO VIỆT NAM	Khu công nghệ cao TP Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Nhật Bản	120.000.000
110	NHÀ MÁY SẢN XUẤT LINH KIỆN ĐIỆN TỬ VIỆT HOA	KCN Hòa Khánh	Đà Nẵng	Nhật Bản	119.000.000
111	XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT MÁY PHOTOCOPY VÀ MÁY IN	KCN VSIP Hải Phòng	Hải Phòng	Singapore	119.000.000
112	NHÀ MÁY XAY LÚA MÌ INTERFLOUR	KCN Cái Mép	Bà Rịa - Vũng Tàu	BritishVirginIslands	117.280.000
113	NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÀ PHÊ HÒA TAN MARUBENI TẠI VIỆT NAM	KCN Mỹ Xuân B1 Conac	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nhật Bản	115.000.000
114	CÔNG TY TNHH POU PHONG VIỆT NAM	KCN Bàu Xéo	Đồng Nai	BritishVirginIslands	115.000.000
115	NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐIỆN TỬ HAESUNG ELECTRONICS VIỆT NAM	KCN An Dương	Hải Phòng	Hàn Quốc	115.000.000
116	DỰ ÁN SẢN XUẤT VỎ LON, SẢN XUẤT NẮP LON VÀ LON HOÀN THIỆN ĐỐI VỚI CÁC LON GIẢI KHÁT BẰNG NHÔM.	KCN Hanaka	Bắc Ninh	Nhật Bản	114.397.025
117	THÀNH LẬP CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA TẠI KHU CÔNG NGHIỆP YÊN PHONG-BẮC NINH.	KCN Yên Phong 1	Bắc Ninh	Hàn Quốc	114.119.652
118	DỰ ÁN CÔNG TY TNHH LON NƯỚC GIẢI KHÁT TBC-BALL VIỆT NAM TẠI VSIP II-A	KCN Việt Nam - Singapore (VSIP) II-A	Bình Dương	Hồng Kông	114.100.000
119	(SUMIDENSO) CTY TNHH SUMIDENSO VIỆT NAM, SX KINH DOANH MẠNG DÂY ĐIỆN	KCN Đại An	Hải Dương	Nhật Bản	114.000.000
120	NHÀ MÁY AAC VIỆT NAM	KCN Quế Võ I	Bắc Ninh	Singapore	113.800.000
121	DỰ ÁN SẢN XUẤT SỢI, VẢI DỆT KIM VÀ DỆT THOI FENGQIANG VIỆT NAM	KKT cửa khẩu Mộc Bài	Tây Ninh	Singapore	113.000.000
122	CTY TNHH FUHONG PRECISION COPONENT (BẮC GIANG)-DA HỮU NGHỊ(FRIENDSHIP	KCN Đình Trám	Bắc Giang	Samoa	113.000.000

123	DỰ ÁN SẢN XUẤT CÁC LOẠI Ô TRỤC, VÒNG BI	KCN Nomura - Hải Phòng	Hải Phòng	Nhật Bản	112.700.000
124	CÔNG TY TNHH KCC (VIỆT NAM NHƠN TRẠCH).	KCN Nhơn Trạch VI	Đồng Nai	Singapore	112.500.000
125	CTY TNHH NHỰA VÀ HÓA CHẤT TPC VINA	KCN Gò Dầu	Đồng Nai	Thái Lan	111.500.000
126	CTY TNHH SUMITOMO HEAVY INDUSTRIES (VIỆT NAM)	KCN Thăng Long	Hà Nội	Nhật Bản	111.300.000
127	DỰ ÁN ĐẦU TƯ GE ENERGY HẢI PHÒNG	KCN Nomura - Hải Phòng	Hải Phòng	Hoa Kỳ	111.000.000
128	NHÀ MÁY BÔNG SEN	KCN Phố Nối B (Thăng Long II)	Hưng Yên	Thụy Sĩ	110.960.000
129	NHÀ MÁY THỰC PHẨM - CÔNG TY TNHH CPV FOOD	KCN Becamex-Bình Phước	Bình Phước	Thái Lan	110.298.722
130	CÔNG TY TNHH HYOSUNG FINANCIAL SYSTEM VINA.	KCN Yên Phong 1	Bắc Ninh	Hàn Quốc	110.043.000
131	NHÀ MÁY SẢN XUẤT VẬT LIỆU BÁN DẪN UNITED STATES ENTERPRISES	Khu công nghệ cao Đà Nẵng	Đà Nẵng	Hoa Kỳ	110.000.000
132	NHÀ MÁY HANSOL ELECTRONICS VIETNAM HO NAI.	KCN Hồ Nai	Đồng Nai	Hàn Quốc	110.000.000
133	NHÀ MÁY SUNNY OPOTECH VIỆT NAM	KCN Yên Bình	Thái Nguyên	Hồng Kông	110.000.000
134	DỰ ÁN REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HUNG YÊN	KCN Phố Nối B	Hưng Yên	Hồng Kông	110.000.000
135	DỰ ÁN SẢN XUẤT CÁC SẢN PHẨM MAY MẶC CỦA CÔNG TY TNHH PEONY.	KCN VSIP Bắc Ninh	Bắc Ninh	Singapore	110.000.000
136	NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIẤY THỂ THAO	KCN Tân Phú Thạnh	Hậu Giang	Đài Loan	110.000.000
137	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN OLYMPUS VIỆT NAM	KCN Long Thành	Đồng Nai	Nhật Bản	110.000.000
138	FRIENDSHIP PROJECT.	KCN Quế Võ I	Bắc Ninh	Đài Loan	110.000.000
139	CTLD VIETNAM SUZUKI <SX XE TẢI, CHỖ HÀNG, DU LỊCH>	KCN Long Bình (LOTECO)	Đồng Nai	Nhật Bản	109.500.000
140	DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY KÍNH NỔI SIÊU TRẮNG	KCN Phú Mỹ II + mở rộng	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trung Quốc	108.711.509
141	NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH HAYAT KIMYA VIỆT NAM	KCN Becamex-Bình Phước	Bình Phước	Hà Lan	108.173.880
142	DỰ ÁN CỦA CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DONG YANG HẢI PHÒNG	KCN Trảng Duyệt	Hải Phòng	Hàn Quốc	107.800.000
143	DỰ ÁN SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ XUẤT KHẨU BIA VÀ ĐỒ UỐNG KHÔNG CỒN KHÁC	KCN Phú Bài (GD 1&2)	Thừa Thiên Huế	Đan Mạch	107.706.781
144	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MABUCHI MOTOR VIỆT NAM.	KCN Biên hoà II	Đồng Nai	Nhật Bản	107.629.924

145	NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG SỢI, VẢI VÀ HẠT NHỰA HAO SHENG VINA	KCN Mỹ Xuân A2	Bà Rịa - Vũng Tàu	BritishVirginIslands	106.500.000
146	CÔNG TY TNHH NIDEC COPAL PRECISION VIỆT NAM (NIDEC COPAL)	Khu công nghệ cao TP Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Nhật Bản	106.500.000
147	NHÀ MÁY CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN OM DIGITAL SOLUTIONS VIỆT NAM	KCN Long Thành	Đồng Nai	Nhật Bản	105.714.286
148	DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT KÍNH CÁN SIÊU TRẮNG CÔNG SUẤT 650 TẤN/NGÀY.	KCN Yên Phong 1	Bắc Ninh	Trung Quốc	105.598.150
149	CÔNG TY TNHH MARUZEN FOODS VIET NAM	KCN Mỹ Phước 3	Bình Dương	Nhật Bản	105.274.038
150	CHI NHÁNH MỚI CÔNG TY TNHH SUHEUNG VIỆT NAM.	KCN Long Thành	Đồng Nai	Hàn Quốc	105.000.000
151	DỰ ÁN NS BLUESCOPE VIỆT NAM	KCN Phú Mỹ I	Bà Rịa - Vũng Tàu	Singapore	105.000.000
152	DỰ ÁN SẢN XUẤT HỆ THỐNG DÂY DẪN ĐIỆN SỬ DỤNG TRONG XE HƠI	KCN Đồng Văn II	Hà Nam	Nhật Bản	105.000.000
153	NHÀ MÁY THÉP BLUE SCOPE	KCN Phú Mỹ I	Bà Rịa - Vũng Tàu	Australia	105.000.000
154	Công ty TNHH Samsung SDI Việt Nam số 2	KCN Yên Phong 1	Bắc Ninh	Hàn Quốc	104.600.000
155	NHÀ MÁY TÔN PHƯƠNG NAM NHƠN TRẠCH	KCN Nhơn Trạch II	Đồng Nai	Malaysia	104.600.000
156	CÔNG TY TNHH FREEVIEW INDUSTRIAL (VIỆT NAM)	KCN Tân Hương	Tiền Giang	BritishVirginIslands	104.000.000
157	DỰ ÁN MỞ RỘNG ĐẦU TƯ SẢN XUẤT SẢN PHẨM LINH KIỆN DÁN BỀ MẶT SMD (LẦN 2)	KCN Phố Nối A	Hung Yên	Nhật Bản	103.799.321
158	DỰ ÁN SẢN XUẤT, KINH DOANH SẢN NHỰA SPC VÀ SẢN GỖ NHỰA WPC	KCN Đình Trám	Bắc Giang	Trung Quốc	103.000.000
159	NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI XINDADONG TEXTILES - DUNG QUẤT	KKT Dung Quất	Quảng Ngãi	Trung Quốc	103.000.000
160	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DONG-IL VIỆT NAM	KCN Lộc An - Bình Sơn	Đồng Nai	Hàn Quốc	102.960.000
161	CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA	KCN Mỹ Phước 2	Bình Dương	Hàn Quốc	101.500.000
162	DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÒI RỬA TOTO VIỆT NAM	KCN Thăng Long Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	Singapore	100.000.000
163	THÀNH LẬP SHUNSIN VIỆT NAM THỨ NHẤT	KCN Đình Trám	Bắc Giang	Cayman Islands	100.000.000
164	NHÀ MÁY SẢN XUẤT CHANG SHIN ĐỒNG NAI	KCN Tân Phú	Đồng Nai	Hàn Quốc	100.000.000
165	NHÀ MÁY SẢN XUẤT, LẬP RÁP LINH KIỆN ĐIỆN TỬ MEIKO QUANG MINH	KCN Quang Minh	Hà Nội	Nhật Bản	100.000.000

166	NHÀ MÁY SẢN XUẤT CHANG SHIN VIỆT NAM TẠI KHU CÔNG NGHIỆP TÂN PHÚ.	KCN Long Đức	Đồng Nai	Hàn Quốc	100.000.000
167	HANWHA TECHWIN SECURITY VIỆT NAM	KCN Quế Võ I	Bắc Ninh	Hàn Quốc	100.000.000
168	CÔNG TY TNHH POWERKNIT VIỆT NAM	KCN Long Đức	Đồng Nai	BritishVirginIslands	100.000.000
169	DỰ ÁN NHÀ MÁY UNIBEN	KCN Việt Nam - Singapore (VSIP) II-A	Bình Dương	Singapore	100.000.000
170	NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP DE LICACY VIỆT NAM	KCN Bàu Bàng	Bình Dương	Cayman Islands	100.000.000
171	CÔNG TY TNHH UNITED JUMBO	KCN Suối Tre	Đồng Nai	British West Indies	100.000.000
172	DỰ ÁN NHÀ MÁY VẢI DỆT KIM NEW WIDE VIỆT NAM	KCN Phước Đông - Bời Lời	Tây Ninh	Seychelles	100.000.000
173	NHÀ MÁY ALUTEC VINA	KCN Diêm Thụy	Thái Nguyên	Hàn Quốc	100.000.000
174	DỰ ÁN SẢN XUẤT THIẾT BỊ VIỄN THÔNG VÀ ĐÈN LED CHIẾU SÁNG	KCN Đồng Văn I	Hà Nam	Hàn Quốc	100.000.000
175	NHÀ MÁY SẢN XUẤT NHỰA PVC	KCN Cái Mép	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nhật Bản	100.000.000
176	CÔNG TY TNHH SỢI LONG THÁI TỬ	KCN Nhơn Trạch II	Đồng Nai	Đài Loan	100.000.000
177	DỰ ÁN SUNTORY PEPSICO ĐỒNG NAI	KCN Amata	Đồng Nai	Hà Lan	100.000.000
178	CÔNG TY TNHH TCIE VIỆT NAM	KCN Hòa Khánh mở rộng	Đà Nẵng	Malaysia	100.000.000
179	NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIẤY	KKT cửa khẩu Mộc Bài	Tây Ninh	Hàn Quốc	100.000.000
180	(UMC) CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN TỬ UMC VIỆT NAM	KCN Tân Trùng	Hải Dương	Nhật Bản	100.000.000
181	(CÔNG NGHIỆP BROTHER) CTY TNHH CÔNG NGHIỆP BROTHER VIỆT NAM	KCN Phúc Điền	Hải Dương	Nhật Bản	100.000.000
182	CTY TNHH NISSEI ELECTRIC HÀ NỘI	KCN Thăng Long	Hà Nội	Nhật Bản	100.000.000
183	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN GLOBAL DYEING	KCN Long Thành	Đồng Nai	Hàn Quốc	100.000.000
184	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KAO VIỆT NAM	KCN Amata	Đồng Nai	Nhật Bản	100.000.000
	TỔNG				24.325.039.073

PHỤ LỤC VI
BẢNG TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG THUẾ TỐI THIỂU TOÀN CẦU

Dvt: đồng

STT	Tên tập đoàn Công ty đa quốc gia	Quốc gia	Thu nhập TB	Doanh thu TB	Thuế suất thực tế	Chênh lệch Thuế suất bổ sung	Thu nhập bổ sung	Thuế bổ sung
1	AAC TECHNOLOGIES PTE.LTD	Singapore	460.943.218.387	7.392.266.832.747	10%	5%	271.315.017.236	13.036.793.080
2	AICA KOGYO COMPANY, LIMITED	Nhật Bản	1.348.808.394.604	135.126.620.094	11%	4%	82.530.338.111	3.325.114.333
3	ALL WELLS INTERNATIONAL CO.,LTD	Đài Loan	125.696.200.118	1.239.448.817.086	9%	6%	141.159.943.222	8.599.262.870
4	Altemira Co.,Ltd	Nhật Bản	181.375.794.236	3.495.423.090.374	11%	4%	7.338.112.949	266.848.275
5	AMPHENOL CORP	Hoa Kỳ	1.345.824.609.918	184.257.315.028	6%	9%	384.439.118.111	33.998.545.668
6	ANHUI JIANGHUAI AUTOMOBILE GROUP CORP.,LTD.	Trung Quốc	11.783.000.000	529.653.666.667	14%	1%	20.031.440.000	291.290.689
7	ASSA ABLOY AB	Thụy Điển	1.440.838.870.018	116.056.457.349	12%	3%	199.969.894.813	5.267.174.844
8	AXON ENTERPRISE, INC.	Hoa Kỳ	33.359.585.670	402.614.238.769	7%	8%	2.063.301.952	156.751.688
9	AYALA CORPORATION	Philippines	248.069.988.539	20.046.000.000	0%	15%	302.655.124.175	44.686.105.089
10	BAYER AG	Đức	1.818.373.515.000	4.605.984.483.000	11%	4%	354.268.208.501	14.426.494.158
11	BILLERUD AB	Thụy Điển	16.403.091.613	338.746.082.197	14%	1%	23.259.752.395	336.245.998
12	CANADIAN SOLAR INC.	Singapore	214.981.571.942	3.143.482.095.098	5%	10%	199.448.847.207	19.388.126.797
13	CANON INCORPORATED	Nhật Bản	40.110.181.973.191	1.288.043.045.757	10%	5%	974.516.532.752	48.471.371.556
14	COMPAGNIE DE SAINT-GOBAIN	Canada	775.223.079.028	163.218.348.668	6%	9%	158.908.456.693	14.824.036.309
15	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MOWI VIỆT NAM	Singapore	29.347.588.777	301.483.624.103	15%	0%	27.658.056.731	68.268.255
16	COVESTRO AG	Đức	29.992.487.000	431.505.854.667	2%	13%	15.173.725.022	1.949.523.253
17	CP ALL PCL	Thái Lan	893.203.428	264.209.206.427	4%	11%	18.866.718.490	2.069.519.937
18	DAESANG CORP.	Hàn Quốc	3.528.331.750.701	102.457.696.370	10%	5%	460.675.791	24.985.900
19	DAIKI ALUMINIUM INDUSTRY CO LTD	Nhật Bản	12.264.040.959	712.277.747.782	0%	15%	12.952.430.387	1.942.864.558
20	DAIWA HOUSE INDUSTRY CO.,LTD.	Nhật Bản	1.786.407.186.478	75.501.999.073	14%	1%	89.856.852.041	599.159.154
21	DENSO CORPORATION	Nhật Bản	886.435.209.393	8.148.342.100.259	13%	2%	580.969.395.560	14.034.321.188
22	Diageo Holding NETHERLANDS B.V	Netherlands	223.567.655.403	267.343.730.333	14%	1%	353.821.485.912	3.538.214.860
23	DOOSAN ENERBILITY CO., LTD.	Hàn Quốc	7.024.574.816.387	1.943.682.399.844	1%	14%	2.464.884.496.314	342.936.375.220
24	DOW INC.	Hoa Kỳ	1.748.482.043.347	310.742.938.578	11%	4%	199.953.362.982	8.724.657.216
25	ENEOS HOLDINGS INC	Nhật Bản	815.239.109.363	15.563.905.101	6%	9%	6.809.019.782	584.026.729
26	FAURECIA	Pháp	1.093.064.333.208	139.820.027.658	8%	7%	141.669.912.704	10.161.419.284
27	FEDEX CORP	Hoa Kỳ	2.891.204.634	1.770.037.724.845	0%	15%	3.736.630.854	560.494.628
28	FLAT GLASS GROUP CO., LTD.	Hồng Kông	543.074.576.733	3.432.053.129.208	0%	15%	607.023.501.139	91.053.525.171
29	FRESENIUS SE & CO. KGAA	Đức	64.520.679.772	898.847.154.149	8%	7%	10.528.037.784	704.008.418
30	GETAC TECHNOLOGY CORPORATION	Đài Loan	1.873.901.312.530	370.445.842.718	4%	11%	178.049.139.171	19.944.260.617
31	Goertek Inc	Hongkong	3.954.347.138.228	61.457.344.199.093	0%	15%	3.588.867.026.728	525.682.389.400
32	GUNZE LIMITED	Nhật Bản	1.236.666.789.660	105.724.776.607	10%	5%	99.404.049.974	4.697.272.758
33	HAKUHODO DY HOLDINGS INCORPORATED	Nhật Bản	1.266.553.937.559	42.879.886.289	14%	1%	38.866.245.640	577.929.053
34	HANWA CO., LTD.	Nhật Bản	3.210.533.439.308	72.530.659.956	7%	8%	39.892.319.666	3.277.673.071
35	HANWHA CORPORATION	Hàn Quốc	5.779.275.556.365	123.092.978.653	11%	4%	277.921.187.253	10.958.228.062
36	HON HAI PRECISION IND. CO., LTD.	Trung Quốc	103.439.719.600.227	4.708.653.229.736	6%	9%	6.098.488.498.161	553.873.890.972
37	HUAFU FASHION CO., LTD.	Trung Quốc	3.838.777.046.464	525.033.089.994	2%	13%	442.090.980.472	58.694.430.691
38	HYOSUNG ADVANCED MATERIALS CORPORATION	Hàn Quốc	35.208.244.269.744	3.075.853.967.778	11%	4%	2.137.981.592.349	82.989.364.211
39	HYUNDAI MOTOR COMPANY	Hàn quốc	1.156.678.015.713	26.625.520.819.384	12%	3%	179.823.787.138	5.163.258.284
40	IDEMITSU KOSAN CO.,LTD.	Nhật Bản	1.549.697.937.623	150.479.981.130	10%	5%	96.269.933.507	5.285.373.913
41	INTEL CORPORATION	Hoa Kỳ	7.190.821.133.802	46.165.647.433.778	1%	14%	7.178.081.650.456	1.018.831.605.347
42	Intops Co., Ltd	Hàn Quốc	474.606.538.596	9.265.526.196.668	5%	10%	564.202.989.269	53.970.594.705

STT	Tên tập đoàn Công ty đa quốc gia	Quốc gia	Thu nhập TB	Doanh thu TB	Thuế suất thực tế	Chênh lệch Thuế suất bổ sung	Thu nhập bổ sung	Thuế bổ sung
43	JABIL, INC.	Hoa Kỳ	996.920.677.432	24.760.141.773.992	5%	10%	1.606.146.867.353	155.216.298.202
44	JIFA GROUP CO., LTD.	Trung Quốc	17.814.168.166	311.367.788.158	8%	7%	17.067.088.535	1.109.360.755
45	JOTUN A/S	Na Uy	701.368.666.667	3.347.538.000.000	7%	8%	547.378.020.000	44.422.006.830
46	KIN WAI TRUST	Hồng Kông	230.330.273.598	3.787.700.686.775	10%	5%	126.050.270.668	6.152.453.687
47	KITOKU SHINRYO CO LTD	Nhật Bản	4.933.235.400	335.368.435.749	12%	3%	7.607.241.134	231.507.065
48	KYOCERA CORPORATION	Nhật Bản	382.361.013.262	10.134.886.709.625	7%	8%	28.827.960.209	2.257.436.724
49	Lanking Nano Pte. Ltd	Singapore	63.337.819.507	1.579.040.555.987	0%	15%	109.750.801.067	16.300.527.274
50	LEAR CORP	Mauritius	117.944.490.385	482.734.605.886	13%	2%	129.202.901.129	2.863.931.132
51	LEE & MAN PAPER MANUFACTURING LIMITED	Trung Quốc	579.414.864.449	6.200.229.973.259	5%	10%	67.979.323.959	6.491.144.617
52	LEGRAND	Hong kong, China	7.329.448.487	465.591.013.661	0%	15%	31.269.084.996	4.690.362.749
53	LG CHEM LTD.	Hàn Quốc	973.456.370.985	46.077.859.603	2%	13%	16.911.955.590	2.122.597.614
54	LG CNS CO.,LTD	Hàn Quốc	42.549.042.494	703.701.032.522	5%	10%	53.563.826.507	5.432.783.725
55	LG CORP.	Hàn Quốc	9.929.042.262.124	385.921.280.252	7%	8%	352.202.142.947	27.797.631.179
56	LG ELECTRONICS INC.	Hàn Quốc	96.108.437.376.786	3.634.330.630.515	7%	8%	2.178.422.495.621	167.409.193.029
57	LG INNOTEK CO.,LTD.	Hàn Quốc	2.631.751.159.425	58.327.842.652.549	6%	9%	1.780.261.494.373	165.110.825.110
58	L'OREAL	Hoa Kỳ	214.961.777.167	2.609.574.718.849	0%	15%	294.290.587.132	44.143.588.070
59	LOTTE CHEMICAL CORPORATION.	Hàn quốc	154.484.333.333	2.320.429.000.000	9%	6%	134.006.560.000	7.831.755.783
60	LUXSHARE PRECISION INDUSTRY CO., LTD.	Trung Quốc	90.233.031.086.012	1.732.762.483.032	10%	5%	1.502.135.613.723	78.759.941.963
61	Malaya Glass Products Sdn. Bhd.	Malaysia	120.401.730.117	934.103.929.699	10%	5%	131.152.257.014	6.511.671.126
62	Mekong Energy Company LTD	Nhật Bản, Việt Nam	165.433.327.469	5.320.605.404.530	7%	8%	175.820.786.975	13.554.301.830
63	MISUMI Group Inc	Nhật Bản	42.708.386.593	740.112.562.343	11%	4%	46.961.420.405	1.854.419.725
64	MISUMI GROUP INC.	Nhật Bản	76.856.304.093	2.658.722.026.715	0%	15%	37.381.546.854	5.607.232.028
65	MITSUBA CORPORATION	Hàn Quốc	33.301.517.815.262	2.943.421.660.321	12%	3%	2.268.635.457.242	70.706.499.136
66	MONDELEZ INTERNATIONAL, INC.	Singapore	5.667.627.513.917	439.121.426.335	14%	1%	361.418.170.927	3.648.047.504
67	NAMUGA CO.,LTD	Hàn Quốc	135.511.444.108	9.817.925.295.182	0%	15%	83.359.772.084	12.503.965.813
68	NICHIAS CORPORATION	Nhật Bản	846.504.341.361	81.687.721.889	14%	1%	61.202.569.008	702.726.398
69	NIHON PARKERIZING CO., LTD.	Nhật Bản	53.422.429.083	245.287.237.446	14%	1%	66.126.711.528	653.342.712
70	NINGBO BOWAY ALLOY MATERIAL COMPANY LIMITED	Trung Quốc	8.338.938.302.091	694.291.593.160	4%	11%	1.596.300.326.148	178.210.975.274
71	NIPPON SUISAN KAISHA LTD	Nhật Bản	36.630.659.665	495.304.349.815	6%	9%	45.039.411.482	3.839.172.895
72	NIPPON TELEGRAPH AND TELEPHONE CORPORATION	Nhật Bản	3.000.591.724.771	316.091.891.736	3%	12%	336.279.200.361	40.088.648.311
73	NISHIMATSU CONSTRUCTION CO.,LTD.	Nhật Bản	-2.189.197.069	334.743.471.572	0%	15%	14.387.564.365	2.158.134.655
74	NOVARTIS AG	Thụy Sĩ	60.694.643.176	2.249.555.573.047	6%	9%	65.510.908.222	5.680.478.100
75	NSK LTD	Nhật Bản	104.714.844.305	401.159.614.841	0%	15%	51.710.120.191	7.756.518.029
76	OBAYASHI CORPORATION	Nhật Bản	64.930.797.151	2.137.942.670.734	11%	4%	29.258.581.505	1.221.433.605
77	OJI HOLDINGS CORPORATION	Nhật Bản	4.395.802.903.076	340.803.063.068	15%	0%	102.483.057.881	347.482.498
78	Pavonine Asia Pte Ltd	Đài Loan	107.573.469.947	882.953.656.606	0%	15%	88.786.360.345	13.265.018.971
79	POLARIS INC.	Mỹ	51.413.767.680	1.024.506.325.256	11%	4%	80.769.639.359	3.350.708.162
80	QISDA CORPORATION	Đài Loan	10.999.026.892.442	247.831.150.022	0%	15%	707.580.632.315	106.137.094.847
81	RECKITT BENCKISER GROUP PLC	Anh	23.614.775.798	1.661.967.793.232	0%	15%	17.894.048.638	2.684.107.296
82	RENASAS ELECTRONICS CORPORATION	Nhật Bản	74.333.189.384	1.032.012.306.983	10%	5%	82.100.185.254	3.713.087.477
83	S P SETIA BHD	Malaysia	334.389.666.667	89.018.968.436	0%	15%	114.447.965.710	17.167.194.856
84	SAILUN GROUP CO.,LTD.	Trung Quốc	3.833.386.125.253	15.782.767.051.240	5%	10%	2.778.514.842.674	276.355.909.743
85	SAMSUNG ELECTRO-MECHANICS CO.,LTD.	Hàn Quốc	1.784.964.313.442	40.841.405.117.889	5%	10%	521.077.540.543	51.047.153.227
86	SAMSUNG ELECTRONICS CO.,LTD.	Hàn Quốc	1.599.459.398.373.530	107.807.344.263.576	6%	9%	106.076.269.592.912	9.521.881.116.680
87	SAMSUNG SDI CO.,LTD.	Hàn quốc	1.070.460.619.478	28.057.980.128.145	5%	10%	743.511.063.921	74.894.220.105
88	SANOFI	Pháp	503.407.769.834	4.977.177.710.876	12%	3%	690.296.741.497	20.169.113.191

STT	Tên tập đoàn Công ty đa quốc gia	Quốc gia	Thu nhập TB	Doanh thu TB	Thuế suất thực tế	Chênh lệch Thuế suất bổ sung	Thu nhập bổ sung	Thuế bổ sung
89	Sapporo Breweries Limited	Nhật Bản	95.953.731.816	576.019.957.251	0%	15%	113.168.281.331	16.975.242.200
90	SATO HOLDINGS CORPORATION	Nhật Bản	10.604.362.183	767.507.516.287	2%	13%	36.730.603.212	4.670.112.590
91	SATO HOLDINGS CORPORATION	Nhật Bản	10.604.362.183	767.507.516.287	2%	13%	36.730.603.212	4.670.112.590
92	SECOM CO LTD	Nhật Bản	299.943.022.620	20.520.238.979	9%	6%	16.701.635.619	992.203.037
93	SHENGERESOURCESHOLDINGCO.,LTD	Singapore	1.653.269.117.754	126.386.385.729	5%	10%	210.621.389.061	20.381.615.435
94	SHERWIN WILLIAMS COMPANY (THE)	Malaysia	96.207.000.000	1.159.549.000.000	0%	15%	54.487.280.000	8.173.092.000
95	SHISEIDO COMPANY LIMITED	Nhật Bản	2.862.987.439.281	195.212.671.334	14%	1%	56.411.998.025	514.081.631
96	SIAM CITY CEMENT PCL	Thái Lan	497.833.299.658	5.996.427.925.015	8%	7%	99.121.150.235	7.383.887.424
97	SSI Logistics, Soleado Holdings Pte Ltd	Pháp, Singapore, Việt Nam	222.881.319.861	529.324.815.875	10%	5%	184.973.014.644	8.530.523.825
98	SUMITOMO FORESTRY CO LTD	Nhật Bản	3.483.700.133.820	571.238.477.060	12%	3%	630.022.961.113	19.359.632.270
99	SUNNY OPTICAL TECHNOLOGY (GROUP) COMPANY LIMITED	Trung Quốc	244.853.947.720	537.484.785.920	0%	15%	585.046.322.871	87.260.663.136
100	TAISHO PHARMACEUTICAL HOLDINGS CO.,LTD.	Nhật Bản	5.185.357.100.000	1.023.137.519.324	14%	1%	998.908.990.875	12.877.103.736
101	TAKASHIMAYA COMPANY LIMITED	Brit. Virgin IS	1.456.285.616.747	217.711.873.303	14%	1%	248.142.284.706	1.711.317.947
102	THAI BEVERAGE PCL	Thái Lan	37.491.365.456.958	4.905.605.135.985	13%	2%	5.241.127.828.167	94.211.084.802
103	THAIFOODS GROUP PCL	Thái Lan	108.842.382.096	1.050.194.048.648	11%	4%	327.490.856	13.706.692
104	THE YOKOHAMA RUBBER COMPANY LIMITED	Nhật Bản	132.807.333.333	1.273.400.333.333	0%	15%	96.270.140.000	14.440.521.000
105	THK Co.,Ltd	Nhật bản	54.178.666.667	575.167.000.000	10%	5%	32.906.320.000	1.627.942.220
106	TOKYU CORPORATION	Nhật Bản	118.641.333.333	659.980.000.000	0%	15%	86.759.840.000	13.013.976.000
107	TOTALENERGIES SE	Pháp	2.955.639.186.945	96.844.068.952	0%	15%	39.670.208.690	5.950.531.303
108	UNI-PRESIDENT ENTERPRISES CORP.	Đài Loan	3.944.760.503.447	294.070.207.405	12%	3%	329.984.488.806	9.242.835.747
109	VESTAS WIND SYSTEMS A/S	Đan Mạch	-114.290.701.019	2.983.852.431.811	0%	15%	227.374.271.887	34.106.140.783
110	VINCI	Pháp	389.011.100.907	12.654.422.549	0%	15%	21.379.739.954	3.206.960.993
111	VIVENDI SE	Pháp	595.133.693.898	52.020.967.476	5%	10%	53.938.018.315	5.218.554.828
112	WACOAL HOLDINGS CORPORATION	Nhật Bản	8.301.878.785	1.202.856.722.293	1%	14%	4.769.180.901	686.047.523
113	WPP PLC (NEW)	Anh	3.477.309.673.332	155.282.133.583	9%	6%	122.338.685.521	7.215.884.175
114	YADEA GROUP HOLDINGS LTD	Trung Quốc	12.157.016.567	323.301.144.445	0%	15%	49.177.730.258	7.376.659.539
115	Yara International ASA	Na Uy	19.568.805.900	659.498.928.599	14%	1%	25.382.448.701	240.608.867
116	YFY INC.	Trung Quốc	3.990.163.417.684	229.915.862.305	8%	7%	83.298.826.748	5.539.204.208
117	YOUNGONE HOLDINGS CO.,LTD.	Hàn Quốc	7.800.161.814.852	1.223.724.748.889	15%	0%	1.583.367.770.047	4.157.546.980
118	YTO EXPRESS GROUP CO.,LTD.	Trung Quốc	27.752.840.325	562.119.335.219	0%	15%	29.084.321.039	4.362.648.156
119	ZHEJIANG SANHUA INTELLIGENT CONTROLS CO.,LTD	Singapore	-12.412.187.139	1.196.407.392.255	0%	15%	28.678.656.726	4.301.798.509
120	ZHEJIANG YONGJIN METAL TECHNOLOGY CO., LTD.	Trung Quốc	61.749.499.560	4.402.646.156.425	0%	15%	77.169.026.783	11.575.354.017
121	ZOTT SE & CO. KG	Đức	78.427.730.462	831.564.545.487	0%	15%	50.630.844.490	7.594.626.673
122	ZYF CONSTRUCTION GROUP CO., LTD.	Trung Quốc	-2.821.131.558	807.949.902.577	0%	15%	1.916.985.766	287.547.865
							TỔNG CỘNG	14.641.894.484.605

PHỤ LỤC VII
DANH SÁCH CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC ĐỐI TƯỢNG QUY ĐỊNH TẠI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

STT	Tên doanh nghiệp	Tên dự án	Vốn đăng ký (usd)	CNC
1	Cty TNHH SamSung Display Bắc Ninh	SAMSUNG DISPLAY VIỆT NAM	6.500.000.000	SX SP CNC
2	Công ty TNHH LG Display Việt Nam Hải Phòng	DỰ ÁN LG DISPLAY HẢI PHÒNG	4.650.000.000	SX SP CNC
3	Cty TNHH Intel Products Việt Nam	CÔNG TY TNHH INTEL PRODUCTS VIỆT NAM	4.115.000.000	SX SP CNC
4	Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên	CÔNG TY TNHH SAMSUNG ELECTRONICS VIỆT NAM THÁI NGUYÊN	5.000.000.000	DNCNC
5	Công ty TNHH Điện tử Samsung HCMC CE COMPLEX	DỰ ÁN CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ SAMSUNG HCMC CE COMPLEX	2.841.108.580	UDCNC
6	CÔNG TY TNHH SAMSUNG ELECTRO-MECHANICS VIỆT NAM	CÔNG TY TNHH SAMSUNG ELECTRO-MECHANICS VIỆT NAM	2.537.000.000	DNCNC
7	Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam	KHU TỔ HỢP CÔNG NGHỆ SAMSUNG.	2.500.000.000	DNCNC
8	Công ty TNHH LUXSHARE - ICT (VIETNAM)	LUXSHARE - ICT (VIETNAM)	600.000.000	SX SP CNC
9	Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng	DỰ ÁN LG ELECTRONICS VIỆT NAM HẢI PHÒNG	1.500.000.000	SX SP CNC
10	CÔNG TY TNHH WINTEK VIỆT NAM	CÔNG TY TNHH WINTEK VIỆT NAM	1.120.000.000	SX SP CNC
11	Công ty TNHH Sản Xuất FIRST SOLAR VIỆT NAM	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT FIRST SOLAR VIỆT NAM	1.066.000.000	DNCNC
12	Công ty TNHH LG INNOTEK Việt Nam - Hải Phòng	DỰ ÁN NHÀ MÁY LG INNOTEK HẢI PHÒNG	1.051.000.000	SX SP CNC
13	Công ty TNHH PEGATRON VIỆT NAM	PEGATRON VIỆT NAM	800.000.000	SX SP CNC
14	Công ty TNHH FULIAN	NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ CHÍNH XÁC FULIAN	621.000.000	SX SP CNC
15	Công ty TNHH HANA MICRON VINA	NHÀ MÁY SẢN XUẤT HANA MICRON VINA	591.000.000	DNCNC
16	Công ty TNHH Fukang Technology	NHÀ MÁY FUKANG TECHNOLOGY	539.000.000	SX SP CNC
17	Công ty Amkor Technology Việt Nam	NHÀ MÁY SẢN XUẤT, LẮP RÁP VÀ THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU, THIẾT BỊ BÁN DẪN	529.567.520	SX SP CNC

18	Công ty TNHH Samsung SDI Việt Nam	Nhà máy sản xuất của Samsung SDI Việt nam	160.000.000	DNCNC
19	Công ty TNHH Jabil Việt Nam	JABIL VIỆT NAM (JABIL)	300.000.000	SX SP CNC
20	CÔNG TY TNHH COMPAL (VIỆT NAM)	DỰ ÁN CÔNG TY TNHH COMPAL VIỆT NAM TẠI VĨNH PHÚC	500.000.000	SX SP CNC
21	CÔNG TY TNHH VINA SOLAR TECHNOLOGY	VINA SOLAR TECHNOLOGY	400.000.000	SX SP CNC
22	CÔNG TY TNHH FUHONG PRECISION COMPONENT (BẮC GIANG)	NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ CHÍNH XÁC FUYU	274.000.000	SX SP CNC

Ghi chú

SX SP CNC: Sản xuất sản phẩm công nghệ cao

DN CNC: Doanh nghiệp công nghệ cao

UD CNC: Doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao